NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

THẾ-GIỚI NHẤT-LÃM (1)

II.

Việc nước Nhật

Nay nói đến việc Nhật-bản, chính là vào chỗ trung-tâm cái vấn-đề đó và bày ra một cái trạng-thái mới về câu chuyện « hoàng-họa » (*le péril jaune*). Vì cái câu chuyện cũ đó, ngày nay cũng đã thay phương đổi diện rồi : trước kia theo cái lý-thuyết của khoa-học dạy rằng các dân-tộc đều khuynh-hướng tự Đông về Tây, người ta sợ rằng có ngày các giống da vàng chứa-chất ở nước Tàu 450 triệu người, nước Nhật 60 triệu người, học tập được các máy-móc khôn-khéo của Thái-Tây, rồi sẽ như cái nguồn nước thao-thao bất-tuyệt tràn khắp sang cả Âu-châu. Cứ cái tình-thế rối-loạn của nước Tàu ngày nay, mà xem ra còn loạn lâu nữa chửa yên được, thời người Tàu tuy nhiều cũng khó lòng tập-hợp lại thành sức mạnh mà thi-hành được cái mưu đó.

Nay cái tình-thế nước Nhật thời khác hẳn. Nước Nhật bây giờ đã thành hẳn là một cường-quốc đời nay rồi, đủ các khí-giới mạnh-mẽ như liệt-cường Âu-Tây. Thành ra cái « hoàng-họa » bây giờ,— tiếng « hoàng-họa » đây là dùng để chỉ sự Á-Âu xung-đột nhân vì việc Á-châu mà xảy ra, — phần nhiều là ở sự người Mĩ tham-dự vào việc Thái-bình-dương và tất phải cạnh-tranh xung-đột với người Nhật.

Vậy tôi xin cứ lấy bình-tình mà thuật qua về việc Nhật-bản đó, cho biết việc này quan-hệ đến sự hòa-bình của thế-giới thế nào, sau này có thể sinh ra sự nguy-hiểm thế nào, cái trách-nhiệm sự nguy-hiểm ấy là duyên do tự đâu, và có cách nào phòng-bị ngăn-ngừa được không.

Tôi xin nói vắn-tắt, không thể kể được cả lịch-sử nước Nhật-bản, chỉ bắt đầu tự khi nước Nhật mới tham-dự vào lịch-sử và sự sinh-hoạt của Âu-châu ta.

Khi ấy là vào khoảng năm 1850, Nhật-bản bấy giờ là một xứ tịch-mịch, cách-biệt với thế-giới, sinh-hoạt riêng một mình. Xưa kia, trong mấy mươi thế-kỷ vẫn là một giống thượng-võ, có tính can-đảm mạo-hiểm, nhưng trong hai thế-kỷ rưỡi thuộc họ Đức-xuyên (*Tokougawa*) cầm quyền cai-trị, thời như xếp gươm-đao một chỗ, yên-ổn thủ phận, không muốn đi lại với ngoài. Dân chuyên nghề canh-nông, không có công-nghệ to-tát, chỉ có cái lối «gia-đình kỹ-nghệ», tinh-tế mĩ-xảo, đã truyền lại đời nay được lắm kiểu mĩ-thuật tốt-đẹp ; đất nước không rộng mà người dân đủ

(1) Bài diễn-thuyết của ông ALBERT SARRAUT ở trường Đại-học *Les Annales*. — Tiếp theo kỳ trước. N.-P. số 93.

ăn ở ung-dung, vì sinh-sản có nhiều, nhưng chết hại về dịch-tệ cũng nhiều, nhất là trong bọn con trẻ, chết tới 50% (50 phần trăm), ấy là cái số chết thường ở các dân chưa khai-thông không biết những cách vệ-sinh trị-bệnh của Thái-Tây.

Kịp đến năm 1853, bấy giờ các cửa bể Nhật-bản còn đương êm-đềm yên-lặng như không, chỉ có mấy chiếc thuyền buồm phấp-phới, với mấy chiếc tàu buôn Hòa-lan Chính-phủ đặc-cách cho vào buôn-bán, chợt thấy xuất-hiện ra những chiến-hạm lù-lù, ngồn-ngang kéo lại như một đám kềnh-nghê phun khói. Đó là một hạm-đội ngoại-quốc, hạm-đội của thủy-tướng PERRY nước Mĩ, đến bách nước Nhật phải mở cửa-ngõ cho liệt-cường vào giao-thông. Nhật yếu thế, phải chịu. Trước chịu người Mĩ, rồi kế đến người Nga, người Anh cũng đến yêu-cầu như thế, cũng phải chịu. Thấy các nước Âu-châu thế-lực mạnh, có cách đàn-áp không thể chống lại được, đành phải chịu cả. Nhưng chịu là chịu vậy kẻo mà, chứ cái bổn-tính người Nhật khẳng-khái, xưa nay vẫn thờ đạo võ-sĩ (*bushido*), lấy điều danh-dự làm trọng, không có cam-tâm chịu nhục bao giờ. Tạm-thời phải cúi đầu bó tay, nhưng để rồi ngửng mặt ngạo đời có khi. Biết rằng vận-mệnh ở trong tay mình, nếu không tự mình rèn lấy khí-giới để giữ quyền độc-lập, thì đến phải cái kiếp làm dân nô-lệ mất. Bấy giờ nhờ có một bậc thánh-quân có anh-tài duệ-trí là vua Minh-trị-thiên-hoàng, phục lại chính-quyền ở tay họ Đức-xuyên đã có tội để nhục cho nước với ngoại-quốc như thế, nước Nhật nhất-đán cải-cách duy-tân, biến thành một nước mới. Cố học lấy cái bí-thuật phú-cường của người Âu-Tây, lấy các khoa-học và nghề dụng-binh, để giữ lấy nước nhà cho hoàn-toàn yên-ổn. Vốn là một nông-quốc, quyết chí theo về đường công-nghệ. Đặt ra xưởng máy, xưởng thợ, nhà chế-tạo, sở làm tàu. Tổ-chức hải-quân lục-quân để tự phòng-bị. Muốn cho đủ kinh phí về việc quốc-phòng như thế, thời phải khuếch-trương thương-nghiệp công-nghệ trong nước để tăng số thu-nhập cho công khố. Người Nhật gia-công cố sức, hăng-hái nhiệt-thành, chấn-loát việc công-thương, ngày nay khắp trong nước đâu đâu cũng có máy-móc chạy ầm-ầm ở ngay những chỗ xưa kia chỉ có đồng ruộng tịch-mịch. Sự biến-cách cấp-tốc đó không phải không sinh ra lắm mối nguy-hiểm khó-khăn. Dân trước chỉ chuyên nghề làm ruộng, yên-ổn thuần-phác, nay có đại-công-nghệ sinh ra một hạng thợ-thuyền lao-động, lo-lắng, khổ-sở, uất-ức, bất-bình, dễ để tai nghe những kẻ truyền-bá các chủ-nghĩa cách-mệnh. Thành ra nước Nhật-bản cũng phải cam-tâm nhẫn-nhục mà theo cái cách sinh-hoạt náo-nhiệt của các dân-tộc đời nay, phải gây lấy một cái võ-trang rất mạnh để ra mà xông-pha trong trường tranh-cạnh, lại phải kiệt-lực làm ăn để lấy tiền mà tu-bổ cái võ-trang ấy cho càng ngày càng mạnh, ngõ-hầu đủ sức chống lại với các cường-địch quanh mình.

Giống da trắng đã gây ra cái hoàng-họa

Như thế thì ra bởi giống da trắng có cái dục-vọng xâm-lấn cõi Á-Đông, nên tự mình lại gây cho mình một kẻ địch mới-mẻ mạnh-mẽ, không thể coi thường. Không những thế mà thôi, sự nguy-hiểm chính ở cái nguyên-nhân sau này. Nước Nhật tuy phải theo phong-trào mới mà lao-động cạnh-tranh như các dân-tộc khai-thông ngày nay, nhưng cũng lại được hưởng cái văn-minh của Thái-Tây truyền-bá cho những phép vệ-sinh trị-bệnh, nhờ đó mà số trẻ con chết vì tật-dịch giảm ngay từ 50 đến 20 %. Từ đấy dân-số Nhật-

bản mỗi ngày một tăng-tiến lên rất mau. Năm 1870, có 30 triệu người, năm 1914 lên đến 60 triệu. Hiện nay mỗi năm số đẻ nhiều hơn số chết là 80 vạn người. Nhân đó gây ra cho người Nhật một cái nguy-hiểm rất lớn là cái họa « nhân-mãn », người nhiều quá không đủ đất mà dung được, tất phải di-dân sang các nước lân-giềng, nhưng đi đến đâu người ta cũng không nhận cả, mà không thể không đi được, thế mới rầy ! Không có lẽ Thái-Tây đã dạy cho biết cách vệ-sinh để bảo-tồn lấy người dân, nay lại khuyên cách tuyệt-diệt từ khi mới đẻ để cho giảm bớt số người đi hay sao ?

Ấy cái « hoàng-họa » (*le péril jaune*) chân-chính là đó, mà cái họa ấy là chính giống da trắng đã gây ra.

Ngoài cái vấn-đề « nhân-mãn » đó kể đã khốn-nạn thay, lại còn thêm cho người Nhật một cái vấn-đề danh-dự nữa, cũng là khó giải lắm. Liệt-cường không muốn đãi người Nhật được bằng-đẳng như các nước Thái-Tây. Khi họp Hội Nghị-hòa ở *Versailles*, nước Nhật có làm đơn thỉnh cầu với Vạn-quốc công-nhận cái thuyết « dân-tộc bình-đẳng, » trừ có nước Pháp, còn các bạn đồng-minh cũ của Nhật trong khi chiến-tranh đều bác đi cả. Cái nguy dân-mãn, cái nguy quốc-thể đó, là hai mối bất-bình rất sâu của người Nhật. Lại mới rồi đây — điều này sẽ nói tường về sau, — nước Mĩ quyết-nghị một cái luật-án về vấn-đề di-dân, phá cái « thân-thiện hiệp-ước » (*gentlemen's agreement*) của hai nước năm 1908, làm cho Nhật lại còn bất-bình thêm hơn nữa. Gia-chi-dĩ, bạn đồng-minh cũ của Nhật là Anh, vì các thuộc-địa tự-trị ở Thái-bình-dương vốn không ưa Nhật cũng bởi một lẽ di-dân như người Mĩ, hết sức thúc-giục Mẫu-quốc, nên ở Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn hiệp-lực với Mĩ để bách Nhật phải giảm hải-quân, rồi giải-tán điều-ước đồng-minh với Nhật.

Thành ra nước Nhật bây giờ đứng một mình. Đứng một mình, nhưng được tự-do ! Được tự-do không phải bó-buộc với ai về đường võ bị, về đường chính-trị, được tự-do tùy-ý muốn chủ-trương xướng-suất một cái đoàn-thể Á-châu để đối lại cái đoàn-thể Âu-châu, đó là cái mưu mà ông nguyên-thủ-tướng Lloyd George nước Anh trước vẫn sợ, muốn lấy cái ước đồng-minh với Nhật để ngăn-ngừa.

Nước Nhật và Đế-quốc-chủ-nghĩa nước Anh

Nước Nhật có thi-hành cái mưu ấy hay là không ? Đó là sự bí-mật của nước ấy, của các nhà chính-trị nước ấy, dẫu không phải sự bí-mật ngày nay thời cũng là sự bí-mật ngày mai. Chắc trước khi quyết-định, nước Nhật phải dò xét kỹ xem cách xử-trí của tòa Nội-các bảo-thủ nước Anh đối với việc ngoại-giao thế nào, thứ nhất là đối với các việc Thái-bình-dương thế nào.

Chính-sách ngoại-giao của Anh ngày nay chịu ảnh-hưởng các thuộc-địa tự-trị (*dominions*) của nước ấy nhiều lắm. Từ khi chiến-tranh, và thứ nhất là từ năm 1921, có thể nói rằng cái chính-sách ngoại-giao của Anh là thuộc quyền giám đốc của các « đế-quốc-hội-nghị » (*conférences impériales*), trong hội-nghị này thì Mẫu-quốc với thuộc-địa là bình-đẳng với nhau. Lời phi-lộ của đảng bảo-thủ trong cuộc bầu-cử mới rồi đã nói rõ cái ý của đảng này lên cầm quyền chính-phủ thời nhất-thiết việc ngoại-giao là vụ lấy đồng-tình đồng-ý với các *dominions*. Cái đoàn-thể đế-quốc bây giờ lại tổ-chức theo cái quan-niệm cũ của các tay chính-trị xưa như Disraeli, Randolph, Churchill, Joê Chamberlain lấy sự liên-lạc về kinh-tế, chính-trị, quân-bị trong đế-quốc làm gốc. Nay trong cái chương-trình ngoại-giao đó, các *dominions* không có hề chú-ý đến việc Âu-châu mấy tí, gọi

Âu-châu là cái « cõi Tây-phương già-cỗi », không quan-hệ gì. Việc quan-hệ đệ-nhất là việc Á-châu, việc Thái-bình-dương. Cái trung-tâm-điểm của chính-sách đế-quốc Anh là ở đó. Mẫu-quốc phải chuyên-tâm chú-lực vào đó. Thủ-tướng các *dominions*, từ Nam-Phi-châu đến Úc-châu, đã từng công-nhiên tuyên-bố như thế, không hề hủy-kỵ gì. Mới rồi ở *Genève* họp 54 nước, kể cả nước Anh, thảo-định một cái hiệp-ước bảo-hòa, các *dominions* đã thấy công-kích cái hiệp ước ấy, vì trong ước có thừa-nhận một khoản cải-chính của nước Nhật, và có ý buộc nước Anh phải đem quân-lực can-thiệp đến các việc phân-tranh của Âu-châu. Mà cái bản-tâm của *dominions* thời là muốn cho nước Anh được tự-do không phải bận-bịu gì về mặt Tây, để lâm-thời có thể tức-khắc đem cả hải-quân sang mặt Đông mà phòng-ngữ cho đế-quốc, cho Ấn-độ, cho các thuộc-địa Thái-bình-dương. Ngay sau khi đảng bảo-thủ được thắng, các *dominions* và thứ nhất là Úc-châu đã thấy yêu-cầu với Chính-phủ Luân-đôn nên tiếp-tục thi-hành cái dự-án đặt quân-cảng Tân-gia-ba ở Ấn-độ-dương để vừa phòng-bị cho Ấn-độ, vừa phòng-bị cho các thuộc-địa Thái-bình-dương, để làm một chỗ hải-quân-căn-cứ gần ngay nơi lợi-quyền trọng-yếu của mình, lâm-thời có thể đem cả các hạm-đội đến đóng đấy được, vì nay hải-quân Đức đã bị diệt, Anh cũng không cần phải giữ tàu chiến của mình ở Bắc-hải nữa.

Nhưng mà cớ sao phải phòng-bị cẩn-thận như thế? Đế-quốc Anh ở Á-Đông phải lo về sự nguy-hiểm gì mà các *Dominions* đến khẩn-khoản đòi đặt quân-cảng như thế? Sự nguy-hiểm ấy chắc không phải ở nước Pháp, là một nước không có được ba chiếc tàu chiến ở Á-châu. Không phải ở nước Đức, ngày nay không còn hải-quân gì ở đấy nữa. Không phải ở nước Mĩ, vì Anh đã hứa với Mĩ lâm-thời sẽ cho mượn quân-cảng Tân-gia-ba. Như thế thời là nước nào đó, không cần phải nói các ngài cũng biết...

Giữa lúc nước Mĩ cùng với nước Anh đồng lòng nhau phản-đối Nhật, giữa lúc các dân-tộc thuộc về giòng Anh ở các quần-đảo và hai bờ bể Thái-bình hiệp-lực nhau để thi-hành cái chính-sách bế-quan đối với người Nhật, giữa lúc nhất-diện thời Anh đặt quân-cảng ở Tân-gia-ba, nhất-diện thời Mĩ sửa quân-cảng ở đảo *Hawai*, Nhật thấy tứ phía người ta muốn vây bọc mình cả như thế, bèn mật-thương để kết-liên với Nga là một nước cũng bị Anh Mĩ ngờ ghét như mình, điều đó kẻ quan-sát há còn phải lấy làm lạ dư?

Thuật ngoại-giao vẫn có cách cắt nghĩa sự đó là một sự tình-cờ, nhất là lại sẵn có cái cớ thông-thương để dễ cho sự bí-mật trong khi thương-thuyết. Nhưng các chính-phủ phải biết trông xa, dẫu sự ngẫu-nhiên cũng phải nên chú-ý, để mà cứu-xét cho đến nơi, thương-lường cho hết lẽ, hoặc có cái nguy xẩy ra sự xung-đột gì thời cũng kịp nghĩ đến cách dự-phòng cho tránh khỏi.

Cái chiến-họa ở Thái-bình-dương thế nào

Cái chiến-họa ở Thái-bình-dương có tất-nhiên đến xẩy ra không? Tôi xin nói hết cái ý-kiến riêng của tôi về vấn-đề đó, tự-do phân-trần, tự-do phán-đoán, vì nay tôi không có quan-hệ gì về chính-giới nữa, có thể nghĩ sao nói vậy, lời nói tôi chỉ quan-hệ một mình tôi mà thôi.

Cái quan-niệm rất hệ-trọng về sự chiến-họa có thể xẩy ra ở Thái-bình-dương là một cái quan-niệm người đời ít hay ngẫm-nghĩ đến, chỉ là bởi cái chủ-nghĩa « duy-ngã độc-tôn » (*égo-Centrisme*) nó làm cho người Âu-châu không biết để bụng để mắt mà quan-

sát đến việc thế-giới mà chỉ khu-khu ở trong vòng cõi Âu-châu của mình mà thôi. Tôi xin nói thực là tôi lấy làm lạ-lùng quá thấy rằng không mấy người hiểu vì bây giờ xảy ra sự binh-đao nước Nhật với các nước giống trắng, nhất là lại vì cơ-hội mà nước Nhật được như cái địa-vị làm lĩnh-tụ người các sắc để phản-đối cái bá quyền của Âu-Mĩ, thời cái đó sẽ thành một cuộc lớn-lao là dường nào. Phần nhiều người nghị-luận đến việc này, ở ngay những nước lâm-thời có thể trực-tiếp quan-hệ đến việc chiến-tranh cũng vậy, thường cho rằng nếu có chiến-tranh thời chỉ khu trong cõi Á-Đông mà thôi, và dẫu chiến-cục có diên-man ra nữa cũng là một cuộc « đánh nhau mòn » (*guerre d'usure*), kết-cục tất Nhật phải thua, vì Nhật về đường tài-chính, về số dân-binh, về cách tổ-chức công-nghệ không sao bằng Mĩ được. Không mấy người ngờ rằng cuộc chiến-tranh này, nhất là nếu nước Nhật lại ra mặt làm lĩnh-tụ người các sắc, như trên kia đã nói, sẽ thành một cái chiến-họa lớn nhất trong lịch-sử vậy. Ông HOVELAQUE trong sách nói về nước Nhật-bản đã dự-đoán như thế, tưởng cũng đúng lắm. Ông nói rằng vấn-đề này không phải chỉ quan-hệ đến từng địa-phương như đất *Californie* hay đất *Australie*, cũng không phải chỉ quan-hệ đến từng nước, như nước Nhật hay nước Mĩ, thật là quan-hệ đến cả thế-giới. Cái chiến-họa sau này lại ba-cập đến cả các thổ-dân ở Á-châu và Phi-châu hiện nay đã thấy nác-động, và ba-cập đến cả các cường-quốc có quyền giám-đốc những thổ-dân ấy. Phải, ông HOVELAQUE nói rằng sự chiến-tranh này sẽ quan-hệ đến cả thế-giới là phải lắm, và việc đã xảy ra thì không còn nước nào có thể giữ được trung-lập hoàn-toàn nữa, ngay như cuộc chiến-tranh mới rồi, vì quyền-lợi liên-đái, cũng không mấy nước là đứng hẳn trung-lập được rồi.

Dần-dần dà-dà, nước này sang nước khác, rồi đám cháy lan ra khắp cả, không thể khu ở một nơi nào được, càng lâu lại càng truyền rộng ra, mà cái kỳ-hạn lâu thì có thể chắc rồi, không còn ngờ nữa. Vì ta dẫu là người Âu-châu, ta cũng chớ tưởng rằng nước Nhật có thể dễ đánh thua được đâu. Trước tôi cũng tưởng lầm như thế, nhưng tôi có xem qua một quyển sách xuất-bản ở Nữu-ước đã hai năm nay, chịu khó dịch ra từ đầu đến cuối, tôi mới hiểu rõ, ai tưởng lầm như tôi, tôi xin giới-thiệu sách ấy. Sách đề là « Vấn-đề Thái-bình-dương về thế-kỷ 20 », tác-giả là hai vị tướng của Chính-phủ Nga-hoàng cũ, sành việc Á-Đông lắm : lục-tướng GOLOVIN và hải-tướng BUBNOV. Trong sách ấy thứ nhất là nghiên-cứu rất tường-tận về các phương-lược chiến-tranh trên bể với nước Nhật thế nào. Trong ngót một nửa thế-kỷ nay, nước Nhật đã dự-bị sự chiến-tranh ấy một cách gớm-ghê lắm ; các nơi ách-yếu trong quần-đảo của mình và trong ba bể tiếp giáp các bể (bể *Okhotsk*, bể Nhật và Hoàng-hải) đã đặt thế thủ rất hiểm, tưởng không quân nào ở ngoài xâm-phạm được. Cho nên đánh với Nhật chỉ có cách vây là công-hiệu, vì rằng Nhật lúc bình-thời những đồ lương-thực, đồ vật-liệu cho công-nghệ còn phải thâu-nhập của ngoài, huống khi chiến-tranh thì sự nhu-dụng lại còn nhiều hơn nữa. Nếu bị đứt đường giao-thông, thứ nhất là với cõi đất liền ở đối-diện mình là Tàu và Nga, thời chẳng bao lâu sẽ phải thúc-giáp mà hàng. Nhưng điều đó, Nhật-bản cũng thừa biết đi rồi. Đã biết thời có lẽ nào lại không nghĩ cách lợi-dụng cái cõi đất ở đối-diện kia ? Ngay từ năm 1904, hồi đánh nhau với Nga, cũng đã từng biết lợi dụng rồi, mới chở được sang đấy một triệu rưỡi quân mau như thế. Từ năm 1904, sự giao-thiệp Nhật Nga đã thay đổi đi nhiều lắm. Mới rồi có người đã cáo ra cái mật-ước

của Nhật ký với Chính-phủ Nga năm 1916. Hiện nay hai Chính-phủ Nhật Nga đương thương-thuyết với nhau, ai cũng đã biết, và ai cũng biết rằng ý người Nhật đương muốn kết-liên với đảng Sô-viết ; năm ngoái đây Chính-phủ Sô viết đã sai một viên đặc-phái là Joffe sang Đông-kinh để hội-thương với ngoại-tướng Nhật là Nam-tước Goto. Nga với Nhật hai nước hiện nay đối với Mĩ cũng có một mối hiềm chung. Có lẽ nào Nga lại không thừa-cơ lợi-dụng cái bụng đó ở người Nhật? Nga đã hết sức làm cho Nhật thân với Tàu, hiện nay Nhật ở Tàu lợi-quyền cũng lắm và kẻ đồng-tình ở trong các đảng cũng nhiều. Nga mới rồi vừa ký ước tục-giao với Tàu, chắc là khéo vì Nhật mà lợi-dụng cái lòng người Tàu ngày nay đã quên cái mưu xâm-lược của Nhật năm 1915 và lấy cái luật bài-xích người Nhật của nước Mĩ là một cái nhục chung cho cả giống da vàng.

Như thế thời có thể dự-đoán rằng Nhật sẽ kết-liên với Nga và Tàu để giữ lấy cái đường thủ-dụng vật-liệu ở mặt đất liền, khiến cho không phải lo lắm về nỗi chiến-tranh với đảng Anh Mĩ; lời dự-đoán đó tưởng cũng không phải là vô lý vậy. Nay lại dự-đoán cho đến cùng nữa, thời theo như ý-kiến của hai nhà làm sách vừa nói trên kia, Nga với Nhật hiệp-lực nhau để chống với Mĩ, sợ rằng Anh, Pháp và Mĩ vì lẽ lợi-quyền và chủng-tộc liên-đái cũng kết-liên nhau ở Thái-bình-dương để đối lại chăng, có lẽ tìm cách gây sự ở mặt Âu, đem quân Nga hay quân Đức đánh nước Ba-lan (*Pologne*), khiến cho lục-quân hải-quân của Anh Pháp phải bận ở mặt Âu-châu không thể đem sang Thái-bình dương để cứu-viện cho quân Mĩ hay phòng-thủ cho thuộc-địa mình; điều đó cũng không phải là vô-lý.

Làm thế nào ngăn được cái nguy-cơ đó ?

Những lời dự-đoán như trên đó, tuy là mới-mẻ lạ-lùng thật, nhưng cũng không phải là không có cớ, và không phải hẳn là ở ngoài vòng sự-thực. Những người có trách cầm quyền chính-trị trong thiên-hạ nên phải để tâm suy-nghĩ về đó Ngay tự giờ cũng phải nên tưởng-tượng mà biết rằng nếu xảy ra sự chiến-tranh ghê-gớm đó, — dẫu nơi chiến-trường không phải là ở cõi Âu-châu nữa, mà hai nửa nhân-loại ra xung-đột với nhau, tất tai-hại cho thế-giới, tai-hại cho cuộc văn-minh biết thế nào! Cái nguy-cơ đó, đã có người từng biết trước, đã có người từng báo trước lâu rồi. Tôi còn nhớ mười-hai năm trước ông Paul Doumer, nguyên làm Toàn-quyền thuộc-địa Đông-Pháp, sau việc Quyền-phỉ ở Tàu, diễn-thuyết cho học-trò trường chính-trị đã có nói rằng :

« Việc này mới là mở màn trên sân khấu đó mà thôi. Còn cái kịch lớn-lao thì sắp tới nay mai. Các thầy sinh-viên được hơn chúng tôi là tuổi còn trẻ, sau này chắc sẽ được mục-kích lắm sự ghê-gớm. Phải biết tính trước và dự sẵn mới được. »

Về phần tôi thời tôi xin nói rằng : phải biết tính trước và tận-nhân-lực làm thế nào cho ngăn-ngừa được, phải làm thế nào tránh cho nhân-loại, cho văn-minh, cho chúng ta đây khỏi cái nguy-hiểm rất tai-hại đó. Phải làm thế nào cho bể Thái-bình giữ trọn được tên Thái-bình. Phải cố công cùng sức, lập kế tìm phương thế nào cho loài người ta thoát được cái thiên-tai đó, không thời cả cái hậu-vận, cả sự hi-vọng của loài người đến tiêu-trầm tiệt-diệt hết.

Nhưng mà làm thế nào được ? Và có thể nào làm được không ? Dùng mưu gì, kế gì, phương gì, cách gì, khiến cho những dân-tộc các sắc kia đừng giở

giáo mà đánh lại Tây-phương là ân-sư của mình vì đã đem những văn-minh học-thuật sáng-sủa tốt-đẹp mà dạy bảo truyền-bá cho?

Cách phòng-bị, cách bảo-thủ ở đâu bây giờ? Có phải ở cái kế các nước Âu-châu nên kết-liên nhau lại mà đặt thành cuộc liên-bang không? Kế ấy kể cũng diệu, và phải cần trước nhất, nhưng mà một kế ấy chưa đủ, vì cái công-hiệu nó chỉ tạm-thời mà thôi. Nếu người Âu-Tây mà biết đồng-tâm hiệp-lực nhau ở Âu-châu, gây lấy một mối hiệp-ước bền-chặt như hồi chiến-tranh vừa rồi, thu-thập và củ-tập cả các chi-phái rời-rạc trong cái họ da trắng to-tát kia để làm một cái đoàn-thể vững-vàng mà đối lại với mọi sự vận-động phản-đối của các giống Á-châu, thời đối với cái chiến-họa nó manh-nha ra ở cõi Thái-bình-dương kia, chúng ta cũng có thể bình-tâm mà vững dạ được. Song, cốt nhất là phải một điều: là cái kế đó chẳng qua cũng là một kế đối-phó tạm-thời mà thôi, một cách dự-phòng cho cái chiến-họa nó chậm lại, chứ không làm cho nó tiệt hẳn đi được; kế đó phải tiêu-biểu cho một mối đồng-tâm không phải chỉ là chủ hiệp-lực để giữ lấy cái bá-quyền của giống da trắng mà thôi, mà lại phải hiệp-lực để sửa cả cái tâm-tính của người da trắng nữa, trong khi bành-trướng ra các nơi khác trong thế-giới phải biết lấy cái lòng công-nghĩa cao-thượng, lấy sự lợi-ích liên-đái của cả toàn-thể loài người làm tiêu-chuẩn cho sự hành-vi của mình, nhiên-hậu mới mong điều-hòa được các mối xung-đột như bây giờ.

Điều đó có nên thí-nghiệm, có thể thực-hành được không? Và những mối tư-tưởng, mối lợi-quyền sắp ra xung đột nhau ở trên cái chiến-trường bể Thái-bình kia, có quả là trái ngược nhau đến nỗi không thể đem ra bình-tâm mà thương-lường quan-sát để điều-đình cho được ổn-thỏa cả hai bên hay sao?

Tôi không có cái cảm-tưởng rằng sự-thế tất đến nỗi như thế, dù hiện nay cái thái-độ và cái lý-thuyết của hai bên vẫn khăng-khăng không chịu nhường nhau chút nào mặc lòng.

Cuộc thảo-luận Nhật-Mĩ

Như trong việc phân-tranh riêng nước Nhật với nước Mĩ về vấn-đề di-dân Nhật sang Mĩ, tôi xét ra việc thuộc về hình-thức nhiều hơn là về thực-sự; đó cũng là một cái cớ hi-vọng rằng có thể điều-đình được. Tôi xin cứ thực-tình mà phân-giải ra sau đây, cốt cho khỏi làm mếch lòng các bạn Mĩ-châu ta xưa nay vẫn có tính khảng-khái không muốn để cho người ngoài can-thiệp đến việc nội-chính của mình.

Bất-luận rằng việc tuy gọi là việc « nội chính », nhưng có thể gây ra cái họa chung cho cả thế-giới thời những người mà cái họa ấy có thể ba-cập tới được, tưởng cũng có quyền nghị-luận đến; nay chỉ xét về cái lý-thuyết chung của nước Mĩ trong cuộc thảo-luận với Nhật này, thời thuyết ấy cũng không phải là không có lẽ cố-nhiên chánh-đáng. Nước Mĩ không muốn để cho dân ngoài tràn vào nước mình, thứ nhất là dân Nhật. Đó là cái quyền của nước Mĩ, và nước Mĩ thi-hành cái quyền ấy cũng có nhiều lẽ đích-đáng lắm. Trong địa-hạt Mĩ đã có 110 triệu người ở rồi, thế mà đất Úc-châu ở miền Nam-dương kia cũng rộng bằng Mĩ, chỉ có 6 triệu người ở thôi, mà cũng khu-khu đóng cửa không cho di-dân ở ngoài vào. Người Mĩ lại phải giữ lợi-quyền cho bọn thợ-thuyền trong nước, sợ người ngoài vào nhiều quá thành ra cạnh-tranh hại cho bọn đó. Vả lại, về đông-bộ nước Mĩ, người Mĩ cũng đã phải cái vấn-đề người da đen lấy làm khó xử lắm rồi; về tây-bộ không muốn lại đeo lấy một cái vấn-đề người da vàng nữa, để thêm chuyện lôi-thôi về chính-trị, về xã-hội. Các lẽ đó, tưởng

cũng đã thừa đủ rồi, không cần phải viện đến cái quan-niệm về chủng-tộc, nói rằng cần phải bảo-tồn cho chủng-tộc thuần-túy, cái quan-niệm này mà đem đến cực-đoan thời thành ra một sự thiên-kiến không công-bằng. Nói tóm lại thì người Mĩ không muốn cho người da vàng tràn sang đất nước mình.

Nhưng mà người Nhật-bản có muốn tràn sang nước Mĩ đâu! Về khoản đó, người Nhật với người Mĩ điều-đình với nhau thỏa-thuận đã lâu rồi. Điều-ước ấy ký năm 1908, gọi là «thân-thiện hiệp-ước» (*gentlemen' sagreement*), theo đó thời người Nhật cứ lý được quyền di-dân sang Mĩ, nhưng cứ thực không được thi-hành quyền ấy hoàn-toàn. Cách điều đình kể cũng đã khéo thay, trong mười-sáu năm hai bên cứ theo đó mà xử-trí được hòa-thuận êm-thấm cả. Một bên thì được thỏa về thực-sự, một bên thì được thỏa về danh-giá, thế cũng là êm lắm. Vả cứ thực ra, ở suốt nước Mĩ không được mười vạn người Nhật. Như thế thì không phải là giống vàng có thể tràn ngập nước Mĩ được.

Các nhà chính-trị Mĩ, các nhà chính-trị Nhật đã cùng nhau lấy lẽ phải chăng, lấy lòng hòa-hợp mà đinh-định nên cái ước thỏa-thuận đó. Bỗng một cái, cái ước ấy bị phá đổ, chỉ vì bọn đại-biểu đất *Californie* ở Nghị-viện Hoa-thịnh-đốn khăng-khăng không chịu, làm cho cả Nghị-viện cũng theo. Thật là một cách vận-động vụng-về, mà làm mất lòng người ta vô-ích. Cũng phải biết cho nước Mĩ rằng sự vận-động ấy không phải dung-dị mà thành, cũng từng bị kháng-nghị nhiều lắm. Các nhà báo lớn đều phản đối cái cách bài-trừ người Nhật quá-bạo như thế. Hội-nghị các Hội Thương-nghiệp Mĩ cũng tỏ một thái-độ như thế. Ngoài chốn nghị-trường náo-động, ông ngoại-tướng HUGHES, ông Tổng-thống COOLIDGE đã từng đem hết sức hùng-biện mà cao-thanh tệt-hô để cảnh-cáo cho Nghị-viện biết rằng cứ khăng-khăng quyết-nghị như thế thì không khỏi làm mất cảm-tình một nước bạn vừa mới tỏ lòng hòa-bình ở Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn mới rồi; hai ngài nói cũng đã thẳng và cũng đã bạo, mà Nghị-viện không chịu nghe. Kịp đến sau, Tổng-thống COOLIDGE, — ngài vừa mới được quốc-dân tái-bầu, thật là cả thế-giới biểu-đồng-tình, — phải chuẩn-y cái luật-án của Nghị-viện thời ngài có phê vào đấy để tỏ lòng ân-hận rằng luật này có thể làm cho nước Nhật mất lòng.

Một bên thời một nước các kẻ thượng-lưu, các bậc cầm quyền đều có cái tư tưởng và cái thái-độ thận-trọng như thế, một bên thời một nước bị người ta đặt luật bài-trừ như thế, hai bên có phải đến vĩnh-viễn phản-đối nhau mà không thể nào điều-đình với nhau được không? Ý riêng tôi tưởng không đến như thế. Ở nước Nhật cũng thế, ở nước Mĩ cũng thế, những người có trách cầm quyền không ai muốn cho hai nước đến xung-đột nhau. Biết rằng sự xung-đột ấy sẽ gớm-ghê tai-hại là đường nào, tất hết sức ngăn-ngừa cho khỏi xảy ra, nhưng cũng không chắc được, vì lắm khi có những cái sóng đây nó tự trong dân-gian nổi lên, có cái sức mạnh lôi cuốn hết cả, những người đứng mũi chịu sào biết con đường chính phải đi, bấy giờ cũng đến phải theo sóng mà trôi đi. Các nhà chính-trị Nhật không bị cái mộng-tưởng Đại-Á-tế-á của mấy kẻ mơ cuồng xướng lên cho nước Nhật nó mờ-ám, thời cũng hiểu rằng các nhà chính-trị Mĩ không thể không chủ-trì cho cái phương-diện của nước Mĩ, mà các nhà chính-trị Mĩ cũng không thể không hiểu rằng cái tình-cảnh nước Nhật gian-nan là đường nào, vì giống trắng gây nên cái tình-cảnh ấy nên mới yêu-cầu với các nước chỗ nào còn có thừa đất, — mà những chỗ ấy còn nhiều, chứ có phải không đâu, — nên ở thu lại một chút để cho các anh em cùng loài người được chốn dung-thân, kẻo tội-nghiệp!

Nước Pháp đối với các anh em các sắc

Tôi vừa nói : các anh em. Thật thế, người ta đối với ta tức là những anh em thuộc về các sắc. Cái tiếng « anh em » đó, người Anh Mĩ không hứng nghe, nhưng đã cùng thuộc về loài người, thời dù theo lời Thiên-chúa dạy hay dù theo lẽ lương-tâm bảo, cũng phải cho cái tiếng gọi đó là một cái chân-lý thiên-cổ vậy. Mà cái tiếng đó ở miệng người Pháp gọi ra lại là hợp-nghĩa lắm, vì người Pháp không giống người Anh Mĩ, không có cái thói khinh kẻ khác sắc mình. Không những ngày nay không có cái thói đó, mà xưa kia cũng không bao giờ có. Trong lịch-sử nước ta, đạo Cơ-đốc cùng với nghĩa cộng-hòa đều không dung cái lý-thuyết cho những giống người khác sắc với mình là những giống kém hèn, không đáng liệt bằng-đẳng với mình. Nước ta vừa là nước ông thánh VINCENT DE PAUL, lại vừa là nước đã xướng ra lời « Tuyên-ngôn về nhân-quyền », cho nên cùng một lòng nhân-đạo đã khiến cho vua LOUIS thứ 14 gọi người thổ-dân Ấn-độ ở *Canada* là « các con ta », và khiến cho chính-phủ đời Cách-mệnh giải-phóng cho những Hắc-nô ở Phi-châu.

Cái chính-sách của nước Pháp ta đối với các dân thuộc-địa, tuy cũng biết tùy-nghi châm-chước, biết rằng có dân đã qua lâu đời dã-man hắc-ám, còn thuộc vào trình-độ bán-khai, không thể nhất-dân liệt bằng-đẳng với ta được, nhưng cũng biết tôn-trọng các dân đã từng có văn-minh rực-rỡ thủa trước, và không hề bao giờ quên cái phẩm vị tôn-nghiêm của loài người, dù đối với những dân-tộc hãy còn mập-mờ chưa hiểu rõ cái phẩm-vị đó mặc lòng, vì ngày nay họ còn mơ-màng mà rồi mỗi ngày họ một tỏ-rạng thêm ra. Ấy chính là bởi đó mà những dân các sắc thuộc quyền bảo-hộ của ta đối với ta một lòng trung-thành như thế. Một người Anh có danh-giá là LORD NORTHCLIFFE đã từng du-lịch ở Ma-lặc-kha và ở Đông-Pháp, nghiệm thấy sự trung-thành của người bản-xứ đó, đã phải tỏ lòng cảm-phục cái cách khai-hóa của nước ta. Ông này chắc là không có nỗi lòng nào trách ta là thi-hành cái « đế-quốc chủ nghĩa », như nhiều người đồng-bang của ông, họ hay buộc cho ta cái tiếng ấy chỉ vì ta muốn đòi những bồi-khoản mà ta có quyền được đòi, và muốn tìm cách phòng-bị để khỏi xảy ra những cuộc binh-đao như mới rồi, vừa tai-hại cho ta mà vừa nhiễu-loạn cả thế-giới.

Sự hiệp-lực Pháp-Anh

Ngày nay há chẳng phải là lúc nên hiệp-lực cùng nhau để tìm cách phòng-bị lẫn cho nhau, ngõ-hầu giữ cho cuộc hòa-bình trong thiên-hạ được lâu-dài bền-chặt dư? Có hai nước lớn là cần phải hòa-hiệp với nhau hơn nhất, để giữ cho Âu-châu, và nhân Âu-châu giữ cho cả thế-giới được hòa-bình, là nước Pháp và nước Anh, thời trong khi hai bên cùng nhau hội-nghị, há lại không nên đem những vấn-đề lớn-lao quan-hệ đến vận-mệnh cả toàn-cầu đó mà bàn-bạc cứu-xét dư? Sao lại cứ để cho ngờ vực ngộ-nhận nhau mãi, cho rằng cả cuộc hòa-bình là chỉ ở cái thế quân-bình một Âu-châu mà muốn giữ lấy cái thế quân-bình của Âu-châu thì chỉ một mình nước Pháp cần phải nhường, phải chịu mà thôi? Nay lại thấy rục-rịch họp hội-nghị bàn giảm-bình, nhưng chỉ thấy nói giảm-bình nước Pháp và các nước bạn nước Pháp mà thôi; vậy chớ bao giờ mới họp hẳn một đại-hội-nghị vạn-quốc để bàn về sự giảm-bình chân-chính, sự giảm-bình vô-hình mà sự giảm-bình hữu-hình kia là cái kết-quả tất-nhiên, — sự giảm-bình vô-hình, sự giảm-bình thuộc về tinh-thần ấy (*le désarmement moral*) thời

khi nào trong vạn-quốc có nước nào bị sự gì oan-uổng đem ra nơi hội-nghị công-đồng để thảo-luận, để cứu-xét cho đến nơi đến chốn, rồi các nước đồng-tâm hiệp lực nhau mà giải-quyết, theo cái lẽ lợi-quyền liên-đái của loài người, theo cái quyền-lợi của các dân-tộc được hưởng sự công-bằng, và thứ nhất là được hưởng sự sống ở đời ; khi nào như thế thời lời bàn giảm-binh mới có thể thực-hành được.

Còn có sự-nghiệp nào lớn-lao hơn cho hai nước cùng nhau hiệp-lực cộng-tác nữa, vì vận-mệnh cả nhân-loại, và thứ nhất là vận-mệnh Âu-châu hiện nay là quan-hệ ở sự hòa-hiệp đó? Hai nước Pháp Anh nếu biết cái trách-nhiệm của mình to-tát là dường nào, và thứ nhất là cố chấn-chỉnh lại cho cái oai-quyền của Tây-phương đối với thế-giới, thời cái công ấy rực-rỡ và cao-thượng biết bao nhiêu !

Hiện nay đương giữa buổi nguy-hiểm cho cái tiền-đồ của văn-minh Âu-Tây. Đâu đâu cũng chỉ thấy nói đến sự suy-đồi của Tây phương. Cái thế-lực về tinh-thần của Thái-Tây đã từng có công khai-hóa cho loài người, nếu nay mà trụy lạc mất thì thật là một sự tai-hại cho cả nhân-loại. Bây giờ phải tìm phương bổ cứu, cũng chưa đến nỗi muộn. Nhưng mà muốn bảo-tồn cái thế-lực tinh-thần ấy thời các nước phải thành-tâm hiệp-lực với nhau bỏ những sự mưu-tính lợi riêng mà để bảo-tồn lấy lợi chung của cả đoàn-thể. Muốn bảo-tồn cái thế-lực vô-hình ấy thì phải giữ lấy cái thế quân-bình của Âu châu, nhưng muốn giữ cái thế quân-bình của Âu-châu thời thiết-tưởng không phải là cứ gây lấy những mối gánh ghen trong các nước Tây-phương với nhau để mình đứng giữa làm như một bậc minh-chủ, mà ở ngoài thời được tự-do khuếch-trương cái bá-quyền của mình ra khắp thế-giới, không sợ ai đối-địch. Tôi nói đây là chỉ về nước Anh ; năm 1911 Sir Pollok đã từng giải nghĩa cái « thế quân-bình Âu-châu » (*l'équilibre européen*) theo như chính-sách nước Anh vẫn thi-hành trong bấy lâu nay như sau này : « Hễ các nước Âu-châu còn chia nhau ra phe đảng mà ta còn có thể đem đảng nọ đối với phe kia, thời nước Anh ta không phải lo gì về đế-quốc của mình ».

Âu-châu bấy lâu nay vẫn mắc lừa cái mưu của Anh, muốn lợi-dụng những sự phân-tranh của các nước láng giềng để làm như quân cờ đánh đổi ở trên bàn cờ thế-giới, khiến cho các nước kia bận cạnh-tranh nhau ở nhà không ngăn-trở được mình trong khi đi xâm-lược quyền-lợi ở các nơi. Nhưng cái mưu nguy-hiểm đó, không phải là làm được mãi, và ngày nay người Anh có lẽ đã hiểu rằng lời Sir Pollok vị-tất đã là đúng và dùng mưu ấy vị-tất đã là không phải lo gì cho Đế-quốc của mình. Vì Đế-quốc ấy hiện nay đương có cái hiểm-tượng khắp mọi bề. Đất Nam-Phi-châu đương lo-lắng về những nông-nổi bối-rối. Cái mộng lớn của Lord Curzon muốn khuếch-trương bá-quyền nước Anh từ Ai-cập cho đến nước Tàu, hiện nay đương thấy nguy-hiểm đây. Oai-quyền thế-lực nước Anh ở đâu cũng thấy tổn-hại. Ai-cập đương muốn đoạn-tuyệt quan-hệ với Anh. Anh trước muốn dùng Hi-lạp để gián-tiếp xâm lấn Thổ-nhĩ-kỳ, những Thổ-nhĩ-kỳ nay đã thoát khỏi vòng thế-lực của Anh rồi. Lord Curzon và Lloyd George lại mưu muốn lập một đế-quốc A-lạp-bá (*Empire arabe*) ở dưới quyền giám-đốc nước Anh, nên có tác-thành cho vua đất *Hedjaz* lên ngôi đế-vị, nhưng hiện nay nhân vì rợ *Wahabites* phản-đối thời đế-quốc cùng đế-vị ấy cũng đã thấy lung-lay lắm rồi. Đất *Mésopotamie* và đất *Palestine* đương loạn. Nước *Afghanistan* và nước Ba-tư (*Perse*) thời không chịu nhận quyền bảo-hộ của Anh. Đến như Ấn-độ là cái trụ-cốt của Đế-quốc Anh thời hiện nay lại đương náo-động lắm ; người

Anh được có cái tính thật-thà, dẫu gặp khi nguy-hiểm cũng không hề giấu-giếm, công-nhiên lấy việc Ấn-độ làm lo lắm.

Ta kể những sự khó-khăn của nước Anh như thế, ta cũng không lấy làm vui-vẻ gì. Dù cái chính-sách của ông LLOYD GEORGE có làm cho ta tức-giận thế nào mặc lòng, ta cũng không quên rằng cuộc chiến-thắng mới rồi cũng là nhờ ở cái sức hùng-cường của quân Anh một phần. Vả lại nước Anh vốn có cái tài kinh-doanh tổ-chức, đã có công trong sự chỉnh-đốn về đường kinh-tế, đường tinh-thần cho thế-giới, nếu cái sức mạnh tinh-thần ấy mà suy đi, thì cũng có thiệt-hại đến cuộc văn-minh nhiều lắm. Tòa Nội-các lên cầm quyền Chính-phủ ở nước Anh bây giờ phải đối-phó với lắm sự khó-khăn tầy đình, ta thấy những sự khó-khăn ấy mà ta lấy làm điềm-nhiên, thật cũng là tệ-bạc quá, vả lại việc không phải tuyệt-nhiên không quan-hệ đến ta, vì thuộc-địa Anh ở Á-châu, ở Phi-châu, nhiều khi tiếp-giáp với thuộc-địa ta, việc xảy ra bên này an-trí không có ảnh-hưởng sang bên kia?

Tuy vậy, sở-dĩ có những sự khó-khăn như thế thời tưởng cũng đủ khiến cho các nhà chính-trị Anh phải đổi cái quan-niệm về chính-trị Âu-châu như SIR POLLOCK đã giải-nghĩa trên kia. Ta chắc rằng ông Thủ-tướng mới BALDWIN là người tiêu-biểu cái tính-cách thành-thực chính-trực của quốc-dân Anh, cũng như ông quan thầy ông mới mất là ông thủ-tướng BONAR LAW, tất đã có nghĩ đến điều đó rồi.

Còn thuộc về sự giao-thiệp nước Pháp với nước Anh thời tôi xin trích một đoạn trong một quyển sách rất hay của ông ALFRED FABRE-LUCE đề là « Cái nguy-cơ của các cuộc đồng-minh » (*La crise des Alliances*), để cống-hiến ông thủ-tướng BALDWIN xin đem lòng thành-thực mà ngẫm-nghĩ : « Hai nước muốn được hòa-hiệp nhau, nhiều khi lại sinh ra xung-đột nhau. Cuộc hòa-hiệp này gọi là « thân-thiện hiệp-ước », nhưng hướng lai chỉ chăm về phần *hiệp-ước*, từ nay ta ước-ao rằng hai nước nên chăm về phần *thân-thiện* hơn một chút.»

Cứ nói thực và nói rõ ngay thì Anh cần phải đề-huề với Pháp, để mưu cho thế-giới được hòa-bình. Trong cuộc đề-huề này thì Pháp có lợi mà Anh cũng có lợi bằng Pháp, Anh cần đến Pháp cũng bằng Pháp cần đến Anh. Hai bên có lợi-ích tương-đương như thế thì cần gì còn phải mưu-mô lừa-dối nhau nữa. Nước Pháp đứng trong Âu-châu và trong thế-giới vẫn có một cái thế-lực về vật-chất và về tinh-thần, phàm muốn xử việc thiên-hạ, không thể không kể đến cái thế-lực ấy được. Mới rồi có mấy nhà báo bàn về việc nước Pháp thừa-nhận chính-phủ Sô-viết nước Nga, thừa-nhận sau nước : Anh và sau đến mươi mười-lăm nước nữa, thế mà còn sợ làm thế mất lòng nước Anh chăng, tôi đọc thấy những lời đó mà buồn cười thay. Không, nước Anh không thể giận ta điều đó được. Vì nước Anh biết rằng tuy vậy chứ cái thế-lực của ta ở Nga vẫn còn mạnh và lâm-thời có lẽ Anh cũng phải cần đến ta làm môi-giới với Nga để phòng-bị cho các thuộc-địa ở Á-châu của mình.

LORD GREY trước kia đã nói rằng : « Khôi-phục lại sự giao-hiếu nước ta với nước Pháp, đó là điều quan-trọng nhất trong chính-trị Âu-châu ngày nay. Hễ mà hai chính-phủ không có lòng tin yêu nhau như trước, thời không thể làm điều gì để mà chỉnh-đốn cho công-việc Âu-châu được. »

Ta xin nói thêm rằng : « cho cuộc hòa-bình thế-giới nữa », vì sự hòa-bình này không có nước Pháp cũng không xong, nhất là trong vấn-đề Thái-bình-dương nước Pháp cũng có quan-hệ

vào đấy, bởi cũng có quyền-lợi vật-chất tinh-thần ở cái bộ-phận thế-giới đó.

Mới ba hôm nay, ông JACQUES BAINVILLE bàn về việc loạn ở phần đất Ma-lặc-kha thuộc Tây-ban-nha, ông có nói rằng việc tuy chỉ trực - tiếp quan-hệ đến nước Tây-ba-nha mà thôi, nhưng thực là một vấn-đề quốc-tế, vì có quan hệ đến cả việc Đông-phương, rồi ông kết-luận mấy câu thật là đúng như ý ở trên. Ông nói :

« Việc này có quan-hệ đến sự phòng-bị chung của tất cả các nước có thuộc-địa ở Phi-châu và Á-châu. Hiện nay còn ít người hiểu rằng vì cái quốc-gia-chủ-nghĩa nó phát-động lên ở mọi nơi như thế và vì sự tuyên-truyền của đảng cách-mệnh Nga, các liệt - cường có thuộc-địa ở phương xa không khỏi có nguy-hiểm ở đó. Nếu những nước Âu-châu muốn giữ lấy thuộc-địa của mình, thời phải nên bỏ cả những sự ghen-ghét riêng đi, mà cùng nhau theo một cái chính-sách chung. Từ khi ông BALDWIN lên cầm quyền chính-phủ nước Anh, có người nói rằng có lẽ sẽ bàn ký với nước ta một cái hiệp-ước phòng-bị chung. Nếu có ký ước ấy, thì nên phải phòng-bị các thuộc-địa trước, cũng như ước thân-thiện năm 1904 cũng là do vấn-đề thuộc-địa mà khởi ra. »

Về phần tôi thì tôi không dám chắc như ông BAINVILLE rằng nước Anh sẽ ký ước phòng-bị với ta. Cứ nói thực, thì tôi không tin rằng hai nước có thể ký ước về khoản quân-bị được, nhất là từ khi các *dominions* đối với Chính-phủ Anh lại có quyền lắm, không muốn cho Mẫu-quốc đem hải-quân mà kết-ước với nước nào cả, dù ký ước hỗ-trợ với Vạn-quốc ở *Genève* cũng không thuận.

Nhưng mà tưởng còn nhiều cách khác đủ khiến cho hai nước hiệp-lực nhau để trước là cải-tạo cho Âu-châu, sau là giữ sự hòa-bình cho thế-giới, hai điều đó có mật-thiết-quan-hệ với nhau.

Nhưng mà tôi đã lạm dụng quá cái bụng tốt của các ngài rồi, không muốn nghị-luận thêm về vấn-đề sau đó nữa. Vả lại, việc đinh-định điều-ước là trách-nhiệm các bậc cầm quyền, các bậc ấy chắc là thuộc cái vấn-đề hơn chúng ta, không phải phận-sự chúng ta phải chỉ đường vạch lối. Nay tôi diễn-thuyết đã sắp xong, chỉ xin các ngài miễn-chấp cho nói dài quá, và xin khẩn-nguyện một điều rất thiết-tha và rất cao-thượng: là cầu-nguyện rằng những nước mà thế-giới tự năm 1914 đã gọi chung cho cái tên là các liệt-cường Đồng-minh, trong khi hoạn-nạn đã đồng lòng với nhau, thời đến bây giờ cũng cứ một lòng tin-ái như thế mà xử với nhau để làm cái gương hòa-hợp cho cả vạn-quốc nối theo.

Sự quốc-tế cộng-tác.

Vì rằng những cái gương tốt thường cũng dễ khiến cho người ta vui theo lắm. Đến ngày nào mà các liệt-cường Đồng-minh, trong cách giao thiệp với nhau bỏ cả cái lòng duy-kỷ cạnh-tranh đi để cùng nhau mà tổ-chức cho nên cái đoàn-thể loài người, thời bấy giờ những cái mầm ghen-ghét của các nước ấy đã rắc ra ở trong các dân-tộc cũng tiệt dần đi, và những câu « sinh-tồn cạnh-tranh », « ưu-thắng liệt-bại » là tiêu-biểu của cái học-thuyết khốc-hại của Đạt-nhĩ-văn rồi cũng vắng dần ở trên cửa miệng người đời. Cái học-thuyết ấy dùng đã quá-lạm, cho nên cái sống người các sắc mới nổi lên để đối lại. Ngày nay phải đặt ra một nền luân-lý mới để định cách giao-tế của các dân-tộc với nhau, không lấy sự tham-lam tàn-bạo làm chuẩn-đích nữa, mà lấy sự hòa-hợp cộng-tác làm tôn-chỉ, vẫn giữ được cái tinh-hoa đặc-sắc của các quốc-gia, mà lại gây được cái mối nhất-trí trong toàn-thể sinh-dân trong thiên-hạ. Cái chân-

lý đã thấy tiến-bộ trong các nước, đâu đâu bây giờ cũng đã có người phẳng-phấp lo đến cái chiến-họa sau này sẽ làm cho hai phần nhân-loại phản-đối nhau, và có nhiều bậc đại-trí đã nghĩ đến cái « quốc-tế đạo-đức » mới (*La nouvelle éthique internationale*), theo như lời Ông PIERRE DE LA NUX, cần phải đề-xướng lên để kịp cứu cho nhân-loại khỏi một lần chiến-tranh nữa.

Dù các chủng-tộc khác nhau thế nào mặc lòng, rút lại cũng có một cái gốc chung của nhân-loại, ông HOVELAQUE đã nói rằng chính cái nhân-tính chung đó nó làm cho người ta càng ngày càng thân-cận nhau thời càng bớt những sự ngộ-nhận lúc mới đầu đi và càng rõ cái lẽ liên-đái quan-hệ của cả loài người. Ông Tổng-thống COOLIDGE nước Mĩ mới rồi có nói với một nhà làm báo câu sau này cũng đồng một ý như thế :

« Sự ích-lợi chung của loài người là cái giây nó buộc người ta mạnh nhất, và chúng ta không thể nào tránh được cái luật chung của nhân-loại, là người ta phải giúp đỡ lẫn nhau. »

Lời châm-ngôn đó, ta ước-ao rằng nên yết lên cửa các nơi hội-đồng hội-nghị để cho những tay ngoại-giao chính-trị của các nước văn-minh đến bàn-bạc với nhau ở đấy hằng nhớ đến luôn mà gia-công cố sức gây lấy cái cuộc đồng-tâm cộng-tác trong loài người, khiến cho các nước biết đem những bạc triệu xưa nay chỉ dùng làm khí-giới để giết-tróc lẫn nhau mà khai-khẩn các tài-sản lợi-nguyên của địa-cầu, và cho giống người ta từ nay trở đi biết sống làm người theo một cái lý-tưởng cao-thương cho nó xứng-đáng cái phẩm-vị con người !

T.-C. *dịch.*

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XXVI

Thứ bảy, 22 (*tiếp theo*).

— Thôi, kể ở *Paris* thế này cũng gọi là tiềm-tiệm đủ rồi, vả xem chừng túi cũng đã nhẹ, nên nghĩ đến qui-kế thôi. Trong hai tháng trời, tưởng cũng đã xem-xét được khá, và cũng làm được một vài việc không đến nỗi tủi mặt con trai Nam-Việt. Chẳng dám đâu gọi là một cuộc tráng-du, nhưng mắt thấy, tai nghe, óc suy, bụng cảm, nó cũng nở-nang mày-mặt, mát-mẻ tinh-thần ra được một chút. Song giấc mộng phải có lúc tàn, cuộc chơi cũng có giờ hết. Nào có đâu của vạn của nghìn như ai mà dám triền-miên nơi lạc-cảnh. Trâu được thả rông bãi cỏ tốt, nhưng gọi là nghỉ xác được ít lâu mà thôi ; ruộng nhà còn bề-bộn, phải mau mau về mà kéo cầy trả nợ cho rồi. Nợ nam-nhi nghĩ cũng nặng thay, thân yếu-ớt gánh sao cho nổi ? Thôi thì đã sinh ra kiếp người An-nam, dù sướng, dù khổ, dù sang, dù hèn, cũng tu cái kiếp ấy cho trọn vẹn. Đất nước người đẹp thật, nhưng vẫn là của người ; phong-cảnh ta dẫu tre gai đất bùn, nhưng vẫn là của ta :

(1) xem *N. P.* từ số 58.

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn !

Hôm nọ theo cái tư-tưởng lãng-mạn bông-lông, cũng muốn nâng lòng uốn trí mà miễn-cưỡng cho cảm được cái thú của người. Nhưng mà :

Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri-âm đó, mặn-mà với ai ?

Nói của đáng tội, mình mến khách, khách cũng có mến mình. Cứ lấy cái cảm-tình cá-nhân, không phải là không có vẻ đằm-thắm. Nhưng mà đối với nghĩa cả nước nhà, thì có sá chi cái tình riêng tri-kỷ một vài người đó! Vả lại trong cái bụng mến nhau, có lẽ cũng có một chút hiếu-kỳ. Khi lòng hiếu-kỳ ấy nhạt đi, và cái tình-thế hai nước rõ ra, thì lẽ chủng-tộc bao giờ cũng mạnh hơn cảm tình riêng. Ôi! Chủng-tộc! Chủng-tộc! Trong cái thế-giới ồn-ào rộn-rịp này, biết bao nhiêu là tiếng kêu tiếng gọi om-xòm, khiến cho lòng người phân-vân không biết ngả theo đường nào, có tiếng gọi của chủng-tộc, của tổ-tiên là đối với người hữu-tâm vẫn có cái giọng thiết-tha mà giọng-giả hơn cả. Anh em ta phải nên lắng tai mà nghe, cho biết đường mà tới, kẻo nữa do dự trù-trừ, mơ-màng phảng-phất, để cho cái phóng-tâm nó lạc đi rồi khó mà thu về cho được. Lắm lúc trông thấy những thú vui cảnh lạ của người ta, cũng muốn cho cái phóng-tâm nó được tiêu-dao cho thỏa-thích ; nhưng nghĩ lại sức người có hạn, nếu để cho tán-mạn đi mà không biết thu-thập lại, thời thành ra bông-lông không có chủ-đích gì, lâm-thời không biết hành-động ra đường nào. Thôi thì bất-nhược cứ thuận cái lẽ chung của nòi-giống mà đừng sai cái tiếng gọi của tổ-tiên, dù đi bông mất nơi nào cũng chớ quên chốn cũ ao nhà, thế là phải đạo làm người hơn cả. — Song cũng có kẻ hoặc vì cái lợi-tâm, hoặc vì sự dãng-trí, hoặc vì hiểu lầm sự lợi-hại, hoặc vì mua chuộc cái hư-danh, đến tai sáng mà làm ra tai điếc, không để mà nghe tiếng gọi đàn, thậm-chí lìa đàn mình để theo với đàn người, bỏ làng, bỏ nước, bỏ giống, bỏ nòi, bỏ quốc-tịch để theo ngoại-tịch, thì thật không hiểu bụng họ nghĩ ra làm sao. Cho dẫu vì nước mà bỏ nước cũng không đang, huống lại nhiều khi vì những cớ nhỏ-nhen không thể nói...

Viết thư xuống *Marseille*, hỏi cho đích hôm nào có chuyến tàu và xin giữ chỗ sẵn. Dù thế nào cũng từ nay đến cuối tháng về *Marseille* để chực tàu. Nhưng trước khi từ-giã *Paris*, còn chỗ nào chưa đi xem nên xem nốt.

Chủ nhật, 23

Nay đã quyết-chí sắp về, còn ở đây mấy ngày nữa, ta nên lợi-dụng hết cái thời giờ ấy mà đi xem lấy ít nơi danh-thắng ở *Paris*, vì bấy lâu tuy đi cũng đã nhiều, nhưng còn lắm nơi vẫn chưa biết.

Sẵn có ô-tô của ông V., hai anh em định suốt tuần lễ này đi xem cho thật nhiều, không những trong châu-thành *Paris*, mà đi cả các nơi phụ-cận ở ngoài nữa.

Hôm nay đi *Maisons Laffitte*, ở về tây-bắc thành *Paris*, cách độ 17 cây lô-mét. Đấy là một cái ấp chừng một vạn người, ở về tả-ngạn sông *Seine*, cạnh rừng *Saint-Germain*, thiên-hạ đến du-lãm cũng nhiều, vì có một cái lâu-thành cổ và một cái công-viên lớn. Lâu-thành là một cái kỹ-công có tiếng, làm tự thế-kỷ thứ 17, theo kiểu của tay kiến-trúc-kỹ-sư Mansart (1642-1651). Thành-lầu ở giữa, hào rãnh chung quanh, coi ra trang-nghiêm mà vững-vàng lắm. Bây giờ là của Nhà nước, dùng làm viện bảo-tàng, bày những đồ cổ về các vua Louis thứ 13, 14, 15, 16 và Nã-phá-luân. Đi

lên tầng gác, có một cái thang đá cuốn coi rất vĩ-đại lực-lưỡng, áp trần bốn bên có bốn bức chạm cũng tinh-xảo, mỗi bực hình ba đứa trẻ con đeo cánh tiên, một bức hình « Khoa-học » (*Science*), một bức hình « Ca-xướng » (*Chant*), một bức hình « Canh-nông » (*Agriculture*), một bức hình « sự Đọc sách và sự Chiến-tranh » (*La Lecture et la Guerre*), coi hình-thể dáng-dấp những đứa bé xinh - sắu, mũm - mĩm, ngộ-nghĩnh, dí-dỏm vô-cùng. Đi xem khắp các phòng : nào là phòng hội - tiệc, nào là phòng ăn, phòng ngủ, phòng đánh bài của các bậc công - hầu vua-chúa đời xưa, đầy những cổ họa, cổ-tượng, cổ-khí, cổ-đồng. Nhưng mà đẹp nhất và quí nhất ở đây là những bức tranh thảm kiểu *Gobelins* hình những cảnh điền-viên, cảnh săn-bắn, cảnh trận-mạc. Nghề dệt thảm này cũng như nghề dệt gấm ở bên ta, mà thành từng bức tranh rộng bằng gian nhà một, thật khéo quá. —Xem nhà bảo-tàng xong ra xem công-viên gần đấy ; vườn « kiểu Pháp » (*jardin français*), nghĩa là bằng-phẳng thẳng-tắn, bụi cây bãi cỏ, đường gioc lối ngang, như căng bằng giây, vạch bằng thước cả, tuy không có cái vẻ tịch-mịch u-nhã như vườn « kiểu Anh » (*jardin anglais*) nhưng có cái vẻ oai-vệ trang-nghiêm. Trong vườn có cái tượng đứng vua Nã-phá-luân. Hôm nay tuy ngày chủ-nhật, nhưng khách du-thưởng cũng ít, và phần nhiều là người ngoại-quốc.

Về *Paris* ăn cơm trưa, nghỉ - ngơi một chút, rồi lại lên xe đi về phía Bắc châu-thành, không chủ-định đến đâu cả, cứ chạy liều, chắc rằng thế nào cũng có chỗ đáng xem. Cách *Paris* 7 cây-lô-mét có thành-phố *Saint-Denis*, coi ra đông-đảo sầm-uất lắm, nhưng định đến chiều trở về sẽ dừng lại xem, nay hãng đi quá lên trên một ít nữa xem đến đâu. Đi chừng năm cây nữa thì đến một nơi hồ núi mát-mẻ, lầu-các nguy-nga, bóng cây lồng bóng nước, chiếc thuyền bơi giữa hồ, phong-cảnh thanh-nhàn đẹp-đẽ quá, đành đỗ xe vào quán nghỉ chơi. Hỏi ra thì đây chính là Hồ *Enghien*, là nơi hóng mát cho những khách sang-trọng miền nay, và lại là nơi có ôn-tuyền để cho khách dưỡng-bệnh đến đây tắm và uống nước. Trên bờ hồ san-sát những nhà lầu, nào là khách-sạn, nào là ca-lâu, nào là đồ-trường, nào là kịch-quán, thật là chốn ăn chơi phong-thú. Hồ rộng bằng hồ Tây của Hà-nội ta, nhưng vẻ đẹp thiên-nhiên mà lại có thêm tay người tô-điểm, coi cũng ra một cái « hồ văn-minh » lắm. Có chỗ nhà ở ngay liền hồ, có bực đá bước xuống ; lại có chỗ đặt bao-lơn để cho du-khách đứng hóng mát ; chỗ này thì để hẳn từng dẫy thuyền bơi, chỗ kia thì đỗ giăm mươi chiếc tàu máy, ấy là chực có khách nào muốn « hồ thượng phiếm châu » hay là « tùy-ba đái-kỹ » thì đã sẵn-sàng hết cả. Chắc đã có những hội buôn kinh-lý, những công-ti lĩnh-trưng cả rồi. Trời hôm nay lại hơi nóng, đứng đây hóng mát, kể cũng khoái thay ! Vụt thấy người chạy xôn-xao, kẻ kêu người gọi; hỏi ra thì nghe đâu có người nào chết đuối ở ngoài xa kia, bọn thủy-thủ đổ nhau ra cứu, nhưng ở tận tịt mù đàng kia, không biết có cứu được không. Hay là đôi uyên-ương nào ngồi hủ-hỉ với nhau trong « ca-nô » chưa thỏa, lại muốn cùng nhau xuống tắm dưới hồ chăng ? Nghe đâu những cái « lạc-cảnh trung chi bi-kịch » đó, ở đây xảy ra là sự thường. Có khi thời anh chị quá vui, đưa nhau ra những nơi hẻo-lánh, rồi đêm khuya chèo về, lạc lối đâm vào bụi rậm. Có khi thời ra đến giữa dòng, buông chèo mặc gió, phỉ chí vẫy-vùng, chợt thuyền nghiêng, đâm nhào cả xuống nước . . .

Khi trở về đỗ ở *Saint-Denis*, vào xem nhà thờ. Nhà thờ đây kiểu « gô-tích », làm từ thế-kỷ 12 và 13, là một nơi giáo-đường cổ nhất ở nước Pháp. Phần

nhiều những lăng-tẩm các bậc vua chúa nước Pháp từ đời Trung-cổ đến giờ đều họp ở đây cả, từ vua DAGOBERT cho đến vua LOUIS XVI. Nhà tầm ở trên, còn nhà mồ ở từng hầm dưới, đựng quan-quách các vua chúa. Những lăng đẹp nhất là lăng vua FRANÇOIS I, kiểu đời « Phục-hưng », cột cao, cửa cuốn, bệ vuông, mái bằng, trên bệ ở bên trong thời có tượng vua và bà phi nằm song-song, trên mái lại có tượng vua, bà phi, một vị công-chúa, hai người thị-thần qui chắp tay cầu-nguyện, toàn bằng cẩm-thạch cả ; lăng vua HENRI II và bà phi CATHERINE DE MÉDICIS, cũng có tượng nằm và tượng qui bằng đá như cái trên, mà bốn góc lại có bốn bức tượng đồng lực-lưỡng hình các công-đức của nhà vua ; lăng vua LOUIS XII và bà ANNE DE BRETAGNE, hình chữ nhật như cái nhà táng lớn, bốn bề tượng đá la-liệt ; lăng vua DAGOBERT như hình cái khám đá chạm trổ rất tinh-vi. Nhà thờ này thật là một nơi bảo-tàng về nghệ chạm khắc nhà mồ ở nước Pháp. Xem xong trên, xuống dưới hầm là chỗ để quan-quách các vua chúa. Hầm xây cuốn, chia ra từng hàng từng dẫy, cũng có cái mồ kiến-trúc đẹp, nhưng phần nhiều là chỗ để xác thôi, không có qui-mô tráng-lệ như các nhà tầm ở trên.

Xem nhà thờ này mới biết cái lịch-sử rực-rỡ lâu-dài của nước Pháp, và biết cái công-nghiệp của các bậc đế-vương Pháp đối với lịch-sử ấy thế nào. Nước Pháp ngày nay là một nước dân-chủ, nhưng cái công đề-tạo thật là ở mấy mươi đời quân-chủ cho đến giờ. Coi những tượng đá các vua chúa nằm la-liệt ở trong nhà giáo-đường này, thật như toát-yếu được cả mấy thiên quốc-sử vẻ-vang của Pháp vậy. — Xem người lại ngẫm đến ta : ở nước ta ngày nay, trừ mấy nơi lăng-tẩm ở Huế là thuộc riêng nhà Nguyễn, còn có nơi nào là gồm được cả quốc-sử Việt-Nam như nhà thờ *Saint-Denis* này đối với lịch-sử nước Pháp ? Nhà vua nào phát-tích ở đâu thì có đền thờ riêng ở làng mình, như nhà Đinh ở Hoa-lư, nhà Lý ở Đình-bảng, nhưng kiến-trúc sơ-sài, nhiều khi cũng tương-truyền là nơi cố-chỉ ở đó, chứ vị-tất đã biết đích là mồ-mả ở đâu. Lại còn có cái thói khả-ố là nhà nào nổi lên cũng muốn diệt hết dấu-vết của người trước mình đi, nói là để « tuyệt dân-vọng ». Thành ra những cổ-tích quan-hệ đến quốc-sử ngày nay không còn gì nữa. Ngay ở Hà-nội là nơi Thăng-long cố-đô, mà bây giờ cung vua Lê, phủ chúa Trịnh, dấu-vết của vua Tây-sơn đâu mất cả ? Ấy cũng là một điều khổ-tâm cho kẻ hữu-tâm với nước nhà vậy.

Nhà thờ *Saint-Denis* cũng từng qua có hồi lầm-than, như hồi Đại Cách-mệnh, đảng cách-mệnh cho chỗ này là chỗ kỷ-niệm mấy mươi đời quân-chủ chuyên-chế, đến tàn-phá, khai-quật lăng-tẩm lên, vứt bỏ hài-cốt đi cũng nhiều, và dùng nhà thờ làm chỗ để lúa. Nhưng qua một hồi cuồng-nhiệt như thế, rồi đảng dân-quốc lại lấy làm hối, và từ sau đời đời tu-bổ để vừa làm một nhà bảo-tàng về mĩ-thuật bản-quốc, vừa làm một nơi công-miếu để kỷ-niệm công-đức những đế-vương các tiền-triều. Ngày nay khách du quan vào đến đây, không thể không cảm-phục cái lịch-sử sán-lạn của nước Pháp.

Nhưng trời sâm-sẩm tối mà một mình đứng giữa đám người đá nằm sóng sượt cả ra như thế này, nghĩ cũng rùng mình giợn tóc. Lại nhà thờ to rộng, tiếng người om-om, dưới hầm thăm-thẳm, hơi đá lạnh-lùng, tưởng như hồn người chết còn lẩn-khuất ở cả đâu chốn này, và đêm khuya thanh-vắng, những tượng đá kia sẽ dựng giọc dậy mà cùng nhau ngồi thì-thầm những chuyện thiên-cổ. Phải để cho Liêu-trai-chủ-nhân vào

ở đêm trong hầm này để làm truyện mới thú....

Lúc trở về đi quanh ra qua trường tàu bay *Le Bourget*, nhưng đã chiều tối, không dừng lại xem.

Thứ hai, 24

Hôm nay định đi chơi, nhưng trời mưa cả ngày, nhân ở trọ viết thư từ-biệt các chỗ bạn-bè quen-thuộc ở đây để cuối tháng xuống *Marseille*, quyết chuyến tàu sau là về. Lại nhân thể soạn những sách vở mua trong hai tháng nay, chất đầy cả trên lò sưởi và trong tủ áo. Gặp sách gì cũng mua, để ùn lên đấy, không nghĩ đến lúc đem về thế nào. Có mấy cái rương đựng quần áo, cố xếp vào không tài nào đủ. Phải gọi thợ mộc đóng một cái lớn nữa để mới vừa, hôm nay nhặt-nhạnh xếp cả vào, cân nặng tới hai trăm cân. Những *cartes postales* cũng đã chật một cái va li nhỏ rồi; đến nơi nào, xem chỗ nào cũng mua, anh em đã phải cho là dở người!

Thứ ba, 25.

Sớm thăm các qui-quan ở Kinh-tế-cục để từ-giã và dặn về việc in bài diễn-thuyết ở trường Thuộc-địa. Ý muốn khi in xong thì gửi tặng ít nhiều người mình quen biết ở đây, có kê ra một cái sổ để lại.

Buổi chiều vào chơi trong công-viên *Tuileries*. Đây là một nơi vườn hoa đẹp nhất ở thành *Paris*, ở vào sau cung *Le Louvre*. Trước đây là cung *Tuileries*, vua Louis XVI ở đây, sau bị phá, bây giờ làm thành nơi công-viên, trong có bụi cây, bể nước, tượng đá, tượng đồng, xem đến mấy giờ đồng-hồ không hết. Nhất là tượng ở trong này thì không biết bao nhiêu mà kể, có tới mấy trăm pho, không phải toàn là kỷ-niệm danh-nhân, phần nhiều là những tượng tả-thực, như tượng một con hổ với con cá sấu cắn nhau, con sư-tử với con công, nét chạm mạnh-mẽ, và rõ hệt như thực, tượng những nhân vật trong truyện thần-tiên Hi-lạp, tượng biểu-hiệu về cảnh tứ-thời, cảnh chiều-dương, tịch-dương, v. v., toàn là hình đàn-bà cả. Vườn này tức cũng là một nơi bảo-tàng lộ-thiên về nghề điêu khắc nước Pháp. — Vườn dài tới một nghìn thước, rộng ba bốn trăm thước, chung quanh rào sắt cả, một mặt trông ra sông *Seine*. Kiểu vườn là kiểu của LE NÔTRE, là nhà công-trình-sư có tiếng về đời vua Louis thứ XIV, vì trong vườn có hai phần, một phần cũ là vườn ngự-uyển khi xưa, một phần mới là sau khi cung bị phá làm rộng thêm ra cũng theo một qui-mô như trước.

Nhân vì cái qui-mô đây đẹp lắm, tiêu-biểu được tuyệt-phẩm cái kiểu vườn gọi là « vườn Pháp » (*jardin français*), và trong có nhiều những tượng đẹp của các nhà điêu-khắc đại-danh xưa nay, nên khách du-lãm các nước đến đông lắm, không phải như một nơi vườn hoa thường vậy. Mười giờ tối thì đóng cửa, không cho ai vào xem nữa.

Ở *Paris* có những nơi công-viên như chốn này, thật là những trường học mĩ thuật tự-nhiên cho người ta, đến đây là con mắt được thỏa-thích ngắm những hình-thể đẹp của công người gây dựng ra để tô-điểm thêm cho cái cảnh phong-quang một chốn danh-đô.

Ở Đông-phương ta chắc cũng có nhiều nơi hoa-viên đẹp. Nghe nói Bắc kinh có Di-hòa-viên, Đông-kinh có vườn Thượng-dã. Nhưng lối vườn Đông-phương với lối vườn Tây-phương có khác nhau nhiều; dừng gì ngay một khoản tượng hình người thì chắc là những công-viên bên Đông ta ít có. Vì cái tinh-thần của hai mĩ-thuật khác nhau: mĩ-thuật Đông-phương trọng về thiên-nhiên, mĩ-thuật Tây-phương trọng về nhân-tạo. Muốn quan-sát cho

khỏi lầm thì bao giờ cũng phải nhớ điều đó. Cho nên vườn ở bên ta có cái vẻ u-tịch, có nhân-công kiến-trúc thời là những đình, những tạ, những núi giả, những lan-can, ẩn-ước ở trong bụi tùng khóm trúc, vẫn có cái khí-vị thiên-nhiên. Vườn của Tây và thứ nhất là của Pháp thời ngang bằng sồ ngay, như kẻ như vạch, cây sén cho bằng nhau, cỏ cắt cho đều-đặn, rồi những tượng đá tượng đồng bày ra la-liệt, đường ngang lối giọc đối nhau răm-rắp, phần nhân-công át hẳn vẻ thiên-tạo. Ấy hai cái tinh-thần khác nhau như thế, mà không những một về mĩ-thuật, về các phương-diện khác nhận kỹ ra cũng thấy như thế.

Thứ tư, 26

Buổi sáng đi *Vincennes* vào thăm ông DE CASANOVA, trước làm quan Cai-trị ở bên ta, nay về hưu-trí ở đây. Ông này là người hiền-hậu đạo-đức lắm, khi còn làm quan, đến đâu cũng để tiếng tốt trong dân-gian. Lại là người thông-thạo về pháp-luật, đã từng biên-tập những luật-lệ hiện-hành ở Đông-Pháp thành mấy pho sách dày, các nhà hành-chính thường tra-khảo đến luôn. Ông ở đây với phu-nhân, có trông nom cho mấy người học-sinh An-Nam sang học bên này, xem ra ân-cần chăm-chút như con-cái nhà vậy. Nói chuyện bên An-Nam, ông lấy làm vui-vẻ và có ý nhớ tiếc lắm,

Hôm qua xem vườn *Tuileries* vừa mới phiếm-luận về mĩ thuật Đông-Tây, nói rằng mĩ-thuật Tây-phương trọng phần nhân-tạo hơn về thiên-nhiên. Nay đi xem vườn *Buttes-Chaumont*, ở về phía Đông-bắc *Paris*, có núi-non gò-đống, có cây-cối rậm-rạp, có đường đi khuất-khúc, có hồ, có thác, có đồng, có cầu, có đường xuyên-sơn, có lối men nước, quanh-co ẩn-ước, thật là một cảnh lâm-toàn ở giữa nơi thành-thị, như thế thời mĩ-thuật Tây-phương không phải là không biết trọng về vẻ thiên-nhiên vậy. Song có ý nhận kỹ, dẫu có đá, có nước, có vẻ thanh-u, nhưng cái công-trình của người ta vẫn còn lộ ra lắm, như cái cầu sắt treo kia, thì thật là cái công nhà kỹ-sư muốn nối liền hai quả núi, giây tam-cố buộc chằng bên nọ sang bên kia, như trói buộc cả nham-thạch vậy. Đá mà cũng bị trói, ấy là tiêu-biểu cái văn-minh hùng-cường của Thái-Tây thắng-đoạt cả Tạo vật vậy. Nhưng sức người mạnh quá, không khỏi giảm mất cái phong-thú của trời đất. Dẫu đứng trong vườn này, là nơi cảnh-trí u-sầm nhất ở *Paris*, mà cũng chưa được cảm sâu cái phong-thú đó, thì đủ biết vậy.

Xét ra vườn này là một đám gò đống cao, trước làm mỏ đá vôi, mà đá thì trơ-trụi cả, không có cây cỏ gì hết (cho nên gọi là *Chaumont* = *Monts Chauves*, nghĩa là núi hói). Năm 1866-1867, ông HAUSSMANN làm quận-trưởng quận *Seine*, — ông này có công sửa-sang cho thành-phố *Paris* nhiều lắm, — định mở-mang xóm chỗ này là xóm thuyền-thợ ở (tức là xóm *Villette*), bèn lợi-dụng đám gò đống đó mà làm một nơi công-viên. Sẵn giữa có một cái hồ, đắp đá làm một ngọn núi ở giữa cao 50 thước, trên đặt một cái vọng-đài kiểu Hi-lạp, đứng đấy thu-quát được toàn-cảnh cả vùng đó. Rồi sẻ núi làm đồng, chắn nước làm thác, trồng cây các khe đá, bắc cầu ngang qua hồ, đặt những đường vòng quanh khuất-khúc, chỗ thấp chỗ cao, chỗ chon-von trên sườn núi, chỗ len lỏi dưới bờ hồ, khéo lợi-dụng một cái mỏ đá bỏ hoang mà làm nên một chốn du lãm thanh-nhàn ở giữa nơi phồn-hoa náo-nhiệt. Nhân công mà sửa-sang được như thế, cũng đáng cảm-phục thay !

Xóm này ở gần cửa ô, những bình-dân thợ-thuyền ở đông. Trong vườn thấy vô-số những đàn-bà bồng-bế con đến chơi mát, chắc là vợ những thợ-

thuyền, chồng đi làm ở nhà trông con vậy.

Vườn này là cái vườn có vẻ lâm-toàn hơn nhất, vậy mà tượng đồng tượng đá cũng còn thấy đến mươi mười lăm chiếc rải-rắc mọi nơi : có tượng « Cứu người chết đuối » (*Le sauvetage*), tượng « Bị chó sói cắn » (*Au loup !*), tượng « Lội sông » (*Passage du gué*), tượng « Giặc bể » (*Pilleur de mer*), tượng « Săn chim diều » (*Chasseur d'aigles*), v. v., toàn là những trạng-thái sinh-hoạt ở các miền núi sông rừng bể cả, cũng có cái vẻ tự-nhiên.

Trong vườn có hàng-quán, ăn cơm, uống nước, nghỉ mát, sẵn-sàng cả.

Đến chiều lại lên xe đi ra ngoài thành-phố chơi. Tối vừa đến *Suresnes*, cách thành-phố mười cây-lô-mét, ăn cơm ở hàng cao-lâu «*À la belle Cycliste*». Cảnh-trí chỗ này cũng đẹp lắm, ở sườn núi về tả-ngạn sông *Seine*, đối-ngạn ngay với rừng *Boulogne* ở bên kia, hai bên chỉ sắc cây xanh ngắt một mầu, tối đến đèn thắp lên lác-đác trong bụi cây, coi rất là ngoạn-mục. Cả vùng chung quanh thành *Paris* này thật là cảnh sơn-thanh thủy-tú. Giá có công việc ở bên này lâu, thì nên kiếm nhà ở ngoại châu-thành, như nơi *Suresnes* này, sáng sáng ra *Paris* làm việc, chiều chiều lại về đây ở, cũng thú.

Thứ năm, 27.

Hôm nay đi xem suốt cả ngày, cố xem cho được nhiều nơi, kẻo còn mấy hôm nữa phải từ-biệt *Paris*, không biết bao giờ lại trở lại được.

Nhà thờ *Notre-Dame* thì đã vào mấy lượt, nhưng chưa lần nào xem được kỹ. Sáng hôm nay định vào xem cả trong kho-tàng cho được tường-tận. Nhà thờ *Notre-Dame* thì đã có tiếng là một nơi giáo-đường đẹp nhất trong thế-giới ; có nơi khác to lớn hơn nhiều, hoặc có một vài phần tuyệt đẹp, nhưng không đâu cái qui-mô thể-thế chung được xứng-hợp bằng ở đây. Kiểu « gô-tích », khởi-công tự thế kỷ thứ 13, sửa-sang thay đổi mãi, đến thế kỷ thứ 14 mới hoàn-thành, nhà chuyên-môn cho là gồm được cả cái tinh-hoa nghề kiến-trúc về đời trung-cổ. Ngày nay làm nhà thờ chính thành *Paris*, cho nên ở trong trang-hoàng lộng-lẫy lắm. Đi xem một lượt trong nhà thờ, rồi vào nhà « nạp-thất » (*sacristie*) ở bên hữu, là chỗ để kho-tàng các vật quí của nhà thờ. Có mấy ông cố phần việc ở đấy, khách du-lịch muốn vào xem thì phải đợi vào từng chuyến 15, 20 người một, cố đưa vào các buồng, chỉ từng đồ vật mà cắt nghĩa cho nghe. Nhận ra những người vào xem đây, người Pháp ít mà người các nước đông lắm: Đồ để trong kho toàn là đồ vàng ngọc, gấm vóc, mà cổ đã mấy trăm năm cả, mỗi cái đồ là có quan-hệ đến một việc trong lịch-sử, hoặc lịch-sử của Giáo-hội, hoặc lịch-sử của nước Pháp. Như có cái áo long-cổn của vua Nã-phá-luân mặc khi chịu lễ gia-miện ở nhà thờ ; một cái câu-rút bằng vàng của vua tặng nhà thờ ; một hình đức chúa Giê-su bằng ngà ; những đồ thờ đồ tế như tế-tước (*calice*), thánh-thể-khí (*ciboire*), quan-thị-đài (*ostensoir*), bằng vàng-bạc châu-báu, chạm-khắm công-phu lắm ; còn những áo xiêm tế của các chức trong nhà thờ thuộc về các đời trước, xếp đầy từng tủ, không biết bao nhiêu mà kể, mà trông cái nào cũng đầy những vàng ngọc rực-rỡ cả.

Xem xong nhà thờ chính, rồi ra xem Tòa án (*Palais de Justice*), vào trong đó phòng nọ viện kia, như mê-li, không biết đường nào mà bước. Kể cũng không có gì mà xem, và chủ-ý chỉ muốn xem nhà thờ *Sainte-Chapelle* ở cạnh đấy, phải đi qua Tòa án mới sang được. *Sainte-Chapelle* là một cái nhà thờ nhỏ của các đời vua dựng lên về thế-kỷ thứ 13 ở trong cung để

làm chỗ chiêm lễ riêng cho nhà vua, có một từng dưới và một từng gác, từng dưới thì để cho các thị-thần, từng trên thì để cho vua chúa và các công-hầu ngồi chầu lễ. Nhà nhỏ, thấp, nhưng mà chạm-trổ tinh-tế lắm, trong làm toàn bằng gỗ « sên », sơn son thếp vàng cả, các cửa sổ lồng kính vẽ cổ lắm. Sánh với các nhà thờ lớn khác thì nhà thờ này ví như một cái khám nho-nhỏ xinh-xinh mà tinh-xảo công-tế vô-cùng. Cũng thuộc về kiểu « gô-tích ». Ngày nay không dùng làm nhà thờ nữa, giữ làm nơi cổ-tích mà thôi.

Thế là buổi sáng xem cũng đã được nhiều.

Buổi chiều xem nhà bảo-tàng *Cernuschi*, ở cạnh vườn *Monceau*, rồi xem nhà Thị-sảnh *Paris*. Viện bảo-tàng *Cernuschi* nguyên của một nhà hiếu-cổ tên là ông CERNUSCHI sưu-tập được nhiều những đồ cổ của Tàu và của Nhật, đã có tiếng trong thế-giới, năm 1905 ông mất di-tặng lại cho thành *Paris* làm nhà bảo-tàng chung. Trong đó những đồ đồng, đồ sứ, tượng Phật, tượng thần, tranh cổ, chữ cổ, quí-giá vô-cùng. Có một cái tượng Phật bằng đồng ngồi tòa sen, của Nhật-bản, cao đến 10 thước, coi rất là vĩ-đại. Lại có một cái bình hương hình con rồng uốn, cũng li-kỳ lắm. Thôi những đồ quí và đồ lạ ở đây thì không biết bao nhiêu mà kể. Ông chủ-nhân này cũng là một tay chơi hào, đã phí mất bao nhiêu tiền-bạc, bao nhiêu công-phu mới mua được bấy nhiêu thứ, mà đến khi chết để lại cho công-chúng cùng hưởng chung.

Ở đây rồi ra xem nhà Thị-sảnh, tức là tòa Đốc-lý thành *Paris*. Nhà này mới làm, rộng tới hai ba phố. Có người dẫn đi xém các phòng tiếp-khách và phòng bội-đồng, thôi thì thực là trang-nghiêm tráng-lệ, xứng-đáng với nơi danh-đô đệ-nhất trong thiên-hạ, không bút nào tả cho hết được.

(*Còn nữa*)

P. Q.

O justesse dans la vie, ô égalité dans les mœurs, ô mesure dans les passions, riches et véritables ornements de la nature raisonnable, quand est-ce que nous apprendrons à vous estimer ?

BOSSUET

Si la littérature est sérieuse, elle implique un système sur les choses divines et humaines.

RENAN

Il faut se séparer, pour penser, de la foule,
Et s'y confondre pour agir.

LAMARTINE

Il est dangereux pour un peuple de compter dans son sein trop de vanités individuelles, et pas assez d'orgueils collectifs.

GUSTAVE LE BON

Ôi ! sống làm người cho đứng mực, ăn-ở đời cho phải-chăng, dù ham-muốn cũng điều-độ, ấy đó mới là những của báu của cái tính trời chi-đáng ; bao giờ chúng ta mới biết quí chuộng những cái đó ?

Nếu văn-chương là việc trọng thời nhà văn phải hoài-bão một cái chủ-nghĩa về thiên-lý nhân-sự.

Muốn quan-niệm, phải đứng xa nơi công-chúng ; muốn hành-động phải giãn thân chỗ đông người.

Một dân mà người ta nhiều cái lòng tự-cao riêng, ít cái lòng tự-cao chung, thời là một sự nguy-hiểm cho nước.

Hao-lư. — Đền vua Lê Đại-Hành.

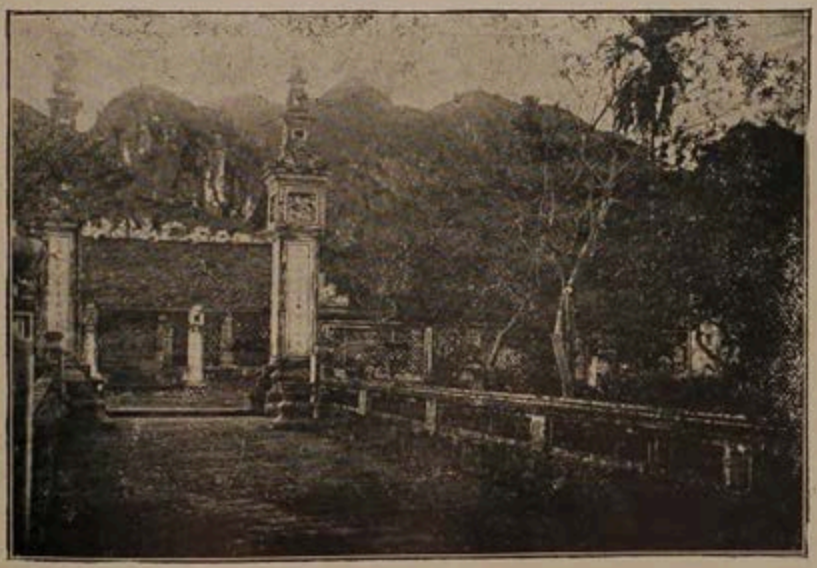

Hoa-lư. — Đền vua Đinh Tiên-hoàng

Kính ảnh T. C. Khuyến

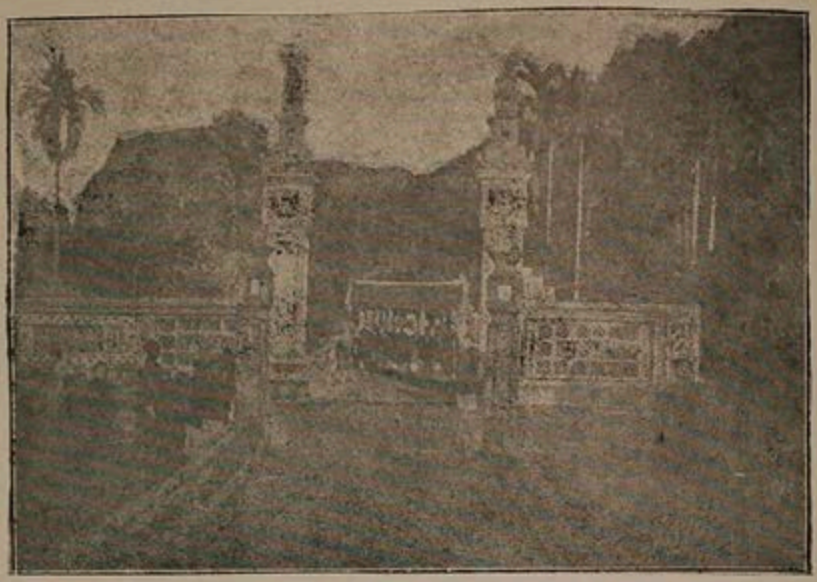

Hoa-lư — Đền Đinh Tiên-hoàng (Ngoài trông vào)

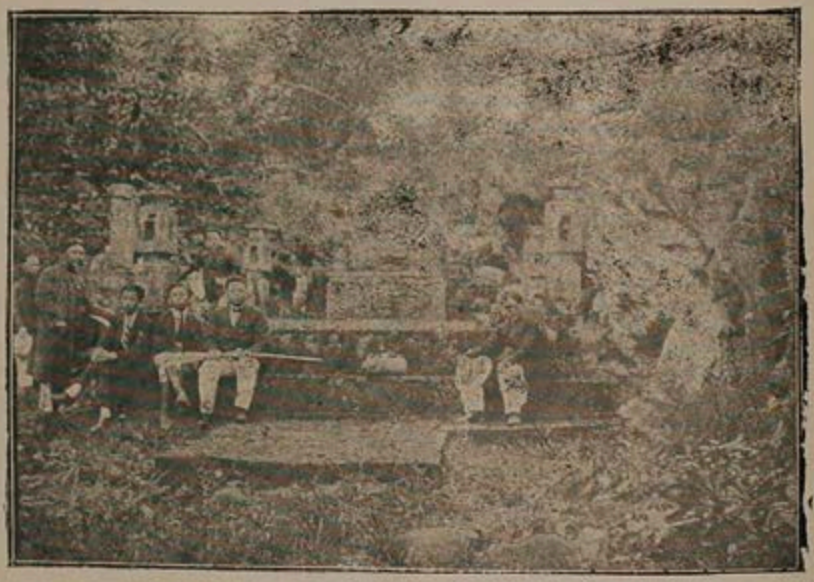

Hoa-lư — Lăng Đinh Tiên-hoàng (Trên Mã-yên-sơn)

Kinh ảnh T. C. Khuyến

QUAN, HÔN, TANG, TẾ[1]

Thưa các Ngài,

Hôm nay tôi đem câu chuyện cũ rích này thuyết-giải ra sau đây để các ngài nghe, tựa-hồ như lạt-lẽo mà không thích-thời thì phải, mà chính tôi đây, trong lúc tìm đầu để nghĩ nói về câu chuyện này cũng cho là ăn cơm mới nói chuyện cũ, thì có lẽ cũng lạt-lẽo thật. Vì ở vào cái thời buổi này, chính dương là cái buổi phong-trào mới, vận-hội mới, nhất-thiết bách-ban trong xã-hội, cái gì cũng đều ngầm có cái động-cơ muốn thay cũ đổi mới cả; vả lại muốn cho được thuận đạo cái phong-trào mới, vận-hội mới ấy, để khiến cho một cổ-quốc ở Á-Đông như nước mình đây được cải-lão hoàn-đồng, mà dần-dần bước lên cái địa-vị văn-minh mới-mẻ như người, thì những nhà kiến-thức, mà nhất là những nhà ngôn-luận, phải nên kíp truyền-bá cho quốc-dân những cái tư-tưởng mới, thâu-quán cho quốc-dân những cái tri-thức mới, chứ sao lại còn lạm-dụng cái thời-giờ quí-báu ngắn-ngủi ở trong thời buổi cạnh-tranh này, mà đem những câu chuyện cũ rích tự bao giờ mà ôn lại, chẳng hóa ra thừa lắm ru?

Lẽ đó đành thế, nhưng ta lại phải nên xét biết rằng: cái chức-trách của một nhà ngôn-luận, không những là chỉ có một vị là đề-xướng việc cải-cách mà thôi, lại còn một cái chức-trách rất gian-cự nó bắt buộc ta phải gia-tâm tận-lực mà gánh vác lấy, không suy lụy cho ai được, là cái chức-trách bảo-tồn vậy. Bảo-tồn cái gì? Tức là bảo-tồn lấy những điều văn-hóa cũ của mình, ấy cũng là cái vấn-đề quan-trọng, mà chắc các ngài, ngài nào bấy lâu cũng thường nghĩ đến nói đến luôn, là cái vấn-đề bảo-tồn quốc-túy đó. Nói đến đây thì tôi lại lấy làm vui lòng mà tự-quyết rằng các ngài hẳn phải tâm-hứa cho, mà biểu đồng-tình, thì câu chuyện của tôi sắp nói ra sau đây có lẽ lại thành ra đậm-đà mà có vị.

Câu chuyện mà tôi nói ra đây là câu chuyện về: *quan, hôn, tang, tế*, tức là một câu chuyện nhật-dụng thường-đàm, ai cũng biết cả, vì ai cũng biết cho nên thường, vì thường cho nên hóa cũ, mà có lẽ vì cũ cho nên không ai chịu lưu-tâm đến và bàn-bạc đến làm chi. Nhưng ta cũng nên nghĩ lại, chính cái mà mình coi là thường là cũ ấy, nó lại có quan-hệ đến nền gốc văn-hóa của quốc-dân ta đấy.

Nước ta trong mấy mươi đời nay theo văn-hóa của Tàu, nên cái hành-vi của nhân-quần xã-hội đều theo như người Tàu cả, tựu-trung cũng có một đôi điều khác hẳn, nhưng chẳng qua chỉ là những điều tế-toái, hoặc vì tình-tính hay vì tập-quán không thể cưỡng-đồng được mà phải lập-dị đi đó thôi, chứ như những điều thuộc về đại-cương đại-thể ở trong xã-hội thì thực cũng theo một lối cả, tức như việc quan, hôn, tang, tế này, ở người Tàu cho chí người mình nữa, từ xưa tới nay cũng đều lấy làm những việc có quan-hệ cho nhật-dụng dân-sinh một cách mật-thiết lắm. Vì cái lẽ mật-thiết ấy cho nên khi xưa thánh-nhân đặt ra những lễ đó, bày ra có lễ-tiết, có nghi-văn, để tỏ ra là một cái chế-độ trọng-đại, khiến cho nghìn muôn đời về sau phải gìn-giữ lấy làm mối gây dựng nên cái cơ thịnh-vượng cho nhân-quần. Nhưng cuộc

(1) Diễn-thuyết ở Hội Tri-tri Hà-nội ngày 14 tháng 5 năm 1925.

đời có cổ-kim thì việc đời cũng có thường-biến, cái đời của cổ-nhân còn là cái đời đan-giản, nên những chế-độ đã đặt ra đó lưu-truyền đến đời chúng ta đây là cái đời phiền-kịch, thì lại thấy có lắm điều quá ư phiền-toái, đã khiến cho một đôi người vì nóng-nảy hẹp-hòi, muốn những trừ-khử hết đi cho rồi; vả chăng dân-trí mỗi ngày mỗi mở-mang, thì dân-phong cũng mỗi ngày mỗi phù-bạc khinh-suất, làm cho sai-lạc bản-ý những chế-độ của cổ-nhân đi, nên lại càng khiến cho người thêm chán mà sinh lòng bỉ-dị. Đối với những nông-nổi ấy, duy chỉ có người thâm-hiểu nhân-tâm thế-đạo là biết bảo-tồn lấy cái chế-độ, mà lựa theo thời-thế châm-chước lại cho được thích-nghi, mới có mà cũ vẫn còn, ngõ-hầu mới không vẫn-loạn đến nền-nếp của xã-hội. Cái bản-ý của tôi nói câu chuyện này, riêng lòng cũng chỉ nghĩ có thế, mà các ngài đây hẳn cũng một ý ấy như tôi.

Trong bốn lễ quan, hôn, tang, tế, thì duy có lễ *quan* là ở xã-hội ta không có, cổ-nhân đã theo văn-hóa Tàu, mà có một điều đó lại không thái-thủ, không mô-phỏng, thì chắc là cổ-nhân hoặc cũng vì lẽ tính-tình tập-quán không thích-hợp mà bỏ đi chăng, cái lẽ vì sao tưởng không nên bàn đến vội. Tuy vậy mà người mình xưa nay, hễ nói đến những điều nhân-sinh nhật-dụng cũng vẫn thường nhắc đến cái tiếng đó luôn. Ấy vì cái lẽ mình không dùng đến mà lại hay nói đến, cho nên có người không biết ý-nghĩa cái lễ *quan* đó là gì, thậm-chí có người cứ nói quên mồm, mà lại hiểu lầm *quan* là *làm quan* nữa, nghĩ có đáng tức cười không! Mà nghe đâu cái hạng hiểu lầm ấy lại chiếm một phần nhiều thì phải. Vậy nay cũng xin đem mấy điều sơ-lược mà giải-thích qua về cái ý-nghĩa lễ quan ra làm sao, tưởng cũng không phải là vô-ích vậy.

Cổ-giả ở bên Tàu, cái lễ quan là lễ rất trọng. Quan là mũ. Lễ quan là làm lễ đội mũ. Tục nước Tàu xưa có con trai đến năm 20 tuổi thì cha mẹ làm lễ « gia-quan » và đặt « tên tự » cho. Là ý lấy con trai đến năm 20 là tuổi thành nhân, nghĩa là đã trở nên một người có thể giúp được ích-lợi cho gia-đình, cho xã hội, cho quốc-gia; lúc tổng-giác là lúc còn đề trái đào, trí còn non, sức còn kém, quanh-quẩn ở dưới gối cha mẹ đã đành, chứ tuổi đã đến 20 là tuổi trí khôn đã đầy đủ, sức-lực đương hăng-hái, bấy giờ phải ra mà ganh đua với đời, cho nên cha mẹ làm lễ đội mũ cho, là có ý trách-vọng cho con từ đấy trở đi phải ra mà gánh vác lấy việc đời vậy. Vì lòng kỳ-vọng của cha mẹ đối với con có ý sâu-xa như thế, cho nên khi làm lễ gia-quan cho con rất là chân-trọng. Cứ xem như cổ-lễ thì đủ biết cổ-nhân trọng cái lễ đó đến ngần nào. Khi làm lễ gia-quan cho con, thì cha mẹ phải kính-cẩn, chọn ngày làm lễ, phải kén người có tài-vọng, có đức-hạnh đến giúp lễ, phải tôn người con đứng vào cái địa-vị như tân-khách, rồi làm lễ gia-quan và đặt tên tự cho, đem những điều trung-tín, hiếu-đễ, xử-kỷ, tiếp-vật, và những điều có quan-hệ cho một đứa con mai sau, mà ân-cần khuyên bảo không thiếu lẽ gì. Đại-khái như ta nói: « Con ơi, nay con không còn bé nữa, tuổi đã lớn rồi, con phải biết rằng cái thân con từ nay đã là cái thân phải giúp nhà, giúp nước, giúp đời; thân con đã nên người lớn thì cái chí con cũng phải nên cái chí lớn, cái tài con cũng phải nên cái tài lớn, cái đức con cũng phải nên cái đức lớn mới được, con ạ! Vậy con phải lo làm sao, cố làm sao, học làm sao, hành làm sao cho không hổ với cái mũ cha mẹ đội cho con đấy, cho xứng-đáng với cái tên cha mẹ đặt cho con hôm nay. »

Ấy đại-ý cái lễ quan là như thế.

Xem như vậy thì ta cũng phải nhận cái lễ quan của người Tàu xưa là có

cái ý-nghĩa rất hay, cho nên đã đặt ra nghi-lễ về lễ quan này rất kỹ-càng long-trọng. Thế mà lạ thay, không những là ở ta không bắt-chước, mà chính ngay ở nước Tàu đã bao lâu nay, cái lễ đó cơ-hồ đã mất rồi thì phải, vì ở dân-gian không còn thấy có nữa. Chẳng hay vì đời sau thói đời mỗi ngày mỗi kiêu-bạc, lễ-giáo mỗi ngày mỗi lăng-di, mà lễ đó mất đi chăng. Hay là vì đời sau việc đời phồn-kịch, con người phải sớm biết việc đời, mà không đợi đến năm 20 tuổi mới làm lễ thành thân chăng? Hai lẽ đó ta cũng không dám quả-quyết là vì lẽ nào, nhưng cứ như ý riêng tôi thì sự bỏ lễ đó cũng là một điều đáng tiếc lắm. Nói rằng tiếc là tiếc vì cái lễ-ý, chứ không phải tiếc ở cái lễ-nghi, tiếc vì cái tinh-thần, chứ không phải tiếc ở cái hình-thức. Nói vậy hẳn cũng có người cho là tôi đây nệ-cổ mà muốn tòng-cổ chăng, nếu có thế, thì tôi đây cũng không phiền phải biện-bạch. Nhưng có một điều muốn để các ngài cùng nghĩ, thì sẽ biết cho tôi đây không phải là người nệ-cổ mà nói ra thế đâu. Cái vi-ý của tôi là lấy cái lễ đó có ngụ cái ý-nghĩa giáo-dục rất thâm-trầm, rất hùng-nghị, cũng một lời khuyên răn trong chốn gia-đình, ngày thường đứa con cũng chỉ vâng dạ nghe theo mà thôi, nhưng khi làm lễ gia-quan ấy, cũng khuyên cũng bảo đến thế, mà lại có đủ ý yêu, ý thương, ý mong, ý trách, ý mừng, ý lo, khiến cho đứa con đến phải cảm-động trong lòng, mà từ đấy phải cố chí sửa mình cho nên một người con khá. Ta nhân đó mà lại càng tin càng phục cái phép giáo-dục của cổ-nhân biết chừng nào. Nhưng thôi, lễ đó đã là một lễ quá cũ, vả chăng lại là một lễ hiện không có ở xã-hội ta, thì dù hay dù dở ta cũng không nên nói chi cho rườm lời vô-ích, gọi là nhắc qua cho biết đó mà thôi, xin để thời giờ ta cùng nhau khảo-luận về ba cái lễ hôn, tang, tế là ba lễ thông-hành ở xã-hội ta từ xưa đến giờ, xem điều gì dở, điều gì hay, điều gì nên bỏ, điều gì nên theo, mới có bổ ích cho đôi chút vậy.

Lễ *hôn* là lễ gả chồng lấy vợ. Cứ theo như luân-lý và văn-hóa riêng ở Á-Đông ta mà nói, thì sự hôn-nhân là gốc-rễ cho phong-hóa xã-hội. Cho nên cổ-nhân đã nói: « *hôn-nhân vi vạn-hóa chi thủy* », nghĩa là hôn-nhân là đầu muôn hóa, cho là có vợ chồng mới có cha con, có cha con mới có vua tôi, có bè bạn, có anh em, một cái nền gốc có quan-hệ mật-thiết như thế, nên cổ-nhân đặt ra có lễ-tiết, có lễ-nghi rất kỹ-càng trọng-đại, để khiến cho trăm nghìn muôn đời về sau đều theo một cái qui-phạm đó mà gây dựng nên cái trật-tự lương-hảo mĩ-mãn cho gia-đình xã-hội mình vậy.

Cái lý-thuyết về sự hôn-nhân này người ta có chia ra làm hai phái, mỗi phái một ý-nghĩa riêng, cứ tranh-luận nhau mãi, chưa lấy chi làm định-bình. Một phái theo về khoa-học mà nói, thì bảo là loài người đàn-bà sinh-dục khó-nhọc và lâu hơn các loài vật, cho nên người đàn-bà cần phải có một người đàn-ông làm bạn riêng của mình, để giúp đỡ trong khi sinh-dục, cho nên mới có vợ chồng. Một phái thì theo về luân-lý mà nói thì bảo rằng: sau khi loài người đã khôn rồi, đã biết thế nào là hay là đẹp, thế nào là dở là xấu, biết làm cho cách sinh-hoạt của mình khác với các loài vật, đầu tiên thì làm ra có vợ chồng. Hai lý-thuyết ấy đều có lẽ phải cả, nhưng cứ lấy cái trình-độ tiến-hóa của loài người mà nói, thì lý-thuyết sau có lẽ đúng hơn.

Nay không kể lúc đời còn là thái-cổ, dân-trí chưa khai-thông, nhân-văn còn hắc-ám, cách sinh-hoạt cư-xử của loài người còn chất-phác mọi rợ, về sự nam-nữ chỉ cầu-hợp như các loài vật. Chỉ kể từ lúc nhân-văn đã rạng, dân-trí đã khai, biết cải-tạo cái cách sinh-hoạt của mình, ăn đồ chín, mặc áo quần, ở nhà cửa, lại còn biết lập ra trật-tự ở trong xã-hội, mà cái mối trật-tự trước

tiên là định ra có sự hôn-thú, rồi muôn việc cứ đều theo đó mà giải-quyết dần. Theo như sử Tàu, lễ hôn ở Á-Đông ta sáng-thủy ra từ vua Phục-Hi là một vị thánh-quân về đời thượng-cổ, lúc đầu dựng ra sự hôn-thú là lấy ý con trai con gái phải có định đôi, không được hỗn-tạp, dần dần về các đời sau người ta đã nhận biết ra rằng sự hôn-thú ấy thực là hệ-trọng, nên mỗi đời lại sửa thêm có lễ-nghi lễ-tiết cho văn-vẻ ; ra đến đời nhà Chu là lúc nhân-văn đã thịnh, nên lễ hôn lại làm cho được hoàn-bị hơn, từ đó đến sau đều phụng-thủ là một cái thành-pháp mà tuân theo.

Cổ-nhân gọi là lễ hôn là có một cái nghĩa ở trong đó, vì đời xưa làm lễ cưới vợ cứ lấy buổi tối làm kỳ-hạn, *hôn* là tối, cho nên đặt tên là hôn (1). Tại sao cổ-nhân lấy buổi tối làm kỳ-hạn ? Là lấy cái lúc đó dương qua âm lại, hai khí âm dương giao-hoán với nhau. Ấy cái nghĩa lễ hôn là thế, còn cái ý lễ hôn thì lại là một cái ý rất hay, ta cần nên biết rõ mới được.

Lễ hôn là họp cái tình yêu của hai họ, trên để nối lấy cái mối của ông cha đời trước, khiến cho không đến nỗi vì mình mà tuyệt-duyệt ; dưới để rủ cái mối cho con cháu về sau, khiến cho ngày thêm phồn-thịnh. Vì lễ hôn có cái ý sâu-xa như thế, cho nên cổ-nhân khi mới bàn đến lễ hôn, cho đến khi lễ hôn đã thành, có đặt ra sáu lễ như sau này :

1° *Lễ nạp-thái*, là sau khi đã nghị-hôn thì đem con nhạn đến nhà gái để tỏ ý sự kén chọn đã lấy nơi đó làm chuẩn-đích rồi. Sở-dĩ mang chim nhạn như vậy, là lấy chim nhạn là một loài chim có nghĩa, không sánh đôi hai lần. — 2° *Vấn-danh*, là lễ hỏi tên họ người mẹ sinh ra người con gái và chính tên người con gái ấy là gì. Hỏi như vậy là vì cổ-nhân rất trọng về sự mẫu-giáo, con hay hay là hư, phần nhiều là ở người mẹ, hỏi thế thì biết được cái tính nết của người con gái ra làm sao. — *Lễ nạp-cát*, là sửa lễ đem sang nhà gái tỏ là đã bói được tốt, hai người lấy nhau thực là xứng đôi. — 4° *Lễ nạp-chưng* hay *nạp-tệ*, chưng nghĩa là chứng, tệ nghĩa là lụa, là lễ đem lụa-vải hay là đồ quí-vật gì để làm chứng về sự kết-hôn. — 5° *Lễ thỉnh-kỳ*, là lễ xin cho định ngày giờ làm lễ hôn. — 6° *Lễ thân-nghinh*, là đã được nhà gái nhận lời cho làm lễ hôn rồi, thì đến ngày giờ đã định, người con trai phải cùng với họ-hàng thân-thích mang lễ đến rước dâu về.

Ngoài sáu cái lễ đó lại còn nhiều lễ khác nữa, như lễ *tiếu-tử*, lễ *hợp-cẩn*, lễ *kiến-miếu*, lễ *kiến-cữu-cô*, vân - vân, tổng-chi đặt ra những lễ-tiết đó là cốt để khiến cho người phải nên thận-trọng về lễ đó mà không được cẩu-thả khinh-suất vậy. Ấy lễ hôn về cổ-giả thì chu-chí và hoàn-bị như thế đấy. Nhưng về đời sau hoặc vì thời-thượng mỗi lúc mỗi khác, hoặc vì việc đời mỗi ngày mỗi nhiều, mà người ta tỉnh-giảm những cái phiền-văn đi, nên sáu lễ đã kể như trên đó thì rút bớt đi, có nơi làm bốn lễ, có nơi chỉ làm có ba lễ hay hai lễ mà thôi, cái đó tưởng cũng là một lẽ bất-đắc-bất-nhiên. Nhưng dù tỉnh-giảm thế nào mặc lòng, mà cái lễ-ý vẫn không hề có sai-lạc vậy.

Nay ta thử xét đến hôn-lễ hiện-hành ở nước ta. Ta cũng cùng theo một cái lễ-ý như người Tàu, nhưng cũng tỉnh-giảm chứ không theo cả. Thông-thường thì kỳ-thủy làm lễ *giạm*, rồi làm *lễ hỏi*, sau rốt thì làm *lễ cưới* nữa là xong. Ngoài ra lại còn những lễ như *lễ sêu*, *lễ tết*, cái đó hoặc vì phong-tục bắt buộc,

(1) Nguyên lễ hôn là chữ 昏 này, về sau mới dùng chữ 婚 kia.

hoặc vì sự giàu sang muốn bày vẽ cho thêm long-trọng, chứ không phải là lễ chính, cho nên cũng có nơi không có.

Có một điều muốn chất-vấn với các ngài, là trong lễ hôn hiện-hành ở xã-hội ta có một điều cứ xét như trong hôn-lễ Tàu mà ta theo xưa nay thì không có, mà riêng tôi đây cho là một điều có ý-nghĩa rất hay, là trước khi hay sau khi cử-hành hôn-lễ có một cái lễ gọi là *lễ cheo* (hay lễ *treo*) thì không biết xuất-xứ tự đâu, mà ta gọi ra tiếng chữ hán là «*lan-nhai*» hay « *lan-dai* », thì đều không có nghĩa gì cả. Cheo là gì ? Treo là gì ? Lan-nhai hay lan-dai là thế nào ? Thì thực không ai giải rõ nghĩa vì thế nào mà cổ-nhân lại gọi thế. Chỉ biết rằng cưới thì làm lễ cheo, nộp trầu cau hay tiền bạc cho họ-hàng và làng xóm người con gái để chứng-thị cho lễ hôn-nhân, rồi xin tờ cheo ở lý-trưởng. Người trước làm, người sau cứ thế mà bắt-chước, và công-nhận là một cái lễ tất phải có, lại cho là có ý quan-trọng hơn các lễ khác, cho nên phong-dao đã có câu : «Có cưới mà không có cheo, nhân-duyên trắc-trở như kẻo không đanh. » Xem vậy thì biết lễ cheo tức là một cái thiết-chứng, khiến cho sự hôn-thú được thêm cái mối tình bền chặt. Có người nói vì đời sau này lòng người trắc-trở, cho nên mới phải đặt ra cái lễ cheo ấy để phòng-phạm những sự ly-dị. Lời nói ấy không biết có đúng với sơ-ý của cổ-nhân đặt ra lễ đó không, nhưng cũng có lẽ lắm, tức như lệ-luật ở các nước văn-minh bây giờ, khi cưới xin, người con trai con gái phải làm phép cưới tại tòa, có người chứng-thực và để biên vào sổ giá-thú thì mới gọi được là sự *chính-thực kết-hôn* vậy.

Nay nói tóm lại, những điều nói trên đó là giải-thích về ý-nghĩa lễ hôn mà là nói riêng về cái lễ chính thì hay như thế đấy. Nhưng tiếc vì văn-hóa mỗi ngày mỗi bác-tạp, cho nên người đời dẫu gọi là vẫn còn giữ cái lễ đó, mà thực ra có nhiều điều bại-liệt quá rồi, chẳng nói đâu xa, cứ xem như cái trạng-thái ở trong xã-hội ta có bao nhiêu những cái ác-họa xảy ra hằng ngày, phần nhiều cái họa-cơ là bởi vì sự hôn-thú mà gây nên cả. Những điều tệ-hại như thế bấy lâu các nhà có kiến-thức đã xét ra cả, mà cùng nhau tìm phương bổ-cứu, và các báo-chương ta cũng từng nhiều phen thống-luận rõ-ràng, vậy tưởng cũng không nói lại làm chi cho tốn thời giờ của các ngài nữa.

Ấy cũng vì lẽ có nhiều điều tệ-hại, cho nên về cái vấn-đề ấy, đã nhiều người muốn xướng-đạo nên việc cải-lương. Gia-chi-dĩ tới nay là cái thời-đại giao-thông, những người tâm-túy về văn-hóa mới, lại nóng muốn được thực-hành cái chế-độ hôn-thú tự-do ; về lẽ đó hay dở nên chăng thế nào, ta không thể lấy con mắt hẹp-hòi và tư-tưởng nông-nổi mà phán-quyết ngay được, tất ta phải xét kỹ cái lẽ-ý của cổ-nhân ta và lại xét rộng đến cái văn-hóa mới của người, so-sánh cất-nhắc cho tinh-tường, thì mới khỏi sinh ra điều tệ-hại.

Một nhà học-giả Tàu đã từng so-sánh cái vấn-đề đó thì chia ra có năm điều khác nhau như sau này :

1º *Lược-đoạt*, nghĩa là hiếp lấy hay cướp lấy ; 2º *Mãi-mại*, nghĩa là mua bán con cái bằng tiền-tài như mua bán các giống vật ; 3º *Sinh-thú*, nghĩa là có cưới có đón tử-tế ; 4º *Doãn-nặc*, nghĩa là lấy nhau có người trên bằng lòng nhận lời ; 5º *Tự-do*, nghĩa là trai gái yêu nhau, cứ tự-do mà tác-hợp cùng nhau, không cần phải ai làm chủ cả.

Cứ cái liệt-điểm về sự hôn-nhân ở xã-hội ta thì cái tệ mua dâu bán rể như điều thứ hai đó cũng có chiếm một số nhiều, nhưng cứ bình-tình mà xét thì ở xã-hội ta cũng biết trọng về sự sinh-thú.

Còn điều doãn-nặc và điều tự-do thì lấy cái tình-trạng riêng ở xã-hội ta từ đây trở về trước, thực chưa có công-nhận cho là chính-thức bao giờ, nhưng hiện ngày nay là buổi khai-thông, cái tri-thức và cái tâm-lý của các bạn nam-nữ thanh-niên, đều như có ý tự cho mình có được cái quyền thiên-phú bước qua cái giới-hạn cũ hẹp-hòi mà muốn xô nhau đi về con đường khai-phóng mới ấy ; vậy cứ lấy cái lẽ đương-nhiên thì tất cũng phải thuận-đạo cho được mau xuôi, nhưng ta e rằng không khéo lại lầm đường lạc lối mà lại lầm vào cái cảnh hắc-ám mê-li. Thực thế, giáo-dục và tri-thức hoàn-bị như người các nước văn-minh Âu-Mĩ bây giờ, còn vì lầm lẫn mà sinh ra những mối tệ-hại cũng không phải là ít, nữa chi là người mình ru ! Nghĩ vậy mà ta lại lấy làm một điều đáng chú-ý quan-tâm, nên muốn giải-thuyết về hai điều đó một đôi lời ra sau đây để các ngài xét nghĩ xem sao vậy.

Doãn-nặc và *tự-do*, hai điều không khác nhau mấy, chỉ khác là lẽ chủ-tòng quan-hệ thế nào đó mà thôi. *Doãn-nặc* là sự kết-hôn trước bởi cha mẹ quyết-định thì cha mẹ là chủ, rồi cầu đôi bên trai gái hợp-ý thì trai gái là tòng ; *tự-do* là sự kết-hôn trước bởi đôi bên trai gái ưng-thuận thì trai gái là chủ, rồi cầu cha mẹ bằng lòng thì cha mẹ là tòng. Cứ xét kỹ ra thì hiện nay ở xã-hội ta, phàm những nhà nào gọi là có chút kiến-thức mới, thì sự hôn-thú của con cái đều theo sự doãn-nặc cho là hay hơn cả. Cho dẫu con cái hoặc có lấy ý riêng mà muốn tự-do kết-hôn chăng nữa, cũng chưa dám tự-quyết mà cần phải có được cha mẹ bằng lòng mới yên.

Nhưng nay lại cứ lấy cái lẽ công-nhiên mà nói, sự doãn-nặc dẫu không khác gì sự tự-do, nhưng thực ra mà hai bên trai gái bằng lòng thì vẫn hình như là bắt-buộc, nên vẫn không khỏi có điều tệ-hại sinh ra vậy. Xét ra hoặc là bởi hai cái nguyên-nhân sau này.

Một là vì sự *dự-ước hôn-nhân*, thói thường ta có người gả bán con-cái cho nhau từ khi còn ở trong bụng, điều đó thực là một điều rất bậy, ai cũng biết rồi, nhưng hoặc không thế nữa, thì lại là cái hại tảo-hôn, con-cái mới nứt mắt ra, tóc đầu chưa ráo, đã bàn đến sự lấy chồng lấy vợ, điều này có lẽ là cái thông-bệnh ở nước ta bây giờ. Cứ suy tìm cái duyên-do thì đều bởi mấy lẽ ngu dại này mà ra : Tục ta lấy sự *tự-tục* làm trọng, có con muốn cho chóng có cháu để nối dõi tông-đường, chứ chẳng nghĩ gì đến cái sự hại của đứa con, trí còn non, sức còn kém ấy sẽ phải chịu ra làm sao. Có kẻ lại lấy sự kết-hôn làm cái mối ỷ-lại, thói thường cho là kết-thân với kẻ môn-đệ tài-sản hơn mình, là được trông cậy về cái thế-lực của người giúp đỡ. Thậm-chí có người lại lợi-dụng sự kết-hôn để thi-hành cái kế làm quên sự hiềm-khích với nhau ; nói cao lên như là đời nhà Hán, nhà Đường bên Tàu đem công-chúa gả cho Hung-nô, đời nhà Lý nhà Trần ở nước Nam ta đem con gái tôn-thất hay công-chúa gả cho các phiên-tù hay vua Chiêm-thành. Quá hơn thế nữa, là có người mượn sự kết-hôn để mưu-đồ một việc gì, nói cao lên như vua Nã-phá-luân lấy công-chúa nước Áo, ở nước Nam ta như Triệu Đà cầu-hôn với Thục-vương, Lý Phật-tử kết-hôn với Triệu Quang-phục ; ở người trên thì thế, mà dân-gian bách-tính thì cái số đó thực là phần nhiều. — Cách hôn-nhân như thế thực là miệt-thị cái nhân-cách của con-cái, cam lòng để cho bại-hoại đi, mà vẫn công-nhiên làm được, mới kỳ chứ !

Ngày nay tư-tưởng của loài người đã tiến-bộ, cách hôn-nhân ấy tưởng nên phá trừ. Thứ nhất là cái hại tảo-hôn phải nên tìm đường cấm-chỉ, và những

kẻ làm cha mẹ chớ nên vì cái ý mưu-đồ riêng của một mình mà phá-hoại nhân-cách của con-cái, thực là một điều tàn-bạo không hợp với nhân-đạo chút nào. Người các nước văn-minh bây giờ vẫn cho cách hôn-nhân ấy là *manh-hôn, bức-hôn*, chẳng những cái hạnh-phúc của một gia-đình phải vì đó mà ngày một đổi-bại đi, cho đến cả cái hạnh-phúc của một xã-hội, một quốc-gia cũng chịu một phần ảnh-hưởng rất lớn vậy.

Hai là vì sự giao-tế của con trai con gái chưa được khai-phóng. Cứ theo như cách hành-vi của người các nước văn-minh Âu-Mĩ bây giờ, thì sự nam-nữ-giao-tế thực có quan-hệ đến cái vấn-đề hôn-cấu một cách rất mật-thiết. Ví-dụ như một người thanh-niên đã nhờ được có giáo-dục hoàn-toàn mà nên được là người có học-vấn, có trí-thức, thì trong khi cầu-phối tất phải tìm người có trí-thức học-vấn tương-đương và tính-tình khí-hợp mới xứng đôi, mà tất phải tự mình được trực-tiếp kén-chọn kỹ-càng, chứ không chịu nghe một lời nói không đâu, mà ngộ-lụy đến đại-sự chung-thân của mình. Sự hôn-thú của con trai con gái nước ta vì theo lễ-giáo nghiêm-ngặt : *nam-nữ hữu biệt, nam-nữ bất đồng tịch*, nên sự giao-tế không có, chỉ bằng ở lời mối-lái và lời người giới-thiệu nói sao nên vậy mà thôi. Cái hạng người mối-lái ở xã-hội ta, phần nhiều là hạng người đê-tiện dốt-nát, chỉ vì chút lợi múa ba tấc lưỡi, không nói nên có, xấu nói nên tốt, hiện nay người thức-giả không mấy người dùng, chỉ nhờ người quen biết đứng giới-thiệu cho hai bên ; tuy vậy mà người giới-thiệu cũng không chắc, vì ai biết hết lòng ai, đã không biết hết thì làm sao mà đạo-đạt cho nhau được, cho nên sự hôn-nhân dẫu có thành chăng nữa cũng chưa được là hoàn-toàn. Cứ như thế trừ-phi nam-nữ được trực-tiếp giao-tế với nhau thì mới mong có được cái phúc hoàn toàn ấy.

Tuy-nhiên sự đó lại có một cái lẽ khiến cho xã-hội ta chưa thể thực-hành được ngay trong lúc bây giờ, là cái lẽ trình-độ học-vấn của người mình còn kém lắm, không kể con gái mấy năm nay nhờ được nền nữ-học mở-mang, mà cũng được cấp sách đi học, nhưng vì mới học cho nên sự học còn hẹp-hòi nông-nổi, vả chăng cái số người đi học hãy còn ít lắm, còn thì toàn là vô-học cả, kể ngay như con trai, trong trăm người mà cầu lấy một hai người thực có học-vấn, có trí-thức, cũng còn ít lắm thay. Học còn kém thì trí tất còn nông, và cái tư-cách tất còn chưa được hoàn-bị, vậy mà đã bàn ngay đến sự giao-tế sao nên ; thiết-tưởng cái vấn-đề đó chưa phải là cái vấn-đề khẩn-thiết, mà người mình cũng chớ nên mộng-tưởng đến vội.

Cứ như ý riêng tôi đây, thì về cái vấn-đề hôn-lễ ở xã-hội ta, vì có một đôi điều quá ư bại-liệt như trên kia đã nói, mà ta cần phải tìm cách chỉnh-đốn lại cho được hoàn-toàn. Theo cả như cổ-lễ thì có điều phi ền-văn quá, không thích-hợp với thời-nghi, mà bắt-chước ngay cái lối kết-hôn văn-minh ngày nay thì lại có chút trái ngược với cái nền-nếp phong-hóa của mình. Điều đó thực thế, ta cứ xem như nước Tàu mấy năm nay, nam-nữ sức học đều đã tiến-bộ lắm, dẫu họ có hết sức đề-xướng sự hôn-thú tự-do chăng nữa, mà họ cũng không dám quá ư mô-phỏng, để đến nỗi trái hẳn với cái luân-lý của mình. Ngụy Băng-tâm nữ-sĩ, là người tiền-đạo về phái *hôn-thú tự-do*, có nói rằng : « Sự *đăng báo cầu-hôn* như ở nước Nhật-bản kia thì về phần nữ-giới ai đã biết quí-trọng cái thân mình, tất là chẳng khi nào lại quá ư đê-hèn mà đem ngọc bán rao như thế. » Ấy đấy, họ bắt-chước sự

văn-minh kết-hôn mà đến điều đó họ không bắt-chước, vả chăng cái điều đó ở Nhật - bản chỉ ở hạng hạ-lưu thì nhiều, chứ ở hạng trung-lưu và thượng-lưu thì tuyệt-nhiên không có sự tự-do quá thế bao giờ.

Vậy thiết-tưởng ở vào cái buổi này, xã - hội mình dẫu còn đương là buổi giao-thời, nhưng đã gọi là khai-thông thì người làm cha mẹ, khi bàn hôn-sự cho con-cái, phải nên có lương-tâm giữ trọn lấy nhân-cách cho con-cái, khiến cho con-cái được có quyền quyết-định lấy sự chung-thân của mình, nhất là chớ nên ép-nài, và chớ nên gả chồng lấy vợ sớm ; mà kẻ làm con cũng phải thể lòng cha mẹ, dẫu không theo cái ác-tập *đặt đâu ngồi đấy, quá sợ vâng lời* mà mang lụy, nhưng điều hay lẽ phải cũng chớ nên phóng-tứ mà không nghe.

Lẽ đó chẳng qua là một lẽ châm-chước tùy-nghi, miễn là cho hợp với cái tình-thế trong buổi giao thời này, sao cho cái cổ-lễ trải bao nhiêu đời không đến nỗi vì ngày nay mà mai-một đi, và mong trừ tiệt được cái mầm-mống hại vì những phường dung-tục ngộ-nhận hai chữ tự-do mà gây nên vậy.

Nhưng nay còn một điều tưởng kíp phải nên trần-thuyết với các ngài rõ, là ngoài cái ẩn-họa muốn nẩy-nở ra mà tìm cách đề-phòng đó, lại còn một cái họa hiện đã công-nhiên lưu-hành ở xã-hội ta là cái nạn xa-xỉ trong sự hôn-nhân vậy.

Không kể những kẻ bỉ-lậu vô-tri, theo cái ác-tập *mãi-mại* đem con cái làm món hàng để bán lấy tiền, cô-kê bớt một thêm hai, không còn có ý-nghĩa gì là hôn-thú nữa, cái thói giá-thú luận-tài ấy, xưa nay ta cũng vẫn cho là *di-lỗ chi đạo* mà chỉ-nghị chê cười. Nay chỉ nói riêng về những nhà có kiến-thức đôi chút, biết cái sự mua con bán cái ấy là một điều trái với nhân-đạo mà không bàn đến tiền-tài, như vậy thì tưởng sự hôn-nhân còn có điều gì đáng nên chỉ-nghị nữa ; nhưng than ôi ! không lấy tiền mà cái hại lại gấp trăm gấp nghìn mới độc chứ, là bày ra hết cách xa-xỉ để mua chuộc lấy một cái tiếng khen vô-vị với đời. Cái hại xa-xỉ, nhất là ở các tỉnh-thành ngày nay thì thực là hết cách không còn biết sao mà nói cho cùng. Thường thường đám cưới một nhà trung-lưu trở lên, nói rằng không lấy tiền, nhưng nghi-tiết lại bày đặt làm cho đủ mọi vẻ long-trọng, không kể những đồ trang-sức dâu rể, nào hoa hột xuyến nhẫn, gấm vóc đoạn xa, phí-tổn kể có mấy trăm mấy nghìn chẳng hạn ; kế đến những cái phí vô-ích như ăn uống linh-đình, hát xướng rộn-rịp, lúc đưa dâu đón rể, thi nhau mà giở cách giềnh-giàng, xe cao-su chưa đẹp chưa sang, lại tấp-tểnh xe song xe độc, kẻ này có một, kẻ kia muốn mười, nô-nức nhau, đua-đòi nhau, chẳng ai chịu kém ai ; nên có nhà lo xong một cái lễ cưới cho con, tính có đến một số chi-tiêu khá lớn, nhà-phú-quí thì tốn bao nhiêu cũng không quản, chứ nhà thường-thường bậc trung hay nhà túng thiếu nhắm mắt mà lo xong cho được dâu được vợ, là kẻ vai mà chịu ngay mang nợ mang công ; ôi thôi ! cái trái-đài chồng-chất như non, có lẽ phải cố đất cầm nhà mà bồi-đắp, cơ-hồ cũng chưa đủ ; cái sự thêm người cho thêm vui cảnh đoàn-viên trong chốn gia-đình chưa thấy đâu, mà cái nỗi lo buồn « nhất tội nhì nợ » nó đã cắn rứt trong lòng làm cho mất ngủ mất ăn, gia-đạo vì đó mà lâm cơ suy-bại ; có nhà vợ chồng vì thế mà « chưa vui xum-họp đã sầu chia-phôi », luân-lý gia-đình theo đó mà diễn nên nhiều cái quái-tượng nữa. Hôn thú như thế, nghĩ đã đáng ngao-ngán chưa, vậy mà người đời vẫn hình như không biết thế là hại, thì thực lạ quá ! Ta lại nên biết rằng cái sự hại chẳng những chỉ trong một nhà một người mà thôi, nó lại có cái

ảnh-hưởng rất lớn và rất rộng. Vì sao vậy ? Hẳn ai cũng tự biết hiện nay là cái thời-đại cạnh-tranh, đường kinh-tế của xã-hội mình còn sút kém, phương sinh-hoạt của quốc-dân mình còn hẹp-hòi, đã sút kém, đã hẹp-hòi mà lại xa-xỉ thì có nguy không ? Nguy nữa là hết thảy những cái *xa-xỉ-phẩm*, mà người mình nô-nức đua đòi nhau ấy, lại là thủ-dụng ở ngoại-hóa cả, người ngoài họ cứ hết sức làm mới làm đẹp, hết lối này giở lối khác, người mình cứ việc khuân vác, đem cái mẫu-tài huyết-mạch mà sắm mà mua đem về lại hãnh-diện với nhau cho là sang là trọng, kỳ thật ! mà ngộ thật ! Trách nào mà bảo cái tài-nguyên trong nước không tháo mà cạn, không tát mà vơi, chẳng là bởi cái lậu-chi rất lớn đó ru ! Ấy đấy, ta mới nói riêng cái hại xa-xỉ về sự hôn-nhân mà còn như thế, đã đủ làm cho các nhà thức-giả phải lấy làm quan-tâm. Vậy mong rằng trước khi ta muốn bàn đến sự hôn-thú ngày nay, tòng-cổ hay tòng-tân thế nào mặc lòng, vì cái lẽ tất phải đến đúng với trình-độ của mình mới được, nhưng trước hết ta hãy nghĩ đến cái hại ấy mà tìm cách đề-phòng bổ-cứu ra làm sao, chứ cứ như ngày nay thì thiết-tưởng dù thế nào cũng hỏng mất !

Nhân vui câu chuyện tôi lại xin nói qua đến cái lễ-tục của từng xã-hội một. Về xưa kia, sự giao-thông còn hẹp hòi, người ta ở đâu cứ ở đấy, cho nên cái lễ-tục mỗi nơi mỗi khác. Gọi là lễ-tục, nghĩa là ở xã-hội nào thì thích-hợp riêng cho xã-hội ấy ; bởi cái phương-diện đạo-đức và tập-quán của mỗi một xã-hội, gây-dựng truyền-tập từ bao nhiêu đời, mà nên những cái lễ tục ấy. Từ ngày thế-giới giao-thông mỗi ngày mỗi rộng, người ta nhân đó mà thường thường được trực-tiếp giao-hiệp với nhau, giao-hoán tri-thức lẫn cho nhau, các người có ý quan-phong biết so-sánh lễ-tục của xứ này với lễ-tục của xứ khác, rồi ra sự hay sự dở, điều tốt điều xấu, mới thấy được rõ-ràng. Nay hãy nói lễ-tục thuộc về sự hôn-nhân của một vài nơi lân-cận ta ra sau này, để các ngài bình-phẩm.

Hôn-lễ giản-tiện nhất thì chẳng đâu bằng nước Nhật-bản, con trai con gái tuổi đã trưởng-thành (gái 20 tuổi trở lên, trai 30 tuổi trở lên), những nhà thường-thường bậc trung, cha mẹ vì con kén nơi định chốn, nhưng cần phải cho đôi bên trai gái đều được lấy ý riêng mình mà quyết-định, rồi sau mới bàn đến lễ hôn. Từ ngày duy-tân, trình-độ tri-thức của quốc-dân lại khuynh-hướng về sự tự-do-hôn-thú, nên đôi khi hoặc trai hoặc gái, có người tự đem tên họ, chức-nghiệp, học-thuật của mình đăng lên báo-chương, con trai thì nói là *cầu-thê*, con gái thì nói là *cầu-hôn*. Sau khi đó, ai có lòng sở-cầu, thì đưa danh-thiếp và tấm ảnh đến nhà nhau, nếu hai bên thỏa-thuận thì người con trai đến nhà người con gái, cha mẹ hay người thay quyền cha mẹ người con gái ấy, cho hai người được diện-tiếp cùng nhau, và đều nói cho nhau biết cái ý cầu-phối thế nào, trò-chuyện xong rồi về. Ngày hôm sau, nhà trai nhờ một người mối, đến nhà gái cầu cái ý-kiến tán-thành của cha mẹ, hay người thay quyền cha mẹ người con gái ấy. Rồi đó mới bàn đến lễ hôn, định ngày thân-nghinh. Đến ngày, người con trai cùng với cha mẹ và mấy người thân-thích nhà mình đến nhà gái, có mang sẵn một cái xe không, đến để đón dâu. Nhà gái có đặt tiệc trà hay rượu xuông để thết-đãi. Xong rồi hai vợ chồng làm lễ tạ ở trước tiệc, rồi lên xe cùng đi. Cha mẹ hay người thay quyền cha mẹ người con gái thân đưa dâu về tận nhà trai. Khi người con gái về nhà chồng, chào cữu-cô rồi, thì theo một người bạn gái đi đến các nhà láng-giềng hay các nhà thân-thích, đứng ngoài cửa chắp tay vái một vái, vái xong đi ngay ; làm như

vậy là để tỏ cho ai nấy biết rằng mình đã là con dâu nhà ấy rồi. Ấy cái hôn-lễ thông-thường ở nước Nhật-bản thì đều theo một cách giản-tiện như thế cả, chứ tuyệt-nhiên không có những cái phiền-văn và cái cách gả bán thách-thức tiền-nong gì cả. Còn nhà nào mà cách giao-tế rộng, thì sau khi đã đón dâu rồi chọn một nơi đặt tiệc mời các người thân-thích trong hai họ, làm lễ *kết-hôn phi-lộ*, nghĩa là tỏ bày sự kết-hôn. Trên nữa như các nhà thượng-lưu, thì trước khi làm lễ hôn ít ngày, đăng lên báo-chương nói rằng: hai người con-trai con-gái này, đã định đến ngày này, đến tại đại-thần-cung này làm lễ kết-hôn và định tại nơi tửu-điếm nào đó, đặt tiệc kết-hôn phi-lộ, v. v... Hôn-lễ của Nhật-bản đại-để như thế, nay cũng chưa dám vội bình-phẩm hay dở ra thế nào, nhưng tựu-trung có một điều tưởng các ngài cùng tôi đây nên công-nhận là một sự rất đích-đáng. Người Nhật-bản đã đành là không có tục tảo-hôn, nhưng dù đến khi đã trưởng thành rồi con trai tất phải đi lính rồi mới lấy vợ, con gái tất phải có tốt-nghiệp trong một học-đường nào rồi mới lấy chồng, như vậy thì trai gái đều đã tự gây lấy được cái tư-cách của mình cả, thì sau khi kết-hôn mới sẽ gây lên được cái hạnh-phúc mĩ-mãn hoan-toàn vậy.

Cũng là một nước cùng chịu văn-hóa của Tàu như nước Nhật-bản mà hôn-lễ thực khác hẳn không giống nhau một chút nào như thế. Theo được đúng, duy chỉ có nước ta mà thôi, dẫu tựu-trung cũng có một điều vì cái tập-tục mà có khác đi đôi chút, như những điều trên kia đã nói đó, nhưng cái lễ-ý thì ta cùng với người Tàu thực cùng theo một lối cả.

Cái lễ-tục thuộc về sự hôn-nhân này, nói đến những nghi-văn phiền-xác nhất, thì chẳng đâu bằng Quảng-đông và Vân-nam là hai tỉnh giáp-giới nước ta đây, chính người Tàu bây giờ cũng phải kêu là phiền-xác nhất.

Ở Quảng-đông thì hôn-lễ đặt ra có đến mười tiết-thứ: 1º *Canh-thiếp*, là con gái đã lớn, cha mẹ viết giờ sinh tháng đẻ và tuổi đứa con gái vào một cái thiếp, nhờ mối đưa sang nhà trai nào mà mình đã định gả đó, nhà trai nhờ thầy bói, bói xem tốt xấu thế nào, nếu thầy bói nói là xấu thì là hôn-sự không thành. Ở nước ta cũng có cái tục này, tức gọi là xem tuổi, tục này rất nhảm, nhiều khi đáng nên đôi lứa mà vì thầy bói bảo xung thế nọ, khắc thế kia, mà thành ra hỏng việc. — 2º *Sinh-kim*. Đã bói được tốt rồi, thì mối đi lại hai bên để bàn tiền cưới, thường thì cứ vào khoảng ba bốn trăm đồng, nhà gái đòi tiền cưới nhiều, nhà trai cũng bách-cầu cái số trang-niêm rất hậu, ngoài cái số tiền cưới lại phải có lễ chín, như lợn gạo gì đó, cũng mất một số tiền khá to. — 3º *Định thân*. Nhà gái đã nhận tiền cưới và nhận lễ chín rồi, nhà trai lại phải dâng lễ-vật nữa, gọi là lễ định-thân, nghĩa là đã định hẳn rồi. Nếu sau khi đã định-thân rồi, chưa cưới mà người con gái chết thì danh-nghĩa cũng thành là vợ người con trai kia rồi, vậy về sau người con trai có muốn lấy vợ khác nữa, cũng phải gọi là kế-thất. Hoặc chưa cưới mà người con trai chết, thì người con gái có muốn đi lấy chồng khác nữa, cũng phải xin phép nhà trai có cho mới được. — 4º *Nghinh-thú*, tức là lễ đón dâu. — 5º Lễ *bái-tổ*, tức là lễ nhà thờ. — 6º Lễ *Hoán-trà*, là hai vợ chồng làm lễ giao-bái tại đồng-phòng, có một người đứng rót đôi chén trà đưa cho mỗi người mỗi chén, mỗi người uống một hớp rồi lại đổi cho nhau. — 7º Lễ *náo-đồng-phòng*. Tối hôm kết-hôn trong đồng-phòng thắp đèn nến sáng trưng, hai vợ chồng

cùng lạy ngọn đuốc hoa, rồi lạy ông thần giường bà thần giường, các bà con kéo vào đọc bài văn hoa-chúc để chúc mừng, cười đùa ầm-ỹ, đến khuya mới tan. Tục này ở ta cũng một đôi nơi có, nhưng không có phiền như thế, chỉ hôm cưới, tối đến hai họ cử ông nào có danh-giá, nhất là có lắm con nhiều cháu, vào buồng đặt hướng giường và rải chiếu cho, tức tục gọi là rải giường chiếu ; làm như vậy, nghĩa là để cầu cho đôi vợ chồng mới ấy về sau cũng sinh năm đẻ bảy, dài lũ đông đàn vậy. — 8º Lễ *bái-đường-triều*. Sau ngày cưới, hai vợ chồng vào lễ cha mẹ và tạ người hôi cùng các người tôn-trưởng. Cha mẹ và các người tôn-trưởng phải cho tiền, gọi là tiền cho con dâu tậu ruộng. —9º Lễ *chuyển-diện*, tức là lễ lại mặt.— 10º *Niêm-lễ*, *tiết-lễ*, tức cũng như là các lễ sêu tết của ta.

Tựu-trung lại còn một đôi nơi làm những lễ sau này nữa : *Tiễn bạch-hổ*, là khi đưa dâu về đến cửa, hãy dừng xe lại, mời thầy cúng đứng đọc mấy câu trú để khu ma tà; *Chấn phu-cương*, là khi người con dâu về, mình mặc áo đỏ, mặt phủ khăn đỏ, người chồng lấy tay bỏ cái khăn đó ra, rồi cầm cái quạt đánh sẽ vào đầu người vợ, làm như vậy là để tỏ cái quyền-pháp của người chồng đối với vợ sau này ; coi đó thì đủ biết cái oai-quyền của một người chồng ở phương Á-Đông ta cũng ghê thật, cũng hách thật. Ở Quảng-đông cái tục lấy vợ sớm rất thịnh mười phần có đến bảy tám phần chứ không ít, có khi con cái mới độ lên ba lên bốn đã làm lễ hôn rồi. Nhưng đâm nào lúc bé làm lễ hôn mà đến khi lớn mới làm lễ hợp-cẩn, thì gọi là *kê-đối*, nghĩa là ở với nhau từ lúc bé mà đến lúc lớn mới thân nhau.

Ở Vân-nam thì hôn-lễ cũng phần nhiều phiền-xác như thế, nhưng có mấy lễ khác hẳn như sau này : Khi nghị-hôn cần phải xem xét mấy điều rất kỹ-lưỡng, hai bên phải hộ-đối môn-đương, tài-sản phải bằng nhau, phải cùng một tôn-giáo, trong gia-đình phải không có tiếng-tăm xấu, phải không có cái gì xung-khắc nhau. Khi xem xét như thế gọi là lễ *tướng-nhân-gia*. Những điều xem xét đã được cả rồi, thì chọn ngày làm lễ *hạ-định* là nhà trai nhà gái giao-hoán những lễ-vật cho nhau, đại-khái như nhà trai thì đưa kim cải vải lụa và các đồ vàng bạc trang-sức, nhà gái thì đưa sách vở giấy bút giầy mũ. Tự đó hai bên nhất-định kết-hôn, nếu bên nào sinh sự gì, thì bên kia có quyền được đi kiện. Trước ngày đón dâu thì làm lễ *quá-lễ*, là nhà gái cho mang về nhà trai trước tất cả những đồ nhật-dụng của người con gái ; các nhà phú-quí lại có cắt ra những người đi bồi-giá nữa như ngày nay ít người dùng đến.

Bên Tàu nhiều nơi lại còn một cái lễ-tục rất lạ, như ở Quí-châu lễ hôn người ta đã phải gọi là *khốc-hôn*, nghĩa là trong khi cưới phải khóc. Trước ba ngày về nhà chồng, cứ đến buổi chiều người con gái phải tập khóc, thoạt tiên thì khóc oán mối lái, rồi khóc than cái thân mình sắp phải biệt cha mẹ mà đi cửa khác, phải khóc nức-nở làm ra bộ rất thương đau. Lúc người con gái khóc thì các bạn gái đứng nghe khóc, rồi đó lại có người khóc góp vào nữa. Khóc đủ ba buổi chiều, đến hôm về nhà chồng lại khóc thảm-thiết hơn nữa, khóc cho đến nỗi xưng mắt ra mới thôi, rồi đó cha mẹ anh em cả nhà đều khóc. Vì cái tập-tục ấy cho nên người ta lại lấy sự khóc làm vui, khi cô dâu nào về nhà chồng, thì thi nhau đến xem khóc có khéo hay không, nếu không biết khóc thì họ lại chê cười, thành-thử kẻ không có nước mắt cũng phải cố khóc cho kỳ được. Cái tập-tục thực kỳ thay, ý chừng họ theo như cổ-lễ dạy : « *Giá-nữ chi gia, tam dạ bất tức chúc,*

tư-tương ly dã », nghĩa là nhà nào có con gái gả chồng ba đêm không tắt đèn, vì nghĩ đến nỗi phải ly-biệt nhau. Ly-biệt cho nên thương, thương nên khóc đó chăng? Nhưng xét cho kỹ thì tục ấy thực là một cái tục hư-ngụy lắm vậy.

Nói đến cái tục ở Qui-châu, lại nhớ đến xứ mọi Lai-giản, thuộc tỉnh Sơn-tây ở nước ta đây, có cái tục có thể tác-đối với chuyện trên kia được, là khi cưới cô dâu không khóc mà lại cười. Khi cô dâu về nhà chồng trong lúc ra chào mọi người phải dùng hết sức mà cười thế nào cho khéo cho xinh, cho có duyên, khiến cho ai trông cái miệng cười cũng phải yêu phải qui, mọi người cứ tùy dáng cười khéo vụng mà cho tiền nhiều hay ít, cho nên các chị em gái cứ thi nhau mà tập cười. Câu chuyện này tuy không phải là một điều chính-đáng, nhưng cũng là một câu chuyện có ý-nghĩa kỳ-dị, đáng khiến cho mình phải tức cười vậy.

Lại nói đến lễ tục hôn-thú ở nước Xiêm-la là một nước láng-giềng ta đây nữa, thì có một điều khiến cho ta phải khinh-bỉ, vì trái hẳn với luân-lý cương-thường, là cái tục đồng-bào tương-hôn vậy. Trên nhất là nhà vua thì con gái không gả ra ngoài, cứ anh em chị em ruột lại lấy nhau, cái tục này cũng giống như tục nhà Trần nước ta khi xưa, vì sợ cái họa ngoại-thích cướp ngôi, nên các con gái nhà vua không hề có gả cho người khác họ mình; cái tục đó tưởng cũng là bởi cái phong-khí dã-man chưa cách-trừ được đó mà thôi. Tuy vậy như nước ta về đời Trần chỉ có nhà vua thì thế, chứ còn dân-gian vẫn giữ được luân-lý, là đồng-bào đồng-tính không kết-hôn bao giờ, chứ như ở nước Xiêm thì ở dân-gian cũng phần nhiều như thế. Còn như sự hôn-thú của họ thì chẳng có lễ-tiết chi cả, cứ hễ con trai con gái bằng lòng nhau là lấy, chẳng cần phải mối-lái cha mẹ bàn định gì. Vì thế mà cái hại ly-hôn ở nước Xiêm thực là thường thấy, *xa-hợp xa-ly*, cho là một sự tầm-thường không có ý lấy làm quan-trọng gì vậy.

Nay lại nói đến cái lễ-tục về sự hôn-nhân ở xứ ta, có một cái tục rất khả-ố khả-bỉ, đã lâu nay ở các thành-thị không có nữa, mà ở nơi hương-thôn lại thấy thịnh-hành, là cái tục *chăng giây*. Không hiểu là căn-do sự chăng giây ấy thế nào, cứ như cái ngu-kiến của những kẻ dung-tục thì nói rằng: vợ chồng lấy nhau là bởi duyên trời, ông Nguyệt-lão đem giây tơ đỏ xe buộc chân hai người lại, nếu đứt thì tất phải phân-ly nhau, nên ta mới có câu « Xích thằng hệ túc », nghĩa là giây đỏ buộc chân, và câu: *ông tơ bà nguyệt xe duyên*. Vì vậy khi nào có đám cưới thì có những bọn độ răm ba đứa đem một cái giây lưng đỏ chăng ngang đường cái đi, vòi tiền bạc và lễ-vật của hôn-chủ, rồi mới tháo cho đi, nếu không cho, thì nó cắt đứt cái giây ấy đi, tỏ ý nguyền rủa cho hai vợ chồng ấy tất phải lìa bỏ nhau ra như cái giây ấy vậy. Điều đó tuy không có hệ-trọng gì, nhưng cũng là một điều bỉ-bạc, cần phải cách-trừ. Ta hẳn đã từng thấy có nhiều nơi vì sự nhỏ-nhặt ấy mà sinh ra nhiều chuyện ẩu-đả kiện-cáo nhau lôi-thôi đó ru?

Lại còn một cái ác-tục nữa cũng thường thấy, là tục *đóng cửa nhà thờ*, lắm nơi khi nhà trai đến đón dâu, mang lễ đến lễ nhà thờ, ông trưởng họ đóng cửa đòi tiền mới cho vào lễ. Đòi tiền một cách vô-lý như thế, nếu ai không thể nhẫn được tức là sinh việc; nghe đâu vào khoảng năm sáu năm về trước, ở tỉnh kia có một đám, chàng rể và trưởng họ đánh nhau đến nỗi gãy chân gãy tay, sự hôn-nhân đã hầu xong, vì thế mà thành ra phải chung-chỉ. Về điều này, ta cũng không xét ra cái nguyên-cớ vì đâu, có người nói đó

cũng là bắt-chước cái lễ *khai-môn phong-tử* của người Tàu mà ra, là khi nhà trai đến đón dâu, nhà gái đóng chắn cổng lại, hễ nhà trai đưa tiền ra mời mở, tiền ấy phong kín vào một mảnh giấy đỏ. Lễ đó dễ cũng có, nhưng tục Tàu làm như vậy là vì họ hay bày ra những cái phiền-văn để cho thêm vui đó mà thôi, vả lại là đóng cổng chứ không đóng cửa nhà thờ, mà có đòi tiền, chẳng qua chỉ độ năm ba đồng nhỏ gọi là để làm vui, chứ có đâu dám đòi những mấy chục bạc hay ít là năm bảy đồng, như đòi ba đám ở ta đây thì thế là một cái tệ-tục quá lắm.

Vừa đây tôi có xem thấy trong một quyển tạp-chí, có một bài nói về dân-tộc ở châu Phi, trong có một đoạn nói về tục kỳ-quái kết-hôn của người nước Ô-phàm-ba (*Ovamba*) là một nước rất nhỏ ở châu ấy. Vậy nhân vui câu chuyện xin lược-thuật ra sau đây, tưởng cũng là một câu chuyện mua vui và có thể khiến cho ta coi đó mà chứng-nghiệm được cái trình-độ của một dân-tộc còn quá ư dã-man vậy.

Ở Ô-phàm-ba trong một năm trai gái có ba kỳ kết-hôn. Phàm bao giờ gần đến kỳ, thì những con gái đến tuổi kết-hôn họp nhau thành từng đôi độ hai ba mươi người, có một người làm đội-trưởng, đều dùng những lá cây to non để che thân-thể, vì chưa biết may quần áo mặc. Mỗi người cầm một cái que lau, vừa đi vừa hát, dạo khắp các làng xóm. Rồi các đội đều ra cả một cái chợ gọi là chợ lấy vợ lấy chồng, để cho các hạng con trai ra đó mà kén chọn. Đôi nào thuận nhau rồi thì con trai đưa châu-bảo lễ-vật cho người con gái làm tin, rồi người con gái về, từ đấy chăm-chỉ việc trồng-trọt, đó mới là kỳ thứ nhất. Đến kỳ thứ hai thì lại kết đôi lập cuộc khiêu-vũ, con trai thì đứng đánh trống thổi sáo, con gái thì nhảy múa, khiêu-vũ luôn trong ba ngày mới thôi. Đến kỳ thứ ba thì người con trai chọn lấy một là cây nào to mà đẹp, buộc vào lưng cho người vị-hôn-thê của mình, rồi để ngồi lên trên vai mà cõng chạy đi chung quanh chỗ hôn-thị ấy độ hai ba vòng. Làm như vậy tức cũng như là sự phi-lộ kết-hôn, rồi đó người con gái lấy phấn trắng xoa khắp cả mình, tỏ ý là đã có chồng, nếu ai trông thấy mà còn chòng-ghẹo, thì sẽ tuyên-bố với công-chúng mà bắt tội vậy.

Nay nói tóm lại, phàm những lễ-tục của các xã-hội là đều theo các phong-tục mà khác nhau, phong-tục tức là tập-quán, mà tập-quán tức là cái thiên-tính thứ hai của người ta không thể một chốc một lát mà rời đổi ngay được. Tức như cái lễ-chế về sự hôn-nhân này, phàm những dân-tộc các nước văn-minh như Âu-Mĩ, vì trình-độ tri-thức đã khai-thông rồi, cho nên quốc-dân đều xu-trọng về đường tư-tưởng được tự-do, việc gì cũng muốn được tự-do làm thỏa, huống-chi sự hôn-nhân là sự hệ-trọng trong cả một đời của hai người, thì lại muốn được tự-do hơn nữa. Nhưng cứ xét ra thì sự kết-hôn tự-do, nhất là ở bên Mĩ bây giờ thì ta tưởng cái hại cũng không phải là ít, vì đã tự-do kết-hôn được, thì tự-do ly-hôn cũng được, pháp-luật cũng không cấm, cho nên lại thành ra một cái dịch hại rất ghê-gớm vậy. Những dân-tộc ở Á-Đông như Tàu và ta đây vì đường tiến-hóa chậm, lại bảo-thủ cái lễ-giáo từ mấy mươi đời đến nay hãy còn, chẳng những không biết biến-thông mà lại có đôi điều làm sai-lạc hẳn, nên mới có nhiều điều liệt-bại, mà nền luân-lý của xã-hội vì đó đến phải động-dao, nay muốn bổ-cứu cho được lấy một cái hiệu-quả hoàn-toàn, tưởng không phải là một việc dễ. Thủ-cựu cả cũng không được mà tòng tân quá

cũng chẳng nên, trông người mà ngẫm đến ta, sánh lại so đi, bỏ những điều dở, học những điều hay, bắt đầu từ cái hôn-lễ này trước, vì đó chính là cái gốc-rễ cho nền văn-hóa của xã-hội, và lại là cái động-cơ cho bước đường tiến-hóa sau này vậy.

. . .

Nay xin nói về *tang-lễ*. *Tang* nghĩa là gì ? là nghĩa nói trong nhà có người mất. Lễ *tang* là lễ người sống bày ra để tỏ sự thương đau đối với người chết, trong một nhà thì lễ tang cha mẹ trọng hơn cả, vì cái công-ơn cha mẹ đối với con rất là nặng-nề khó-nhọc, cho nên tình-nghĩa của con đối với lễ tang cha mẹ cũng rất là thấm-thía sâu-xa. Người thượng-cổ hãy còn mọi rợ, khi có người mất dù là cha mẹ mặc lòng, cứ đem quăng bỏ ra ngoài gò đống hay ngòi rãnh, không biết chôn cất gì cả. Nhưng về sau trí người đã mở thì cái thiên-lý sẵn có ở trong lòng người, lấy cái cách đối với người chết như thế tự biết là không đang, cho nên mới sinh ra quan-quách để chôn cất ; dần-dần về sau nhân-văn mỗi ngày mỗi mở thêm ra, cách cư-xử của người sống đã được chỉnh-bị hoàn-toàn, nên đối với người chết cũng tìm cách làm sao cho được tỏ hết nỗi lòng thương tiếc. Cổ-nhân vì thuận-đạo cái nhân-tâm ấy, nên mới đặt ra có tang-lễ, rồi mới thành một điều hệ-trọng cho sự nhật-dụng nhân-sinh. Cứ xem như trong sách *Luận-ngữ*, đức Khổng-tử nói : *Sở-trọng giả, thực, tang, tế*, nghĩa là nói thánh-nhân đời xưa trị thiên-hạ trọng nhất có ba việc, là việc ăn, việc tang, việc tế của dân, ba việc thiếu một việc gì không được. Lại như ông Mạnh-tử có nói : *Dưỡng-sinh tang-tử vô-hám vương-đạo chi thủy dã*, nghĩa là điều trước nhất trong đạo trị thiên-hạ, là phải làm thế nào khiến cho dân được nuôi người sống, tang người chết không phải oán-hận điều gì. Xem như vậy thì cái tang-lễ này, chẳng những nhân-dân phải tự lấy làm một điều quan-hệ cho mình, mà các đời vua cũng phải lấy làm điều cốt-yếu cho sự trị dân trị nước vậy.

Cứ theo như cái thâm-ý của cổ-nhân đặt ra tang-lễ này, có lễ-chế, có nghi-văn, là chỉ cốt để dạy cho người sau biết giữ cái tình-nghĩa đối với người đã mất đó mà thôi. Cái ý của cổ-nhân thực là sâu-xa để lại một bài học, để khuyên bảo người trăm nghìn muôn đời về sau đều phải theo đòi như thế mới phải là nhân-đạo vậy.

Tuy-nhiên ta cũng có thể nói được rằng cái cổ lễ ấy phần nhiều là hư-ngụy. ở cổ-thời thì còn được chứ như bây giờ ta cứ lấy con mắt đạt-quan mà xét thì lại càng thấy có lắm điều ta đáng lấy làm phiền; đã hư-ngụy rồi, mà ác cho thế-tục ngu hèn lại thêm lắm điều mê-tín vào nữa, nên lại càng diễn ra cái trạng-thái trái hẳn với vật-lý mà không hợp với nhân-tình, mỗi ngày lại mỗi thêm, mỗi thêm lại mỗi tệ, mà người đời cứ đành nhắm mắt theo liều, không hiểu là sai lầm cả, túng-sử có người biết ra chăng nữa, nhưng lại có phần e-lệ, sợ mang tiếng là phá-hoại mà chẳng dám nói ra, cứ để cho người đời dắt nhau vào con đường tối-tăm mù-mịt mãi, thực đáng buồn và đáng giận thay !

Ta thử nghĩ xem, sự thương đau là thiên-lý tự-nhiên sẵn có ở trong lòng nó xui nên thế, cho nên khi gặp việc tử-táng, mà nhất là người thân mình, thì sự thương đau ấy biết sao mà nói cho cùng. Vậy cho nên đối với người mất tất phải có làm tang-lễ tức là cái buổi cuối cùng ta đối với người thân ta, nhưng cứ theo như cổ-lễ thì thực có nhiều điều hư-ngụy quá lắm.

Như nói về lúc cha mẹ mất, ba ngày đầu, thì người con chỉ được ăn cháo mà thôi, và trong khi cư-tang, chỉ ăn cơm gạo dã đối và uống nước lã, gối đất nằm rơm, không được dùng đến giường chiếu, lại còn nhiều điều lặt-vặt khác không kể hết; nói tóm lại là phàm những cái gì mà ngày thường mình lấy làm vui thích thì bấy giờ không được dùng cả. Lẽ đó đành thế, đã làm người thì trừ những kẻ thiên-lương táng-tận, còn thì ai gặp lúc thương đau như thế mà ăn ở vui thích cho đành. Nhưng xét ra thì những điều đó trái hẳn với thiên-lý và nhân-đạo nữa. Sự thương cốt ở trong lòng, đành rằng phải có khóc-lóc và đề trở, để tỏ chút lòng mình đối với người chết, nhưng tác-vi ra quá như thế, thì khỏi sao có điều miễn-cưỡng ở trong. Vả chăng người trước chết đi rồi, để lại công-nghiệp cho mình, cũng mong mình sẽ là người kế thuật được, vậy mình phải làm cho cái thân mình mạnh-khỏe, có thể đỡm-thừa được, chẳng hơn là chỉ mếu khóc kêu-rêu, kết-cục không ích gì cho người chết cả, huống-chi lại còn cố làm cho hủy-hoại thân-thể đi, không tắm không gội gì, nhịn đói nhịn khát, để cho yếu đến nỗi phải chống gậy mới đi được, mới gọi là biết thương thì cũng có điều lạ thật. Nhưng cái thân mình là thân của cha mẹ, cha mẹ để lại cho không ốm đau mà làm ra ốm đau, nếu quá ra mà chết đi mất, thì chẳng hay có gọi là hiếu được không? Thiết-tưởng sự thương không cần phải thế mới là thương, chẳng qua ở đời cổ-nhân công-việc còn giản-lược, nên gặp việc gì cũng cố văn-sức thêm ra, chứ như đời nay, con người ta phải đem hết cái tâm-lực mà trì-trục trong trường sinh-hoạt cạnh-tranh, tưởng chẳng có rỗi thời-giờ đâu mà đóng cái vai *hiếu tử vô-vị* ấy. Vì cớ cổ-nhân trọng sự văn-sức như thế, cho nên cứ qua mỗi đời về sau, lại cứ phụ thêm mãi vào, thành ra lắm trò quá ư thất-thực. Đã thế lại còn những kẻ hiếu-sự đem những điều mê-tín mà vẽ-vời ra lối nọ trò kia, lễ đã phiền, dân đã ngu, thượng-hạ như cuồng, nhố-nhố nhăng-nhăng, chẳng còn chút gì gọi là ai-thống tự-nhiên cả.

Lễ tang ở ngay bên Tàu, chẳng những là họ theo như cổ-lễ, ta lại cứ xem những bài du-ký hay những bài khảo-luận về phong-tục của nước ấy có nói về những tang-lễ ở trong dân-gian, thì những lối hư-ngụy cũng chẳng khác gì ta vậy, mà có phần lại hơn ta nữa. Vì ta theo văn-hóa của người Tàu, họ lầm ta cũng lầm, ta lầm ta không biết, cho nên vẫn còn cứ giữ mãi cái trạng-thái khả-bỉ như ngày nay.

Hiện tang lễ thông-hành ở xã-hội ta bây giờ, thì cứ theo như quyển *Thọ-mai* làm qui-tắc, chẳng cần phải ôn lại ra đây làm gì cho thêm phiền nữa; nay xin lược-thuyết một cái tiểu-tiết ra sau đây thì ta đủ biết được phần nhiều là hư-ngụy thật.

Ở thì trong khi cha mẹ mất, những đồ phụ-thân như quan-quách khâm-liệm cốt phải cho hậu thì đã đành; chứ như những tang-nghi tang-cụ trong khi cha mẹ mất cho đến khi tang-sự xong rồi bày vẽ ra chẳng khác gì một trò nhi-hí. Như nói trong khi linh-cữu còn để trong nhà phải có người hiếu-chủ hay chủ-phụ ngồi chực bên cạnh, khi có người vào thăm viếng thì phải khóc lên để đáp lễ; và lại như khi tế, con cháu phải đứng cho nghiêm-chỉnh, khi người xướng « cử-ai » thì đều khóc oà lên, khi xướng « ai-chỉ » thì phải im phăng-phắc; con thương cha mẹ thì lúc nào mà chẳng thương, cái chí-tình nó xúc-động làm cho mình bỗng dưng phải xùi-xụt châu sa, buột mồm mà kêu khóc; há phải đợi người giục lên mới khóc ru! Như vậy thì có khác chi là trò hề chưa? Ấy một tiếng khóc mà còn tác-vi ra như

thế, nữa chi là các điều khác, thì ta chẳng cần phải nói cũng biết vậy.

Cổ-lễ đã hư-ngụy như vậy mà thế-tục lại thêm ra lắm trò hả-ố bằng hai. Thánh-nhân nói : *Tang chí hồ ai nhi chỉ*, nghĩa là lễ tang cốt cho tỏ hết được lòng thương thì thôi, mà thường thấy người đời, khi cha mẹ mất lại mượn dịp để khoản-khách yến-tân, mổ trâu mổ bò, đốt bông đốt pháo, lại có kẻ bày ra phường tuồng phường hát như một tiệc khánh-hỉ gì, chứ không phải là đám tang nữa ; kẻ trước đã làm, kẻ sau tất phải làm theo, mới thành ra cái tục nợ miệng, kẻ không có phải cố nhà cầm ruộng để mà lo ma ; nghĩ đến câu ngạn-ngữ nói : *Nhất nhân tử, vạn nhân túy*, nghĩa là một người chết, muôn người say, thì ta tưởng cái tính-chất của người mình liệt-bại đến thế là cùng-cực, nếu quá nữa thì ta có thể nói cái giống người mình có lẽ là hậu-thân cái giống ác-man ở Trung-Phi-châu ăn thịt người chết vậy. Chẳng thế sao có kẻ khi cha mẹ còn sống chẳng đoái-hoài gì đến sự định-tỉnh thần-hôn, đến khi cha mẹ mất thì làm cỗ bàn năm trâu bảy bò, che mắt thế-gian để cầu tiếng khen hão. Ôi ! *lúc sống thì chẳng cho ăn, chết thì làm văn tế ruồi*, câu ấy thực đã khéo miêu-tả cái tội ác của những kẻ làm con kiêu-bạc. Thực vậy, một nhà du-lịch Âu châu ở Quảng-đông đã khảo-sát cái tình-tình phong-tục của dân bản-thổ, trong bài du-ký có đoạn nói là được chứng kiến một cái tang-lễ, có nói rằng : « Lạ cho cái tâm-lý của dân xứ này, họ lấy sự bày đặt trong khi tang-lễ làm vẻ vang, ý họ cho là trong đó có cái thanh-giá đáng vui mừng, nên họ không hề có chút xót thương ». Người ngoại-quốc lấy thế làm lạ, chứ ta đây thì cho là một sự thường lắm rồi, vì chính dân mình cũng thế ; ôi ! cái lòng hiếu hư-danh của người mình thực là kỳ-quái, kỳ-quái đến nỗi lợi-dụng cả người chết để cầu danh, thế thì thôi !

Cổ nhân nói : *Tử đắc tàng vi vinh*, nghĩa là người chết được chôn ngay là thỏa, vậy mà người đời phần nhiều lại không thế, người chết hãy nhập quan để đấy, năm hôm hay mười hôm có khi đến một tháng ; bằng không thì học thói Quảng-đông hãy đem chôn tạm một nơi nào đó, để còn rước thầy địa-lý đi tìm đất-cát phát-phúc đã, rồi mới chôn. Như thế chẳng những hại cho sự vệ-sinh của người sống, mà đối với người chết để bộc-lộ ra như thế, kẻ có lương-tâm trông đó phỏng có động lòng không ? Ôi ! đương cái buổi văn-minh vật-chất người ta đem hết tài-lực thực, trí-não thực, mà tình cảnh cũng còn lo chưa chắc đã được nào, nữa chi là lại cầu cái phúc vô-hình ở trong nắm xương khô của người đã khuất, thì phỏng có tin được không ?

Lại còn mấy điều mê-tín về dị-đoan nữa, như khi có người mất, nghe lời mấy bác phù-thủy, bùa trùng, bùa yểm, tống-quái, tống-thần ; hoặc tin về đạo Phật thì nào làm chay làm tiếu, độ-vong – độ hồn, cho là người chết ở dương-gian hoặc có sự lầm-lỗi gì, khi xuống âm-phủ cần phải làm lễ mới giải-thoát được. Nghĩ ái-ngại cho người chết, khi sống chẳng biết có lầm-lỗi gì không, mà khi chết đi, chính con cháu mình nó lại mục cho mình là người có tội, nếu có biết ra chăng, thì tất oán giận căm hờn cho cái lũ si-nhi nhục-tử ấy.

Nói đến đây tôi lại nghĩ lại mà có thể nguyên-lượng cho cổ-nhân về những điều hư-ngụy đó, vì cổ-nhân nhãn-giới trông còn hẹp, não-lực nghĩ chưa xa, ta chỉ trách cho người đời nay đã sinh vào cái buổi này mà vẫn còn chưa tỉnh ngộ ra được, thì mới hay cái trình-độ của dân mình qủa là thua kém người xa thật.

Ta chẳng cần trông dâu xa, ta hãy xem ngay như Nhật-bản là nước lân-cận với ta, lại chính là một nước cùng chịu cái văn-hóa của Tàu như nước ta, từ sau khi duy-tân đến giờ, những sự hư-ngụy vô-ích trong dân-gian, họ đều bỏ hết được cả. Nói ngay như việc tang thì nhất-thiết những lễ-văn vô-nghĩa-lý, họ đều bình-tuyệt không dùng. Trong một nhà nào mà cha hay mẹ mất thì người con đăng mấy dòng lên báo-chương nói rằng : « Tên tôi là Mỗ, nay nhân cha hay mẹ mất, tôi xin làm việc báo-hiếu, tự xin bỏ một món tiền là bao nhiêu (hoặc nhiều hoặc ít tùy lực) vào làm công-sản trong xã-hội này (bậc ngân-hàng, thương-cục, v. v.) để làm một vật kỷ-niệm vĩnh-viễn cho cha hay mẹ tôi. » Ngoài ra như vợ làm cho chồng, chồng làm cho vợ, hay anh em làm cho nhau cũng chỉ có một cách ấy mà thôi. Ấy cách báo-hiếu của họ chỉ có thế, mà thực có một cái ý-nghĩa sâu-xa biết chừng nào. Cái cảm-tình của người sống đối với người chết như thế mới là tiếc thương, muốn cho kẻ chết rồi lại còn được lưu lại chút công với nhân-quần xã-hội, còn báo-hiếu gì cho bằng. Ngoại-giả, còn như sự đưa đón chôn cất, thì họ cũng đều nhất-nhất giản-tiện hết cả, cũng như những đám ma người qui-quốc mà ta thường thấy ở đây. Duy có một điều họ khác hết tất cả, là quan-tài họ làm hình vuông, đặt tử-thi ngồi chứ không nằm, họ làm như vậy là để khi chôn cho khỏi tốn đất, chứ họ không có đắp mồ to hay xây lăng rộng để làm mất điền-địa là những nơi đất cát có lợi cho người sống vậy.

Cái tang-lễ hiện-hành ở xã-hội ta đã nói trên kia, so với người thì cái lễ hay hèn khôn dại thực đã rành-rành ra kia. Vậy ta phải kíp tìm phương kiểu-chính, chứ còn đợi đến bao giờ. Nhưng kiểu-chính không phải là việc dễ, vì nỗi dân-trí còn quá ư hắc-ám, bỗng dưng mà nói kiểu-chính hết thảy, thì nhân-tâm khỏi sao điều kinh-quái không yên. Cứ xem ngay như là mấy năm nay, nhờ ơn Nhà-nước bảo-hộ đề-xướng lên việc cải-lương hương-tục, sự ăn uống trong dân-xã như lễ tang này cũng đã huấn-dụ ăn-cần nên tỉnh-giảm, nhưng trong trăm làng khéo lắm thực-hành mới được độ một hai. Vả chăng lại vì cái tục-thượng mỗi nơi mỗi khác, muốn cầu lấy một lẽ chính-đáng có thể công-cộng thi-hành, cũng là một điều gian-sáp lắm.

Vậy trước khi ta bàn sự kiểu-chính ấy, ta hãy trông về cái giáo-dục của Nhà-nước làm chỉ-qui, giáo-dục có phổ-cập thì dân-trí mới chóng khai, trí có khai thì mới biết rõ điều bại-liệt đáng nên bỏ. Sau nữa ta mong ở các nhà thức-giả phải nên đem thân-gia mình làm tiêu-biểu cho quốc-dân, cái gì mình biết là dở thì mình bỏ trước, cái gì mình biết là hay thì mình làm ngay, thực-hành ở mình rồi mới có ảnh-hưởng đến kẻ khác, chứ nếu lại cứ giữ thói theo đời chìm nổi, đời sao ta cũng thế, dân ngu dại đã đành, ta biết mà ta cũng dại, thì xã-hội còn mong gì có ta. Vả chăng cái sự thực-hành đó cũng không có công-phu gì là khó lắm, quyền ở mình, mình làm việc mình thì lo gì không được, một người như mình, trăm nghìn người như mình, rồi ra trí dân đã mở, nhìn gương trước, ngắm gương nay, bỏ điều dở, lấy điều hay, họp lại làm một cái tang-lễ lương-hảo hoàn-toàn, thì bấy giờ tự-khắc quốc-dân đều theo vậy.

Bây giờ ta muốn trước khi kiểu-chính ta kíp tìm lấy một cách làm cho khỏi trái tục, thì trong khi nhà nào có ông già bà cả quá-cố đi, ở các thành-phố phải theo cái công-pháp vệ-sinh, trong 24 giờ đồng-hồ phải cử-hành mai-táng đã đành, còn ở các nơi dân-thôn, dẫu chưa phải bắt-buộc theo cái công-pháp đó, nhưng cũng

không nên để lâu, chỉ đến hai ngày là cùng, phải mai-táng ngay cho được sạch-sẽ. Để lâu, chẳng những là trái vệ-sinh, lại nhiều khi có sự tai-biến bất-kỳ xảy ra nữa. Tôi còn nhớ trong bốn năm về trước đây, một nhà phú-hộ ở tỉnh về mạn trên làm ma bố để trong nhà đã hơn mười ngày, mỗi ngày hai lần tế, bốn năm cái nhà ngói chật ních những tân-khách đến ăn đám ma. Một hôm quan-viên đương xướng « bái, hưng », hiếu-chủ đương thi-thụp lễ, bỗng thấy nhà bếp kêu cháy, quan viên súng-sính chạy tán-loạn, lửa cháy mạnh, trời nắng to, phút chốc lửa lan lên cả nhà trên, sắp cháy đến chỗ để linh-cữu, hiếu-chủ và con cháu xông vào khiêng được linh-cữu ra, chỉ tí nữa thì thành ra hỏa-táng. Quan-khách đến ăn cỗ lúc bấy giờ chạy mất cả, chỉ còn một số ít người hết sức chữa thì mới tắt được, nhưng cũng đã cháy mất cái nhà bếp và cái nhà thờ ; cả đến hai con trâu buộc ở ngoài sân chực để thịt, thì nhân tiện cháy đống rơm, trời thui cho cả. Sau hỏi ra chỉ vì làm cỗ bàn nhiều, đun nấu lắm, nên mới cháy nhà. May mà không việc gì đến người và hại đến linh-cữu, chứ nếu có thế nào thì sự báo-hiếu linh-đình kia sẽ thành ra sự hối-hận biết bao giờ cho quên được. Tiếng khen chưa thấy đâu mà tiếng chê cười mỉa-mai tránh sao cho khỏi. Người chết hãy cứ chôn cất đi cho xong, nếu muốn theo đòi mà cùng tế mâm cao cỗ đầy, thì sau khi mai-táng xong rồi làm cũng được. Nhưng cũng nên châm-chước đi thì hơn, chỉ tế một tuần cũng là đủ. Cốt nhất là phải tùy cái sức mình mà làm, không nên theo tục mà quá xa xỉ, giàu thì năm tuần bảy tiệc cũng chẳng to, nghèo thì chén muối lưng cơm cũng không là bạc, nghĩa là cốt ở cái lòng hiếu kính thì thôi. Cổ-nhân đã nói : *Tang xứng gia chi hữu vô*, nghĩa là lễ tang phải tùy sức nhà giàu nghèo thế nào thì làm thế. Thực vậy, ta thử nghĩ như một nhà nghèo túng, khi có cha mẹ mất, muốn chuộc cái hư-danh, hay vì bách ư cái tục-tình muốn làm cho được sang-trọng, trong nhà không có, đâm đi vay công lĩnh nợ về làm cho kỳ được, chỉ cốt cho xong lúc bấy giờ ; đến khi việc đã xong rồi, công nợ nó đòi hỏi, không có mà trả, tránh sao cho khỏi điều nhiếc móc động chạm đến người đã qua, như vậy thì còn hiếu về nỗi gì.

Còn như tang-nghi thì thiết-tưởng chỉ những đồ phụ-thân như quan-quách khâm-liệm, có ra thì nên làm cho hết cách phong-hậu cũng chẳng phải là [illegible] phí, chứ như những cách rước xá đưa đón cũng chớ nên giềnh-giàng cho lắm. Đến cách tống-táng thì như cách tống-táng của người Âu-Tây mà người mình cũng đã lắm người bắt-chước, chỉ có một cái xe kéo linh-cữu rất là giản - tiện mà rất là có vẻ nghiêm-trang, tuy không có trống kèn inh-ỏi, khóc-lóc rêu-rao, mà người nào người nấy đều có cái ý thảm-sầu hiển-hiện ra nét mặt, khiến cho người qua đường cũng phải xót thương. Nhưng cách tống-táng ấy ở xã-hội ta thì chưa mấy người đã xét được cái ý hay mà bắt-chước. Vì cứ theo cái ý-tưởng cổ-hủ của mấy người hẹp-hòi nông-nổi, cho là người chết phải có khiêng rước mới quí ; vả lại tin cái lý-thuyết « sống thì có đèn, chết thì có kèn trống », nên nhà nào dù nghèo khổ mà còn có thể xoay-xở được, thì trong khi tống-táng cha mẹ cũng phải kiếm sao cho có ngọn đèn tiếng trống để cho được thỏa cái vong-hồn người chết và che mắt thế-gian. Ừ, thôi thì cái lễ-tục ấy cũng chẳng hại gì, nhưng mà bày vẽ ra quá, thì không những là mất hẳn cái vẻ thương đau, mà cứ như con mắt người ngoài xem xét thì lại cho là cái trò vè bày đặt để mua vui. Nào linh-xa, võng-chủ, nào

hương-án, bản-độc, cho chí minh-tinh, nhà táng, lại còn bao nhiêu thứ nữa, một đám tang kéo dài dằng-dặc, hoa-hoè xanh đỏ, hình như chỉ vụ làm cho đẹp để khiến người ngoài phải trông vào mà khen là đám ma ấy to, đám ma ấy đẹp mà thôi. Vì vậy mà ta cũng chớ nên vội trách là người mình thiếu hẳn lòng công-đức trong khi đi đường, gặp một đám ma mà có nhiều người cười đùa chỉ trỏ, như vậy thì thực là vô-lễ với người chết; nhưng cái đó cũng là tại người mình học-hành còn kém, vì ta xét chính ngay người hiếu-chủ trong đám tang ấy có khi cũng vô-tình như thế, chỉ cốt ở những sự mua chuộc với người ngoài, có mấy khi nghĩ đến người chết. Vậy thiết-tưởng tống-táng giản-dị mà có vẻ hiếu-kính thực thì hơn.

Tục tống-táng ở ta có một điều quá ư nhảm-nhí, là tục lăn đường, ít lâu nay cũng đã thấy nhiều nơi bỏ đi rồi, họa là chỉ một đôi nơi là còn mà thôi. Khi cất đám đưa ra đồng, thì lúc mới chuyển cữu ở trong nhà ra, người con gái phải nằm chắn ngang cho cữu đi qua, rồi tự đó ra đồng cứ cách một quãng lại nằm chắn ngang một lúc, làm như vậy là để tỏ ý tiếc thương cha mẹ, ngăn-chắn lại không cho đi, cứ theo như túc-tình thì điều đó cũng có cái ý hay, nhưng cũng là một điều kiểu-sức quá; nằm đất nằm cát, lấm-láp bẩn-thỉu, mà có khi lại xẩy ra sự nguy-hiểm nữa. Tôi còn nhớ ngày nào có người thuật chuyện rằng: « Một nhà kia khi cất đám, lúc chuyển-cữu người con gái nằm lăn giữa nhà, mọi người để cữu qua lên trên, chẳng may vô ý thế nào mà một đầu linh-cữu rơi vào mình người con gái ấy đến nỗi chết ngất đi, gọi mãi mới tỉnh; may là để thấp tay, chứ để cao mà rơi thì đến gẫy xương, lại thành ra một mạng chết theo oan nữa. Cái tục này trước kia ở đâu cũng có mà nay thấy bỏ gần hết, có lẽ người ta cũng đã chán cái sự kiểu-sức mà bỏ đi chăng. Nhưng nói đến sự kiểu-sức ở trong tang-lễ này thì còn nhiều, mong rằng người mình cũng sớm biết bỏ đi mà làm theo những điều chính-đáng.

Nhân câu chuyện tôi lại xin nói đến những người dự tang-lễ, là những người đến phúng viếng. Những người này là những người thân-thích hoặc bạn-bè, đều là những người có chút cảm-tình với người đã quá cố kia. Đã có cảm-tình thì cùng với hiếu-chủ tất cũng chia một chút lòng thương đau, nên muốn tỏ chút lòng ấy thì mượn điều phúng thăm than-thở, hay đi theo linh-cữu gạt thầm giọt lệ, mà tiễn đưa vong-nhân trong buổi cuối cùng. Điều đó dù ở nước nào hay ở đời nào cũng có, và cũng công-nhận là một điều nên có. Nhưng cứ xem đến cách phúng viếng của người mình, thì có lẽ phiền quá. Mang lễ-vật đến nhà hiếu-chủ, ô hô mấy tiếng, rồi ngồi xuống là chè chén ngay liền, cười đùa ầm-ỹ, thành ra đến để cầu ăn, chứ không phải là đến để tỏ lòng thương xót. Về điều đó, các người thức-giả cũng đã biết là nhảm-nhí, mà muốn theo như cách phúng viếng của người các nước văn-minh. Đối với tang-chủ mà mình có chút cảm-tình, ở xa thì viết giấy chia buồn, gần thì đi đưa đám. Lối đi đưa đám nói đây là nói theo lối mới, hỏi xem tang gia ngày giờ nào thì cất đám, mình phải ăn mặc tử-tế sạch-sẽ đến đón ở cửa theo đám ra thì đi, đưa tới huyệt, vái mấy vái rồi chào hiếu-chủ ra về, không có vào nhà ăn uống, khiến cho tang-chủ phải rượu chè thết đãi thêm phiền. Nếu ai ai cũng biết theo cách đưa đón như thế, thì cái tệ-tục các tang-gia mượn cớ ma chay làm tiệc yến-ẩm, có lẽ trừ đi được, mà cái tục nợ miệng ăn vạ người chết cũng không cấm mà bỏ, vì không ai phiền-nhiễu thì tang-gia bày đặt ra ăn uống

nữa mà làm chi. Về cách phúng viếng và đi đám như thế, thì ta bây giờ cũng nhiều người theo rồi. Nhưng cách đi đưa đám của người mình xem ra còn chưa được hợp lễ-phép. Đi đưa đám cốt nhất là phải có vẻ nghiêm-trang, ai nấy đều im thin-thít, hình như đều có ý xót thương không thể nói ra được mới phải. Thế mà thấy người mình, nhiều người đi đưa đám, hoặc quàng tay bả cổ nhau, hoặc nói nói cười, cười coi bộ ngộ-nghĩnh lắm, thành ra đi để chơi đùa trò-chuyện, chứ không phải là đi để viếng thăm ai. Điều đó mong rằng đồng-nhân sẽ nên xét nhận tới.

Thôi lễ tang nói thế cũng khí dài rồi, còn ít thời giờ xin để nói về lễ tế. Lễ Tế ở cổ-nhân cho là một điều rất tôn-trọng, trên vua chúa đối với nhân-dân lấy đó làm một điều lễ-giáo có hiệu-lực không gì bằng, lại khiến cho dân biết giữ lấy tấm lòng *báo-bản phản-thủy*. Nói rõ ra thì từ trời đất núi sông, cho chí các đấng thần-minh, phàm đã gọi là có công đức, che-chở, giúp đỡ cho mình, là đều phải nên ghi nhớ hết thảy, cho nên đã đặt ra có lễ tế, để tỏ chút lòng ghi nhớ ấy. Lại phải có lòng kính-cẩn nữa, khi làm lễ tế phải chay sạch tắm gội, mà nhất là phải có lòng thành, thì quỉ-thần mới hâm-hưởng. Đức Khổng-tử có nói : « *Tế như tại, tế thần như thần tại.* » nghĩa là tế tiên-tổ, như tiên-tổ ở đấy, tế thần như thần ở đấy. Kinh *Thư* có nói : « *Quỉ thần vô thường hưởng, hưởng vu khắc thành* », nghĩa là nói quỉ-thần không thường hưởng, chỉ hưởng lễ của những người nào hay hết được lòng thành mà thôi. Xem như vậy thì biết cổ-nhân trọng sự tế-lễ biết là ngần nào.

Lễ tế này cứ theo như trong kinh *Lễ* đã định, thì rất là phiền-phức lắm, nhưng ta có thể tóm lại mà chia ra làm ba thứ như sau này : Một là *tế thần*. Thần là những bậc quảng-đại tuấn-triết, thông-minh chính-trực. Tế thần thì trên vua tế trời đất, tế xã-tắc và thần núi sông, còn dưới nhân-dân thì chỉ được tế các vị thần nhỏ như là các bậc anh-hùng hào-kiệt đã từng có công-đức với đời hay là các vị thần-minh nào có âm-phù mặc-tưởng cho dân thì cũng được tế cả. — Hai là *tế tôn-tổ*. Tôn-tổ là các đấng đã gây nên cái nòi-giống và dòng-dõi mình. Tế tôn-tổ, trên vua có lập ra nhà tôn-miếu để tế, dưới nhân-dân có lập ra nhà từ-đường để tế. — Ba là *tạp-tế*. Cổ-nhân lấy thần-đạo thiết-giáo, muốn cho nhân-dân làm sự gì cũng phải cẩn-thận kính-trọng, nói là bất-cứ cái gì cũng đều có thần-minh chủ-trương, cho nên lại đặt ra nhiều thứ tế như tế thần cửa, tế thần bếp, tế thần đường, vân-vân. Về sự tạp-tế này, thực có gây nên một cái hại rất lớn cho nhân-dân, là cái hại *dâm-tự*, nghĩa là cái hại cúng tế nhảm-nhí. Dân ngu đã yên trí là cái gì cũng có thần ở trong thì tất là phải kính-sợ, thì tất sinh ra cái lòng tránh họa cầu phúc, nên gặp cái gì cũng cho là thần cả, bình vôi, hòn đá cũng là thần, gốc cây, cục đất cũng là thần, rồi thì nhau mà tế-lễ, làm nên những cái trạng-thái đáng nên tức cười. Chắc rằng cổ-nhân khi xưa cũng không ngờ là đời sau lại sinh ra cái tệ đó. Đến khi đã thấy sinh ra cái tệ-hại rồi, lại kíp tìm cách ngăn-ngừa, như là nói : « dâm-tự vô phúc », nghĩa là cúng tế nhảm-nhí thì không được phúc. Nhưng đã thành ra cái đồi-phong tệ-tục cũng không sao mà vãn-hồi được nữa.

Như trên kia đã nói, cổ-nhân lấy cái lễ tế này là có ngụ một cái ý lễ-giáo rất sâu, cho nên từ xưa tới nay các đời vua, đời nào cũng cho là một cái vấn-đề quan-trọng. Vì vậy cho nên đặt ra có *tế-thống*, nghĩa là nói cái thống-kỷ sự tế-lễ, vua-chúa tế thế nào, nhà dân tế thế nào. Lại đặt ra có *tế-pháp* là nói phép tế nên như thế nào. Trong khi tế lại đặt ra có *tế-nghi* là bày biện các đồ thờ, như âm-nhạc, trở-

đậu, v. v. Rồi đến các *tế-phẩm*, nghĩa là các lễ-phẩm dùng để tế, như các món *hi-sinh* là trâu bò lợn gà, *tư-thành* là xôi cơm cùng các thứ thời-vật, nghĩa là mùa nào thức ấy như rau đậu hoa qủa đều nên tiến dâng để tế cả. Cổ-nhân trọng sự tế-tự như thế, dẫu ai cũng phải công-nhận là hay là phải ; nhưng ta cũng nên biết rằng : ở vào đời cổ-nhân, nhân-sự còn đan-giản, cho nên ngay một cái lễ tế này bày đặt rất là phiền-toái ; vậy mà đem những cái điều phiền-toái ấy, để giảng vào cái buổi nhân-sự rất phiền-tạp, là đời cạnh-tranh kịch-liệt, chính là đời chúng ta đây, thì thực có điều không hợp, chẳng những không hợp mà thật ra thì chúng ta cũng không có thời giờ đâu mà diễn-tập những lối hư-văn ấy nữa.

Nói như vậy không phải bảo ta chớ nên theo cái lễ tế này đâu, dù sao mặc lòng, chính cũng là một điều chúng ta phải nên bảo-tồn lấy, vì chính cái đó cũng là một cái cơ-quan giúp cho nền luân-lý được bền vững, nhân ngày tế-lễ mà khiến cho ai nấy xúc-động đến tấm lòng nghĩ nguồn nhớ gốc, mà biết đến các đấng tiền-nhân có cái công-đức lưu lại cho mình như thế nào, cái tâm-lý như thế, dân-tộc nào cũng cần phải nên có, mà muốn cho có thì trừ sự giáo-dục tiêm-nhiễm hằng ngày, lễ tế này cũng bồi-dưỡng nên cái tâm-lý ấy cho người ta một cách rất mầu-nhiệm không gì bằng. Nhưng nói rằng bảo-tồn đây, là không phải nói bảo-tồn hư-văn, cốt là nói muốn bảo-tồn lấy cái lễ-ý. Vậy nay chỉ xin nói về sự tế-lễ ở dân-gian ta với nhau mà thôi. Tế thần hay là tế tôn-tổ, ta chỉ nên theo cái lễ-ý của cổ-nhân mà làm, miễn sao cho tỏ được lòng thành-kính thì thôi ; còn những cái hư-văn phiền-toái, thì thiết-tưởng ta nên trừ bỏ đi là hơn. Vì chẳng những theo cái hư-văn ấy là theo lấy cái lối kiểu-sức hư-ngụy, mà xét ra cho kỹ thì chính theo như thế, lại hình như có ý tiết-mạn qui-thần vậy.

Thực thế, ta cứ xem ngay như sự tế-tự ở các tư-gia, không kể những lúc có đại-lễ, thường năm thì cứ đến các ngày kỵ-lạp là có tế cả. Đến ngày ấy chủ-nhân mà là nhà phong-phú thì nào sắm hương-hoa, cần nhất là sắm cỗ-bàn sao cho thực được to-tát, nói rằng để hiến-hương, nhưng kỳ-thực thì làm ra để mời lân-lý tân-bằng. Ăn uống tấp-nập, cười đùa rả-rích, hình như là một ngày yến-hội gì, chứ không phải là ngày tưởng nhớ đến tiên-tổ nữa. Cổ-nhân nói : «*kỵ-nhật nãi chung-thân chi tang* », nghĩa là nói ngày kỵ là cái tang chung-thân, đến ngày ấy thì lại nghĩ đến người đã mất mà động lòng xót thương. Vậy mà khi cúng-tế lại làm ra một cách vui vẻ như thế thì còn ra nghĩa gì nữa. Muốn cho giữ một cái lễ-ý của cổ-nhân, thì những ngày kỵ-lạp, trước hết ta chỉ nên làm một điều chính-đáng, là ngày ấy chủ-nhân họp con cháu vào nhà thờ làm lễ và kể rõ cái công-đức của người đời trước ấy cho con cháu nghe. Đến như lễ-phẩm thì có sao làm vậy, nghèo thì nên hương bát nước cũng xong, giàu có ra mà muốn làm lễ hậu, thì cũng chẳng thừa, nhưng cách hội-tân yến-ẩm trong ngày ấy như trên kia đã nói, thì quyết là không nên vậy.

Lại nói đến việc tế thần ở các dân-xã ta, thì cứ xem như cái trạng-thái ngày nay lại là một điều hủ-liệt quá lắm rồi. Cứ lấy riêng về cái lễ-ý mà nói thì mỗi làng có một cái đình thờ thần, quanh năm xuân-thu sóc-vọng, gặp kỳ thì đồng-dân mang lễ ra đình kính-tế, trước là thờ thần, sau là đồng-dân thừa-hưởng thần-huệ, vui-vẻ lắm và có cái ý-nghĩa hay lắm. Vì mỗi khi đồng-dân hội-họp như thế, trong họ ngoài làng cùng quây-quần xum-họp với nhau, cái lòng thành-kính thần-

minh xúc-động bao nhiêu, thì cái lòng thân-yêu nhau giúp-đỡ nhau, lại càng thêm bền chặt lên bấy nhiêu. Nhưng, than ôi ! cái lễ-ý thì vẫn thế đấy, mà dân ta lại làm nên một cái tệ hại quá chừng Đêm ngày tế thần làm kỳ để họp ăn uống trong một năm với nhau. Đến ngày ấy, thôi thì xôi đóng cơm khuôn, trâu béo lợn to, thì tranh nhau, đua đòi nhau, ăn uống bừa-bãi chẳng còn tiếc gì nữa. Sự ăn uống đã thành ra một cái lệ nặng-nề như thế, nên đồng-dân phải chia nhau mà gánh vác lấy những cái nợ miệng ấy, vì vậy nhiều làng dân-sự phải siêu-tán về cái hại ăn uống như thế. Mượn tiếng tế thần làm mồi no say, cái tính-chất dân mình thực cũng đáng nên lạ thật. Câu tục-ngữ nói : « Thần phật hương hoa, người ta cơm rượu », đó thực là một cái thiết-chứng về tục đớn-hèn trong sự tế thần của người mình.

Về cái hại này chúng ta cũng đỡ lo được một chút và lại mừng rằng cũng chóng trừ được, là vào khoảng mấy năm nay, nhờ được cái chính-sách lương-hảo của Nhà-nước bảo-hộ, Nhà-nước rõ biết cái nỗi bại-liệt trong dân-thôn ta mà thi-hành chính-sách cải-lương hương-tục, nhất là từ khi quan MONGUILLOT trọng-nhậm chức thủ-hiến xứ Bắc-kỳ ta, ngài hết sức thực-hành cái chính-sách đó cho chóng có thành-hiệu. Vậy về điều đó đã cậy có cái chính-sách cải-lương hương-chính, nay chẳng cần phải nói chi cho thêm thừa lời vô-ích nữa.

Thôi, cái câu chuyện *quan, hôn, tang, tế* này mà tôi đã lạm đem giải-thuyết ra trước các ngài đây, cũng đã dài quá lắm rồi, vậy nay xin phép các ngài mà thu-thúc lại mấy lời rằng : Bài này không phải là bài khảo-cứu về cổ-lễ, vì những điều đó có lẽ các ngài cũng đã biết rồi, ý riêng tôi chỉ nhân lúc bây giờ là lúc giao-thời, cái văn-hóa mới đã tràn vào, cái văn-hóa cũ đã hầu muốn nghiêng đổ, tuy vậy mà cái văn-hóa cũ vẫn hình như còn mật-thiết cho ta lắm ; còn có mật-thiết thì khi nào ta lại không cùng nhau tìm cách bảo-tồn. Mà bốn việc quan, hôn, tang, tế này chính là biểu-hiện cho cái văn-hóa đó ; chỉ vì lẽ văn-hóa đó đã lâu đời, một là vì có điều không hợp thời, hai là vì có điều tự người sau làm hư đi, nhưng dù sao mặc lòng, ta vẫn còn theo, thì ta còn phải nên giữ lấy. Ấy vì cái ý đó mà tôi nay đem làm một câu chuyện góp để bàn-bạc với các ngài đây, nói rõ lợi hại hay dở như thế nào, cùng nhau tìm cách chỉnh-đốn lại cho hoàn-toàn, hầu mong cái văn-hóa cũ của mình cũng có cái đặc-sắc như người vậy. Thiển-ý như thế, dám mong các ngài lượng cho.

ĐỖ THẬN

QUA CHƠI MẤY NƠI CỔ-TÍCH ĐẤT NINH-BÌNH

Trời xuân quang-đãng, gió xuân phơi-phới, tiếng còi xe hỏa rúc tu-tu, ấy là chuyến xe tự ga Hà-nội chạy Ninh-bình buổi sáng sớm 6 giờ hôm 20 tháng 3 năm ất-sửu (tức là ngày lễ Phục-sinh 12 tháng 4 năm 1925.) Ngày hôm ấy cảnh xuân-vũ mới đổi ra cảnh xuân-tình, nên hành-khách tới-tấp lên xe, kẻ trẩy đền Sòng, người đi bến Thủy, người thì xôn-xao hỏi thăm đồng Hương-tích, kẻ thì rộn-rịp qua tới núi Thôi-ngôi, rõ ra cảnh-tượng bình-minh, chiều xuân vui-vẻ, ai ai cũng muốn qua thăm những nơi cảnh Phật bầu trời. Chúng tôi tám người cũng cùng đi chuyến xe ấy, định vào du-lãm các danh-lam thắng-cảnh đất Ninh-bình. Khi xe ra đi vì đông khách chật chỗ ngồi, chúng tôi phải lên toa trên cùng ngồi đàm-đạo: câu chuyện gần xa, câu văn kim cổ, người thì ra ngắm cảnh xuân-sơn đôi bên dọc đường, như gần như xa, như đưa như đón, rõ ra vẻ « xuân-sơn như tiếu », vẻ mây nhàn-nhạt, vẻ hoa hớn-hở, hình như đon-đả tươi cười chào đón khách du-xuân. Qua Châu-giang thì thấy một dải nước trong, thuyền bè thấu-tập, dân-cư trong một tỉnh đi lại đông như mắc cửi, đó chính là tỉnh Hà-nam là một tỉnh trung-châu trù-phú, trên tiếp với tỉnh Hà, dưới giáp với tỉnh Nam. Qua núi Long-đội (Đọi) ở vùng Duy-tiên mà tưởng-tượng đến mảnh bia đời Lý, nét bút vua Lê vẫn còn đâu trên đỉnh núi. Qua núi Yên-lão ở vùng Bình-lục, vẫn nghe truyền có giếng « Tiên-tỉnh », bóng lão-tùng; núi Quyền thì truyền rằng có sẵn giống cỏ *thi* để dùng về việc bói *Dịch* rất qui. Con mắt người du-khách đương ứng-tiếp với núi non chư rồi, thì xe đã qua tới Nam-định; lại gặp mấy người cùng lên xe là ông Bùi Văn-Thiệp, ông Bùi Huy-Phảng, ông Vũ Văn-Roãn, ông Ngô văn-Cao cũng đồng-ý muốn mượn cảnh non nước tiêu-dao cho giải-trí. Xe vừa qua núi Gôi một lát đã nghe thấy tiếng còi giục khách rộn-rịp xuống xe, vừa đúng 10 giờ trưa thì xe tới Ninh-bình. Ông Bùi Văn-Thiệp giới-thiệu chúng tôi cùng vào chơi nhà ông Hàn Nguyễn Xuân-Hà ở phố Đại-phong, lại thích-ngộ cả anh ông Thiệp là ông giáo Bùi Chu-Thiếp cũng vừa ra đó. Nguyên mấy ông ấy cùng là anh em trong một nhà, cùng với ông Trịnh Văn-Phương chủ hiệu Phương-thịnh là một nhà đương mở-mang thương-nghiệp ở Ninh-bình, có chung nhau mở một xưởng ô-tô gọi là « Trường-thành công-ti », nên có sẵn xe ô-tô, sẵn người tài-xế, lại có hảo-tâm đưa đón và khoản-tiếp chúng tôi là một bọn khách phiếm-du trong khi xuân-nhật, các ông ấy và ông Nguyễn Xuân-Vũ, ông Lê Văn-Huân cũng đồng-kết làm bạn du-xuân thì vui-vẻ biết chừng nào!

Nguyên tỉnh Ninh-bình này từ đời nhà Mạc lấy phủ Tràng-an 長安 phủ Thiên-quan 天關 làm nơi Thanh-hoa ngoại-trấn 清華外鎮, phân địa-giới từ núi Tam-điệp trở vào trong gọi là Tây-Việt 西越, tức là đường trong; trở ra ngoài gọi là Đông-Việt 東越, tức là đường ngoài, là một nơi trấn-thủ trong ngoài giáp-giới. Sở-tại Ninh-bình nay đóng ở Vân-sàng, là nơi nhân-yên thấu-tập, phong-vật phồn-hoa, lại có con sông Đáy sông Vân diễu qua phố Vân-sàng, phố-phường mở ra buôn-bán đông-đúc. Chung-quanh tỉnh không biết bao nhiêu là các nơi danh-sơn thắng-tích, giá có rỗi thì-giờ mà du-lãm, thì sơn-kỳ thủy-tú cảnh thiên

nhiên chưa dễ mấy khi đã lịch-lãm cho cùng. Vả lại tỉnh Ninh-bình về phía tây-nam giáp Thanh-hóa có nhiều dẫy núi đá chạy dài ra đột-ngột đứng giữa cánh đồng bằng, không khác gì như những cù-lao ở ngoài bể Hạ-long, ý chừng những nơi này cũng là bể khi xưa, trải bao phen tang-thương biến-cải, nên nay mới thành ra những cánh bình-nguyên bát-ngát mà lại có núi đá mọc lô-xô như thế chăng?

12 giờ hôm ấy mới cùng nhau đi ô-tô đến bến Giản-khẩu 謙口 (ta thường gọi là bến Giản). Kể từ tỉnh-lỵ ra đi độ 10 ki-lô-mét, 20 phút đồng-hồ thì đến bến Giản, rồi sang phà qua Hoàng-giang, lại đi xe độ 4 ki-lô-mét nữa thì đến bến Đoan-vĩ, thuộc về thượng-lưu sông Đáy, rẽ về phía tay trái độ 300 thước tây thì đến núi Địch-lộng 笛弄, đấy là một ngọn núi đá cao chót-vót đứng trên bờ sông, trên núi có hang có đồng, cảnh-trí thiên-nhiên. Khi mới đến đầu núi dừng chân đứng lại đã thấy ra cái vẻ thanh-cao u-nhã. Khi bước chân tới cửa chùa thì thấy có năm chữ đề: «南天第三峒 *Nam-thiên đệ tam đồng*» Truyền rằng khi trước đức Minh-mệnh đã ngự-giá qua đồng này, cho đồng này là đồng thứ ba, mà Hương-tích là đệ-nhất-đồng, Bích-đồng 碧峒 (thuộc huyện Yên-mô) là đệ-nhị-đồng, thế thì đồng này cũng đã từng có giá-trị ở trong các nơi danh-sơn thắng-cảnh. Nhà sư thấy có du-khách đến vãn-cảnh thì sai tiểu sắp đuốc đưa lên đồng. Đường đi lên đồng cứ một bậc lại một bậc cao dần lên, chừng độ 80 bậc, truyền rằng những bậc đá này xây từ khi vua Minh-mệnh ngự-giá qua chơi đây vào khoảng năm 1821. Khi trèo lên đến cửa đồng, thì thấy đề là: «岩山峒古庵寺 *Nham-sơn-đồng Cổ-am-tự*», thế thì chùa

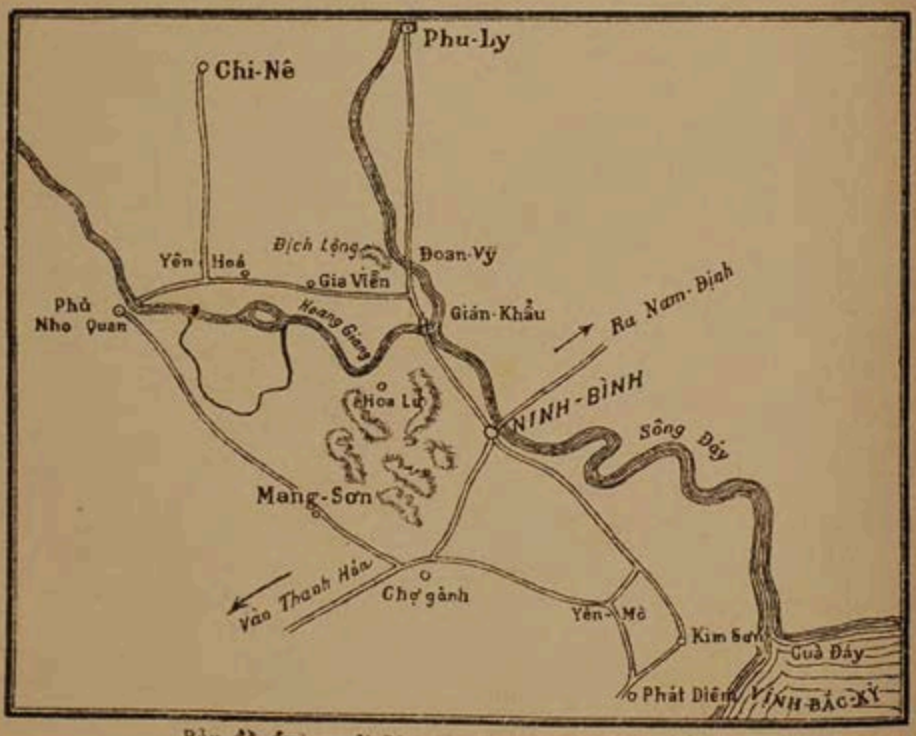

Bản-đồ đường đi Địch-lộng Hoa-lư và Phát-diệm

Cồ-am này là nhân đỗng núi mà làm thành ra, đỗng sâu cho nên chùa càng rộng ; tượng Phật cũng cồ, trên có ba tượng đá giữa ba tượng đồng, chế-tạo ra từ năm Minh-mệnh, nhưng nay cò có ba tượng đá là cồ mà thôi. Ngoài cửa đồng lại có hai cái miếu con có đề câu đối rằng : « *Cảnh-trí thiên-nhiên, Tây-hồ phong-nguyệt, Anh kỳ địa quỳnh, Nam-quốc sơn-hà.* 景致天然。西湖風月。英奇地迥。南國山河。» Câu này cũng là câu đối mới, nhưng xem qua câu ấy cũng đủ biết rằng cái non sông chốn này, cái trăng gió chốn này vẫn là cảnh-trí thiên nhiên của nước Nam đó. Xem qua đàng trước đỗng rồi cùng nhau theo ven chùa ra đàng sau đỗng, lối đi ngoắt ngoéo treo-leo, bước cao bước thấp, càng vào càng sâu, lại thấy mở ra một đỗng nữa, trong đỗng đá mọc lô-xô trông từa-tựa như hình các con giống, nào là kỳ-lân, sư-tử, cá chep, rùa rùa, ai trông giống hình gì thì gọi nó là hình ấy. Bên sườn đỗng treo-leo lại có những phiến đá nho-nhỏ, hình như miếng khánh, miếng dầy miếng mỏng, miếng khuyết miếng tròn, chú tiểu bảo ta rằng:« Đó là bộ bát-âm. » Trèo lên lấy dùi gõ thử cho ta nghe, thì mỗi miếng đá kêu một thứ tiếng khác nhau, hoặc thùng-thùng như tiếng trống, boong-boong như tiếng chuông, canh-canh như tiếng khánh, tiếng to tiếng nhỏ, tiếng đục tiếng trong, nghe ra đủ tiếng ngũ-âm (1), hoảng-nhiên như một khúc nhạc thiên-nhiên trong tiên-đỗng. Ra quá mé ngoài lại mở ra một cửa đỗng thênh-thang, ánh mặt trời sáng-sủa, trông ra một cánh đồng bát-ngát. Thợ trời bày đặt ra nghĩ cũng kỳ ! Có phải để những nơi danh-lam thắng-cảnh này làm chỗ trụ-trì riêng cho các vị cao-tăng ẩn-sĩ chăng ? Hay là để làm chỗ thưởng-ngoạn chung cho cả các bậc tao-nhân mặc-khách chăng ? Chung quanh vẫn nước non nhà, ai tri-âm đó mặn-mà với ai ? Ấy cái non sông gấm vóc của nước Nam mình bày ra đó, trời vẫn để riêng cho người Nam mình, ai biết mà đăng-lâm thưởng-ngoạn thì được hưởng-thụ cái thú thanh-cao phiêu-dật ; ai không biết mà chỉ lăn-lộn ở trong đám bụi hồng mạch tía, thì sao hay hưởng được cái thú trăng trong trên khoảng núi, gió mát giữa dòng sông, kho vô-tận của trời đất vẫn để riêng cho ta đó. Đỗng này khi xưa Trịnh Tĩnh vương đã qua chơi, ông Lê Quế-đường (Lê Quí-Đôn) khi theo Trịnh Tĩnh-vương lên đó đã có câu thơ tả cảnh rằng :

岩窗半啓青成幙。

Nham song bán khải thanh thành mạc,

石乳全柔碧作球。

Thạch nhũ toàn nhu bích tác cầu.

潮水千年常上下。

Trào thủy thiên niên thường thượng há.

溪花終古自春秋。

Khê hoa chung cồ tự xuân thu.

Nghĩa là:« Cửa núi hé ra xanh-xanh như cánh màn che, nhũ đá mềm-mại biêng-biếc như quả cầu tròn, nước thủy-triều thường nghìn năm lên xuống, hoa khe núi trải bao thủa xuân thu. » Nay đọc câu thơ ấy thật là như vẽ ra cảnh đỗng Địch-lộng. Khi xem trên đỗng xong rồi, rủ nhau xuống núi, người xuống trước kẻ xuống sau, trèo leo cũng ra chiều khó nhọc mà đều có vẻ vui thú. Xuống đến chân núi qua sau vườn chùa có

(1) Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ năm tiếng thuộc về Thổ, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa năm hành.

thấy ba cái bia đá: một cái đề là: « *Minh-mệnh cửu niên* 明命九年», một cái đề là: « *Tự-đức thất niên* 嗣德七年,» còn một cái mới lập năm Khải-định, cũng đều nói về việc sửa-sang chùa đồng ở đây mà thôi.

Mặt trời xế chiều, anh em lại tự Địch-lộng đi ô-tô trở về bến Gián, rồi theo con sông Hoàng-giang 黃江 đi thuyền đến Tràng-an. Hoàng-giang là một con sông lớn, chỗ ngã ba thông với con sông Hát, thường khi nước triều lên xuống, sông nước mênh-mông. Qua bến Gián này mà đi xuyên-sơn về phía tây có thể đi vào Thanh-hóa được, nay ta đến đây lại sực nhớ đến ông Nguyễn Trãi 阮廌, cùng ông Trần Nguyên-Hãn 陳元扞, khi xưa đã từng qua bến Gián này đi vào Lam-sơn để tìm vua Lê Lợi. Tưởng đương khi ấy trời làm thảo-muội (1), đất rắc chông gai, quân Minh sang chiếm-cứ nước ta, những người anh-hùng hào-kiệt có lòng cứu-dân tế-thế, còn lẩn-lút ở trong rừng xanh núi đỏ ấy còn biết đâu mà tìm. Thế mà hai ông hay chẳng từ gian-lao hiểm-trở, kết bạn đồng-chí cùng đi hỏi dò thăm bến qua tới bến này, lặn ngòi noi nước đi mãi vào Lam-sơn, tìm thấy được một vị chân-nhân áo vàng xưng trẫm ở trong chốn nước biếc non xanh là vua Lê Thái-tổ ra để bình-định quân Minh, hai ông thực là có công với non nước này vậy. Vả lại con đường sông Hoàng sông Hát này khi xưa Lê, Mạc giao-binh, khi quân Lê kéo ra đường ngoài đánh Mạc, khi quân Mạc lẻn vào đường trong cướp Lê, cũng tất lấy những con sông này làm « tất do chi lộ ». Nay trông thấy giang-sơn như cũ, sông bằng nước phẳng lại đưa con thuyền chúng ta đi tới Tràng-an, để thăm nơi cổ-tích một vị đế-vương mới dựng ra nền đế-thống, thì trong lòng ta ao-ước biết chừng nào!

Chuyến đi này chúng tôi vừa buổi sáng xuống xe hỏa, lại buổi trưa lên ô-tô, vừa mới đi bộ bước lên hang núi, lại sắp đi thủy qua tới bên sông, các qui-hữu trong Ninh-bình đã sắp đặt sẵn-sàng cho cả, đã thuê sẵn một con thuyền lớn đợi ở bến Gián, khi bước xuống thuyền thì đều có sẵn cả, có chè giải-khát, có rượu đàm-tâm, lại có sẵn-sàng cả cầm-ca để xướng-họa với non sông, đông-đủ cả bạn-hữu để vui cười với trăng gió, tuy không phải là khách Đông-sơn mà cũng huề-kỹ đăng-lâm, lạm mượn cái thú phong-lưu như ông Tạ Phó; tuy không phải là con thuyền Xích-bích, mà cũng « tố lưu-quang ca yểu-điệu,» thác cảm-hoài với trăng với nước như cụ Tô Đông-pha; cái thú phong-tao ấy tưởng các nhà đạo-đức cũng không nghiêm-trách chi lắm, mà những khách hào-hoa người phong-nhã xưa nay cũng thường mượn cái thú ấy để giải-muộn tiêu-sầu, biết đâu trên bến Tầm-dương lại lắm lúc chứa-chan giọt lệ đượm chàng áo xanh, càng thêm đeo sầu với non nước.

Buồn trông cửa bể chiều hôm!
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa-xa?

Thuyền đi trước độ 2 giờ đồng-hồ thì đến bến Tràng-an, chừng vào hồi 4 giờ chiều. Tràng-an phía trong giáp Thanh-hóa, ở về dải con sông Hoàng-giang. Đời Đinh 丁 đời Lê 黎 khi xưa đóng ở đó, gọi là Hoa-lư thành 華閭城, đời Lý thiên-đô ra Thăng-long, mới gọi đó là Tràng-an-phủ, nay là những xã Yên-thượng, Yên-trung, Yên-hạ, Yên-thành, ba bốn xã ở vùng ấy cùng hồn-

(1) Thảo-muội 草昧 = mờ-mịt rậm-rạp, là trỏ lúc loạn-lạc.

canh hỗn cư, thuộc về huyện Gia-viễn, đồng-điền cũng rộng mà dân-đinh cũng đông-đúc. Khi thuyền đỗ bến ghé lên bờ, đi theo một con đường nhỏ những đá lồn-nhồn mới vào đến Tràng-an. Khi đi vào trông đôi bên đường làng nọ đến làng kia, xóm này đến xóm khác, có vườn có ao, có giếng có chợ, nhà ở sansát, thôn-đồng dã-lão kẻ chạy đi người chạy lại, coi ra chiều chất-phác cổ-phong. Ngoài bến sông thì thuyền ngư-phủ lênh-đênh quăng chài trên ngọn gió, bên bờ ruộng thì lũ mục-đồng nhảy-nhót thổi sáo dưới bóng cây, cảnh ra vẻ sinh-hoạt tự-nhiên, vui-vẻ rộng-đúc, mới nhận ra rằng chốn này là chốn kinh-đô đời Đinh đời Lê khi xưa, thì những hoàng-đồng bạch-tầu (1) sinh-tụ ở chốn này, chẳng phải là những di-dân theo ngọn cờ lau của vua Đinh khi xưa đó hay sao? chẳng phải là những dòng-dõi quân Thập-đạo của vua Lê đã từng đem đi đánh quân Tống Hầu Nhân-Bảo đó hay sao? Trong lòng cảm-tưởng bồi-hồi khiến ta lại càng nhớ đến sự-nghiệp của vua Van-thắng và tài-năng của Thập-đạo tướng-quân!

Đi độ chừng vài ba mươi phút đồng-hồ mới đến miếu vua Đinh, trông các đình-miếu cùng các nơi công-sở, đều trang-hoàng chỉnh-túc, có chỗ cắm cờ, cắm tàn, lại có năm ba ông hội-đồng hương-lão ra chào hỏi, nào ông tiên-chỉ, ông phó-tổng Yên-hạ, ông bá-hộ Yên-thành, ông thủ-quĩ Yên-thượng, cùng [illegible] ông kỳ-lý ra ứng-tiếp, hỏi ra mới biết rằng nhân có tiếp tờ sức quan huyện Gia-viễn là quan Dương bảo có khách đến thăm nơi cổ-tích, nên người sở-tại đó mới ra tiếp, quí-hóa lắm thay! Khách đó là ai? Là ông Phạm Quỳnh, ông Ngô Vi-Liễn, ông Ngô Vi-Lan, ông Phạm Văn-Thư, ông Trần Quang-Vinh, và hai người học-sinh trường Trung-học là Trương Cam-Khuyến, Trương Cam-Cống có đem theo bộ máy ảnh cùng đi với ký-giả, hợp với chư quí-hữu Ninh-bình năm ba người, chứ có ai đâu, thế mà quan huyện có lòng tốt lại bảo trước cho dân biết để chỉ-dẫn cho xem, cũng là một sự hân-hạnh cho chúng ta lắm! Trước nhất các kỳ-lão đưa vào thăm đền vua Đinh. Đền có ba tầng cửa, mới thoạt tiên vào đến tầng cửa ngoài, rồi đến tầng cửa tam quan ở giữa, qua tầng cửa tam-quan, rồi đi theo một con đường nhỏ xây gạch, vào đến tầng sân trong, trước sân có cái sập đá vuông lớn chạm rồng, nét chạm cũng tinh-tế, đôi bên có hai con nghê đứng chầu, truyền rằng khi xưa đánh lấy được của Chiêm thành đem về. Trước sân đôi cột trụ đề câu rằng: « *Đế cư nghiễm nhã sơn hà tráng; thiên đạo chiêu hồi nhật nguyệt quang.* 帝居巖雅山河壯。天道昭回日月光。» Đi vào trong một ít lại có câu rằng: «*Ngã Nam đế thống đệ nhất kỷ, Tràng-an miếu mạo vạn thiên niên.* 我南帝統第一紀。長安廟貌萬千年。» Xem những câu đối-liên ấy mà ngắm vào đình-đài này, thì rõ ra chiều thế-thế tôn-nghiêm, xứng-đáng thờ một vị đế-vương mới dựng nên nền đế-thống. Trong cung chính giữa có tượng vua Đinh Tiên-hoàng tạc bằng gỗ, sơn son thiếp vàng, tự năm 1853, tôn-nghiêm đường-bệ; đôi bên lại có hai tượng nữa, dân ở đó bảo là hai vị tượng vua con, ý là tượng Nam-Việt-vương Đinh Liễn 丁璉 và tượng Vệ-vương Toàn 衛王璿 chăng? Sập ngoài cửa cung có bày ngai thờ các quan văn võ. Chính gian giữa có hoành-biển đề ba chữ: « *Chính-thống thủy* 正統始 ». Lại có đôi câu đối rằng: « *Đế kỷ triệu sơ cơ,*

(1) Trẻ con chửa đến tuổi là hoàng-đồng, ông già bạc đầu là bạch-tầu.

thập-nhị sứ-quân qui nhất-thống. Thần-từ cao cố-quận, vạn niên trở đậu quán thiên linh. 帝紀肇初基。十二使君歸一統。神祠高故郡。萬年俎豆冠千靈。» Trong đền thờ có nhiều đồ sứ cổ, có đôi chóe cổ cực to và đĩa bát cổ, nhận ra cũng nhiều đồ quí báu, dân sở-tại vẫn lấy làm trân tàng để tồn-cổ. Truyền rằng khi xưa còn có tượng Đỗ Thích 杜釋 là đứa thí-nghịch vẫn để trong xó đền, hễ khi nào vào đám thì đem tượng ấy ra đánh, nhưng đã bỏ đi từ năm Gia-long, nên bây giờ không còn thấy tượng ấy nữa. Đền này không biết đích làm ra từ đời nào, nguyên làm theo cổ-chế thì thấp, truyền rằng về đời Lê Trịnh đã có sửa-sang một lần, chừng vào hơn 30 năm nay lại có trùng-tu, có kê thêm mỗi chân cột cao lên một tảng đá chừng độ một thước ta, tảng đá bao cũng chạm khắc kỹ-càng, trông ra có thêm phần tráng-lệ, mà phần cổ-chế vẫn y-nhiên, đó cũng là một cách khéo trùng-tu, không làm đến nỗi mất nền cổ-tích đi vậy. Đền trông ra trước núi Mã-yên 馬鞍. Khi xem trong đền xong, cùng nhau lên núi để chiêm-bái sơn-lăng.

Núi Mã-yên là một hòn núi đá cao độ 200 thước tây, núi có năm ba ngọn chập-trùng liền nhau, đá mọc treo-leo, có chỗ nhô lên như cái yên ngựa, cho nên gọi là Mã-yên-sơn, phía đàng trước lại còn dẫy núi Ngũ-vân-sơn nữa. Cây-cối mọc bùm-tum, đường lên núi cũng treo-leo khó đi, nhưng vì tấm lòng hăm-hở, nên khiến cho bước chân cũng nhanh-nhẹn lần từng bậc bước lên như chơi. Khi lên đến trên tuyệt-đỉnh, thấy vùng ra một khu đất vuông bằng non nửa sào ruộng, ở giữa xây một cái lăng bằng đá thâm-thấp và một cái bệ thờ trên đặt cái lư hương bằng đá, ở bên hữu lại có dựng một cái bia đá đề rằng : « *Đinh-triều Tiên-hoàng-đế lăng. Minh-mệnh nhị thập nhất niên ngũ nguyệt sơ nhị nhật, phụng sắc kiến.* 丁朝先皇帝陵。明命二十一年五月初二日奉勅建。» Ở mặt sau cái bia lại có đề rằng : «*Hàm-nghi nguyên niên, cửu nguyệt nhị thập tứ nhật trùng tu Tiên-đế lăng* 咸宜元年。九月二十四日。重修先帝陵 » Xem thế thì cái lăng này mới xây lên từ năm Minh-mệnh thứ 21 vào khoảng tây-lịch 1840, đến nay đã được 85 năm, còn không biết lúc mới có cái lăng này từ bao giờ? Xét trong *Đại-Việt sử-ký* có chép khi vua Đinh Tiên-hoàng mất đem về táng ở Tràng-an sơn-lăng, nếu kể từ đời Đinh trải qua đời Lê, Lý, Trần, Lê, cho đến ngày nay, thì cái lăng này ước chừng đã được ngót 1000 năm, chung-quanh lăng đá mọc sàm-nham, cây-cối u-uất, vẫn còn có cái khí-tượng hùng-hồn cổ-kính, không như những nơi khác mượn đến tay tô-điểm, mà làm mất vẻ thiên-nhiên đặc-sắc đi đâu! Đương khi xem lăng lại vừa lún-phún mấy hạt mưa xuân, ào-ào mấy cơn gió trận, trông trên lá cây ngọn cỏ, hình như phấp-phới ngọc cờ lau, mà lại hình như văng-vẳng gió đưa tiếng còi mục-thụ, khiến cho trong lòng ai nấy càng cảm-tưởng đến vua Đinh đã từng gây dựng nên cái nền cơ-tự Thái-bình (1) trước nhất ở nước Nam ta, lăng ấy núi này, còn thiên-vạn-cổ. Ký-giả nhân có mấy câu cảm-hoài rằng :

Yên-ngựa chon-von ngất đỉnh đèo,
Sơn-lăng dấu cũ đá treo-leo.
Đìu-hiu ngọn gió cờ lau phất,
Văng-vẳng sườn non tiếng mục reo.
Nền miếu Tràng-an còn vững đá,
Tấm bia Tiên-đế chửa mờ rêu.

---

(1) Thái-bình 太平 là niên-hiệu vua Đinh. Việt-sử ca có câu : *Nghìn năm cơ-tự mới xây.*

Non sông Cổ-Việt nào đâu đó ?
Bẳng-lẳng thành Hoa bóng ác chiều !

Chiêm-bái sơn-lăng rồi lại cùng nhau xuống núi đi ra mé ngoài vào xem đền vua Lê, khi đến trước cửa đền cũng có một cái sập đá to, vào trong cửa đền thì bên tả có một cái núi non-bộ bằng một tảng đá lớn, bên hữu có cái giếng vuông xây bậc gạch coi ra bề chỉnh-khiết. Đền cũng theo lối cổ thâm-thấp như đền vua Đinh, nhưng cái phần rộng-rãi trang-nghiêm thì không bằng đền vua Đinh. Trong cung chính giữa có tượng vua Lê, còn bên tả là tượng vua Lê Trung-triều 黎 臥 朝, bên hữu là tượng bà Dương Thái-hậu 楊 太 后. Dân ở đấy nói rằng tượng bà Dương-hậu này khi trước ở bên đền vua Đinh, từ ông Lê Thái-thường mới bắt rước sang thờ bên đền vua Lê. Xét ông Lê Thái-thường tức là ông Lê Thúc-Hiền 黎 叔 顯, em ông Lê Thiếu-Dĩnh 黎 少 穎, con ông Lê Cảnh-Tuân 黎 景 詢, người làng Mộ-trạch Hải-dương. Ông ở về hồi Lê-sơ. Khoảng năm Thuận-thiên có làm quan Tràng-an tri-phủ, ý-giả ông bắt thiên tượng bà Dương-hậu sang đền vua Lê về hồi ấy chăng ? Mà hai chữ « Thái-thường 太 常 » chừng là quan-hàm của ông vậy. Sau ông làm đến Lạng-giang trấn Tuyên-phủ-sứ. Ý ông nghĩ rằng : *Vạc Đinh đã trở sang Lê, nàng Dương chăn gối cũng về hậu-cung.* Thế thì rước tượng bà Dương sang đền vua Lê là phải. Trong đền thờ có câu đối rằng : « *Mệnh-vận nhất ư thiên, Tống hoàng bào, đế Việt long-cổn. Anh linh trường thử-địa, Hoàng Đinh thượng-miếu, Hoàng Lê hạ-từ.* 命 運 一 於 天。帝 宋 黃 袍。帝 越 龍 衮。聲 靈 長 此 地。皇 丁 上 廟。皇 黎 下 祠。 Dưới đề lạc-khoản là : « *Phượng-trì Võ Phạm-Khải* 鳳 池 武 范 啓。 » Xem như câu đối của cụ Võ Phạm-Khải mà đề như thế, sẽ biết khi bà Dương mà khoác áo long-cổn cho vua Lê cũng là mệnh trời vậy. Cho nên đến nay Hoàng-Đinh thượng-miếu vẫn y-nhiên, mà Hoàng-Lê hạ-từ vẫn còn đó, xã Yên-thượng Yên-trung thì phụng-sự đền vua Đinh, mà xã Yên-hạ thì phụng-sự đền vua Lê, hằng năm vào độ mồng 10 tháng 3 là ngày kỷ-niệm vua Đinh đăng-quang, ngày 16 tháng 8 là ngày hủy-nhật, ngày 19 tháng 7 là ngày sinh-nhật vua Lê, mồng 7 tháng 3 là ngày hủy-nhật, dân ở đấy vẫn có lệ vào đám rước xách, phàm người dân nước Nam ta ai cũng nên nhớ lấy những ngày ấy làm ngày kỷ-niệm, đi đến chiêm-bái để tỏ tấm lòng sùng-bái các bậc anh-hùng đã có công với nước nhà. Nay ký-giả xin lược-thuật cái lịch-sử về đời Đinh, Lê, và xét xem cái thời-đại ấy có quan-hệ với nước nhà như thế nào.

Nước ta về hồi cuối đời Tiền-Ngô, Dương Tam-Kha 楊 三 哥 tiếm ngôi, Ngô Xương-Văn nối nghiệp, không được bao lâu thì mất, trong nước rối-loạn, mới thành ra cái cuộc Thập-nhị-sứ-quân, *nghiệp Ngô rày có ai thay, đua nhau lại phó mặc tay quần-hùng.* Nào là : Ngô Xương-Xí 吳 昌 熾 chiếm giữ Bình-kiều, Đỗ Cảnh-Thạc 杜 景 碩 chiếm giữ Đỗ-động (Thanh-oai), Kiều Công-Hãn 矯 公 罕 chiếm giữ Phong-châu (Phú-thọ), Trần Lãm 陳 覽 chiếm giữ Bố-hải phủ Kiến-xương Thái-bình), Nguyễn Khoan 阮 寬 chiếm giữ Tam-đái (phủ Vĩnh-tường Vĩnh-an), Ngô Nhật-Khánh 吳 日 慶 chiếm giữ Đường lâm (thuộc huyện Phúc-thọ Sơn-tây). Còn ở Siêu-loại thì Lý Khuê 李 奎, Tiên-du thì Nguyễn Thủ-Tiệp 阮 守 捷, Tế-giang (huyện Văn-giang Bắc-ninh) thì Lã Đường 呂 唐, Tây Phù-liệt (thuộc Thanh trì) thì Nguyễn Siêu 阮 超, Đằng-châu (藤 州, phủ Khoái Hưng-yên) thì Phạm Bạch-Hổ 范 白 虎, Hồi-hồ huyện Cẩm-khê Phú-thọ) thì Kiều Công-Thuận 矯 公 順 ; thời bấy giờ gọi là Thập-nhị-sứ

quân, mỗi người chiếm giữ một phương, tranh nhau hùng-trưởng, nào ông thì xưng là Lịnh-công 令公, ông thì xưng là Minh-công 明公, ông thì xưng là Tam-chế 三制, ông thì xưng là Phòng-át 防遏, bấy giờ trong nước vô chủ, người trong nước đã chia ra thành nhiều phe đảng, tranh cướp lẫn nhau, không ai thống-nhất được. Cái cuộc phân-tranh ấy có khác gì cái cuộc Nam, Bắc phân tranh của nước Tàu ngày nay không? nào Trương Tác-Lâm 張作霖 thì hùng-cứ ở Mẫn-châu, Phùng Ngọc-Tường 馮玉祥 thì ủng binh ở Trương-gia-khẩu, mặt Vân-nam thì Đường Kế-Nghiêu 唐繼堯 tung-hoành, mặt Quảng-đông thì Trần Quỳnh-Minh 陳炯明 nhiễu-loạn, Đoàn Kỳ-Thụy 段祺瑞 ở Trung-ương-chính-phủ cũng không thể thống-nhất được. Trong một nước Tàu lớn như thế, mà chia ra bè nọ đảng kia đánh giết lẫn nhau như thế, người thức-giả trông thấy cuộc nước Tàu, ai chẳng nguy thay cho cuộc nước Tàu không khéo lại mắc phải cái vạ qua-phân! Trông người lại ngẫm đến ta, thử ngẫm lại cái cuộc Thập-nhị sứ-quân phân-tranh ở nước ta khi trước, nếu cứ chỗ phương Nam này ông kiến đua tranh, nơi bể Đông kia kềnh nghê vùng-vẫy, khắp cả trong một nước đều nát như canh hẹ, rối như bòng bong, ví thử không có người ra mà thống-nhất lấy cơ-đồ, thời không khéo binh-thuyền của Lộ Bác Đức (1) nó lại sang mà xâm chiếm, ngọn cờ Tĩnh-hải của Cao Biền nó lại sang mà đô-hộ, tài nào cho tránh khỏi được cái lao-lung của người Tàu. May sao trong đồng Hoa-lư 華閭, có ông Đinh Bộ-Lĩnh 丁部領, ứng thời-vận mà sinh ra lúc bấy giờ, lập ngay nên được cơ-đồ thống-nhất, thế chẳng may cho vận-mệnh nước ta hay sao!

Ông Bộ-Lĩnh con quan Thứ-sử Hoan-châu Đinh Công-Trứ 丁公著, khi ông còn nhỏ khí độ đã khác thường, cùng trẻ chăn trâu, lũ mục-đồng phải suy tôn làm bậc dân anh, ông bắt lũ trẻ chéo tay làm kiệu rước đi như kiệu vua, lại lấy hoa lau làm cờ dẫn đi hai bên làm như nghi-vệ thiên-tử, trẻ con các thôn khác đều sợ phục, ông thường giết trâu để khao quân mục-đồng, ấy cái khí-tượng ông từ lúc bé đã phi-thường như thế.

Khác thường từ thuở còn thơ,
Rủ đoàn mục thụ kéo cờ bông lau.
Dặp-dìu kẻ trước người sau,
Trần-ai đã thấy vương hầu-uy-dung.

Nên chi, khi lớn lên theo về ông Trần Lãm, tay giữ binh-quyền, khi Trần Minh-công mất ông bèn thống-lĩnh quân ấy, chiếm giữ đất Hoa-lư, chiêu-mộ hào-kiệt, để đồ-hồi tự-lập, đánh đâu được đấy, hiệu là Vạn-thắng vương 萬勝王, bình-định hết được thập-nhị Sứ-quân, lên ngôi hoàng-đế, đóng đô ở Hoa-lư kỷ-nguyên là Thái-bình 太平, quốc-hiệu là Đại Cồ-Việt 大瞿越. Ấy nước ta mà xưng đế-hiệu là trước từ vua Đinh Tiên-hoàng. Tuy rằng vua Đinh hưởng nước không được dài lâu, bị Đỗ Thích nó thí-nghịch, cũng là vì chưa kịp phòng-vi đỗ-tiệm (2) đó mà thôi. Nhưng xem như cơ qui-mô kiến-quốc, nào là chế triều nghi, đặt trăm quan, lại định ra mười đạo quân, chế-độ cũng đã lược đủ, thế thì cái hùng-tài đại-lược của vua Đinh,

---

(1) Lộ Bác-Đức 路博德 tên tướng Tàu, Hán Võ-đế sai Lộ Bác-Đức đem binh-thuyền sang đánh tướng nhà Triệu là Lã Gia, nước ta phải thuộc Tàu từ hồi ấy mất ngót 1000 năm.

(2) Phòng từ lúc cơ-vi còn nhỏ, giữ từ lúc mới tiệm sinh ra, nghĩa là phòng-bị trước.

đã đủ quét thanh bờ cõi, gây dựng cơ-đồ, có đường-bệ, có y-quan, đẳng-uy có biệt, giai-ban có thường, cứ kể đế thống trong lịch-sử nước Nam ta, thì ai chẳng phải lấy cờ lau làm ngọn cờ xích-xí.

Hồng-bàng đề mối đến nay,
Kể trong chính-thống từ đây là đầu.

Khi Đinh Tiên-hoàng mất rồi, chủ thiếu quốc-ngụy, trong thời nhân-tình xao-xuyến, ngoài thì người Chiêm vào xâm-lấn, người Tàu nghe nước ta rối ren, lại muốn nhân cơ-hội ấy sang lấy nước Nam ta, sai Hầu Nhân-Bảo 侯仁寶 đem Kinh, Hồ 3 vạn quân do đường Quảng-châu sang xâm, và Tôn Toàn-Hưng 孫全興 đã đem quân đến Lạng-sơn, Trần Khâm-Tộ 陳欽祚 đã đem quân đến Tây-kết, quân Lưu Trừng 劉澄 thì đã đến Bạc-đằng. Nếu khi ấy mà không có ông Lê Hoàn 黎桓 là tay hùng-võ, thời chẳng kéo lại như Vệ-dương-vương 衛陽王 (1) đem dâng ra hàng Hán, Lý Phật-Tử 李佛子 bỏ tay lại hàng Tùy mà thôi, thì cơ-đồ nước ta còn mong gì nữa. Thế mà ông Lê Hoàn lấy là chức Thập-đạo tướng-quân, binh-quyền ở tay, tự đảm-đương lấy việc lớn, ra chống-cự với quân Tàu, chém được Hầu Nhân-Bảo, bắt được Quách Quân-Biện 郭君辨, Triệu Phụng Huân 趙奉勳, giết quân Tàu chết đến quá nửa, thây lăn ra đầy đồng, làm cho người Tống khiếp sợ phải rút quân về mà giảng-hòa thông-hiếu. Về sau lại đánh phá được quân Chiêm-thành. Thế thì vua Lê Đại-Hành thực có công to về việc phạt Tống bình Chiêm, làm cho giang-sơn nước Việt vẫn hoàn là tự-chủ, chẳng nên sùng-bái lắm ru! Còn như hỏi đến cương-thường nghĩa cũ như thế nào, thì đã có thiên-thu công-luận, ký-giả đây không phải bàn đến nữa.

Ấy cuộc đi chơi này chúng ta đối về phương-diện lịch-sử thì ai là chẳng cảm-tưởng đến sự-nghiệp vua Đinh vua Lê; mà đối về phương-diện cổ-tích thì chúng ta hãy còn trông thấy có cổ-miếu, có sơn-lăng, ai là chẳng nức lòng kính-ngưỡng. Lại hỏi đến dấu-vết thành Hoa-lư, trông ra bờ tre đặng đá, trải biết bao phen mưa nắng, nên ta cũng chưa nhận ra được cái dấu-vết cổ-thành. Hỏi đến đồng Hoa-lư, nghe nói bốn mặt núi đá chập-trùng, lại có ngọn tiểu-khê tự trong đồng chảy ra sông Hoàng-long 黃龍, chỗ nước chảy ấy là Xuyên-thủy-đồng 穿水峒, tục gọi là hang Luồn, vào trong có tòa cổ-miếu, chính là chỗ vua Đinh dưỡng-hối (2) khi xưa. Bên ngoài đồng lại có núi Trạng-nguyên, đá hòm sách, phong-cảnh cũng đẹp. Lại còn lăng vua Lê Đại-Hành ở núi Phầm-sơn thuộc về xã Yên-hạ, cũng chưa kịp đến chiêm-bái. Khi bấy giờ trời hôm bảng-lảng, bóng ác vàng đã gá núi chênh-chênh, nên chúng tôi phải cáo-từ trở ra. Khi qua xã Yên-thượng, thầy Thủ-quĩ ở làng ấy có mời vào nhà gần đấy uống nước, nhà thầy Thủ-quĩ hai ba anh em, ông thân-sinh nguyên là cựu chánh-tổng bá-hộ, mấy anh em cũng ở liên-khu với nhau. Hỏi đến sự cải-lương thì ba bốn làng Yên-thượng, Yên-hạ, Yên-trung, Yên-thành này cũng đã có sở hội-đồng, cũng đã có nơi trường học, cũng đã có sổ chi-thu mà các hào-mục dân-anh các làng này cũng nhiều người xuất-sắc, cũng có người nhiệt-thành cải-lương, nhưng có nhiệt-thành, lại phải có thực-tâm, thì về sau mới không sinh-tệ mà mới có thực-hiệu được. Trong lúc phẩm-trà ngồi đàm-đạo qua mấy câu, rồi từ-giã ra thuyền. Khi ra đến bến sông, thì trời đã sâm sẩm tối, lại xuống thuyền mở chèo ra đi theo con sông Hoàng-giang trở về Ninh-bình.

(1) Con trưởng Triệu Anh-Tề tên là Kiến-Đức. Lã-Gia lập lên làm Vệ-dương vương.
(2) Lúc còn ẩn náu.

Khi ấy vào 7 giờ tối, thuyền đi lênh-đênh trên mặt nước, trong thuyền đã sẵn có chè hoa bánh ngọt, mĩ-tửu gia-hào, bên cùng nhau chén thù chén tạc, vong cả hình-hài, mấy khi lại gặp gỡ nhau, nào người Hà-nội khách Ninh-bình, đều là bạn tri-âm người tri-kỷ với nhau cả. Lại có giai-nhân khuyến-tửu, dìu-dặt trên khói nước dòng sông. *Xinh thay hỡi thú yên-hà, Đào-nguyên ướm hỏi ai là chủ-nhân* ? Dần-dần đêm khuya trăng mọc, bóng nước long-lanh, mái chèo nhè-nhẹ, đứng trên mui bồng mà trông ra bốn phương trời bát-ngát, trên trời dưới nước, bóng trăng in trên mặt sóng mà đi lơ-lửng tờ-mờ; bóng mây thì theo ngọn gió đưa mà tà-tà bay về ngọn núi xa-xa. Lúc thì nghe tiếng thủy-trào róc-rách, tiếng gió thổi ve-ve, lại lẫn tiếng sinh pha tiếng phách, tiếng trống xen tiếng đàn, đương lúc tiếng ca lanh-lảnh, lại thỉnh-thoảng nghe tiếng chèo bì-bõm, tiếng dịp rồ-khoan. Cổ-nhân khi xưa vẫn lấy cái thú thưởng-tâm lạc-sự, mà lại gặp được khi mĩ-cảnh lương-thần như thế này là khó, mà nay ta dễ thường hồ đủ cả tứ-mĩ (1) chăng ?

Thuyền đi chừng vào 2 giờ sáng thì qua dưới núi Non-nước. Núi Non-nước ở về trên sông Vân-sàng gần chỗ ba con sông giao-hợp, bên sườn núi có cái ban-thạch khắc ba chữ « *Hàm-giao-đình* 瞰蛟亭 ». Phía bắc có đồng làm chỗ thờ Tam-phủ, phía tây-nam cũng có đồng thờ thần Thủy tuynh. Thực là: *Uốn reo ven thành ba mặt sóng, phá toang cửa đồng một chùa hang.* Trên đỉnh núi khi xưa có chùa Non-nước, về đời Lý năm Quảng-hựu thất-niên tân-mùi 廣祐七年辛未 (1091) có dựng cái tháp Linh-tế, đến đời nhà Trần năm Khai-hựu 開祐 có trùng-tu lại. Ông Trương Hán-Siêu 張漢超 có làm bài ký, đề là: « *Dục-thúy-sơn Linh-tế-tháp ký* 浴翠山靈濟塔記 ». Nay tháp Linh-tế đổ mất đã lâu, chỉ còn bài ký khắc ở bên sườn núi về phía tay phải đi lên, bên cạnh 4 bài ký lại có 4 chữ đại-tự: « *Vũ-trụ dĩ-lai* 宇宙以來 », nét bút rất hùng-vĩ. Nguyên-văn bài ký trước kia ký-giả đã dịch đăng *Nam-phong* bản-chí số 24 từ năm 1919. Nay xin lược một đoạn như sau (2).

夫翠巘滄波。江空塔影。日暮扁舟。飄然其下。推蓬脫而歌滄浪。迺子陵一絲之清風。訪陶朱五湖之舊約。此景此懷。惟余與此江山知之。

紹豐三年癸未夏。入內行遣左司侍郎。兼演州路經略使遜叟張漢超升甫記。

Nghĩa là: « *Kìa như: Non xanh nước biếc, bóng tháp giữa dòng, chiếc thuyền con buổi chiều mát, tiêu-dao ở giữa sông, gõ khoang thuyền mà hát thơ Thương-lang, hóng gió mát ông Tử-Lăng mà rủ cần câu cá, thăm ước cũ ông Đào Chu mà đi chơi năm Hồ. Cảnh ấy tình kia, chỉ ta với non sông này biết mà thôi.*

« *Năm Qui-mùi niên-hiệu Thiệu-phong thứ ba* (1343). *Nhập-nội Hành khiển Tả-ti Thị-lang, Kiêm Diễn-châu-lộ Kinh-lược-sứ, Độn-tầu Trương Hán-Siêu Thăng-phủ ký* ».

Xét bài ký ấy mà khắc vào sườn núi đây, đến nay đã được 582 năm, mà nét chữ chưa mờ, có thể in dập lấy mà làm bức cổ-tự được. Vả xem như mấy câu trong bài ký trên đó cũng đủ biết cái

(1) Bốn điều tốt là mĩ-cảnh, lương-thần, thưởng-tâm, lạc sự.
(2) Lược bớt một đoạn đầu.

lòng cao-thượng của ông Trương Hán-Siêu đã từng có lúc ước với trăng trong gió mát ở non nước này vậy. Núi Dục thúy nguyên trước vẫn gọi là núi Non nước, từ khi ông Trương Hán-Siêu yêu cái non nước này mà về ẩn ở đây, mới đổi tên là núi Dục-thúy 浴翠, *Thúy* nghĩa là xanh biếc như mùi chim trả, ý là lấy cảnh núi này xanh-xanh biếc-biếc đứng nhô ra ở trên bờ sông, như hình con chim trả sa xuống nước mà tắm, nên mới gọi tên là Dục thúy chăng? Núi này ngày xưa có sẵn thứ cúc vàng rất quí, gọi là *Thúy-sơn kim-cúc* 翠山金菊. Nay thứ cúc ấy cũng đã theo cổ-nhân mà vắng ngắt mùi hương đi rồi, chỉ còn nghe thấy tiếng thơm của cụ Trương Hán-Siêu đối với núi này mà thôi. Cụ Trương Hán Siêu 張漢超 người làng Phúc-thành, nay là làng Phúc-am huyện Yên-khánh, tên tự là Thăng-phủ 升甫, có làm môn-khách đức Trần Hưng-đạo-vương, năm Hưng-long thứ 16, làm Hàn-lâm học sĩ, sau thăng chức Hành-khiển. Năm Khai-hựu thứ 11, làm Môn-hạ Hữu-ti-lang, có cùng với ông Trung-Ngạn 忠彥 biên-tập sách *Hoàng-triều đại-điển*, khảo soạn sách *Huấn-thư*, sau làm đến Tham-tri chính-sự trải thờ Minh-tôn Hiến-tôn, Dụ-tôn ba triều vua có từng đem quân Thần-sách, đi đánh Chiêm-thành, trấn-thủ Hóa-châu, dẹp yên bờ cõi. Khi mất truy-tặng Thái phó, nay còn đền thờ cụ ở làng Phúc-am huyện Yên-khánh, ở về [illegible]ngạn sông Vân-sàng. Cụ là người [illegible] văn-chương, có chính-sự, đều sở-[illegible]ường cả. Lại có chí bài-bác dị-đoan. Khi cáo quan về, yêu cái thắng-cảnh núi Non nước mới làm nhà ở bên sườn núi, thường ngồi trên hòn đá câu cá, ngâm thơ, Thơ rằng :

山色正依依。
Sơn-sắc chính y y
游人胡不歸。
Du-nhân hồ bất qui.
中流光塔影。
Trung-lưu quang tháp ảnh.
上界峙岩扉。
Thượng-giới khải nham phi.
浮世如今別。
Phù-thế như kim biệt,
閒身悟昨非。
Nhàn-thân ngộ tạc phi.
五湖天地濶。
Ngũ-hồ thiên-địa khoát,
好訪釣魚磯。
Hảo phỏng điếu ngư ky.

Nghĩa là :

Sơn-sắc y như vậy,
Du-nhân sao chẳng về ?
Giữa dòng lồng bóng tháp,
Trên cõi hé then huê.
Phù-thế như nay biệt,
Nhàn-thân tỉnh trước [illegible]ê.
Năm hồ trời đất rộng,
Sẵn có bến câu kia.

Xem như bài thơ ấy thì biết cái thân thế cụ Trương Hán-Siêu đã siêu-thoát ra ngoài trần-lụy biết chừng nào ! Có phải cái thân-thế những kẻ lăn-lộn ở trong vòng giàm danh khóa lợi, chán-chê mê-mẩn chỉ chực ngồi dai bám mãi lấy miếng đỉnh-chung, cũng muốn đọ với thân thế cụ Trương sao được !

Lịch sử cụ Phạm Sư Mạnh 范師孟 đối với núi này cũng có giá-trị lắm, cụ Phạm tên tự là Úy-trai 畏齋, người làng Giáp-thạch huyện Giáp-sơn, học trò cụ Chu An 朱安, do Thái-học-sinh làm lên đến chức Sảnh-viện, có phụng sứ sang nhà Nguyên. Năm Thiệu-phong thứ năm, sứ Nguyên sang hỏi cái vết tích đồng trụ, cụ phụng mệnh ra tiếp sự biện-bác trôi chảy. Sau làm đến Khu-

mật tham-chính, Nhập-nội hành-khiển, Tri-khu-mật-viện-sự. Lại phụng mệnh tuyển duyệt ngũ-lộ-quân để phòng-bị ngoài biên. Cụ là người tài-khí hùng-mãnh, văn-từ hoạt-bát, đi đến non sông nào đều có đề-vịnh, giọng thơ rất là hào-mại, nay còn truyền lại tập thơ *Giáp thạch* 荚石. Bài thơ đề núi Dục thủy rằng:

怒鯉鳴頭浦。
Hỗ tất nha đầu phố,
停舟水石齒
Đình chu thủy thạch nham.
鯨波天上下。
Kềnh ba thiên thượng hạ,
驚背海東南。
Ngao bối hải đông nam.
蓬島連僧塔。
Bồng đảo liên tăng tháp,
瀛洲正客帆。
Doanh châu chính khách phàm.
行年六十六。
Hành niên lục thập lục,
四度訪迦藍。
Tứ độ phỏng Già lam

Nghĩa là: «Theo hầu ngự qua đầu bến quạ, dừng thuyền bên sườn núi đá, sóng kềnh nổi lên làm cho bóng trời rập-rềnh lên xuống, hình núi nhô ra như lưng cá ngao chặn ngang về mặt bể đông-nam, tháp chùa liền với cõi Bồng-đảo, cánh buồm thẳng trỏ về cõi Doanh-châu. Ta nay tuổi sáu mươi sáu, đã bốn lần lên thăm chốn danh-lam này». Xem như bài thơ ấy thì khí-phách cụ Phạm Sư-Mạnh bát ngát ra ngoài bể khơi biết chừng nào! Có phải những kẻ khí phách tầm-thường, sự-nghiệp nhỏ mọn, cũng muốn mon men mượn cái chốn danh lam thắng-tích để lưu danh đọ với cụ Phạm sao được!

Ấy cái dấu thơ của cụ Trương, cụ Phạm như thế đó, mà cái lịch sử của cụ Trương cụ Phạm như thế kia, thế thì cái vết chân hồng-trảo(1) của hai cụ, dầu trải mấy độ tinh-sương, mấy phen phong-vũ, đã dầu mòn mà dấu thơm vẫn không mòn, là vì cái sự-nghiệp, cái tiết-tháo của hai cụ đã làm cho tăng cao cái giá-trị núi Dục-thủy lên, chính là danh-sơn cũng vì có danh-nhân mới đắc-danh đó. Ôi! Núi kia cứ gì cao, nổi danh là vì có tiên; nước kia cứ gì sâu, linh thiêng là vì có rồng, núi Non-nước kia có cao sâu gì đâu, mà nổi tiếng là danh-sơn tú-thủy cũng là vì có tích các danh nhân như cụ Phạm cụ Trương vậy. Còn những kẻ tiết tháo sự-nghiệp không được như cụ Trương cụ Phạm đã từng có công với non sông mà không tham-luyến gì sủng-lộc, thời dầu in thơ vào đá, vẽ hề vào bia, cũng chỉ làm cho nhọ mất cái mặt-mũi danh-sơn đi mà thôi. Thế thì cái tiếng bất-hủ của các bậc danh nhân đối với danh sơn này, không phải chỉ ở một bài thơ, cốt là ở cái tiết-tháo, cái sự-nghiệp của các cụ vậy.

Kể từ đời cụ Trương cụ Phạm trở về sau, các bậc danh-nhân đề-vịnh ở núi này cũng nhiều, mà cũng nhiều thơ hay, đã có biệt-tập không thể biên ra đây hết được. Nay xin lục một bài của vua Lê Thánh-tôn hãy còn khắc ở sườn đá rằng:

三折流邊浴翠山。
Tam chiết lưu biên Dục-thủy sơn,
低高如削玉峯寒。
Đê cao như tước ngọc phong hàn.
尋來廢寺後風上。
Tầm lai phế-tự hậu phong thượng,
覽盡荒碑帶暝還。
Lãm tận hoang-bi đái minh hoàn.

---

(1) Hồng-trảo là móng chim hồng, đậu trên tuyết trắng, đến lúc bay đi vẫn còn in vết chân ở đó, ví như người danh-nhân vẫn còn để tiếng thơm về sau.

穿 密 却 疑 天 地 小。
Xuyên mật khước nghi thiên địa tiểu,
登 高 領 覺 水 雲 寬。
Đăng cao đốn giác thủy vân khoan.
山 光 不 改 渾 如 昨。
Sơn quang bất cải hồn như tạc.
回 首 英 雄 一 夢 間。
Hồi thủ anh-hùng nhất mộng gian.

Nghĩa là : « Núi Dục-thúy đứng ở trên ngã ba sông, cao trót-vót như ngọn núi ngọc, nay ta đè theo ngọn gió lên tìm cái chùa đồ, lần bóng mặt trời chiều xem hết các hoang-bi, xuyên qua bụi rậm ngờ như trời đất nhỏ, lên tới đỉnh cao mới biết nước mây rộng, sơn-quang nay vẫn còn như cũ, ngảnh lại nhớ đến người anh-hùng tưởng-tượng như là một giấc chiêm bao. » Bài thơ này rõ tả ra cái cảnh-tượng núi Non-nước chon-von đứng trên sông, nước mây man-mác, trời đất mênh-mông, mà vẻ núi xưa nay vẫn không khác. Tuy vậy, mà núi này cũng đã trải lắm phen thay đổi lầm-than, qua đời Lê đã từng làm nơi hành-cung, khi chúa Trịnh đem quân vào trong Nam thường đóng ở đó. Đến cuối đời Lê hành-cung lại đổi làm nơi trường lương. Đời vua Minh-mệnh, Thiệu-trị, bắc-tuần qua đây, lại sai xây đoản-tường, đặt súng đại-bác ở trên núi để làm nơi phòng-vệ, đổi tên gọi là Hộ-thành-sơn 護 城 山. Thế thì núi này cũng đã tang-thương lắm nhỉ! Chung-quanh gần núi này bên tả lại có núi Hồi-hạc 迴 鶴, song-song đối-trĩ ; bên hữu lại có núi Cánh-diều 鳶 翅 山, hình thế uốn-éo như chim diều lượn dàng xa-xa. Đứng trên núi Dục-thúy mà trông ra xem thời biết tạo-hóa an-bài ra cái cảnh Non-nước này, cũng khéo mà cũng đẹp. Nay chúng ta đương lúc đêm khuya trăng tà, con thuyền đủng đỉnh qua dưới núi này, *bóng trăng thấp-thoáng hồn Diên, Hạc, nét đá lờ-mờ dấu Phạm, Trương.* Lại sực nhớ đến hồi 30 năm trước ký-giả đã từng lên ngoạn cảnh núi này, khi bấy giờ cái cảm-tưởng đối với núi này, cũng hình như đương lúc con thuyền qua đây, bóng mây bát-ngát, bóng trăng mập-mờ, mà bóng núi thì như gần như xa, như mờ như tỏ, vẫn tưởng-tượng hình như hồn xưa còn đó, cảnh cũ còn đây, hình như trông thấy tháp Linh-tế xây từ đời Lý vẫn còn chót-vót trên đầu non. Lại hình như trông thấy hòn câu của cụ Trương Thái-phó còn mấp-mô ở đâu dưới sườn non bóng nước. Lại hình như thoang-thoảng hương kim-cúc theo ngọn trăng mờ gió mát mà bay tỏa ra trong lúc bình-đán trời gần tan sương, khiến người du-khách đương khi trên mái chèo lại càng tơ-tưởng bâng-khuâng lòng hoài-cổ. Ai ngờ đâu nước non còn đó, mà nhìn xem phong-cảnh nay đã khác xưa. Đến buổi sáng neo thuyền lên núi xem thì thấy có hai bàn chân quan Từ Đạm mới đục đá in vào bên khe núi, chừng vào hồi quan làm Tuần-phủ ở đây chăng. Lại có mấy vần thơ quan đề rằng :

Giăng gió vui cùng hắn,
Lầm than bận kẻ ai !
Ham chơi non với nước,
Có phúc được ngồi dai !

Dưới bài thơ lạc-khoản rằng : « *Chủ-nhân Cúc-nhân Từ Đạm* 主 人 菊 人 徐 淡 ». Lại còn một vài bài phụ-họa lăng-nhăng nữa, không thể nhận hết được. Lại thấy bên sườn đá có cái bàn tay vẽ mực, ở liền bên cạnh đề rằng : « *Non nước đẹp thật* ! » Lạc-khoản là : « *Nhuệ-trì lưu bút* 銳 池 留 筆 ». Chẳng biết những người in vẽ tay chân vào đấy như thế là ý-nghĩa gì ? Ký-giả không dám phán - đoán ra làm sao cả.

Xem xong ai nấy cùng bùi - ngùi xuống núi, ông Phạm Quỳnh vì bận việc vội ra xe hỏa lên Hà-nội. Ký-giả lại cùng với chư-quí-hữu đi chơi Kim-sơn.

Kim-sơn 金山 là một huyện tự ông Nguyễn Công-Trứ 阮公著 mới khai-khẩn lập ra về hồi Minh-mệnh thập-niên (1829), cùng với huyện Tiền-hải 錢海 ở Thái-bình cũng là một tay ông Nguyễn Công-Trứ khai-khẩn mới lập ra cả, thế thời lịch-sử ông Nguyễn Công-Trứ đối với huyện này chẳng là có công-nghiệp lắm ru !

Ông Nguyễn Công-Trứ người Nghi-xuân Hà-tĩnh, khi nhỏ là người thích-thảng có khí-tiết, năm Gia-long thứ hai vua ra bắc-tuần, ông lấy là kẻ bố-y ra hiến-sách (1) ở nơi hành-tại, năm Gia-long thứ 18, ông đỗ Giải-nguyên. Đến năm Minh-mệnh, ông vào sung chức sử-quán. Sau lại cùng với Tiền-quân thống-quân Phạm Văn-Lý 范文理 đem quân đi dẹp yên giặc Phan Bá-Vinh (Ba Vành) ở Nam-định. Sau ông sung làm Nam-định Doanh-điền-sứ có dâng sớ điều-trần 3 điều : 1) nghiêm pháp-cấm để tuyệt quân phỉ-đảng. 2) Minh thưởng-phạt để khích-khuyến quan-lại. 3 Khai-khẩn hoang-điền để phân cấp cho bần-dân. Ông lại điều-trần những sự kinh-hoạch, xin xuất tiền công-khố lập ra nhà cửa và mua ngưu-canh điền-khí lượng cấp cho dân khai-khẩn, hễ cái số ruộng mộ khẩn ra được bao nhiêu đều chia làm từng ấp, từng xóm, từng trại, từng giáp đâu ra đấy cả. Bắt đầu đạc lấy một dải đất bãi Tiền-châu thuộc về phủ Kiến-xương khi trước cho dân khai-khẩn, được là 14 xóm, 27 ấp, 20 trại, 10 giáp, dân-đinh được 2350 người, điền được 18.970 mẫu, lập làm huyện Tiền-hải. Lại về địa-phận xã Ninh-cương. Cát-hải khẩn ra được 4 xóm, 4 ấp, 7 trại, lập làm một tổng thuộc huyện Nam-trực. Tổng Hoành-nha khẩn ra được 5 ấp, 2 trại 1 giáp, lập làm một tổng thuộc về huyện Giao-thủy. Lại mộ dân khai-khẩn cánh bãi bể thuộc về phủ Yên-khánh Ninh-bình, chia ra được 3 xóm, 22 ấp, 24 trại, 4 giáp, dân-đinh được 1260 người, điền được 14.600 mẫu, lập ra huyện Kim-sơn. Những chỗ nào thành điền rồi thì khai-chưng nộp thuế ngay, còn chỗ nào chưa thành-điền thì hạn 3 năm mới phải nộp thuế. Ông lại tâu rằng : Hai huyện mới lập ra đó, các làng các ấp đều là họp những dân phiêu-lưu lại ở, chưa có liên-thuộc với nhau, xin định ra các điều qui-ước : 1) Đặt học-điền. 2) Lập xã-thương. 3) Chăm sự giáo-hóa. 4) Cần việc phòng-thủ. 5) Nghiêm việc khuyến-chưng. Năm Minh-mệnh thứ 13, ông làm Bố-chính Hải-dương, lại phụng mệnh đi đánh giặc Nông Văn-Vân 農文雲 ở Tuyên-quang đều dẹp yên cả. Năm thứ 19, ông lại đánh phá giặc khách tàu-ô ở Quảng-yên, chiêu-phủ lưu-dân lập ra làng Hưởng hóa 向化 ở ngoài Chàng-sơn 獐山. Ông đương chức cự-khôn đã lâu năm bảy tỏ sắp đặt ra được nhiều việc, nhiều lần bị cách lại được khởi-phục. Khi 70 tuổi lấy hàm Thừa-thiên phủ-doãn về hưu-trí, làm nhà ở bên cạnh chùa để hưu-dưỡng, thọ 82 tuổi mới mất. Ông Công-Trứ là người tài-khí trác-lạc, có tài văn-chương, lại sở-trường về văn quốc-âm, những thi-ca làm ra có cái khí hào-mại, nay còn truyền-tụng. Lúc làm quan ông lập được nhiều công chiến-trận ở chốn cương-trường. Lúc làm Doanh-điền-sứ, kinh-lý chỉ trong một năm, mà các việc đều đâu ra đấy cả, mở đất họp dân làm được nhiều điều ích-lợi về sau. Lúc về trí-sĩ, tiêu-dao sơn-thủy, có cái chí-khí phiêu-nhiên vật-ngoại, hơn 10 năm mới mất, các huyện-ấp ông lập ra, nay hãy còn nhiều chỗ lập đền thờ.

Ấy cái lịch-sử ông Nguyễn Công-Trứ

(1) Dâng mưu kế

là người có công-nghiệp với quốc-dân như thế, mà nhất là việc khai-khẩn hoang-điền, lập ra hai huyện Kim-sơn, Tiền-hải. Ước-ao rằng các quan có cái trách-nhiệm địa-phương, muốn thực-hành cái chính-sách di-dân lập ấp thì nên coi đó làm gương. Xem ngay như huyện Kim-sơn này, từ khi ông khai-khẩn lập thành đến nay ước được non một trăm năm nay, mà thành ra một hạt dân-cư trù-phú, có những con sông Vạc sông Thai tầm-nhuận vào trong các cánh đồng-điền mênh-mông bát-ngát, lợi cho việc canh-nông biết chừng nào! Lại có con sông Đáy chảy suốt ra cửa bể Phát-diệm, thuyền bè đi lại tiện cho việc buôn-bán biết chừng nào! Mỗi năm một huyện Kim-sơn thâu nộp thuế-ngân ước chừng đến bảy tám vạn bạc, thì ích-lợi cho nhà nước biết chừng nào! Ngờ đâu trước là nơi bể bể nước mặn đồng chua, mà nay đều thành ra những nơi núi vàng bể bạc. Ai qua đây lại không bùi-ngùi tưởng nhớ đến những bậc tiền-nhân đã mở-mang cho ta, gây-dựng cho ta được cái chốn ruộng vàng đụn thóc này là ông Nguyễn Công-Trứ đó hay sao! Vả lại vùng Kim-sơn này khi xưa lại giáp cửa bể Thần-phù là một cửa bể hiểm-ác, *lênh-đênh qua cửa Thần-phù, khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm*, thế mà đến nay bồi lấp đi hết cả, thế mới biết đất Bắc-kỳ này về mặt đông-nam giáp bể càng ngày càng bồi rộng thêm ra, không biết trải bao độ tang-điền thương-hải!

Xe đi từ tỉnh-lỵ Ninh-bình đến Kim-sơn chừng độ 28 ki-lô-mét, lại qua những làng như Phúc-nhạc, Phu-vinh cho đến Phát-diệm, đều là những nơi dân cư đông-đúc mà phần nhiều là theo về Thiên-chúa-giáo đến quá nửa, chỉ độ một vài phần là bên lương mà thôi. Các làng giáo-dân ở vùng này cũng thịnh-vượng lắm, làng nào cũng có nhà thờ to, mà thường có khi trong một làng một vài họ lại họp nhau làm một cái nhà thờ nhỏ nữa, cho nên có khi dựng ra đến hai ba cái nhà thờ. Từ làng nọ đến làng kia thường cách ra một con ngòi hoặc một con sông nhỏ, đã có cầu cống đi thông luôn, sẽ biết rằng khi mới khai-hoang thiết-lập ra huyện này các tiền-nhân ta cũng đã tốn công-phu kinh-hoạch lắm thay! Khi xe đến bến Từ-chính lại phải qua phà sang sông, chỗ khúc sông ấy hiện đương khởi công bắc cầu để đi qua lại cho tiện. Sang qua phà rồi lại đi qua một dẫy phố dài, hàng phố mở-mang buôn-bán đông-đảo, trên bến dưới thuyền, hiệu ta tiệm khách, thổ-sản hàng-hóa không thiếu một thứ gì, đó là về chợ Phát-diệm, cũng là một nơi đô-hội nho nhỏ. Đi hết dẫy phố chợ rồi rẽ vào thăm nhà thờ Phát-diệm. Nhà thờ này là tự ông Trần Lục (ta thường gọi là cụ Sáu) lập lên. Khi mới thoạt vào lên xem phương-đình, tức là cái gác chuông ở về mặt trước, cái phương-đình này làm từ năm 1899, qui-chế cũng cao, chung quanh xây đá hoa và các bao-lơn con tiện toàn bằng đá chạm trổ mài rũa rất là kỹ-càng, trên gác có treo cái chuông to làm từ năm Thành-thái canh-dần (1890). Dân ở đấy nói rằng trên nóc phương-đình ngày trước kia cụ Sáu định lợp bằng đá đã có làm sẵn một cái nóc bằng đá để chực đưa lên, nhưng chưa kịp đưa lên thì cụ mất, thế mà về sau không ai nghĩ được kế gì để đưa lên được, phải chịu lợp bằng ngói vậy. Trước sân nhà thờ về phía trong phương đình một tí là cái mộ cụ Sáu an-táng ở đó. Nhà thờ làm theo lối thờ dọc, cực kỳ nguy-nga tráng-lệ. Trước nhà thờ ở giữa đề chữ rằng: « *Thẩm phán tiền triệu* 審判前兆 ». Bên tả đề rằng: « *Thập ngũ văn khôi* 十五文魁 ». Bên hữu đề rằng: « *Niệm châu đồ-tượng* 念珠圖像 ». Khi vào đến trong nhà thờ xem thì thực là rộng-rãi, bề ngang

6 hàng cột, bề dọc hơn 10 hàng cột, mà hàng cột giữa cao chừng đến 20 thước, thuần một thứ gỗ lim to gần đầy hai vòng cánh tay, mà đều sơn thếp vàng son rực-rỡ. Chung quanh nhà thờ xây đá xanh có chỗ chạm rồng chạm phụng, rất là công-phu. Sân sau có chỗ đắp đá làm hang núi giả để làm chỗ cầu lễ. Bên tả lại có cái nhà đá, cột toàn bằng đá mài rũa nhẵn-thín. Dân ở đấy nói rằng cụ Sáu định làm sinh-phần ở giữa trong nhà đá này, nhưng về sau lại táng ở trước sân nhà thờ là chỗ công-chúng quan-chiêm để tỏ lòng thương nhớ. Bên hữu lại còn hai cái nhà nữa, cái thì cột gỗ mít chạm soi đường lục-lăng, cái thì cột gỗ lim chạm lộng, mỗi nhà một kiểu, chạm trổ khác nhau, vẫn còn có cái vẻ Đông-phương quốc-túy. Nhà nào cũng có bệ đá hoặc sập đá cực to, để làm chỗ cho các giáo-sĩ cùng các giáo-dân cầu-nguyện. Nghe nói khi cụ Sáu khởi công dựng ra cái nhà thờ này, các giáo-dân đua nhau phục-dịch đều mang lương-thực đến ăn để mài rũa các miếng đá hoa, các trấn-song con tiện rất là công-phu, cho nên mới sáng-lập ra được cái công-trình lớn-lao như thế, dễ thường ở xứ Bắc-kỳ này không có nhà giáo-đường nào to lớn bằng nhà thờ Phát-diệm. Nghe nói cụ Sáu nguyên là người Thanh-hóa, theo về Thiên-chúa-giáo đã đỗ được sáu chức, nên gọi là cụ Sáu, nhân lúc Pháp Nam mới giao-thiệp chừng vào hồi Đồng-khánh sơ-niên, cụ có công giúp cho nhà nước Bảo-hộ, được làm Khâm-sai tuyên-phủ-sứ, sau thăng chức Thượng-thư, quyền-thế hách-dịch. Nay ta xem qua cái nhà thờ này sẽ biết phi là người có thao-lược quyền-mưu, thì sao hay dựng được cái công-trình lớn-lao như thế.

Chúng ta hôm nay qua thăm trên phiến đất mới khai-thác vào khoảng một trăm năm nay, mà trông thấy cái cảnh-tượng phồn-thịnh này, nào địa-lợi mở mang, nhân-dân sinh-tụ, nào nơi nhà thờ cao ngất trong các làng, lại càng nhớ đến cái công khai-hoang lập-ấp của ông Nguyễn Công Trứ đối với xứ này thực là có công-nghiệp lớn-lao đáng cùng với non sông này lưu làm kỷ-niệm.

Khi trở xe ra về chừng vào hồi 11 giờ vừa đến nơi tỉnh-lỵ, vào chơi hiệu Phương-thịnh mới ăn cơm sáng, bên tân bên chủ, trò-chuyện vui-vẻ, xong rồi anh em từ-giã nhau, kẻ về người ở, ý tứ ân-cần.

Còn non còn nước còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay.

Lúc bước lên xe hỏa mà trông lại những nơi thắng-cảnh vừa qua, thời bóng trăng Dục-thủy, ngọn gió Hoa-lư, con thuyền Hoàng-giang, cửa hang Địch-lộng, tưởng vẫn còn quyến-luyến với khách du xuân, nên ký-giả mới viết ra bài này để ghi tấm cảm-tình đối với non nước.

Ký-giả là Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến có dự cuộc qua chơi mấy nơi cổ-tích đất Ninh-bình này vậy.

ĐÔNG-CHÂU

CUỘC VUI CHƠI HÀNG NGÀY
CỦA HẠNG NGƯỜI THƯỢNG-LƯU TRÍ-THỨC

Xã-hội là một cái chợ to để họp người, lại là một cái lò lớn để gây đúc ra người, một cái rừng rậm để chen-chúc mọi người. Cho nên trong xã-hội từ xưa đến nay, thường có lắm hạng người. Duy có một hạng người, vô-luận đời thuần-nhất hay là đời phồn-tạp, nước bán-khai hay là nước văn-minh, hạng người ấy thường đứng về số ít, mà lại có quan-hệ với xã-hội, thường làm chủ-nhân-ông cho xã-hội. Xã-hội dù lặng-lẽ hay là dù vui-vẻ, dù bức-tức hay là dù thảnh-thơi, dù phát-đạt hay là dù tiêu-mòn, dù thịnh hay là dù suy, đều do cái không-khí của hạng người ấy chế-tạo ra cả ; hạng người ấy là hạng người thượng-lưu. Vì hạng người thượng-lưu ấy, đủ cái địa-vị xứng đáng, đủ cái tư-cách phổ-cập, đủ cái tâm-lý thông-thường, đủ có vai vế, có tai mặt, có tầm hơi ở trong vũ-đài, đối với cái gánh vác trong xã-hội, có phần là nặng-nề hơn người khác vậy.

Nhưng phải biết rằng phàm nói thượng-lưu, là nói về phẩm-cách người, chứ không phải là nói về các phái người. Những người sĩ, nông, công, thương ở trong xã-hội, cho đến những người hiển-đạt ở trên miếu-đường, những người kỳ-hào ở nơi dân-xã, cùng là những người tu-hành ở trong tự-viện, những người lưu-lạc ở chốn giang hồ, các phái, phái nào cũng có người hay người dở, người hơn người kém ; người hay và người hơn ở trong các phái, thì tức là hạng người thượng-lưu. Cho nên người giàu mà biết đạo sinh-lợi, biết cách tiêu tiền, mới là thượng-lưu. Nếu giàu mà nhờ cái thế-lực đồng tiền, làm độ-hại người, để giàu lấy một mình, hay hoặc biển-lận, thì không phải là thượng-lưu. Người làm quan đối với quốc-gia, đối với quốc-dân, biết nhận lấy trách-nhiệm, biết tu lấy danh-dự, mới là thượng-lưu. Nếu làm quan mà vô-liêm vô-sỉ, hay làm những sự tham-ô đê-tiện, thì không phải là thượng-lưu. Kẻ hữu-tài như cái hoa thơm trong nước, biết phô cái tài ra để làm ích-lợi cho công-chúng, mới là thượng-lưu. Nếu hữu-tài mà quỉ-quái tinh-ma, làm điều bất-thiện, mà lại chực trốn lưới trời, hay hoặc thấy người hơn mà ghét-ghen, cậy có tài mà kiêu-ngạo, thì không phải là thượng-lưu. Người biết chữ như ông sao sáng trong cuộc đời, biết đem cái văn-chương khẳng-khái, cái học-vấn chân-xác, cái bút mực khéo-khôn ra để bổ-cứu cho cuộc đời, mới là thượng-lưu. Nếu biết chữ mà nhờ chữ để kiếm gạo, hay là tráng chữ để sảo xu, hay hoặc chữ-nghĩa còn ít-ỏi sống-sượng, mà đã tự lấy mình làm gớm-ghê, có ý kiêu-căng, coi cái bể học trong cổ-kim thế-giới tựa như vũng trâu đầm, thì không phải là thượng-lưu. Người nghèo vì một chữ cùng mà đến nỗi phải lạm-dụng sang đường bất-nghĩa, không phải là thượng lưu. Nếu nghèo mà vẫn cố giữ lấy đạo-đức, coi cái phú-quí bất-nghĩa như cái phù-vân, thì cũng là thượng-lưu. Người lưu-lạc gặp cái cảnh-ngộ gian-truân, mà biến tâm đổi tiết, làm mất cái bản-lĩnh của mình đi, không phải là thượng-lưu. Nếu lưu-lạc mà bao giờ cũng vẫn giữ được cái lương-tâm cố-hữu, cũng là cái chính-khí hiệu-nhiên, coi sự sinh-tử như một giấc mộng-trường, thì cũng là thượng-lưu. Kẻ vô-tài mà chán-ngán

lười-biếng, tựa như người mất vía, không còn mơ-tưởng đế sự gì, không phải là thượng-lưu. Nếu vô-tài mà tồn-tâm trung-hậu, chất-phác thực-thà, tuy không kỳ-tài, nhưng có nghị-lực, thì cũng là thượng-lưu. Người dốt không biết chữ, khôn đã chẳng khôn, mà dại lại không chịu dại, chỉ dở đường-ương, không phải là thượng-lưu. Nếu dốt mà hay nghe điều phải, đã biết rằng phải thì thực-hành, người lấy sách vở làm học-vấn, ta lấy lịch-duyệt làm học-vấn, thì cũng là thượng-lưu. Ấy cái phẩm-cách người thượng-lưu trong xã-hội, đã phân-tích qua ra như trên, giản-hoặc cũng có sai-lầm, nhưng tưởng cũng không sai-lầm là mấy. Còn cái cách vui chơi hàng ngày của hạng người thượng-lưu ở trong cuộc đời thế nào? Sẽ giải-thích ra như sau.

Phàm người đời, ai cũng lấy sự sinh-hoạt ở đời làm vui. Nhưng lạ gì cái cuộc sinh-hoạt ở trong đời, ví như một bộ máy quay-cuồng, không lúc nào đình-chỉ, đủ khiến cho cái óc người ta vận-dụng vô-cùng, cái hình người ta lăn-lộn vô-định. Trong khi vận-dụng lăn-lộn ấy, cái hình tựa-hồ lại thấy ngày-dại, cái óc tựa-hồ lại thấy hôn-mê, cái không-khí tựa-hồ lại thấy bức-tức khó chịu. Cho nên trong hàng ngày phải bớt ra mấy giờ, trong hàng tháng phải bớt ra mấy ngày, trong hàng năm phải bớt ra mấy tháng, cầu lấy một cái đường sinh-hoạt khác, đối với cuộc đời không bó-buộc gì, để mà nuôi lấy cái sức mạnh-mẽ, và cái trí-tuệ thiên-nhiên. Ấy cái cách sinh-hoạt của người thượng-lưu, thường hay sinh-hoạt về đường tinh-thần. Vậy cái cách vui chơi trong hàng ngày của người thượng-lưu, không thể không giải-thích ra được.

Nay hỏi những cuộc ca-lâu hay là tửu-quán, cho đến những trò bách-hí kỳ-quan, những cuộc cờ-bài săn-bắn hay là những cuộc hội-hè tráng-quan, cho đến những khi dạo gót vào một cái hoa-trang đẹp-đẽ, một nơi phạm-đài thanh-tĩnh, một chỗ sơn-thủy thanh-kỳ, có phải là sự vui chơi hàng ngày của kẻ thượng-lưu đấy không? Thiết-tưởng là không phải. Vì những cuộc ấy là cuộc thắng-thưởng, là cuộc tạm-thời, không phải là sự hàng ngày. Vả lại những hạng người thượng-lưu, thường sinh-hoạt về đường trách-nhiệm, về đường đạo-đức, mỗi người hoặc có một cái tình cảnh riêng, cái hệ-lụy riêng, cái ý-tưởng riêng, đối với những cuộc ấy, chẳng qua hoặc vị hào-hứng mà đi, hoặc vị quan-sát mà đi, hoặc vị nể nang mà đi, hoặc vị thù-tạc mà đi, hoặc vị tiêu-sầu khiển-muộn mà đi; tóm lại đều không phải là cái chân-tướng vui chơi của người thượng-lưu trí-thức cả. Chắc là phải có những cuộc rất giản-dị, rất thảng-thích (1) tự-nhiên, có thú-vị vô-cùng, mà thuộc về hàng ngày, đủ hiển ra được cái chân-tướng vui chơi, sẽ xứng-đáng là một cách vui chơi của người thượng-lưu trí-thức vậy.

Cách vui chơi ấy, là một thứ không-khí ấm-áp tốt-lành, để điều-hòa cho cái trí-thức người; lại là một thứ nước mát-mẻ trong-sạch, để tắm gội cho cái đạo-đức người. Cho nên không kỳ lúc nào, mà cũng không kỳ ở nơi nào; hoặc ở một nơi công-quán hay là thư-viện, hoặc ở một nơi tĩnh-thất nhàn-phòng, hoặc một nơi dưới gốc cây to, trên vùng sạch, trong buổi êm trời, hoặc ở một nơi trên cái đài cổ, bên cái hồ đầy, trong khi trăng trong gió mát. Trong khi thừa-nhàn đi chơi đó, không kỳ ít người nhiều người, không kỳ phải hẹn nhau, không kỳ phải bó-buộc nhau về một cái

(1 Thảng-thích = Không câu-nệ gì.

vui thú gì, hoặc cái vấn-đề gì, cũng là cái thời-khắc gì. Mà cũng không kỳ là người thuộc về phái nào, đã là người có đầu-mỏ, có tai-mắt ở trong xã-hội với nhau, thì tức là người trí-kỷ. Người biết nhau rồi đã vậy, người chưa biết nhau thì giới-thiệu cho nhau biết; khi đã biết nhau, thì người biết mới cũng như người biết cũ, chớ câu-nệ một chút hình-hài gì. Vậy người lạ cho đến người quen, người lão-đại cho đến người thanh-niên, người quan sang cho đến người nhân-tản, người giàu về tư-bản cho đến người giàu về văn-học, người ở nơi thành thị cho đến người ở cảnh thôn-quê, đã là người thượng-lưu với nhau, thì trong khi trò-chuyện, đều là bạn thân với nhau, đã là bạn thân, thì mới có câu chuyện thân, có câu chuyện thân thì trong cuộc vui-chơi mới có chân-tướng phát-hiện ra được.

Cuộc vui-chơi ấy là cái tính-chất hội-hữu, chứ không phải là cái tính-chất tiếp-tân, là cái tính-chất nhân-đàm, chứ không phải là cái tính-chất câu-lạc (1); là cái tính-chất xuất-chân (2), chứ không phải là cái tính-chất kiểu-sức. Cho nên trong một chỗ « salông » ngồi chơi với nhau, đồ-đạc không lọ là phải trang-sức gì cho lắm, trà-nước không lọ là phải kiểu-cách gì cho lắm, lễ-nghi không lọ là phải gìn-giữ gì cho lắm, mà câu chuyện cũng không lọ là phải lôi-thôi gì cho lắm; miễn là thái-độ được có phong-nhã, câu chuyện được có lý-thú, can-tràng được có chia sẻ tâm-tình được có hân-xướng thì thôi. Cách chơi ấy là cách chơi hàng ngày, lại hàng tháng hàng năm, mà có thú-vị có ích-lợi về phần nhiều. Một là trao-đổi được cái trí-thức cho nhau. Hai là tài-bồi được cái đạo-đức cho nhau. Ba là cải-chính được cái lầm-lỗi cho nhau. Bốn là điều-hòa được cái ý kiến cho nhau. Năm là phát-sinh được cái hứng-thú cho nhau. Sáu là tô-tỉnh được cái quang-thái cho nhau. Bảy là dưỡng-dục được cái tinh thần cho nhau. Nhất là trong cuộc cao-thượng nhân-đàm, lại có một vài vị nữ-hữu có phẩm-hạnh, có học-vấn, uẩn được chất vàng chất ngọc, phát được miệng hoa, thổ-lộ ra được những lời phong-thú nữa, thì lại càng hay lắm. Nhưng cầu lấy những bạn nữ-hữu thì cũng hơi khó. Vì những người đàn bà ấy, có cái học-vấn bằng người, lại có cái tài-năng phẩm-hạnh khác người, đủ cái tư-cách giao-tế với xã-hội mới được. Chứ cái tình-trạng nước ta ngày nay, những bạn đàn ông thượng-lưu với nhau, phần nhiều còn thấy khẳng-tẳng lặng-lẽ, đâu đã dám mong đến những bạn đàn-bà. Vả lại cái tinh-thần người đàn-bà thượng-lưu bên Đông-phương ta, thường ở về đường khuê-các, về nghĩa-vụ gia-đình, chứ không ở về đường giao-tế, về danh-dự xã-hội. Kẻ nghiên-cứu về đường tinh-thần, cũng không nên vội trách những người đàn bà nước ta.

Tôi chỉ còn nhớ thủa tôi còn thiếu-thời, tôi đã từng trông thấy cái quang-cảnh hàng ngày vui chơi của những người thượng-lưu trí-thức nước ta, mà tôi cũng đã từng được hưởng-thụ ít nhiều. Vì tôi trẻ đã qua già chưa đến, cái thân-thế thích-hợp về buổi giao-thời. Cho nên khi tôi ăn cơm mới, tôi cũng còn muốn nói đến chuyện cũ chơi. Mà câu chuyện cũ ấy, cũng chưa phải đã là câu chuyện muôn năm gì. Chắc là quốc-dân ta đối với câu chuyện ấy, phần nhiều người còn cho là cái cảnh-tượng mở mắt chưa phải đã là cái cảnh-tượng chiêm-bao.

---

(1) Câu-lạc = bày ra mọi trò chơi, để công-chúng cùng vui.
(2) Xuất-chân = do cái tính thật-thà tự-nhiên.

Mới đây trong nước ta, chừng độ ngoại ba bốn mươi năm về trước, vẫn có một phái, gọi là phái *sĩ - phu* 士夫. Nào là *sĩ-phong* 士風, nào là *sĩ-khí* 士氣, nào là *sĩ-hạnh* 士行, nào là *sĩ-quân-tử* 士君子, nào là *nhất sĩ nhị nông, nhất nông nhị sĩ*, 一士二農。一農二士, nào là *sĩ khả bách vi* 士可百爲, nào là *sĩ chí ư đạo* 士志於道, nào là *bỉ đô nhân sĩ* 彼都人士, nào là *hu ta sĩ hề*, 吁嗟士兮, nào là *hà như tư khả vị chi sĩ*, 何如斯可謂之士. Những cái danh-từ ấy, đều là cái danh - từ hàng ngày, xuất-hiện ra ở trong luồng không-khí sĩ-phu. Nói cho đúng ra, thì cái phạm-vi sĩ-phu bấy giờ, cũng còn hẹp - hòi lắm. Chẳng qua là một phái Hán-học, người tiến-vi-quan thì tại-triều, người đạt-vi-sư thì tại-dã; người còn đương đi học-tập, thì tản-mát ra ở cả các nơi thành-thị và các chốn thôn-quê. Cái số sĩ-phu bấy giờ, kể cũng là nhiều, không phải là ít. Nhưng chỉ là những con nhà có văn-học mà thôi, chứ con nhà nông, con nhà công, con nhà thương, không có dự đến. Song phải biết rằng nước ta tự cuối thế-kỷ thứ mười-chín về trước, cái văn-minh trong nước còn thuộc về cái văn-minh thuần-nhất, chỉ cho một khoa cổ - học thuộc về văn-chương, thuộc về luân-lý làm trọng mà thôi, còn các nghề đều cho là mạt-nghệ cả. Cho nên chỉ một phái sĩ-phu, người tại-triều, kẻ tại-dã, cũng đủ làm đại-biểu cho quốc-dân, mà ứng-đối với quốc-gia, duy-trì cho xã-hội vậy. Ấy muốn nói câu chuyện cũ, trước hẳng phải suy-xét qua về thời-đại cũ, cùng là cái phương-pháp giáo-dục cũ, thì về sau phán-đoán mới khỏi sai-lầm.

Triều-đình nước ta khi xưa đối với việc giáo - dục, có phần cổ-vũ, chứ không có phần chuyên - chế, triều-đình chỉ trong lục-bộ đặt ra một bộ Lễ, ngoài các tỉnh mỗi tỉnh đặt ra một ông đốc - học, các phủ huyện mỗi phủ huyện đặt ra một ông huấn ông giáo, để coi-sóc về việc học, với ba năm lại một lần mở khoa thi, hương-thí, hội-thí, để tuyển-thủ nhân-tài mà thôi; còn sự giáo-dục, để cho quốc-dân đều được tự-do, không bó-buộc hạn-chế gì cả. Quốc-dân cũng biết việc học là việc nghĩa-vụ. Nên chi cha mẹ khuyên con có câu rằng: « *Khuyên con gióng-giả học là hay, đèn sách đêm ngày chớ nhãng khuây* » Nghĩa là học thì phải học cho đến nơi, chớ học dở mùa. Vợ khuyên chồng có câu rằng: « *Qủa cau nho-nhỏ, cái vỏ vân vân, nay anh học gần, mai anh học xa.* » Nghĩa là gần thì vẻ-vang với nhà nước, xa thì đối-địch với thiên-hạ. Cho con đi học thì nói rằng: « *Học để kiếm năm ba chữ*, và *học cho sáng mắt ra* » Nghĩa là học để kiếm chữ, không phải là học để kiếm gạo, học để sáng lấy mắt mình, không phải là học để lòe mắt người. Chê những người học dốt thì có câu rằng: « *Học không hay cày không biết* và *văn dốt vũ dát.* » Nghĩa là nghề học kém thì phải quay ngay ra nghề cày, để tính về đường sinh-nghiệp, nghề văn dốt thì phải quay ngay ra nghề võ, để tính về sự thắng-nhân; con nhà học đối với xã-hội, phải có cái cơ-quan hoạt-động; chứ không chịu cái nước: bác ấy là vô-tích, chỉ sớm vác ô đi mà tối vác về. Sắp-sửa đến kỳ thì thi có câu rằng: « *Văn hay chữ tốt dốt cũng đỗ.* » Nghĩa là văn-chương đã có định-giá, triều-đình đã có phép công-bằng, ai hay thì đỗ; từ lúc đi học, cho đến lúc đi thi, không phải nghe ngóng hết khoé này đến khoé khác, luồn lọt hết cửa nọ đến cửa kia, dốt ở nơi xó tối, chứ không dốt ở trên đường cái thanh-vân. Thi mà hỏng thì có câu rằng: « *Học tài thi phận.* » Nghĩa là hỏng khoa này còn khoa khác, phận mà có rồi tự-nhiên lại có. Cứ vững chí mà học cho thành tài, không sợ ai ngăn-trở. Nghỉ quan về dạy học thì có câu rằng: « *Tiến vi quan, đạt vi sư* 進爲官達

爲 師.» Nghĩa là làm quan cho đến làm thầy, đều có cái trách-nhiệm xứng đáng, cái địa-vị tôn-nghiêm, không phải là kỳ-thủy đi cày-cục, kỳ-kế thường nơm-nớp, kỳ-chung bất-hạnh bị bãi chức, phải về nhà xua gà. Quốc-dân đối với sự học, thường có chí cao-thượng; đời đời nối dõi, những nhà đi học, ít khi có gián-đoạn, mà thành một nền-nếp đại-gia; cho nên thường có ba chữ rằng: « *Kế thư-hương* 繼書香 ». Nghĩa là con nhà đi học, nối được nghiệp cha ông, giữ được nền trung-hiếu, thế là hiền-thảo, chứ không tất cầu lấy đại-phú đại-quí, hoặc giả tham-lam vô-sỉ, mà mang tội với sử xanh. Còn như những câu « *Bất học vô thuật* 不學無術. *Bất học hà vi* 不學何爲. *Học giả sở dĩ học vi nhân* 學者所以學爲人. *Nhân bất học, bất như vật.* 人不學不如物. *Học như đăng sơn, bất chi kỳ điên bất chỉ* 學如登山不至其顛不止 1.» đều là những câu hàng ngày tụng-niệm ở trong học-giới cả. Nên chi cái trình-độ học-vấn của quốc-dân cao lắm, xem như văn-chương với sự-nghiệp của các cụ tiền-bối ta khi xưa ở trong quốc-sử thì khắc rõ. Mà sự học cũng thấy vui-vẻ lắm, tự kẻ chợ cho đến nhà quê, tự ngõ hẹp cho đến hang cùng, cơ-hồ chỗ nào cũng có tiếng học; trên tự các nhà đại-nho mở trường giảng tập, học trò kể trăm kể nghìn người, dưới đến các thầy đồ ngồi gõ đầu trẻ, hay hoặc là bố dạy con, anh dạy em, cái tính-chất tư-học-đường toàn là cái tính-chất tư-tục (2) cả; quốc-gia đối với việc học, không phí mất đồng kẽm nào, mà nhân-tài hết đời nọ đến đời kia, vẫn thấy hàng ngày xuất-hiện, âu cũng lạ thay! Âu cũng là vì quốc-dân đối với việc học biết là nghĩa-vụ, mà sĩ-phu đối với việc học, cũng có cái cao-thượng tinh-thần. Nên chi trong xã-hội sĩ-phu bấy giờ, hàng ngày chế-tạo ra được một luồng không-khí vui-vẻ đậm-đà, xét ra cũng không phải là không có cớ vậy.

Bấy giờ trong xã-hội sĩ-phu, cũng có hai tầng không-khí. Một là cái tầng không-khí tục-học, đại-để là những người bình-sinh chỉ biết cặm-cụi về cái văn-chương cử-nghiệp, và khư-khư về cái phạm-vi cổ-lễ; không khỏi là một giống con ma bát-cổ (3), làm nô-lệ cho cổ-nhân; học-vấn thì kém-cỏi hẹp-hòi, mà tính nết cũng thuần-cẩn, đối với cái thú-vị trong vũ-trụ, cái tinh-túy trong học-hải thật là mang-nhiên (4). Sau này kết-quả có một phái nhà nho câu-nệ hủ-bại hay hoặc ô-mị, cũng là vì đó. Một là cái tầng không-khí siêu-đẳng, đại-để là những người danh-sĩ, học-vấn rộng-rãi, tài-hoa siêu-việt, kiến-giải-li-kỳ; hoặc là đối với văn-chương cử-nghiệp, đã có sức thừa, hoặc là bình-sinh đối với phạm-vi cử nghiệp vẫn có ý chán. Người thì đứng về phương-diện thi-ca, mộ cái phong-thú ông Tùng 從 ông Tuy 綏 (hai cụ quốc-công bản-triều). Người thì đứng về phương-diện văn-chương, mộ cái tài-danh ông Siêu 超 ông Quát 括 (Nguyễn Phương-đình, Cao Chu-thần.) Người thì đứng về phương-diện khảng-khái, mộ cái vận-sự ông Chu An 朱安 (đời Trần, có sớ trảm-nịnh-thần.) Người thì đứng về phương-diện công-danh, mộ cái sự-nghiệp ông Nguyễn Công-Trứ 阮公著, ông Đào Duy-Từ 陶維慈 (hai vị danh-thần bản-triều). Người thì đứng về phương-diện mô-phạm, mộ cái đạo đức ông Phạm Quí-Thích 范貴適 (Phạm-

(1) Sự học vi như lên núi, chửa lên đến tuyệt-đỉnh chửa thôi.

(2) Tư-thục = Nhà học tổ-chức riêng của dân-gian.

(3) Bát-cổ = lối làm kinh-nghĩa ngày xưa có tám vế, tiền-cổ, trung-cổ, hậu-cổ. v. v.

(4) Mang-nhiên = mờ-mịt không thấy gì.

Hoa-đường). Người thì đứng về phương-diện hào-sảng, mộ cái thanh-danh ông Lý Văn-Phức 李文馥 (cụ sứ Bưởi). Người thì đứng về phương-diện thuật-số, mộ cái học-thuật ông Nguyễn Bỉnh-Khiêm 阮秉謙 (ông trạng Trình). Người thì đứng về phương-diện cao-ẩn, mộ cái chí-thú ông Chu Doãn-Trí 朱允致 (cụ Chiêu Độc hồi quốc-sơ, đời gọi Trưng-quân). Người thì đứng về phương-diện trảng-du, mộ cái nhãn-quang ông Phạm Phú-Thứ 范富庶 (hồi Tự-đức, sang sứ Tây, dịch ra bộ *Bác-vật tân-biên*, *Vạn-quốc công-pháp*.) Những hạng danh-sĩ ấy, bình-nhật phần nhiều coi cái phú-quí như cái phù-vân, coi cái cuộc đời như giấc mộng lớn. Sau này kết-quả có một phái nhà nho trước thì thủ-xướng lên cái phong-trào duy-tân, sau thì kịp xướng lên cái phương-pháp bảo-tồn quốc-túy, để bổ cứu cho cuộc đời, cũng là vì đó.

Tầng không-khí tục-học, với tầng không-khí siêu-đẳng, hai tầng không-khí ấy, kể ra thì một cao một thấp, một vực một trời. Nhưng bấy giờ vẫn có quan-hệ với nhau về cái tình-cảm xã-hội và cái danh-dự sĩ-phu, hai cái không-khí vẫn điều-hòa nhau, không hề có ác-cảm bao giờ. Trong xã-hội sĩ-phu về hồi toàn-thịnh ấy, vẫn có một thứ không-khí vui vẻ đậm đà, không thấy tiêu-điều lạnh-lẽo. Nên chi xã-hội sĩ-phu bấy giờ, mới diễn ra những cuộc hàng ngày vui chơi. Khi đó, chưa có cái phong-trào công-hội công-quán, phần nhiều ở một nơi học-xá hay là thư-phòng. Nào là bạn đồng-song, nào là bạn đồng-môn, nào là bạn đồng-liêu đồng-quận, nào là bạn đồng-khoa đồng-canh, nào là bạn đồng-chí đồng-thân, nào là bạn đồng-thanh đồng-khí ; những cái danh-từ nhận nhau, cơ hồ không người nào là không có chữ *đồng* in ở trong óc, chỉ cái danh-từ đồng-bào là chưa phát-hiện mà thôi. Hàng ngày thường đi lại với nhau, bất-kỳ ít người hay nhiều người, mời nhau ở lại chờ trăng lên, rồi nhờ bóng trăng mà đưa nhau về, cùng là ngồi trong cửa sổ đốt nến, chung với nhau một ngọn nến mà nói chuyện mưa, đó là sự thường. Người tỉnh nọ sang chơi tỉnh kia, người làng nọ sang chơi làng kia, hỏi thăm nhau hoa mai nở chưa, cùng là tặng nhau khóm huệ khóm lan, đó cũng là sự thường. Khi ngồi chơi với nhau đó, chẳng qua cái điếu thuốc lào hút vặt, chén nước trà hoặc chén nước lã uống suông đấy thôi, chứ không mấy khi có cuộc tửu-hào gì cả. Trong khi trò-chuyện đại-khái hay nói về những chuyện văn-chương hơn kém và nhân-vật dở hay, vận-hội thăng-trầm trong cuộc cổ-kim, mà vẫn-tắt phán-đoán chơi. Nhất là các ả mĩ-nhân ở trong truyện trong sách, như ả Tây-Thi 西施, ả Thúy Kiều 翠翹, gái Hoa-Khôi 花魁, gái Tỳ-bà 琵琶, gái Xuân-Hương 春香, gái Mị-Châu 媚珠, Mị-Ế 媚醫, lại hay nhắc đến nữa. Người thì suất-chân về cách nghiêm-chính, người thì tài-tình về cách khôi-hài, làm cho người trong cuộc chỉ những chuyện mà béo, những cười mà no. Duy cái tình-trạng trong xã-hội, thì ít khi nói đến, cái đó thật là khuyết-điểm. Nhưng phải biết cuộc đời đã là cuộc đời thuần-nhất, xã-hội đã là xã-hội êm-đềm, cũng không có cái tình-trạng quái-gở gì xuất-hiện cho lắm, mà phải nói. Hết tán chuyện rồi lại tán thơ, tán hết thơ chữ rồi lại tán thơ nôm. Nước ta tuy rằng học chữ Hán, nhưng đã chuyển sang thổ-âm rồi không có cái nguy-hiểm học chữ nước người mà quên tiếng nước mình ; cho nên người nào tài về chữ Hán, thì thơ nôm lại càng bẻm lắm. Trong cuộc, người nào có cái nghi-nghĩa gì bày ra hỏi, thì người biết hơn hết sức mà nói cho rạch-ròi, cũng có khi đỏ mặt tía tai mà cãi nhau để giải-quyết về nghĩa ấy. Người nào có cái ý-kiến gì sai-lầm, hay hoặc

có cái nết gì xấu hiện ra, thì người khác cứ thân-thiết đem lời thẳng ra nói, cũng có khi tựa như vợ mắng chồng, mà người bị mắng không những là không giận, lại lấy làm cám ơn to. Cái trình-độ học-vấn cao lên vì thế. Hóa cho nên giận - hoặc cũng có người quanh năm chỉ thấy ngao - du, không thấy cầm quyển sách nhằm từng li từng tí, hay hoặc kêu lên như cuốc bao giờ, mà đến khoa-thi đã thấy họ đỗ cao chót-vót, người không biết cho là sinh-tri, là thần - đồng, mà chính những người danh-sĩ lại hay phạm vào cái cũu ấy. Mới biết xã-hội mà có cái không-khí ấm-áp thảnh-thơi, thì cái mầm tốt phát sinh ra dễ lắm.

Bọn sĩ-phu chơi với nhau lại có ích-lợi cho nhau về đường danh-dự nữa. Người bố mẹ hay hoặc người vợ, thường đem những điều bình-nhật hư-hỏng của con, hay là những điều quá-đáng lầm-lỗi của chồng, bày tỏ ra với bạn con hay hoặc bạn chồng, để mong bạn cải-chính giúp cho. Người bạn cũng đỏm-đương lấy trách-nhiệm, hết sức khuyên-can, để khỏi mang lỗi với bố mẹ, với vợ chồng anh em bạn. Nếu người ấy không nghe, cứ tật nào nết ấy, làm mất cái danh-dự sĩ-phu đi, thì người ấy cơ-hồ bị đuổi ra ngoài vòng xã-hội sĩ-phu không ai dám chơi với nữa.

Sĩ-phu chơi với nhau, lại có một cái phong, coi cũng nhã-nhặn. Hoặc năm mới hay hoặc lâu ngày đến thăm nhau, người bạn hoặc có bố mẹ già, thì trước ông đến tận nơi, chắp tay chào hỏi vui mừng ; hoặc có khi sụp xuống lỗi hai lỗi để mừng tuổi cụ, rồi mới xuống khách-phòng trò-chuyện với nhau. Người bạn hoặc có con trai con gái, thường gọi ra đứng sắp hàng chắp tay chào bác ; hoặc có khi lại bảo con sụp xuống lỗi hai lỗi để mừng tuổi bác. Người khách cũng đứng dậy ra xoa đầu nắm tay, hỏi đến học-hành, hỏi đến tính-nết để xem ứng-đối thế nào, và xét qua cái phẩm-cách đứa trẻ con. Người bạn nhân cũng kể qua cái hay cái đốt của con cho khách nghe, khách nhân cũng ngỏ qua giáo-dục mấy lời, nếu khách là người hay nói, thì con mình lại được một bài học khá dài. Đó là cái phong cổ ; cái phong mới ngày nay, thì cũng có thông-dung hơn. Nhưng muốn gây lấy một cái nền chắc-chắn trong xã-hội, thì đâng nào là thân-thiết hơn? cái đó còn phải tùy ý-kiến mọi người.

Sĩ-phu chơi với nhau, thứ nhất là có thơ đưa đi đưa lại cho nhau, một là để khuyên-can nhau, hai là để ghi lại cái tâm-sự cho nhau. Tập thơ thù-tặng về thời-đại cụ Lãn-ông trong tập *Thượng-kinh du-ký*, tức là đại-biểu về phái đó.

Bấy giờ tuy chưa có giấy tân-văn, nhưng người nào có sự gì hay, hoặc sự gì xấu, thì thường tức-khắc có thơ ngay, trong một ngày cũng có thể nhờ miệng đọc mà truyền-tống ra xã-hội được. Thơ ông tú Xương gần đây, cũng là đại-biểu về phái đó.

Trong phái sĩ-phu, cũng có hai phái. Một phái đạo-đức. Một phái đa-tình. Phái đa-tình đối với những đóa hải-đường đương mơn-mởn cành tơ, cũng tình lắm, mà cũng cảnh lắm. Thấy những người có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân, thì cũng thường hay phê-bình phán-đoán ngay cái phẩm-cách người ấy, mà lời phê-bình phán-đoán, cũng thường nhã-nhặn đắc-thể, coi điểm-duyệt người con gái, cũng như điểm-duyệt một quyển văn, cũng thường hay liệt ra hạng ưu, hạng bình, hạng thứ, cùng-dĩ cũng phê cái thứ cộc. Hay hoặc lại có câu thơ tả-chân, bắt chước như chuyện « *Đố nữ do liên kính trung phát ; Thị nhi kham cảm lộ bàng nhân.* 妬女猶憐鏡中髮。侍兒堪感路旁人。 » Nghĩa là kẻ ghen-ghét cô, còn thương cái tóc ở trong gương của cô, nữa là ai ; kẻ hầu-hạ cô, còn cảm

động được người ngoài đường, nữa là cô, đấy mà thôi. Chứ dò xét cô ấy tên là gì, hiện làm chức-nghiệp gì, cùng là cô ấy ở đâu, tâm-sự cô ấy thế nào, để ghi chép vào một cái sổ riêng, coi cảnh hoa của xã-hội, tựa như đã là cảnh hoa của mình, thì sĩ-phu bấy giờ chửa có cái phong ấy.

Sĩ-phu bấy giờ, ngoài cuộc vui chơi hàng ngày, cũng có mấy cuộc tiêu-khiển. Một là cuộc đố thơ, đem những tập thơ lạ-lùng ít người biết ra, trích lấy một câu, trong một câu bịt đi một chữ, lại đặt ra bốn năm chữ khác, với một chữ trong nguyên-cảo, cùng viết ra ở bên cạnh, ai đánh được trúng vào chữ ở trong nguyên-cảo, thì có giải thưởng, hoặc có tặng tiền. Đó cũng là một cái nhã-cục, mà nhân lại luyện-tập nghề thơ. Đến như nghề cờ nghề đàn, thì sĩ-phu cũng không mấy người thích, vì có phương-hại đến chức-nghiệp.

Hai là cuộc phụ tiên. Những sự huyền-hoặc giả-dối, như cái tính-chất bùa thánh thuốc tiên, thì sĩ-phu nguyên là phái duy-lý, cũng không mấy người tin. Duy một sự phụ tiên, cùng nhau đi tắm gội trai-khiết, chọn lấy một nơi tĩnh-thất nhàn-đường, bày ra những thức các sắc nến, các vẻ hoa, cùng là trà-tửu, thư-tịch, bút nghiên, tựa như cái quang-cảnh Bồng-lai, năm ba người thay đổi nhau ngâm đọc những thơ Lý thơ Đỗ lên để luyện đồng, một người cầm cái bút đào, vạch xuống mâm gạo, hạ bút thành thi, thao-thao bất-kiệt, thơ cũng thanh-đật lạ-lùng, thật ra thơ tiên. Nhưng phải biết rằng thơ người, chứ không phải thơ tiên, vì cái hồn người lúc ấy là hồn tiên, cho nên cái bút người lúc ấy cũng là bút tiên vậy. Nhất là ông Lý Thái-Bạch 李太白, ông Thiệu Khang-Tiết 邵康節, ông Đào Uyên-Minh 陶淵明, với cụ Trình Quốc-công 程國公 nước ta hay lên nhất, sẽ biết cái phong-thú người ngồi đồng. Khi nào vô-sự thì lại phụ tiên chơi, nhất là sắp-sửa đến khoa thi, thì lại càng thịnh lắm. Đó cũng là một cách chơi thơ, đối với cuộc đời, không can-thiệp gì cả.

Ba là cuộc hát ả-đào. Sắc thì cũng có người thích, có người không. Trống thì cũng phần ít người hay. Nhưng người nào đã hay thì hay lắm, vì đã là người danh-sĩ, thi-ca thể-cách đã sẵn nghề, mà lại đứng về phương-diện trong làng chơi, như cụ Nguyễn Công-Trứ, cụ Thượng Dương Khuê (Vân-đình), đến bây giờ vẫn còn để tiếng. Đại-để trống nhà nho, lấy ung-dung tao-nhã làm hay, không lấy tục-tằn bợm-bãi làm hay. Sĩ-phu đối với cuộc hát, cái tinh-thần ý-vị trong câu hát, thì thấy đằm-thắm lắm. Người ả-đào đọc sai-lầm, thường cải-chính lại cho ngay. Nhiều khi lại cắt nghĩa hoặc giảng sự-tích cho ả-đào, ả-đào cũng vui chuyện mà thích nghe. Cũng lắm khi lại thổ-lộ ra được những câu văn-chương khôn-khéo, những cảnh bát-ngát, những giọng hữu-tình, tặng cho ả-đào. Cho nên ả-đào khi xưa thuộc được nhiều bài hát, mà cũng lắm bài hát mới-mẻ lạ-lùng. Có khi hát cả đêm không trùng-kiến bài nào, nghe cũng thích tai, cũng là vì thế. Lại có người đem ngũ-kinh, tứ-thư, luân-lý Khổng-học, soạn ra các bài hát, để truyền bá cho ả-đào, thì lại càng nực cười, mà càng thú lắm! Những bài hát ấy, mười năm trước cũng còn được nghe, mấy năm nay thì hình như đã thấy mất hẳn đi rồi. Những ả-đào ngày nay, thuộc ít bài hát lắm, mà ý-nghĩa cũng không hiểu gì, chẳng qua mấy bài truyền-khẩu khi học hát, rồi khi ra hát chỉ năm bảy bài quanh đi quẩn lại đấy thôi, nghe mãi thì cũng chán tai.

Bốn là cuộc đi tắm. Nơi nào có hồ trong ao sạch, có bè-bạn tốt, có phong-cảnh hay, thường hay hẹn nhau đi tắm. Tắm thì cũng hay đua nhau tập

lội, tựa như cách thể-thao. Tắm xong, hoặc đánh cờ, hoặc bình văn, hoặc uống rượu. Nhưng sĩ-phu phần nhiều chỉ ở bằng-hữu, chỉ ở văn-chương, chứ không chỉ ở rượu. Khi đi tắm, thường có cái tư-tưởng về cuộc vịnh-qui (1) của ông Tăng Điểm 曾點 ở sông Nghi, và cuộc tu-khế (2) của ông Vương Hi-Chi 王羲之 ở Lan-đình, một là tỏ ra cái khí-tượng dục-đức tảo-thân (3), hai là tỏ ra cái chủ-nghĩa cứu đời uốn tục. Cho nên cuộc đi tắm thường là có thơ. Gián-hoặc khi nào có câu chuyện thú, có phong-cảnh hay, thì lại có bài ký nữa. Có người đã từng đem cái lý-thú cuộc đi tắm đặt ra lời « Tứ-đại-cảnh » bằng chữ nho ; nhưng cũng bình-dị dễ hiểu, chẳng quá là cái âm-tiết bài đàn, nhân lục ra đây để tồn-cổ. Lời rằng :

« *Khí tương cầu, thanh tương ứng, cảnh tương hứng, đối thưởng cầm kỳ,* 氣相求。聲相應。景相興。對賞琴棋 *Thi nhi họa, họa nhi thi.* 詩而和。和而詩。*Dục hồ Nghi, phong hồ Vũ-vu, vịnh nhi qui.* 浴乎沂。風乎舞雩。詠而歸。*Thanh ý vị, liệu thi thế nhân hi.* 清意味。料試世人稀 *Thân chi ngoại, hà hoạn tri vô tri.* 身之外。何患知無知 *Di nhân di, bằng hữu diệc lan chi, bằng hữu diệc lan chi.* 怡閒怡。朋友亦蘭芝。朋友亦蘭芝。*Giai khả lạc, tương thưởng mạc tương vi.* 皆可樂。相賞莫相違。*Hưu tu đạo, thế sự thị phi,* 休須道。世事是非。*Nghi kỳ nghi, phù thủy khi ngô khi,* 宜其宜，夫誰欺吾欺。*Thời thời nhi, hữu phùng nhân tri, như bỉ khâm kỳ,* 旣辰而。有逢人知。如彼襟期。*Đạo can tỉ, lạc vong qui, tức lạc nhĩ vong qui.* 道肝脾。樂忘歸。卽樂爾忘歸。*Thời thời nhi, y tệ dư vi, cộng tư khinh phi,* 旣辰而。衣弊予爲。共斯輕肥。*Thảng thảng nhi, thảng thời phùng dụng kỳ,* 倘倘而。倘旣逢用其。*Dụng kỳ tâm sở tri, thứ cơ y thủy,* 用其心所知。庶幾伊誰。*Đáo như thị, phương thị hào hùng ; đáo như thị, phương thị hào hùng,* 到如是。方是豪雄。到如是。方是豪雄。»

Ấy cái chí-khí tu-thân, cũng là cái khâm-hoài dụng-thế, đã tỏ ra ở trong khúc hát ; lại đem khúc hát ấy hiệp vào phiếm đàn mà gảy, để hình-dung ra cái khí-tượng ông Tăng Điểm. Âu cũng phong-thú thay !

Cái phương-diện đối với cuộc đời của sĩ-phu rộng hẹp thế nào mặc lòng, nhưng hẳng biết rằng trong xã-hội sĩ-phu có cái không-khí vui-vẻ đậm-đà như vậy, thì cái thời-đại sĩ-phu, há chẳng còn nên ghi-nhớ mà thuật lại đó hay sao ?

Đó là tôi thuật về cái thời-kỳ xã-hội sĩ-phu hãy còn toàn-thịnh. Khi toàn-thịnh ấy, tôi còn nhỏ lắm, chẳng qua theo bậc phụ-chấp, bậc huynh-trưởng, mà trông thấy cái quang-cảnh ấy thôi. Đến khi tôi được hưởng-thụ ít nhiều, thì cái thời-kỳ sĩ-phu, đã thuộc về cái thời-kỳ tàn-cục, cái không-khí trong xã-hội sĩ-phu, đã hơi thấy thay đổi đi rồi ; nhưng vẫn còn là phong-thú cũ, chửa khác gì là mấy. Khoảng độ vài mươi năm nay, mới thật là bước sang xã-hội mới.

---

(1) Vịnh-qui = ngâm-vịnh rồi về.
(2) Tu-khế = trừ bỏ những cái dơ-bẩn chẳng hay.
(3) Dục-đức tảo-thân = trừ bỏ những điều dơ-bẩn, để nuôi lấy cái đức tốt ở mình.

Cuộc ngày nay là cuộc văn-minh phức-tạp, Âu-Á nhất-gia. Cho nên cái phương-diện của toàn-thể xã-hội ngày nay, có phần rộng-rãi hơn xưa, mà cái quang-cảnh của toàn-thể xã-hội ngày nay, cũng có phần rực-rỡ hơn trước. Nhưng phàm muốn xét-đoán cái tình-trạng trong xã-hội, để cầu lấy một cái phương-châm tiến-hóa trong cuộc tiền-đồ, thì phải xét-đoán về cái phương-diện tinh-thần mới được. Nếu chỉ xét đoán về cái phương-diện hình-thức, thì thiết-tưởng không khỏi sai-lầm.

Cái không-khí trong xã-hội, ấm-áphay là đìu-hiu, vui-vẻ hay là lặng-lẽ, quan-hệ ở hạng người nào ? quan-hệ ở hạng người thượng-lưu. Cái tinh-thần của hạng người thượng-lưu phát-hiện ra ở đâu ? phát-hiện ra ở trong cuộc giao-tế hàng ngày. Ôi ! cái phương-diện đối với cuộc đời của người thượng-lưu ngày nay, dù hẹp dù rộng thế nào cũng mặc lòng. Nhưng hãng thử hỏi rằng cái xã-hội thượng-lưu ngày nay, có phải là kế-thừa cái xã-hội sĩ-phu ngày trước, mà thành danh-từ đấy hay không ? chắc là ai cũng bảo rằng phải. Nhưng lại thử hỏi rằng cuộc vui chơi hàng ngày của hạng người thượng-lưu ngày nay ở đâu, và những gì ? chắc là cũng ít kẻ đã trả lời ngay được. Thế thì cái không-khí trong xã-hội thượng-lưu ngày nay, thiết-tưởng cũng không phải hỏi nữa.

Trong thượng-lưu xã-hội nước ta ngày nay, không phải là không có người nhiệt-tâm về sự giao-tế, khuynh-hướng về chủ-nghĩa điều-hòa, mong cho không-khí trong xã-hội lại có phần vui-vẻ và sáng-sủa hơn xưa. Nhưng phần ấy còn ít lắm, phần nhiều là khẳng-tẳng hững-hờ. Trong bấy lâu nay, hai chữ đồng-bào tựa-hồ đã vắng đi rồi, không mấy khi được nghe đến nữa. Mà cái phương-diện đồng-môn đồng-học, đồng-liêu đồng-quận, đồng-khoa đồng-canh, các phương-diện cũ thì hẹp-hòi lắm, chỉ là một bộ-phận riêng mà thôi, không thể thông-hành ra toàn-thể xã-hội được. Nhưng kể cho đáng ra, thì cái phương-diện đồng-đức đồng-tâm, đồng-thanh đồng-khí, đồng-lợi đồng-hại, đồng-thân đồng-ái, há chẳng phải là cái phương-diện túy-mĩ rộng-rãi, đời xưa cũng vậy, mà đời nay cũng vậy đấy hay sao ? Xét trong xã-hội ngày nay, người nào người ấy đều đã in được chữ *đồng* vào óc hay chưa ? cái đó chưa dám bàn vội. Nay chỉ muốn cầu lấy cái hương-vị chữ *đồng* phô bày ra ở câu trò câu chuyện, khiến cho trong cuộc hàng ngày vui chơi, được đậm-đà vui-vẻ một chút, mà cũng ít có thay !

Nên chi cuộc hàng ngày giao-tế trong xã-hội, thường thấy lặng-lẽ lắm, lạt-lẽo lắm. Dù có quen-biết nhau chăng nữa, phần nhiều cũng chỉ là vì cái cớ riêng hay hoặc cái tình riêng gì, mà quen biết nhau. Dù có đi lại với nhau chăng nữa, phần nhiều cũng chỉ là vì cái mục-đích riêng hay hoặc cái hi-vọng riêng gì, mà đi lại với nhau. Cái tình riêng nếu đã cạn, thì biết đâu người quen lại chẳng hình như người lạ. Cái hi-vọng riêng nếu không đạt, thì biết đâu cái địa-vị chủ-quan lại chẳng biến ra cái địa-vị khách-quan. Rút lại cũng ít có tình-tứ gì là cao-thượng hào-hùng, câu chuyện gì là mặn-mà thú-vị, âu cũng bắt chước như kiểu ao bèo nước lã đấy thôi. Làm cho không-khí trong xã-hội, không khỏi lạnh-lẽo tiêu-điều, mà cái tinh-thần tiến-hóa của quốc-dân không khỏi bâng khuâng ngơ ngác.

Than ôi ! trước sao như tiếng đàn tiếng sáo họa với kèn ; giờ sao như bầu đục chấm nước cây ? Trước sao đông như hội vui như tết ; giờ sao vắng ngắt như chùa bà Đanh ? Trước sao chồng ăn chả vợ ăn nem ; giờ sao ông nói gà bà nói vịt ? Trước sao « Bắc nam xum họp

một nhà, kiêm đủ cả thắng-cảnh, lương-thần, thưởng-tâm, lạc-sự ; » giờ sao « Nam bắc lờ-đờ đôi chiếc bóng, ân tình leo-lẻo bốn con ngươi ? » Trước sao «Khi chén rượu khi cuộc cờ, khi xem hoa nở khi chờ trăng lên ; » giờ sao : « Sông Tương một giải nông sờ, bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia ? » Trước sao « Năm nhâm-tuất qua rằm tháng bảy, đang tay tiên cất chén tương-phùng ; » giờ sao « Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách, quạnh hơi thu lau lách đìu-hiu ?»

Xét ra, cũng có mấy cái nguyên-nhân : Một là quốc-dân đang buổi giao-thời, tan-tác ra nhiều phương-diện, chửa điều-hòa được.

Hai là quốc-dân tuy nhiều phương-diện, nhưng cái phương-diện công-ích với cái phương-diện chính-đáng thì ít, cái phương-diện tư-lợi với cái phương-diện vẩn-vơ thì nhiều Cái phương-diện lợi-kỷ, cái gì có lợi thì chơi, cái gì không có lợi thì không chơi ; cái phương-diện vẩn-vơ, đã không biết mình, lại không biết người, hai cái phương-diện ấy, cũng hơi khó điều-hòa. Bao giờ quốc-dân phần nhiều thay phương-diện lợi-kỷ ra phương-diện công-ích, đổi phương-diện vẩn-vơ ra phương-diện chính-đáng, sẽ dần-dà có thể điều-hòa được.

Ba là phàm dân-tộc nào cũng vậy, đã gọi là quốc-dân, phải lấy quốc-văn làm bản-lĩnh. Quốc-văn ta ngày nay, còn là thời-kỳ ấu-trĩ, không những trẻ con nên học, mà chính những người thượng-lưu trong xã-hội lại càng nên học, học ăn học nói, học phán-đoán, học phê-bình, tức là học quốc-văn. Lại cần nên xem xét nữa, phàm quốc-văn thư báo, cần xem, hay hoặc cần nghe đọc, xét lấy thời-vụ, lấy tình-trạng xã-hội, xét lấy trình-độ văn-chương. Xưa nay quốc-dân ta phần ít người trọng quốc-văn, cho văn-chương quốc-âm là thường, đối với quốc-văn, tỏ ra lòng lười biếng, cái đó thật là ngộ-điểm. Nhưng có biết đâu cái phương-pháp tài-bồi cho quốc-văn, chính là cái phương-pháp điều-hòa cho các phái mà tiến-bộ cho quốc-dân. Bao giờ quốc-dân người nào cũng trân-trọng quốc-văn, nghiên-cứu quốc-văn, ham-mê quốc-văn, thì các phương-diện sẽ có thể điều-hòa được.

Bốn là quốc-dân phần nhiều còn có những cái khí-vị riêng ; như nhà chính-trị phần nhiều còn có cái khí-vị ông quan, nhà tư-bản phần nhiều còn có cái khí-vị nhà giàu, nhà văn-học phần nhiều còn có cái khí-vị văn-sĩ, nhà Hán-học phần nhiều còn có cái khí-vị cựu-nho, nhà Tây-học phần nhiều còn có cái khí-vị tân-học, nhà thương-mại phần nhiều còn có cái khí-vị phường-phố, nhà canh-nông phần nhiều còn có cái khí-vị nhà quê, vân vân. Bao giờ người nào người ấy đều nhũn như con chi-chi, điều-hòa mọi cái khí-vị riêng, tạo-thành một cái khí-vị chung, thì cuộc giao-tế trong xã-hội, sẽ hoàn-toàn là cuộc giao-tế được. Cái khí-vị chung ấy là cái gì ? Là cái khí-vị quốc-dân.

Năm là quốc-dân về bề quan-sát phần nhiều còn sai-lầm, người làm người nói đi một đàng, thì người xem người nghe hiểu đi một nẻo, về bề phán-đoán cũng phần nhiều hay khắt-khe, chỉ sở-trường về chỉ-trích điều lỗi nhỏ, không sở-trường về tán-trợ điều hay. Cho nên trong khi giao-tế, không khỏi có điều chềnh-mảng, có ý sượng-sùng.

Sáu là quốc dân phần nhiều có cái hứng-thú phiền-phức hào-hoa, phần ít có cái hứng-thú giản-dị cao-thượng. Cho nên phần nhiều có cuộc vui chơi phiền-phức hào-hoa, mà phần ít có cuộc vui chơi giản-dị cao-thượng. Nhưng có biết đâu cuộc phiền-phức hào-hoa, không phải là cuộc vui chơi hàng ngày,

cuộc giản-dị cao-thượng mới là cuộc vui chơi hàng ngày.

Bảy là quốc-dân phần ít nghiên-cứu về khoa-học giao-tế. Cổ-lễ bên Đông-phương ta, giảng về khoa-học giao-tế, cũng bất-ngoại chữ kính với chữ ái mà thôi. Nhưng phần nhiều tường về lý-thuyết, phần ít tường về thực-hành. Đến sách Thái-tây mới phần nhiều tường về thực-hành. Sách « *Tây-lễ tu-tri* » của người danh-sĩ nước Anh soạn ra, thuần là dạy người ta về cách giao-tế hàng ngày. Dạy cả từ cách đi ra ngoài đường, cách đi vào dự cuộc dự lễ dự hội, cách lên xe, cách xuống ngựa, cách ngồi ghế, cách ngự bàn, cách giới-thiệu, cách nói-năng, cách ăn, cách mặc, cách đi, cách đứng, cách tiễn đưa; cùng là cách người thiếu-niên giao-tế với người lão-thành, cách người đàn-ông giao-tế với người đàn-bà, đều có quan-hệ về đạo-đức, về phong-tục của người ta trong xã-hội cả. Quốc-dân ta đối với đường giao-tế, phần nhiều còn khuyết-điểm lắm. Nhất là cách nói chuyện, người nào thích cười, thì cười cho to, làm lấp cả câu chuyện đi ; người nào thích nói thì nói cho dài dòng mãi, câu nọ chắp nối câu kia, cắt không đứt, người khác không nói vào đâu được nữa ; người nào thích nín, thì chỉ ngồi mà nín bặt, tựa như người lặng-lẽ kiêu-kỳ ; hoặc người nói chửa dứt lời mà mình đã nói, hoặc chửa nghe hiểu câu chuyện mà đã nói ba-hoa, hoặc ở chỗ công-chúng mà lại nói câu chuyện nhỏ-mọn riêng, hoặc ở chỗ cao-thượng mà lại nói câu chuyện tầm-thường vặt, hoặc đối với người yểu-điệu hay là thanh-nhã, mà lại nói câu chuyện cứng-cỏi hay là tục-tằn, hoặc ngồi với người không biết chữ Nho, mà lại hay đọc chữ Nho, hoặc ngồi với người không biết tiếng Tây, mà lại hay pha tiếng Tây, không khỏi là cách nhố-nhăng, có phương-hại về đường phong-nhã. Cách gì chưa kể, những một cách nói chuyện phần nhiều như vậy, còn nói sự giao-tế được sao. Ấy những cách hàng ngày giao-tế như trên, người Tây thì lấy làm sự quan-trọng sự lớn-lao, mà người ta thì hình như lấy làm sự khinh-thường, sự nhỏ-mọn. Quốc-dân ta bấy lâu nay mộ cái văn-minh Thái-tây, chả biết mộ những cái gì, thiết-tưởng cũng nên mộ về đường văn-minh-giao-tế trước.

Ấy bảy cái nguyên-nhân ấy, đều làm ngăn-trở cho cuộc giao-tế hàng ngày, dễ khiến cho cái không-khí trong xã-hội tan-tác tiêu-điều, mà cái tinh-thần tiến-hóa của quốc-dân âu cũng chỉ một ngày một xờ-xạc hao-mòn đi đó mà thôi, phát-siển được sao, không những phát-siển được sao, mà bảo-tồn được sao ?

Xin nói thí-dụ : Nay có một thứ cây, giống tốt, hoa đẹp, quả ngon, lại tìm được một thứ đất tốt, đem trồng lên ở mấy cái chậu sứ, bày ra ở một cái sân ngọc, hay hoặc cái hiên vàng, ngày có tường hoa tô-điểm mọi sắc, đêm có đèn điện sáng choang, về phần hữu-hình mà xem ra, thì thực là rực-rỡ. Song lại nên xét về phần vô-hình. Nếu cái không-khí chỗ ấy hoặc nóng hoặc lạnh, hoặc ẩm hoặc ráo, không được điều-hòa, hoặc bức-tức, không được thảnh-thơi, hoặc ngưng-trệ, hoặc ủ-ê, không được lưu-động, không được tươi-mởn, thì cái cây ấy âu cũng chỉ một ngày một vàng, một úa, một gầy-mòn tiêu-diệt đi mà thôi. Ôi ! cái vật hữu-hình kia, không phải là cái vật quan-hệ về hàng ngày của cây, mà cái vật vô-hình kia, mới là cái vật quan-hệ về hàng ngày của cây vậy.

Những bậc thượng-lưu xã-hội nước ta ngày nay, đã có nhiều người lấy làm phàn-nàn, lấy làm nghĩ-ngợi về cái tình-cảnh ấy. Nên tôi phụng-thảo ra bài

này, chuyện nói về cuộc vui chơi hàng ngày của hạng người thượng-lưu tri-thức, mà lại thuật qua lại cái thời-đại sĩ-phu năm xưa, để gọi là chứng-giải ra cuộc vui chơi cho rõ; còn về phần châm-chước phán-đoán, thì xin đợi ở lòng cao-thượng của quốc-dân. Than ôi! cái thời-đại ngày nay, tuy không phải là cái thời-đại ngâm thơ, cái thời-đại phụ tiên, nhưng lại không phải là cái thời-đại bằng-hữu, cái thời-đại thân-ái, cái thời-đại trò-chuyện, cái thời-đại giao-du đấy dư? Cái phương-diện bây giờ, tuy không phải là cái phương-diện đồng-khoa đồng-canh, nhưng lại không phải là cái phương-diện đồng-bào đồng-đức đấy dư? Tôi chỉ ước-ao rằng cái phong-thú sĩ-phu lại được phục-cổ, mà cái tiền-đồ tiến-hóa của quốc-dân ta lại được sáng-sủa vui-vẻ hơn xưa, thì xã-hội nước ta may lắm!

TÙNG-VÂN

KHOA-HỌC TÙNG-ĐÀM

NÓI VỀ NGHỀ CHỚP BÓNG

Nghề chớp-bóng xuất-hiện ở Âu-châu từ thế-kỷ thứ 18. Nguyên người Âu-châu thấy người Tàu có cái trò chơi

N° 1. — Hi-hình Tàu

tết ngón tay, đứng cạnh ngọn đèn cho cái bóng ngón tay chiếu vào tường ra hình các vật gọi là « hi-hình » (*ombres chinoises*) (vẽ N° 1), nên mới nghĩ chế ra máy chớp bóng. Nhưng những máy chớp bóng lúc mới có, đâu đã được tinh-xảo như máy chớp bóng bây giờ. Nay xin kể qua cái lịch-sử nghề chớp bóng và sự chế-tạo các máy chớp bóng ở Âu-châu từ trước đến nay thế nào.

Năm 1770, ở bên Pháp có một nhà phường chèo có tiếng tên là SERAPHIN mở một phòng chớp bóng ở cung *Versailles* để cho mọi người xem. Người ấy dùng một cái « phông » vải để chiếu những bóng đen cử-động được. Năm năm sau người ấy đem máy ra thành *Paris* chớp ở trong cung nhà vua. Đến năm 1858, người con người ấy kế-nghiệp, lại dọn nhà chớp bóng ra phố *Montmartre*, chớp ở đấy được đến năm 1870 thời tan. Từ đấy bằng đi một độ, không thấy nói đến nghề chớp bóng nữa, sau mới lại xuất-hiện ra. Trước còn thấy chớp ở nhà hát *Chatelet*, sau ở một tửu-quán xóm *Montmartre* cũng thấy chớp; nguyên đấy có hai tay vẽ giỏi, nghĩ vẽ ra một cái trò cũng khá hay, gọi là trò: « Con mèo đen », chớp ra nhiều người hoan-nghênh lắm.

Vẽ vào những miếng kẽm các hình người và hình con giống, vẽ xong cắt ra từng người, từng con vật một, rồi làm một cái máy cho cử-động để chiếu lên tường. Kịch-trường cao ước chừng 10 thước, mà mỗi lúc chớp bóng phải cần đến 15, 16 người vặn máy. Cũng được mấy trò hay, như trò: « Anh-hùng-ca của *Caran d'Ache* », trong trò có đủ cả các mặt anh-hùng về đời vua Nã-phá-Luân. Tuy vậy cũng còn kém lắm, chửa có thể gọi là chớp ảnh (*Cinéma*) được.

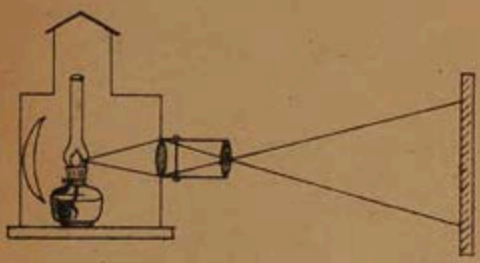

N° 2. — Ảo-đăng

Xét ra thời cái trò « ảo-đăng » (*lanterne-magique*) ngày xưa tức là khởi-điểm ra máy chớp ảnh ngày nay. Như bên An-Nam thời « đèn chạy quân », « đèn cù » v. v., cũng là một thứ trò chớp bóng dung-dị giản-đơn.

Năm 1294, một ông cố-đạo tên là Roger-Bacon, lúc chết có để lại một quyển sách trong nói về cách làm đèn chớp ảnh. Đại-khái đèn chớp ảnh ấy làm bằng một cái hòm sắt vuông, trong để một cái đèn dầu, sau đèn có một cái mặt gương phản-chiếu, trước đèn có hai cái kính dùng để thu những quang-tuyến ở cái đèn chiếu vào rồi lại chiếu những quang-tuyến ấy ra một bức vải trắng. Hai cái mặt kính ấy thời lắp vào một cái ống bằng sắt, có thể đẩy ra đẩy vào được để ngắm ảnh lấy rõ. Còn như muốn chớp ảnh to hay nhỏ thời phải để cái đèn chớp ảnh xa hay gần bức vải (xem vẽ N° 2) Máy chớp ảnh ngày nay cũng bất-ngoại cái qui-thức đơn-sơ đó.

Năm 1827, một nhà y-khoa-bác-sĩ tên là Paris làm được một cái máy chớp ảnh đặt tên là máy *thaumatrope* (vẽ N° 3) đã được nhiều người khen. Cái máy ấy rất sơ-sài, làm bằng một miếng giấy giầy cắt tròn siên ngang một cái que bằng sắt, ở miếng giấy ấy một mặt thời vẽ một cái bu vịt, một mặt thời vẽ một con vịt. Nay cầm hai đầu que mà vê cho cái miếng giấy quay tít đi, thời hai mặt vẽ hình như lẫn với nhau làm cho trông như thể con vịt ở trong bu vậy.

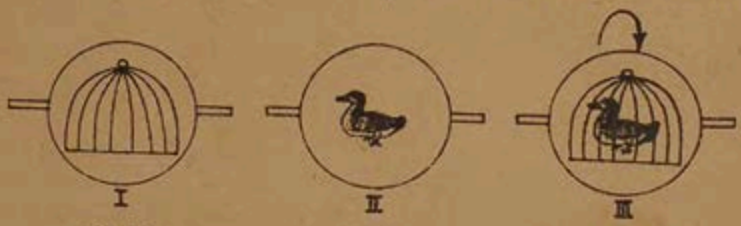

Mặt phải — Mặt trái — Lúc quay nhanh

N° 3. — Thaumatrope (1827)

Lại người Anh tên là FITON cũng làm một cái máy như thế đem công-bố trong nước mình. Sáu năm sau người Bỉ tên là PLATEAÜ làm được một cái máy đặt tên là *phénakistiscope* (vẽ N° 4).

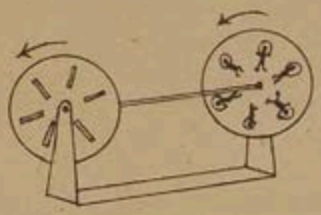

N° 4.—Phénakistiscope (1831)

Cái máy ấy có hai miếng giấy giầy cắt tròn bằng nhau như hai cái đĩa, ở giữa xuyên qua một cái trục sắt và để cách nhau như hai cái bánh xe lắp vào một cái trục vậy. Hai đầu cái trục sắt thời cầm chặt vào một cái giá bằng gỗ. Trong hai cái đĩa đó thời một cái có dùi lỗ thủng cách đều nhau, còn một cái thời có vẽ hình, vi dụ như vẽ các điệu-bộ một đứa bé con đang nhảy thứng; nếu cùng quay hai cái đĩa ấy mà trông qua những lỗ thủng ở cái đĩa đàng này thời sẽ thấy một cái hình đứa bé con đang nhảy-nhót hệt như thực.

Năm 1861 một nhà bác-sĩ COLLEMAN SELLER được bằng khen vì đã chế ra một cái máy chớp ảnh hơi tinh-xảo gọi là máy *Kinématoscope*. Cái máy của ông làm khác cái máy vừa nói trên kia, là cái đĩa có vẽ thời thay bằng một cuốn giấy vẽ; kéo cái cuốn giấy vẽ ấy chạy qua đàng sau một cái lỗ thủng rồi nhìn qua cái lỗ thủng ấy thời thấy người trong ảnh cựa-cậy (vẽ N° 5).

Năm 1868 người Áo tên là HORPER tựa vào kiểu máy của ông PLATEAÜ chế ra một cái máy khác, gọi là *Zootrope* (vẽ n° 6.) Máy này làm hình một cái thùng tròn, chung quanh có dùi lỗ thủng cách đều nhau. Trong lòng thùng để một ống giấy vẽ. Còn cái thùng thời để lên trên một cái đế như là cái đế

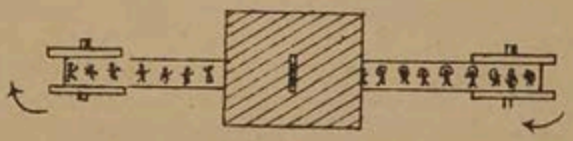

N° 5. — Kinématoscope (1861)

N° 6. — Zootrope (1868)

N° 7. — Praxinoscope

mâm bồng. Nay đem quay cái ống giấy vẽ, rồi trông qua các lỗ thủng thời thấy hình vẽ cựa-cậy.

Sau đến ông REYNAUD lại chế ra một kiểu máy khác gọi là *praxinoscope* (vẽ nº 7), ống cũng làm như cái máy trên, nhưng cái thủng ở ngoài không có đủi lỗ chung quanh và không cao hơn ống giấy vẽ để ở trong, ở giữa để dựng mấy cái mặt kính, muốn xem ảnh phải trông vào đấy mới thấy cử-động. Như vậy thời xem hết một vòng lại phải xem lại, lâu tất phải chán, nên ông lại nghĩ ra một cái máy khéo hơn, ông quấn những bức vẽ vào một cái trụ quay được, rồi ông thảo những bức vẽ ấy quấn sang một cái trụ khác bắt chạy qua một cái kính ba mặt để trước một cái gương và một cái kính chiếu ảnh. Dùng một ngọn đèn thật sáng thời có thể chiếu các bức ảnh ra một bức vải cho mọi người xem ; cách này cũng hơi giống chớp ảnh ngày nay.

Vẽ ảnh cũng là một việc khó, vì phải vẽ thế nào cho các điệu-bộ liên-tiếp với nhau như sự-thực, ví-dụ muốn vẽ một người giơ tay lên đầu thời phải vẽ ra nhiều bức ảnh lắm, phải vẽ tự lúc cái cánh tay còn buông thõng sát đùi, rồi đến lúc cánh tay đã giơ ra ngoài cách đùi một tí, sau vẽ đến cánh tay giơ ngang, cánh tay đã giơ lên đầu, v. v. . . Những cái hình vẽ như thế cũng chẳng khác gì lối « vẽ cử-động » (*dessins animés*) ngày nay đi xem chớp ảnh vẫn thường thấy.

Năm 1870 ông HENRY HEVL dùng đèn chớp bóng không cử-động (*lanterne magique*), để chiếu ra tường những ảnh chụp các điệu-bộ cách nhau 70 giây đồng-đồ.

Cũng năm ấy một nhà chụp ảnh tên là MUYBRIDGE tìm được cách chụp ảnh các điệu-bộ liên-tiếp nhau.

Bốn năm sau ông JANSEN nghĩ được một cái máy chụp ảnh gọi là máy sáng lục, hôm mồng 8 tháng chạp năm 1874 ông có chụp được đường quĩ-đạo của Kim-tinh (*Vénus*), lúc đi qua mặt trời. Dùng cái máy ấy có thể chụp được các điệu-bộ của con ngựa đang chạy nhanh.

Một hôm ông MUYBRIDGE để ở trong trường thi ngựa 12 cái máy ảnh, trong lắp kính sẵn, ở mỗi một cái máy bấm ông buộc một cái giây chăng qua đường, cốt để cho ngựa chạy vướng phải giây thì giây giật động cò máy bấm ; cò máy bấm động, thời mỗi một cái kính ảnh bắt ngay được một điệu-bộ của con ngựa. Ngựa chạy qua hết 12 cái máy ảnh thời 12 cái kính ở trong máy đều đã chụp được con ngựa lúc chạy rồi. Trước ông còn dùng 12 cái máy, sau ông phải dùng đến ba bốn mươi cái máy để chụp. Chụp như thế thời mất tốn kính và điệu-vợi quá. Nhưng người Mĩ, và thứ nhất là trường đại-học *Pensylvanie*, thấy ông phát-minh được cái cách chụp ảnh ấy thời lấy làm hoan-nghênh lắm, có tư-cấp cho ông nhiều tiền để nghiên-cứu thêm. Trước ông chỉ muốn chụp một mình con ngựa chạy thời để một bức vải trắng làm « phông », mặt trời chiếu vào sáng quá, thành con ngựa chụp ra trông chỉ đen sì như cái bóng, chứ không có mắt mũi, sau ông mới bỏ cái « phông » đi, chụp cả toàn-cảnh chung quanh, thời con ngựa mới được rõ-ràng hệt như thực. Năm ông chết người ta thấy ở nhà ông một bộ 20.000 cái kính ảnh, mua cũng khá to của. Ngần ấy cái kính về đời bấy giờ vào độ 300. 000 quan tiền tây. Chụp ảnh đã phiền-phức như thế, mà đến lúc muốn xem lại phải dùng máy *Zootrope* đã nói trên kia.

Sau đến ông MAREY, nhân có cái « máy ảnh súng lục » của ông JANSEN, ông mới chế ra một cái máy hình như một cái súng khẩu (vẽ Nº 8).

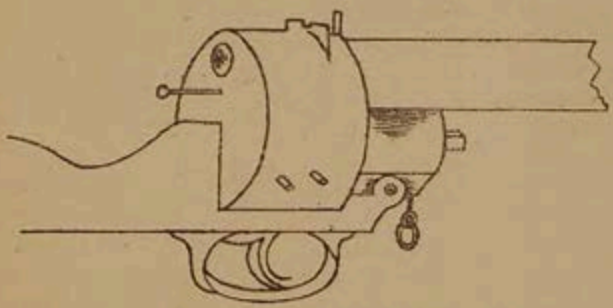

Nº 8 — Máy hình súng khẩu

Lỗ súng tức là cái ống có lắp mặt kính (*objectif*) để chụp ảnh. Còn kính ảnh thời để trong thân khẩu súng. Lúc muốn chụp cái gì thời người chụp ảnh cũng phải ngắm rồi bấm cò máy như người bắn súng vậy. Chụp xong một cái kính thời lại phải bấm một cái cò máy khác làm cho cái kính chụp rồi quay xuống, để cho cái kính khác hiện ra mà chụp một cái ảnh khác. Làm như thế mất độ một giây đồng-hồ. Còn chụp nhanh nhất là 1/120 giây đồng-hồ. Lúc muốn xem ảnh thời phải dùng máy *phénakistiscope* đã nói trên kia.

Về sau ông MAREY lại chịu khó nghĩ, chế ra được một cái máy gọi là *Chronophotographie*. Đến năm 1890 người MĨ phát-minh ra được những quấn ảnh bằng nhựa, gọi là « phim » (cái tên ấy nay ta vẫn thường gọi) thời người ta dùng máy của ông MAREY để chiếu những phim ấy.

Cũng năm ấy một nhà bác-sĩ tên là EDISON chế ra một cái máy gọi là *Kinétoscope* lại chế ra « phim » để chiếu bằng máy ấy, hồi bấy giờ đã thông-dụng.

Học-trò ông MAREY tên là GEORGES-DEMENY cũng làm được một cái máy

gọi là *phonoscope* có đĩa và có ống tròn, nhưng cũng vẫn chưa được hoàn-toàn.

Sau đến ông FRANCIS-JENSKINS cũng sắp làm một cái máy nữa, thời có hai anh em ông LUMIÈRE, ngày 13 tháng hai năm 1895 cho thiên-hạ xem một cái máy mới chế, rất là tinh-xảo. Cái máy ấy có thể vừa để chuy lại vừa để chiếu ảnh nữa, gọi là máy *Cinématographe* (vẽ Nº 9) thiên-hạ hoan-nghênh

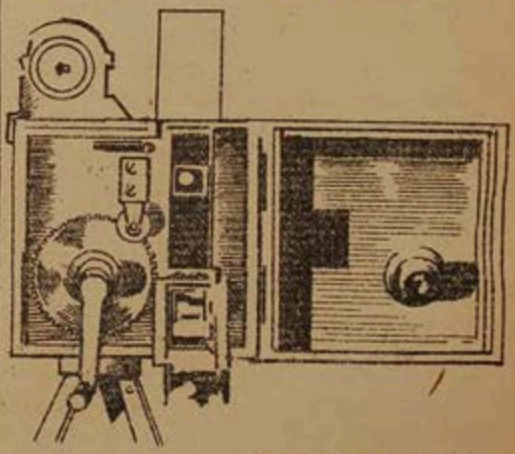

Nº 9 — Máy Lumière

và ca-tụng cái tài sáng-tạo của hai ông lắm.

Những « phim » ảnh đầu

Cách ít lâu ông LUMIÈRE đem máy ảnh đến nhà khách-sạn ở *Paris* để chụp các « phim » ảnh đầu cho mọi người xem. Ông chớp trong một cái buồng hẹp ngồi không được 50 người. Mỗi buổi chớp ảnh người đi xem ngồi chật nich. Mỗi cuốn « phim » chỉ dài có 12 thước. Trong số người đi xem thời có nhà văn-sĩ ARMAND SYLVESTRE hay thích xem chớp ảnh lắm, mỗi lần đi xem, về lại làm văn ca-tụng, thành ra về sau nhiều người nô-nức đi xem chớp ảnh của ông LUMIÈRE ; cuốn « phim » đầu chớp « Những thợ-thuyền ở trong nhà máy đi ra » ; rồi chớp đến « Một cái thuyền đi ngoài bể », « Một cái xe hỏa đến ga » ; buổi đầu người đi xem thấy một cái xe hỏa lù-lù tiến đến trước mặt, tưởng xe lửa thực, sợ quá, đứng nhổm cả dậy. Còn ảnh thời chụp rõ quá chừng.

Nhưng cái gì cũng vậy, thiên-hạ chỉ nô-nức buổi đầu, rồi sau chán. Nhà chớp ảnh của ông LUMIÈRE trước đông người đi xem mà rồi sau dần-dần vắng tanh.

Tuy vậy, ông vẫn không thoái-chí. Ông thấy ở *Paris* chán thời ông đem máy xuống *Lyon* chớp. Năm 1900 tại *Lyon* ông chiếu ảnh lên một bức vải rộng 20 thước, dài 30 thước, bức vải căng giữa nhà đấu-xảo, khách ngồi hai bên đều trông thấy cả ; lúc không thời đem dấn nước, lúc chớp thời lại căng lên.

Thời bấy giờ cũng có nhiều người bài-bác, công-kích nghề chớp ảnh, nhưng cũng có người nhiệt-tâm muốn mở-mang cho nghề ấy được thịnh-vượng, như ông CHARLES PATHÉ và ông LÉON GAUMONT. Cũng bởi có hai ông ấy nên nghề chớp ảnh ngày nay mới được thịnh-đạt như thế.

Ngày xưa đâu đã có những tay chuyên-môn ra đóng « phim » như bây giờ. Nghề « diễn kịch bóng » cũng chưa có, cho nên lắm khi một người vừa phải ra đóng trò, vừa phải bày cảnh, vừa phải chọn vai tuồng, vừa phải vặn máy; một mình tháo-vác trăm thứ việc. Bài-trí thời rất là đơn-sơ, đồ-đạc thiếu-thốn nhiều khi phải vẽ lên tường để chụp. Nhà chớp ảnh nào sang nhất thời có được ba cái «phông» là cùng. — Những « phim » bi-kịch chớp ra đầu tiên là « phim » một «Truyện án mạng » của ông JECCA ROLLI soạn, rồi đến « phim » « Ra đầu quân», trò có 12 người đóng, chớp thời trong năm phút là hết. Giả bây giờ mà được xem một cái « phim » như thế thời không nhịn cười được. Nhưng cũng phải biết đó là cái buổi nhất-sơ, là bước đầu của nghề « đóng trò câm »; nhiều người còn khinh cho là một nghề hèn, không thèm làm, thời sao cho hoàn-toàn như bây giờ được. Tuy-nhiên buổi mới nghề chớp ảnh gặp nhiều nỗi khó-khăn như thế, mà những nhà sáng-lập ra cái nghề ấy vẫn không nản chí, vẫn cố công làm cho cái nghề của mình được tiến-bộ, nên vẫn được một cái danh-dự và một cái địa-vị vẻ-vang riêng. Về sau các rạp hát thấy cái nghề chớp bóng cũng là một cái nghề có lợi, các con hát cũng vui lòng muốn đóng « phim », không sợ xấu-hổ, nên cũng ra đóng trò chớp ảnh và chụp lấy để kiếm tiền. Tự đó ở nhà hát mỗi khi có hát thời lại có người đem máy ra chụp từ đầu đến cuối, không sót một cảnh nào. Nhưng lúc đem ra chớp thời trông con hát nực cười lắm, vì họ chưa quen đóng trò chớp ảnh, các anh các chị mồm thời há hốc, chân tay múa may quây cuồng mà điệu-bộ thời ngượng-nghịu, không được tự nhiên một chút nào. Người vặn máy trước tiên là ông BARGY ở Đại-Pháp hí-kịch-trường. Ông ấy có bàn với ông văn-sĩ

HENRI LAVEDAN lập một hội chớp ảnh mĩ-thuật. Hội này lập xong, cũng chớp được một « phim » ảnh có giá-trị là « phim » truyện « quận-công DE GUISE bị ám-sát. » Phim này do ông LAVEDAN soạn ; ông kể cũng là một người soạn trò đầu tiên. Còn những vai đóng trò thời có ông BARGY, ông ALBERT LAMBERT và cô GABRIELLE ROBINNE.

Đến năm 1900 đã có lắm cuốn «phim» dài được 325 thước, chớp trong nửa giờ mới hết. Tự năm ấy nghề chớp bóng càng ngày càng tiến-bộ, « phim » ảnh càng ngày càng thấy dài. Đến năm 1905 người ta đã có cái ý-kiến muốn đóng những bi-kịch của các nhà thi-sĩ đã soạn thành vở tuồng, và muốn đóng những truyện tiểu-thuyết phiêu-lưu để chớp ảnh. Người khởi-xướng ra cái ý-kiến ấy là ông MICHEL CARRÉ, ông đã soạn chớp được trò « *L'Enfant Prodigue* »

Những con hát đóng «phim» đầu tiên.

Những con hát có danh-tiếng xưa nay chỉ chuyên một mặt đóng trò chớp ảnh thời có ông MAX LINDER, là một nhà khôi-hài rất khéo đời nay. Ông ấy ra đóng trò từ năm 1909. Mới đóng mấy trò đầu mà ai ai cũng hoan-nghênh, ai ai cũng phải phục tài nhà khôi-hài đã khéo bắt-chước những dáng-bộ mị-duyệt của các bọn thanh-niên ăn chơi đệ-nhất ở thành *Paris*. Lâu dần ông ta nổi danh nhất hoàn-cầu. Một nhà khôi-hài giỏi bên Mĩ tên là CHARLIE-CHAPLIN đóng vai CHARLOT cũng nhờ có ông MAX LINDER mới nổi tiếng. Về sau ông chủ hiệu PATHÉ lại chiêu-tập được một nhà khôi-hài nữa tên là RIGADIN. Người này pha trò cũng khéo, nhưng chưa được thần-tình bằng MAX LINDER đã thành tên là « ông vua Tiếu-lâm. » — Tự khi bên Pháp có hai người khôi-hài giỏi này thời nghề chớp ảnh lan cả sang Mĩ. Người Mĩ vốn là một dân giàu và khôn, lại hay chuộng sự thực-hành, biết nghề chớp ảnh là một nghề có lời cũng mở hội chớp ảnh, cũng chịu khó chiêu dụ nhân-tài để đóng trò. Hội chụp ảnh có tiếng ở bên Mĩ bây giờ là Hội *Vitagrah*. Hội này có nhiều con hát giỏi, và có nhiều đàn-bà con-gái tuyệt-sắc. Mấy người đóng trò giỏi như ông COSTELLO và ông RUDOLPH VALENTINO (hai người này đóng những thảm-kịch rất tài-tình.)

— Bên Pháp về sau có cô SUZANNE GRANDAIS đóng những trò phiêu-lưu rất nhanh-nhẹn, cô vừa mới chết năm nọ, ai ai cũng thương tiếc. Người soạn-cảnh và chọn vai đóng trò giỏi thời có ông LÉON PERRET, vừa rồi soạn một cái trò rất hay là trò *Kœnigsmark*, trong trò có cô HUGLETTE-DUFLOS đóng vai chính.

Năm 1911, một nhà soạn cảnh tên là FEUILLADE biết tính người đi xem hay thích trò gì đã chiều được ý. Ông đem một chàng thiếu-niên tên là RENÉ-POYEN ra đóng trò, chàng này đóng trò rất vui rất khéo, đã thành tên là chàng *Bout-dé-Zan*.

Mới đây có mấy nhà chớp ảnh mới mở, chỉ chuyên đóng những trinh-thám-tiểu-thuyết và những trò phiêu-lưu kỳ-dị.

— Từ năm 1914 hội *Pathé* thành ra một hội chớp ảnh to nhất hoàn-cầu. Hội này bắt đầu chớp những trò đóng rất công-phu như trò : « Những người nghèo khó » (*les Misérables*) của nhà thi-hào VICTOR HUGO soạn, trong trò có ông HENRI-KRAUSS và cô GABRIELLE GRAVONE đóng, ông ABERT-CAPELLANI là người soạn cảnh.

— Tự đó nghề chớp ảnh lại càng mau tiến-bộ. Trước kia ảnh rõ ràng trông chơ, bây giờ đã có lắm «phim» ảnh mờ (*flou artistique*) như tranh vẽ, trông rất

ngoạn-mục. Còn bài-trí và con hát thời không thể nào nói hết cái khéo cái tài được. Mới đây ông chủ hội *Gaumont* lại mới tìm được cách chụp ảnh mùi hệt như cảnh-sắc thực và cách chớp ảnh người trong ảnh hình như nói ra tiếng được. Lại mới rồi một nhà kỹ-sư nước Lỗ-mã-ni tên là DEMETRE DAPONTE đã nghĩ được một cái máy chớp ảnh đột-hình (*cinéma en relief*), nghĩa là trông những hình trong ảnh vị-trí chỗ nào rành ra chỗ ấy, có cảnh xa cảnh gần (*perspective*), cảnh xa trông sâu thăm-thẳm, các đồ-đạc hình như bong ra ngoài. Xem ảnh chiếu bằng cái máy chớp ảnh ấy chẳng khác gì như xem những cái kính ảnh để trong « thực-thể-kính » (*stéréoscope*) vậy. Còn như những ảnh xưa nay vẫn chớp bằng cách chớp ảnh thường thời chỉ như là một bức tranh bình-diện mà thôi, tuy cũng có phối-cảnh, nhưng trông người và đồ-vật trong ảnh, vẫn chưa được phân-biệt rõ-ràng như những ảnh chiếu bằng máy ảnh đột-hình.

Nghề chớp ảnh trước kia chỉ có người Âu-châu và người MĨ làm. Con hát cũng toàn người Âu-châu và người MĨ. Nay đã thấy có người Nhật ra đóng trò, như ông SESSUE HAYAKAWA là một người đóng những trò bi-kịch Á-Đông rất tài, vừa rồi đóng trong trò *Forfaiture, l'Enfant du Hoang-ho, la Bataille, v. v.*

Bây giờ lại đến người An-Nam với người Tàu cũng đang rục-rịch muốn mở hội chớp ảnh, đào-tạo nhân-tài để cũng ra góp vai trong làng chớp ảnh Vạn-quốc.

THƯƠNG CAM-KHUYẾN *biên-dịch*

VĂN-UYỂN

VĂN THƠ CỔ

Tần cung-nữ oán Bái-công qui Bá-thượng (1)

Khi nhà Tần mất nước, ông Bái-công đem quân vào cung nhà Tần, thấy cung-điện nguy-nga và bạn cung-nhân tốt đẹp, ý ông muốn ở lại, vừa có Phàn Khoái và Trương Lương là hai người phò-tá can-ngăn rằng : Những cung-điện phụ-nữ ấy là những của xa-hoa, nhà Tần vì thế mà mất thiên-hạ, nếu ông muốn thâu được thiên-hạ, thành nghiệp đế-vương thì không nên say-đắm, mà nên lo lập công-nghiệp.—Ông Bái-công nghe theo, bèn bỏ cung nhà Tần, đem quân về đất Bá-thượng, chống cự với Hạng Vũ trong 5 năm trời, được thâu-phục cả thiên-hạ, sau làm vua tức là vua Cao-tổ nhà Hán. Người đời sau nhân tích ấy bèn làm bài văn này.

Khói tỏa cung A (2), mây tuôn đồn Bá (3).
Xuân-tín bỗng gửi cùng điệp-sứ ;
phương-tâm đành thẹn với long-nhan.
Thủa tuổi xanh xẩy gặp bụi hồng, thuyền ngư-phủ chẳng đưa vào động Bích ; khách mà đỗ thường đeo phận bạc, dây nguyệt-ông nên dắt lại lầu son.

(1) Bài này làm thay lời cung-nhân nhà Tần, là giọng văn trần-tình, chứ không phải lối phú.
(2) Cung A-phòng.
(3) Đất Bá-thượng.

Vẻ-vang chưa ! một tiếng cung-nhân ; ngao-ngán nhẽ ! mười nguyền thất-nữ.

Cầu thước giậm tiếng hải tựa sấm, xô-bồ dưới nguyệt gót kim-liên ; gác phụng chen bóng bội dường mây, nhấp-nhánh trong gương da bạch-ngọc.

Thêm huệ nọ thôi cười với bóng ; gốc thúy kia lại ủ cùng hoa.

Nét mày xanh từ cái lá cũng ghen, câu khiền-hứng đành chìm dòng nước chảy ; lán môi đỏ dẫn con chim còn ghét, giấc thừa-ân qua buổi bóng trăng tà.

Ngẫm thân-duyên từng rỏ nước mắt thầm ; nghĩ thế-sự những đồ mồ-hôi trộm.

Cung Dĩ - thủy lúc nỉ-non tiếng dế, trướng thu-phong lạc bậc quản-huyền xưa ; cửa Hàm-quan khi phất-phới ngọn đào, rèm tả-nguyệt ố màu la-ỷ cũ.

Quá ngán nhẽ ! cửa bạch-câu một nháy ; nực cười thay ! tranh thương-cầu trăm hình.

Con hươu bách-nhị lạc loài đâu, hoa cỏ ngậm-ngùi vườn thượng-uyển ; cái ên tam-thiên ngơ-ngẩn đó, mây mưa bát-ngát đỉnh Vu-phong.

Sương đã liễu mái tóc kim-sinh ; chàm đâu nhuộm mối tơ lai-thế.

Vi thân đã rời hương Cẩm-địch, cỏ Ly-sơn đành lấp tóc da rồi ; bởi phận còn quyến lá Ngư-câu, trăng Vị-thủy hãy cầm hình bóng lại.

Kiếp ngọc-nữ sương còn im dòng ; tiếng chân-nhân gió đã đưa xa.

Dòng Đào-đường róc-rách dưới sông Lưu, mụ Xà khóc bên đường ngọc cũng tủi ; mây Mang-Đãh chờn-vờn về đất Bái, chị Trì theo trong núi nghĩ mà thương.

Thay bóng cơ ai chẳng rượu đê mừng ; ngọc nhạc ngựa người đều dân sáo rước.

Bên Chi-đạo xe vôi ngựa phấn, trộm thấy lòng bát-nhẫn cũng mừng thầm ; trước kim-lâu xiêm bụi áo bùn, vâng biết ý dục-lưu càng khép-nép.

Ngẫm khí-sắc đã nên năm vẻ ; cảm cơ-duyên âu cũng ba-sinh.

Bất-kỳ mà nương bóng rồng bay, thả mây phủ mưa dầm cho đáng số ; giải-cấu phỏng lầm hơi khí tắm, nỗi hoa bay nước chảy cũng oan-tình.

Hẳn quan-gia mà có dạ ái-nhân ; tuổi thánh-thể nỡ để ai oán-nữ.

Âu-ca thủa về cùng Thuấn Vũ, Cao-Dao Hậu-Tắc nào ngăn ; huyền-hoàng khi đến với Thang Văn, Y-Doãn Châu-công há cấm.

Nay trong trướng chưa một lời mở mặt, mà ngoài sân đã lắm tiếng vang tai.

Quá ngán thay ! Nắng chẳng thương hoa ; mưa nào xót nguyệt.

Ngọn xích-xí ùn-ùn về Bá-thượng, mưa tuôn nước xiết, lạt-lẽo thay tình ; mà Lam-điền dặc-dặc đến Quan-trung, phấn cuốn hương phai, bẽ-bàng bấy phận.

Nín thời những đeo sầu ngậm tủi ; nói ra tuồng ép giấu nỗi thương.

Úp bánh xe lá bởi tại Lý Tư, nào ai đem nhất-tiếu khuynh-thành, mà dượng Vũ nhẽ vong Tần cho đáng ; giờ roi ngựa ấy khoe danh Châu-Hậu, lấy ai đủ thập-thần phụ-quốc, mà thấy Nho rằng trợ Kiệt nên tin.

Trương con người nào ngẫm cuộc tang-thương ; Uốn đầu lưỡi nông rời duyên phấn-đạt.

Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ, chẳng qua binh dì nó đành gươm thay ! Tay cấp dùi toan mất vía ngày xưa, hẳn còn vị chúa mình gây giận mãi.

Sức bao nả cũng hùm-hăm dưới bệ ; trung với ai mà thổ-thẻ bên màn ?

Nếu vì chưng bạc tốt tiền ròng, ngăn nước giải phú-ông thời cũng phải ; song những kẻ hoa cười nguyệt nói, dứt tấm lòng du-tử thế cho đang.

Ngày đông-cư lòng hiếu-sắc sao chiều ? nay tây-nhập sức hữu-vi mà cấm ?

Một là bởi giật mình cửu-quận, dẫn lên ra đành đợi tướng quân vào ; hai là toan theo gót nhâm-lỗ, sẽ rủ lại lửa đem Tây-tử bước.

Đã cay-đắng một liều thuốc độc lại ; dở-dang ba tấc lưỡi mềm.

Bởi rủi-ro vì chút phận bình-bồng, vòng kim-giáp để hơi hương chẳng thấu ; vì may-mắn nhầm duyên ai cơ-trửu ; giọt minh-y cho chút bụi nào rơi.

Lượng khoan-dung bao nả bẹp-hòi ; tư minh-đạt để đâu lầm lỗi.

Nào thủa trước dưới rừng cây, nghe nhạc ngựa, thấp-thoáng bóng dù dàng kiệu, những than dài chi cả trượng-phu ; mà đến nay ngồi bệ ngọc, ngắm tranh người, xôn-xao đầu mũ gót hài, lại làm khoảnh ngôi sang Hoàng-đế.

Gương trong đuốc sáng mặc lòng trên ; cỏ ủ hoa sầu đành phận dưới.

Nơi hang kín phỏng hơi dương còn thấu, ắt trong nước ai chẳng thân thiếp, lại phòng tiên cung quế cũng cam lòng ; chốn non kinh dầu vẻ ngọc còn tươi, thời dưới trời đâu chẳng giang-sơn, âu cửa trúc nhà tranh còn mát mặt.

Số là bởi tình chung mới nói ; há rằng vì phận mếch mà thưa.

Xin chớ cười lời khách thơ ngây ; dám gửi lạy đức ông khoat-đạt.

Vô-danh

. . .

Vấn-nguyệt

Nguyệt, nguyệt bởi thần-thơ chi đó ?
Lại lại đây hỏi nhỏ một lời :
Vần-vơ vơ-vẩn vì ai ?
Trời xanh bể biếc hôm mai một mình.
Thủa khai-tịch mới sinh Bàn-cổ,
Định tam-thần đã có hay chưa ?
Hào-quang một bức trơ-trơ,
Ai treo vành ngọc bằng-hờ trên không ?
Thang muốn bắc lên cùng với nguyệt,
Tay muốn lần vành nguyệt xem chơi.
Âm-tinh hay bích, dạ-quang ?
Hay bản bạch-ngọc, hay gương dao-đài ?
Vầng thiên-lý ai mài mà nhẵn ?
Vành trung-luân ai uốn mà tròn ?
Mặt trời soi xét càn-khôn,
Vãng-lai mấy độ, khuyết tròn mấy phen ?
Sáng vằng-vặc ở miền Đông-hải,
Tối thần-thơ về mái Tây-nham.
Cớ sao tất-tả lầm-than,
Tìm ai bóng thỏ khi trăm khi thăng ?
Tam-ngũ trước vằng tròn lồ-lộ,
Tam-ngũ sau bóng nhỏ con-con.
Cớ sao tố-phách gầy mòn ?
Nhớ ai mặt ngọc khi dầy khi vơi ?
Trên Bích-lạc nào ai tri-kỷ ?
Dưới trần-hoàn mấy kẻ tri-âm ?
Ấy ai là bạn đồng-tâm ?
Gió rung lầu Ngọc, sương dầm cung Hàn.
Chẳng vén mây trên ngàn Thứu-lĩnh,
Chẳng treo gương trên đỉnh Bồng-lai.
Việc gì thơ-thẩn đêm dài ?
Làm gương thiên-cổ soi người ba-sinh.
Chốn khuê-các trêu tình thú-phụ,
Ải hoàng-hoa ghẹo lũ chinh-phu.
Hay là cùng bạn sầu-u,
Đem tình sương tuyết dãi màu biệt-ly ?
Cung Tràng-tín nga-mi mỏng-mảnh,
Cửa Tràng-môn chích-ảnh lạnh-lùng.
Hay là cùng bạn tình-chung,
Đem tình cô-biệt soi cùng thâm-cung ?
Kia mấy chốn giang-hồ khách-địa,
Đêm năm canh dãi bóng kề-kề.
Vẻ-vang chi khách xuân-xanh,
Hay là vạn-cổ cùng tình bi-thu ?
Biết bao khi khuyết khi tròn,
Còn tơ chăng nữa hay xuân đã già ?
Mấy trăm trượng kia cây đan-quế,
Cành ngất cao định để chờ ai ?
Phen này bẻ quế ra tay,
Cớ sao chú Cuội trên cây còn ngồi ?
Bao nhiêu tuổi hỡ người thiếu-nữ ?
Mối tơ tình gỡ đã xong chưa ?
Nào người kết tóc xe tơ,
Hỏi thăm ông Nguyệt có chờ hay không ?
Người hỏi nguyệt mấy người biết nguyệt ?
Nguyệt soi người nào biết soi ai ?
Người xưa có biết người nay ?
Trăng xưa có biết trăng này hay không ?

Trăng muôn kiếp vẫn cùng chung bóng,
Người ba sinh riêng vẫn một tình.
Đêm khuya vắng-vẻ song huỳnh,
Hỏi trăng trăng có thấu tình nay chăng?

Vấn-hoa

Khi thanh-nhàn dạo chơi vườn cảnh,
Thấy màu hoa lóng-lánh khoe tươi.
Hỏi hoa sau trước mấy lời:
Cớ sao mà được thảnh-thơi trên cành?
Hoa rằng: « Chút phận mong-manh,
Vốn nhờ cỗi gốc bẩm-sinh những ngày.
Đã từng lúc dan tay quân-tử,
Lại lắm phen tới cửa thiên-nhan.
Trải bao sương-tuyết khô tàn,
Nụ hoa thơm ngát muôn ngàn dặm xa. »
Thừa-nhân hoa lại hỏi ta:
Những người quân-tử sao mà đa truân?
Ta rằng: « Lúc phong-vân vi-ngộ,
Kẻ anh-hùng ai có ra chi.
Kia như những đấng sinh-tri,
Kẻ thì điếu Vị người đi canh Sẵn.
Thảng ngày nương-náu ẩn-thân,
Chờ xem tạo-hóa xoay vần sẽ hay. »
Lại hỏi hoa đương ngày hoa nở,
Lũ bướm ong tới đó làm chi?
Hoa rằng: « Hoa có bụng gì,
Thấy hoa đua nở bướm thì vẫng-lai.
Kể chi hồ-điệp những loài,
Gió trăng chưa dễ ép-nài được đâu. »
Hoa nghĩ-ngợi giờ lâu lại nói:
« Khách tài-tình nào phải như ai.
Nhân khi lỡ bước lạc loài,
Vậy nên sự ấy bởi trời xui nên.
Thân-danh đôi việc chưa yên,
Cho nên lòng những lo phiền bấy nay.
Nay nhật-nguyệt đã từng dãi tỏ,
Nên đỉnh-chung hẹn dề phần ta. »
Chuyện-trò nói hết gần xa.
Nỗi hoa là thế nỗi ta là vậy.

VŨ XUÂN-TRÁC *sao-lục*

THƠ VĂN MỚI

Tâm-sự người gái tân

Cũng giữ răng đen giữ má hồng,
Mười năm lắm mối chịu nằm không[1].
May chi thân nhện chờ sóng đục[2],
Khôn nhẽ tìm chim tát bể đông[3].
Ngọc tốt bán rao càng hạ giá,
Thóc bồ chưa có hãy ăn đong[4].
Có chồng như thể vây rồng mọc[5],
Ai có yêu nhau chớ vẽ rồng[6].

MAI-LIÊN NỮ-SỬ

Tình-cảnh chị đi chợ

I

Xếp gánh chơi không đã bấy lâu,
Phiên này ra chợ ngắm cơ-mầu.
Xách nơm ngửa mắt anh hàng thịt[7],
Nhá chũm thương tình chị bán cau[8].
Thợ phất hình-nhân khoe mã tốt,
Hiệu buôn hàng giấy hợm ta giàu.
Hàng em gạo tẻ còn lưng thủng,
Về thôi nhà ăn có ế đâu.

---

(1) Phương-ngôn: lắm mối lỗi nằm không. (2) Lâm thân con nhện mấy lần vương tơ; em biết đâu trong đục mà chờ. (3) Chẳng chê chẳng chán sao say, chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm, tìm em như thể tìm chim, chim ăn bể bắc đi tìm bể đông. Lại cái phương-ngôn: Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn. (4) Thóc bồ thương kẻ ăn đong, có chồng thương kẻ nằm không một mình. (5) Phương-ngôn: Gái có chồng như rồng có vây. (6) Ngày xưa ông Diệp-công tính yêu rồng, suốt trong nhà những tường vách vẽ rồng hết, một hôm có rồng thật đến thì ông sợ hết vía chạy mất, thế ra ông chỉ yêu rồng vẽ chứ không yêu rồng thật. (7) Hàng thịt nguýt hàng cá. (8) Bán hàng ăn những chùm cau.

II

Thừa công bán chả với buôn trâu [1],
Hàng-họ om-om cãi lẫn nhau.
Một gánh gà con thôi quạ cắp [2],
Nửa thùng mật ngọt những ruồi bâu [3].
Đoán hay khách vẫn tin thầy bói [4],
Máy chông người đang tán thợ khâu [5].
Mở mắt mà ra xem hội chợ,
Khôn nhà dại chợ chẳng ăn câu !

MAI-ĐÔNG NỮ-SỬ

. . .

Thơ cho bạn

Một ngọn đèn trong một chén trà,
Tương-phùng còn nhớ buổi hôm qua.
Trồng cây đắp nấm tôi vì trẻ,
Nhuộm tuyết pha sương bác chửa già.
Chăn gối ấm-êm chung mộng cũ,
Nước non lạnh-lẽo ngại đường xa.
Họa vần sẵn có thơ ông tạo,
Tiếng dế canh thâu bóng nguyệt tà.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

. . .

Trời đại-hạn

Nắng sao nắng mãi rứa răng ông?
Vì nước mà ta phải nặng lòng !
Lúa má héo-khô không trổ chẹn,
Đậu mè cằn-cỗi khó ra bông.
Cơm ăn chẳng đủ con nhường mẹ,
Nước uống không thừa cháu nhịn ông.
Nhìn thấy nhân-tình đau cả ruột,
Quyết đi bới núi đề đào sông.

TRẦN QUANG-HOÀNG

. . .

Vịnh đức Đồng Thiên-vương

Thiên-vương từ thủa mới lên ba,
Ra sức phù-nguy vị nước nhà.
Ngựa sắt xông-pha cơn gió bụi,
Gươm vàng vùng-vẫy chốn trường-sa.
Muôn dân thoát khỏi vòng binh-cách,
Một trận vang-lừng tiếng khải-ca.
Dưới núi Vũ-ninh còn dấu-tích,
Ngàn thu thanh-sử nét chưa nhòa !

Chơi thuyền sông Đào-động

(làng Đào-động thuộc huyện Phụ-dực, Thái-bình)

Này đây Đào-động ngỡ Đào-nguyên,
Chủ khách vui chơi rượu một thuyền.
Chèo quế lênh-đênh làn nước biếc,
Cánh buồm thấp-thoáng bóng trăng lên.
Ngậm-ngùi thế-sự câu kim-cổ,
Say tỉnh nhân-tình khách lạ quen.
Ngọn gió Nam-phong hiu-hắt thổi,
Vịnh-qui dắt-díu bọn đồng-niên.

Nhớ hão thương vay

Cái giống đa-tình khéo-khéo hay!
Ngồi không nhớ hão lại thương vay.
Giang-hồ nhớ kẻ khi nam bắc,
Hồ-thỉ thương ai nỗi nước mây.
Nhớ cụ Đinh-hoàng hồi trống tiệp,
Thương vua Thục-đế nước cờ vây.
Đau lòng kim-cổ cơn dâu-bể,
Cái giống đa-tình khéo-khéo hay!

Chơi xuân nhớ xuân

Chơi xuân lại nhớ đến xuân xưa,
Xuân trước xuân nay luống thần-thờ.
Dưới nguyệt nhởn-nhơ hoa hớn-hở,
Vườn hồng man-mác bướm lơ-thơ.
Nhân-tình chua-chát mươi thìa rượu,
Thế-sự loanh-quanh mấy nước cờ.
Càng nghĩ xuân xưa càng tưởng nhớ,
Thương xuân bối-rối tấm lòng tơ !

Lữ-hoài

Lần-lữa giang-hồ đã mấy đông,
Lòng riêng riêng nặng với non sông.
Gượng vui chúng bạn cho khuây nhớ,
Khôn biết cùng ai ngỏ nỗi lòng !

---

(1) Buôn trâu bán chả, nghĩa là không thú gì.

(2) Trai thấy người như quạ thấy gà con, giả chớp mắt quạ. (3) Mật ít ruồi nhiều, mật ngọt chết ruồi. (4) Bằng sáng bói thằng mù. (5) Tán hươu tán vượn.

Muôn dặm quan-san con nhớ mẹ,
Năm canh khuê-các vợ mong chồng.
Trông về Lãng-thủy (1) làng đâu tá ?
Một đám mây xanh lẫn bụi hồng ?

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

∴

Cảm-tác

Này người Nhị-thủy khách Mê Hương,
Âu Mĩ người ta nước phú-cường.
Lấy trí kinh-luân hưng quốc-hóa,
Đem tài thao-lược trấn thương-trường.
Văn-minh rầy đã nên tao-tế,
Sự-nghiệp ngày thêm một khoáng-
Chậm-chạp mà ta sao thế nhỉ? [trương.
Nỗi-niềm càng nghĩ lại càng thương.

Khóc bạn

Tôi bác bao lâu nói chuyện đời,
Mà nay kim-cổ cách đôi nơi.
Trăm thương nghìn nhớ hai hàng lệ,
Mười-tám đôi-mươi một kiếp người.
Cúc-dục ơn kia còn để lại,
Phù-sinh nợ ấy cũng là thôi.
Tiếc nay cho mấy bằng vô-ích,
Âu Mĩ từ rầy bác thảnh-thơi.

TẠ BÌNH-HẢI

∴

An-Dương-Vương

Vận nước hay đâu lúc vẫn dài,
Giang-sơn nhà Thục trách vì ai?
Nghe thần những chắc thần còn giúp,
Tin rể không ngờ rể lại sai.
Thả hồ về rừng đành có một,
Nuôi ong tay áo hẳn không hai.
Loa-thành di-tích bao mưa gió,
Hương-lửa đền Công (2) mối cảm-hoài.

Đêm dài

Trống điểm canh thâu chốc-chốc «tòm»,
Trông ra trời đất vẫn đen ngòm.
Quanh nhà dế nọ còn ri-rỉ,
Hàng xóm gà đâu chửa gáy om.
Lấp-ló ma trơi ba bốn ngọn,
Lù-mù cổ-thụ một đôi chòm.
Người trong giấc mộng ai say tỉnh ?
Khắc-khoải đêm trường mỏi mắt nom!

PHÁC-NGỌC

∴

Phú Thầy Phán (3)

(Tự-trào)

Sở có một thầy :
Mặt mũi khôi-ngô,
Hình-dung chững-chạc.
Quần là ống sớ, áo vận khuy vàng :
Khăn lượt vành song, ô che cán bạc.
Bánh-bao lắm « mốt », trời nắng mưa giầy nọ giầy kia :
Lịch-sự đủ vành, mùa nực rét mũ này mũ khác.
Ra phết quan thông quan phán, đua ngón phong-lưu ;
Dập-dìu tài-tử giai-nhân, điểm mầu đái-các.
Trong đóm ngoài đuốc, trông bề ngoài mầu-mỡ riêu cua :
Tiếng cả nhà không, xét kỹ thực thân hình pháo xác.
Cuối tháng ba-mươi băm-mốt, giấy bạc rung-rinh :
Quá ngày mười-một mười-hai, ví tiền rỗng toác.
Sổ tiêu tính phác, hi-hoáy cộng-cộng trừ-trừ :
Lương tháng thấy vèo, tuyu-nguỷu ngơ-ngơ ngác-ngác.
Ấy cũng bởi vung tay quá trán, mới đâm đầu vào mắc công nợ như lông lươn :

---

(1) Lãng-Thủy là làng Ngoại-lãng, thuộc huyện Thư-trì tỉnh Thái-bình.

(2) Đền Công ở trên núi Mộ-da, xã Cao-ai, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an. Tục gọi đền Công, vì núi ấy có nhiều chim công.

(3) Bài này của một ông bạn đọc báo sao-lục được gửi cho bản-chí, không rõ tác-giả là ai, nhưng chắc là người trong hội trong thuyền, làm ra trước để tự-trào, sau để cảnh-tỉnh bà con. Thể văn là thể phú, nhưng giọng văn thuộc khôi-hài, không khỏi có một đôi lời quá-đáng, song là một bài văn chơi, tưởng cũng không quan-hệ gì. Còn lời văn thời trôi-chảy, đúng như lối cổ-phú, cũng là một bài văn-chương có giá-trị. — N. P.

Mà lại còn quen thói bốc-dời, chết đến đít vẫn coi đồng tiền như cỏ rác.

Ăn chỉ ăn sang : hôm Hiệp-thành, hôm An-lợi, hôm Đông-hưng, hôm Nhật-tân ;

Vui cũng vui lõi : Tối Ba-lát, tối Ba-tê, tối Sán-nhiên, tối Quảng-lạc.

Bè-bạn những sừ tham sừ ký, một bọn trai-lơ :

Nhân-tình nào con hát con đào, cùng phường đĩ-rạc.

Chức đệ-tam chi Thư-ký, nhà-nước cấp bằng ;

Hàm điền-tịch chi Hàn-lâm, Triều-đình ban sắc.

Tiếng lang-sa thoảng trơn nước chảy, những uầy cùng nông ;

Câu hán-tự dốt đặc cán mai, đọc tộ hóa tác.

Giở những giọng văn-chương sộc nồi, tam-tô thánh-hiền :

Bàn những điều nghĩa-khí viễn-vông, thiên-hô bát-sát.

Hai buổi đến ung-dung ư buồng giấy, sổ to sổ nhỏ bày liệt bày la :

Mấy giờ ngồi chõm-chọ ư ghế mây, mực đỏ mực đen viết chi viết chát.

Lỡ buổi đi trưa, nhìn trước nhìn sau lấm lét, len lét như rắn ráo mồng năm ;

Xảy khi làm lỗi, đứng lên ngồi xuống bẩn-khoăn, ủ-rũ như diều hâu tháng chạp.

Hễ động lúc luôn tay bận bịu, mặt nặng bằng đá đeo, gắt ỏm mắm tôm, cau-cau có-có, kêu ca việc này khó, việc nọ dài ;

Chẳng bù khi khềnh cẳng ngồi rồi, cười ròn hơn nắc nẻ, tán nhăng « phó mát », cợt-cợt bông-bông, bình-phẩm « sếp » kia lành, « sếp » ấy ác.

Chuyện nào có ra chuyện, dở dại dở khôn ;

Đùa nào có ra đùa, nửa mỡ nửa nạc.

Vắng mặt chủ nghịch nô như quỉ-sứ, tầm vào tầm vênh ;

Thấy hút Tây vờ-vĩnh khéo « ma bùn », nhớn nhơ nhớn nhác.

Chỉ những ước : được thưởng mề-đay năm bảy chiếc, sở-nguyện thầy cũng khá cao xa ;

Lòng chỉ mong : xơi lên lương bổng bốn năm đồng, hi-vọng thầy thật đà to tát.

Nhiên nhi :

Luống hợm mình thế kia thế khác, lập-lòe sĩ-diện với bà con ;

Còn đắc-chí ta đây kẻ giờ, khinh-khỉnh vênh-vang cùng xóm mạc.

Sự-nghiệp có thế thôi người ngoài cuộc tưởng rằng ghê-gớm, chẳng trách nào ai cũng ước-ao ;

Công-danh không mấy hột, kẻ qua cầu mới biết dở-dang, dám nhắn-nhủ khách đừng khao-khát.

N. T. TAM *sao-lục*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc nước Pháp. — *Việc tài-chính.* — Mấy kỳ trước đã nói rằng Nội-các HERRIOT bị đổ phần nhiều là vì vấn-đề tài-chính chưa giải-quyết được ổn-thỏa và Nội-các PAINLEVÉ mới lên cầm quyền phải chú-trọng thứ nhất về vấn-đề ấy, nên không quản chi lời dị-nghị của đảng nọ phái kia, liền giao bộ Tài-chính cho ông JOSEPH CAILLAUX. Trong Nội-các mới thì ông CAILLAUX là nhân-vật trọng-yếu nhất, nên trong mấy tuần nay cả quốc-dân Pháp, cả thế-giới nữa, đều có ý mong đợi xem ông xử-trí ra làm sao. Ông có tiếng là tay lý-tài giỏi lắm, nay xem ông thi-thố ra thủ-đoạn gì. Trong một tháng đầu ông còn nghiên-cứu cái tình-hình cho kỹ, chưa thấy hành-động gì. Chỉ thấy thông-tư cho các bộ xin hết sức giảm-phí, phàm khoản gì có thể bớt được thì xin bớt hết cả, khoản gì không cần lắm thì đừng chi-tiêu vội. Nói tóm lại là cái chính-sách tiết-kiệm trong các khoản chi-tiêu. Có một khoản cần-cấp nhất cho năm 1925 này, là khoản trang-trải các vé quốc-trái ngắn hạn đến năm nay là hết. Tính ra thì năm nay có bốn kỳ phải trả : kỳ tháng hai phải trả 339 triệu, kỳ này ít nhất trang-trải xong cả rồi ; kỳ tháng bảy 3.290 triệu, sắp tới đây ; kỳ tháng chín 8.236 triệu ; kỳ tháng chạp 10.090 triệu ; cộng là 22 ngàn triệu (22 *milliards*). Nếu trong năm nay mà công-khố phải trả cả 22 ngàn triệu ấy thì Nhà-nước đến phá-sản mất. Nhưng trong các thứ quốc-trái, có thứ ngắn hạn, lại có thứ dài hạn, và trong các thứ dài hạn thì có thứ vé gọi là « vé quốc-phòng » (*Bons de la défense*) là hiện nay đương đắt và có ý vững-vàng hơn nhất, cho nên nhiều người đổi lĩnh lấy vé ngắn hạn ra rồi, lại mua « vé quốc-phòng » để đấy, chứ không lấy tiền về. Thành ra kho nhà nước chẳng qua xuất ra một bên, rồi lại thu vào một bên, không mất đi đâu. Ấy kỳ tháng hai mới rồi thì đại-khái như thế. Chính-phủ bây giờ chỉ mong đến kỳ tháng bảy, tháng chín và tháng chạp cũng lại được như thế, thế là trót-lọt cả. Nhưng muốn được như thế thì phải được lòng tín-dụng của quốc dân. Những người có vé quốc-trái có tin Chính-phủ thì mới sẵn lòng đổi vé ngắn ra vé dài, nếu không thì tất đòi lấy tiền về, thế là nguy. Rút lại là một vấn đề tín-dụng. Ông CAILLAUX cũng mong rằng quốc-dân có lòng tin ông, và ông đã đặt phương-cách tiện-lợi cho những người muốn đổi vé ngắn ra vé dài được dễ-dàng. Nếu mấy kỳ sau này được y sở-nguyện thời không đến nỗi phải dùng đến những kế kịch-liệt cho lắm. — Nay đó mới là một khoản nợ cần-cấp nhất. Còn cái tình-hình chung về tài-chính cũng còn nhiều nỗi khó-khăn lắm. Ông CAILLAUX định chấn chỉnh ra làm sao ? Ông nói phải cần kinh-nghiệm trong sáu tháng mới đủ tài-liệu mà trù-tính được. Nhưng hiện nay sổ dự-toán năm 1925 vẫn chưa quyết-nghị; ông xin Nghị-viện thế nào cũng quyết-nghị ngay ngày 30 tháng sáu này cho ; nếu Nghị-viện không sẵn lòng thì ông sẽ « khởi vấn-đề tín-dụng » (*poser la question de confiance*). Sổ dự-toán năm 1925 quyết-nghị xong, ông sẽ đệ liền cho Nghị-viện xét sổ dự-toán năm 1926, các khoản y như trước, không thêm bớt gì. ông xin với Nghị-viện xét ngay và quyết-nghị cho kịp

ngày 1 tháng giêng năm 1926. Đầu năm 1926, ông xin trình ngay với Nghị-viện một cái tổng-dự-án về việc chấn-chỉnh tài-chính — Nay ngay trong dự-toán năm nay còn thiếu một số 4 ngàn triệu nữa, số ấy ông định hết sức trừng-trị những kẻ lậu thuế, họa may cũng thu được đủ. Ông nói sẽ đệ Nghị-viện xét một đạo luật nghiêm-cấm những người có tư-bản mà cứ để luôn ở ngoại-quốc, không để ở nước nhà sợ mất « thuế sở-đắc » *impôt sur le revenu* ; người nào làm gian như thế sẽ phải trọng-phạt, phạt bạ : tới 50 phần trăm (50 o/o) số tư-bản xuất-ngoại đó, và phạt danh giá đến mất quyền lợi công-dân Pháp. Luật này chỉ chủ những người đem vốn ra ngoài để trốn thuế nhà nước mà thôi, chứ không quan-hệ gì đến những nhà công-thương phải có vốn ở ngoại-quốc để kinh-doanh công-việc mình. Ông lại định tăng thuế các giá-phiếu, ngân-phiếu, phiếu cổ-phần của Pháp và của ngoại-quốc giao dịch ở các ngân-hàng. Lại định đặt một thứ « thuế sở-đắc » về các chức-nghiệp tự-do (*impôt sur le revenu des professions libérales*), như nghề thầy kiện, thầy thuốc, làm văn v. v. ; thuế này thu cũng khó, nhưng sẽ đặt một hội đồng, trong có đại-biểu các chức-nghiệp và quan tài-chính của nhà nước để định thuế-ngạch theo cái trình-độ ăn tiêu của mỗi người (*train de vie*). Sau nữa lại định đặt một thứ thuế về tiền lãi của các công-xưởng lớn, như xưởng làm dầu, xưởng làm đường, v. v.. Bấy nhiêu thứ là còn dự-định cả, chưa thi-hành ngay. — Ngày 27 tháng 6, có điện nói rằng Nghị-viện đã thảo-luận cái dự-án tài-chính của Nội-các. Ông thủ-tướng PAINLEVÉ và các quan Nội-các đều có mặt cả. Ông GARCHERY, thuộc đảng cộng-sản, trình một cái phản-dự-án xin đánh thuế tư-bản và thu các nhà « băng » về nhà nước. Ông BLUM cũng thay mặt đảng xã-hội trình một cái phản dự-án xin đánh thuế tư-bản. Phản-dự-án của đảng cộng-sản phải 421 vé phủ-quyết đối với 20 vé khả-quyết ; phản-dự-án của đảng xã-hội phải 240 vé phủ-quyết đối với 210 vé khả-quyết. Nhân ông thủ-tướng PAINLEVÉ khởi vấn-đề tín-dụng, Nghị-viện quyết-nghị về dự-án của Nội-các bằng 330 vé khả-quyết đối với 34 vé phủ-quyết, đảng xã-hội không bỏ vé. Dự-án của Nội-các có một điều định cho phép nhà Đại-Pháp Ngân-hàng phát-hành thêm 6 ngàn triệu phật-lăng để tiêu các khoản nợ đến kỳ, còn việc chấn-chỉnh tài-chính thì định sẽ có dự-án đệ xét sau. — Xem như thế thì ra đảng xã-hội ở Nghị-viện về vấn-đề tài-chính không có giữ cái chính-sách tán-trợ đối với Nội-các PAINLEVE cũng như đối với Nội-các HERRIOT trước nữa. Vậy mà Nội-các vẫn được đa số, thì có lẽ là một phần trong « Quốc-gia liên-đảng » (*Bloc national*) không phản-đối nữa mà lại để huề cùng. Đó cũng là một điều nên chú-ý trong cái tình-hình chính-trị mới ở nước Pháp. Nhưng xét ra cũng là một điều tự-nhiên : Nội - các mới tuy cũng thuộc về « Tả-diện liên-đảng » (*Cartel des gauches*) như Nội-các cũ, nhưng có ý êm hơn, về vấn-đề tài-chính theo về phần ôn hòa, phản-đối thuế tư-bản là sự yêu-cầu thiết-yếu của đảng xã-hội, bởi thế nên không được đảng xã-hội là phần quá-cấp trong « tả-diện liên-đảng » tán-trợ nữa, nhưng lại được một phần trong « Quốc-gia liên-đảng » giúp sức, vì bọn này vẫn phản-đối thuế tư-bản. — Tuy vậy nhưng vấn-đề tài-chính vẫn còn phiền phức lắm, Nội-các và thứ nhất là ông Tài - chính CAILLAUX còn phải khó-nhọc nhiều.

Ký hiệp ước phòng-bị với nước Anh. — Về đường ngoại - giao thì trong tháng mới rồi mới làm xong được một việc quan-trọng, là ký hiệp-ước

phòng-bị (*pacte de sécurité*) với nước Anh. Việc này hai nước đã điều-đình với nhau mãi từ trước không xong. Anh thì muốn cho Đức vào hội Vạn-quốc, Pháp thì muốn cho Anh cam-đoan giúp Pháp khi hữu-sự ở mặt giáp-giới Đức rồi mới thuận cho Đức vào Hội Vạn-quốc. Nguyên Pháp vẫn sợ Đức có ngày khôi-phục lại thì tất đánh báo-thù mình, hoặc là trực-tiếp đánh, hoặc là gián-tiếp mà đánh những nước nhỏ đồng-minh với Pháp ở mặt Đông, như *Pologne*, *Tchéco Slovaquie*, v. v, cho nên vẫn có ý muốn đàn-áp Đức, không muốn cho vào bằng-đẳng với liệt-cường ở Hội Vạn-quốc. Anh thì không phải lo gì về Đức nữa, chỉ ước ao cho Đức khôi-phục lại để lại giao-thông với Đức như thường, lợi cho thương-nghiệp công-nghệ trong nước mình, thường cứ trách Pháp là khăng-khăng quá, và quyết rằng Đức ngày nay chỉ chăm sự làm ăn, không có cái mưu phục-thù nữa. Mấy lần Pháp bàn với Anh, Anh không chịu ký ước phòng-bị với Pháp. Nay mới được tin rằng ước ấy đã ký rồi, có lẽ là nhân vì việc bầu-cử tướng HINDENBURG làm Giám-quốc Đức mới rồi mà Anh đã đổi ý vậy. Vì Đức mà bầu tướng HINDENBURG là tỏ-rõ cái ý phục-thù rồi, không còn ngờ được nữa. Anh chắc bây giờ mới tỉnh-ngộ, bèn nhận lời giúp Pháp khi hữu-sự với Đức. Hai nước lại giục Đức phải vào Hội Vạn-quốc, thừa-nhận các điều-kiện về quyền « trọng-tài » (*arbitrage*), nghĩa là cam-đoan rằng khi nào có việc phân-tranh với các lân-bang bất-cứ mặt Tây mặt Đông (mặt Đông là chỉ những nước *Pologne*, *Tchéco-Slovaquie*, v. v.), tất phải đem cho tòa án Vạn-quốc xét-xử, không được thiện-tiện dụng-binh. Nghe đâu Đức cũng thuận nhận cả rồi. — Thế là việc ngoại-giao nước Pháp cũng bớt được một mối khó-khăn từ trước đến giờ. Hiệp ước đã ký, còn phải đem cho Nghị-viện hai nước duyệt-y. Về phần nước Anh thì chắc có nhiều sự dị-nghị, nhất là về phần các thuộc-địa tự-trị (*dominions*), các thuộc-địa này hướng-lai vẫn phản-đối không muốn để Mẫu-quốc đem binh-lực đi giúp nước nào ở Âu-châu, phòng khi hữu-sự ở Thái-bình-dương được toàn-lực mà phòng-bị cho các thuộc-địa và đối-phó với sự bất-kỳ. Song tưởng sự dị-nghị ấy cũng không đủ làm cho chính-phủ Anh đến đổi ý.

Việc dụng-binh ở Ma-lặc-kha. — Nước Pháp hơn một tháng nay lại có việc ở Ma-lặc-kha (*Maroc*). Đất Ma-lặc-kha ở góc tây-bắc Phi-châu thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp, nhưng không phải là toàn-thể thuộc Pháp, còn một bộ-phận nhỏ thuộc về Tây-ban-nha. Phần này là phần cao-nguyên, núi-non gồ-ghề, gọi là *Riff*. Người Tây-ban-nha tiếng có chủ-quyền ở đấy, nhưng thổ-dân vẫn không phục. Một người thổ-tù tên là ABD-EL-KRIM hùng-cứ một nơi, mộ quân đánh lại người Tây; người Tây khi thắng khi phụ, nhưng mấy năm trời không thể dẹp yên được, lại mấy tháng nay bị thua phải rút quân về. ABD-EL-KRIM thấy thế lại càng thắng-thế, đánh bạo tràn xuống địa-phận của Pháp. Cũng là cái thế ở trên núi không đủ lương-thực, tất phải tràn xuống đồng-bằng để lấy chỗ cung-cấp cho quân-lính. Quân *Riffains* xâm-phạm như thế, chính-phủ Pháp tất phải dẹ-bình đi đánh. Song việc này không phải là việc dụng-binh tầm-thường ở địa-giới mà thôi đâu. Vì rằng ABD-EL-KRIM tuy là người Ma-lặc-kha, nhưng không phải là rợ-mọi chi, cũng từng biết cách chiến-tranh «văn-minh» lắm, bởi thế nên mấy năm nay mới đối-địch được với người Tây-ban-nha đến phải thua. Vả nghe đâu cũng có người Âu-châu giúp nữa, có kẻ nói là người Đức và người Anh, vừa giúp việc hành-quân, vừa giúp làm cố-

vấn, nên cách dụng-binh cũng có khóe khôn-khéo. Lại có người nói rằng đảng quá-khích nước Nga cũng ngầm tán-trợ nữa. Trong quân có dùng đại-bác, dùng tàu bay, và số quân tới một vạn hay vạn hai nghìn người, toàn là những tay ở rừng núi, đã quen nghề trận-mạc, lại có cái lòng mê-tín đạo Hồi, nên dễ khiến nổi lên đánh người ngoại-quốc, tức là ngoại-đạo. Vậy thời việc tuy là việc dẹp yên ở thuộc-địa, nhưng cũng là việc quan-trọng, nước Pháp cũng phải dùng đến quân-đội nhiều mới đủ đối-phó được. Song chẳng nói thì ai cũng biết, thế nào nước Pháp cũng phải thắng ; có lẽ đâu lại chịu một người tù-trưởng nhỏ ở đất Phi-châu đó. —Nhưng thắng được rồi thì xử-trí ra làm sao ? Chủ-ý Pháp có phải chỉ dẹp yên bờ-cõi của mình, còn ngoài thì mặc, hay là cố đánh cho đến nơi sào-huyệt của Abd-el-Krim, mà chiếm-cứ cả đất *Riff*, sáp-nhập vào phần lĩnh-thổ Ma-lặc-kha của mình ? Nếu thế thì xâm-phạm đến đất của Tây-ban-nha, người Tây phỏng có chịu không ? Xem chừng thì người Tây cũng chán việc Ma-lặc-kha, giả Pháp có lấy cả phần đất của mình thì cũng cam-tâm chịu. Nhưng người Tây đã đành, còn người Anh, người Ý nghĩ sao ? — Đó cũng là một vấn-đề ngoại-giao mà Chính-phủ Pháp phải đồng-thời giải-quyết với các vấn-đề quân-sự vậy.

. .

Phong-trào dân-chủ ở Nhật-bản. — Nước Nhật tuy có Nghị-viện, tuy có Nội-các trách-nhiệm, nhưng hướng-lại quyền chính-trị vẫn ở tay một bọn quyền-thế, đảng qui-tộc.

Năm 1889 mới đặt quyền bầu-cử, nhưng chỉ rành cho những người có của thôi, người nào đóng mỗi năm 15 viên (*yen*) trở lên về thuế trực-tiếp mới được đi bỏ vé bầu, thành ra suốt nước chỉ có 500.000 người có quyền đầu-phiếu.

Tự năm 1900 thời số thuế rút dần xuống 10 viên, và đến năm 1919 rút xuống 3 viên. Số người đi bầu thời tự 500 000 tăng lên đến 1 450 000, rồi lên 2.500.000 ; tuy vậy nhưng đối với dân-số 60 triệu người thì cũng còn là ít lắm.

Mới rồi đây cả Chúng-nghị-viện và Nguyên-lão-viện đều quyết-nghị mở rộng quyền đầu-phiếu cho cả toàn-thể quốc-dân. Thế là nước Nhật ngày nay theo hẳn về đường dân-chủ. Sự tiến-hóa đó phần nhiều cũng là một cái kết-quả cuộc chiến-tranh vừa rồi. Trong cuộc chiến-tranh ấy những nước thắng trận là những nước dân-chủ cả, mà những nước bại-trận là những nước quân-chủ, nước Nhật cũng nghiệm lấy làm một bài học cho mình. Nhưng ngoại-giả còn có nguyên-nhân khác : thứ nhất là công-nghệ trong nước mở-mang ra to quá, thành một đẳng thợ-thuyền lao-động càng ngày càng nhiều, năm 1918 đói kém không có gạo mà ăn, bọn lao-động nổi loạn lên, từ đấy kẻ bình-dân càng ngày càng tức bọn đột-phú, tiền của nhiều, quyền-lợi lắm.

Tòa Nội-các thứ nhất do lĩnh-tụ một đảng lớn nhất ở Nghị-viện ra tổ-chức, là Nội-các của Tử-tước Hara Kei, thành-lập trước khi ký ước đình-chiến mấy ngày, lúc thế-giới đã chắc rằng nước Đức thua hẳn rồi. Ấy cái chế-độ dân-chủ mới bắt đầu thi-hành đúng cách ở Nhật-bản là tự bấy giờ.

Từ trước đến bấy giờ thì tuy có Nghị-viện, tuy có Nội-các, nhưng các chính-đảng không có quyền gì, bao nhiêu quyền chính-trị là ở trong tay người các «phiên», là di-tích của chế-độ phong-kiến trước. Đứng đầu các phiên là tướng Yamagata, người có thế-lực rất to, lại rất ghét các chính-đảng, chỉ gia-công phá-hoại cho tan. Bấy giờ giao cho ông Hara Kei tổ-chức Nội-các, thế là thế-lực của các phiên sút từ đó. Ông không phải là dòng-dõi phiệt-duyệt gì, thật

là một người « thân-lập-thân » (như tiếng Anh gọi là *self made man*) ; thủa nhỏ ông hàn-vi lắm, đã từng làm cho một ông cố đạo, lại làm phiên-dịch tiếng Pháp, lương mỗi tháng là 7 viên. Nay làm được đến thủ-tướng như thế, thật là mở đường cho kẻ bình-dân lên chiếm quyền chính trị.

Cái phong-trào dân-chủ càng ngày càng thịnh lại cũng nhờ ở dư-luận sáng-suốt, vì sự học đã ban-bố khắp trong nước, ngày nay hầu như không có người Nhật nào là không biết chữ vậy. Lại nhờ ở công các báo-quán cổ-động ; nghề làm báo ở nước Nhật được tự-do lắm, và mạnh-bạo hơn các chính-đảng nhiều.

Từ trước đến giờ là chỉ nhờ có các báo bênh-vực cho quyền-lợi của dân, đại-biểu cho phần đa-số trong quốc-dân, chứ ở các nghị-hội, các chính-đảng thì người dân không đủ quyền ăn-nói.

Báo-quán mới xuất-hiện ở Nhật-bản được hơn năm-mươi năm nay. Ngày nay ở Nhật có đến ngót 900 cái nhật-báo, nhiều cái xuất-bản mỗi ngày tới năm-mươi, sáu-mươi vạn tờ ; lại có ngót 1900 các tạp-chí lớn nhỏ. Những nhật-báo nhiều người đọc nhất là những nhật-báo phản-đối chính-phủ và đảng bảo-thủ, như báo *Asaki*, và báo *Nichi-nichi*, vừa xuất-bản ở *Tokyo* và *Osaka*.

Tháng 3 năm 1919, vì dư-luận náo-động nên chính-phủ phải tuyên luật hạ xuống 3 viên số nộp thuế trực-tiếp cho Nhà-nước để được quyền bầu-cử. Nhưng luật này lại không lợi cho bọn thợ-thuyền và bọn học-thức. Hai hạng đó lại càng vận-động dữ để đòi được quyền « phổ-thông tuyển-cử » (*suffrage universel*). Chủ-trương việc vận-động đó là nghị-viên *Ozaki* ; ông này là một tay biện-thuyết giỏi lắm, năm 1898, đã từng làm Giáo-dục-bộ Tổng-trưởng, nhưng vì trong một bài diễn-thuyết nói rằng có ngày nước Nhật sẽ theo chính-thể Dân-quốc cộng-hòa, nên phải từ-chức. Ông thường khai-hội diễn-thuyết để-xướng sự phổ-thông-tuyển cử. Ông nói rằng : « Nước Anh, giữa khi đường chiến-tranh đã cho cử-quốc được quyền bầu-cử, cả đàn-bà nữa. Chính-phủ Anh vì như núi Phú-sĩ (*Fujiyama*), ngọn núi thời chót-vót trên trời xanh, mà chân núi thời tựa xuống mặt đất vững-vàng bền-chặt. Chứ như chính-phủ Nhật thời vì như núi Phú-sĩ đảo ngược, dưới thót mà trên to, cho nên không vững, hễ động tất đổ. »

Ở trường Đế-quốc Đại-học *Tokyo* thời năm trăm học-trò lập nên một hội đặt tên là « Hội Tân-nhân-vật » để yêu-cầu « giải-phóng cho cả nhân-loại bị lao-lung », và đòi quyền phổ-thông tuyển-cử. Ý Nhà-nước thì muốn bắt học sinh các trường chăm về đường võ-bị, nhưng xem ra ý học-sinh lại nhiệt-thành về việc xã-hội. Hiện nay chính-phủ định đem quân-quan thường bị dạy võ ở các trường trung-học, kể có ngót 1200 sở, nhưng trong học-giới đều tỏ ý phản-đối dữ lắm. Bọn học-sinh kháng-nghị nói rằng tuổi thanh-niên cần phải học những điều bổ-ích cho đời, không chịu học cái « nghề giết người ». Có người nói rằng nếu chính-phủ cưỡng-bách thi-hành cái lệ mới đó, thời học-trò các trường tiểu-học trung-học sẽ bãi-học nhiều lắm.

Lại cổ-động trong dân-gian người nào muốn đòi quyền phổ-thông-đầu-phiếu thời mỗi ngày gửi đến cho ông thủ-tướng và ông nghị-trưởng Nghị-viện một cái *carte postale* để yêu-cầu sự đó, thành ra hai ông mỗi ngày nhận được không biết mấy nghìn vạn cái mà kể.

Có mấy bậc danh-giả như ông nguyên-lão *Oki*, bà thi-sĩ *Yosano Akiko* xin cả cho đàn-bà cũng được quyền đi bầu nữa. Hoặc-giả nói điều đó chắc Nguyên

lão-viện không khi nào chịu cho, các bậc ấy trả lời rằng nếu như thế thì xin bãi cả Nguyên-lão-viện.

Năm 1920, ở Chúng-nghị-viện có khởi ra bàn về vấn-đề phổ-thông đầu-phiếu. Chính-phủ ngăn không cho bàn, trong nghị-viện sinh ra náo-động. Chính-phủ phải giải-tán nghị-viện.

Cái phong-trào dân-chủ lan ra mạnh quá, đến cả bọn ca-nhi kỹ-nữ. Có người con hát không đặt tên hoa tên chim như chị em, mà tự-xưng là *Takimo*, nghĩa là người dân nhỏ. Bọn lao-động làm ăn cũng can-thiệp đến việc chính-trị. Hội «Lao-động tổng-liên-đảng» đương muốn tìm gây lấy một đảng lao-động (*Labour party*) như nước Anh; lại có nhiều những hội khác, như Hội Nông-phu, hội Bình-đẳng (*Su hei Sha*) tán-trợ vào. Hội Bình đẳng này có tới 80 vạn người, phần nhiều là thuộc về hạng cùng-đinh hạ-hộ cả, nay đã được quyền công dân như mọi người, nhưng vẫn còn bị có kẻ khinh-bỉ. Hội này có định một cái chương-trình yêu-cầu các điều như sau này: xin ngày làm việc tám giờ; xin định số tiền công rất ít là bao nhiêu, không được kém số ấy; xin Nhà-nước thừa-nhận những hội «công-nhân đồng-nghiệp» (*trades-unions*), và thừa-nhận cho công-nhân được quyền bãi-công; xin nhà-nước kiểm giá gạo ở các chợ gạo; lại yêu-cầu mấy điều về chính-trị: như quyền tự-do diễn-thuyết, tự-do hội-họp; xin sửa lại hoặc bãi hẳn Nguyên-lão-viện; xin nhà-nước chuyên-chủ việc quốc-dân-giáo-dục, và cho kẻ bình-dân tiện cũng được rộng quyền đi học như người khác; xin bãi những tước công-hầu; xin đặt thuế sở-đắc càng cao càng tăng (*impôt progressif sur le revenu*), đặt thuế điền-thổ, thuế lợi-tức, thuế tư-bản và thuế các xa-xỉ-phẩm; xin bãi thuế tiêu-dụng; xin đặt quyền phổ-thông đầu-phiếu.

Đến Nội-các KATO thời phải chiều dư-luận mà thi-hành mọi sự cải-cách. Mới rồi đây có đệ hai bản dự án luật đặt quyền phổ-thông đầu-phiếu và công-nhận các hội công-nhân đồng-nghiệp được đủ các quyền công-dân. Bởi thế nên ở nghị-viện đã bắt đầu bàn đến vấn-đề hạn-chế quyền của Nguyên-lão-viện và Cơ-mật-viện. — Luật-án của Nội-các đệ-trình cho nghị-viện thảo-luận định rằng từ nay phàm đàn-ông tự 25 tuổi trở lên đều được quyền đầu-phiếu, trừ những quân-quan đương tại-quân, những tộc-trưởng các qui-phái, những người mất công quyền, những người buôn-bán phá-sản, những người bần-nan được nhà-nước hay các hội riêng cứu-tế, những tội-nhân phải tội hơn 6 năm tù. Tuổi được bầu cử là tự 30 trở lên.

Luật-án này ở nghị-viện thảo-luận kịch-liệt lắm, xảy ra nhiều việc kích-động dư-luận. Sợ dân-gian vận-động làm nhiễu-loạn trật-tự, mấy bữa thảo-luận về luật ấy, chính-phủ phải đặt đến 2000 cảnh-binh ở chung quanh nhà nghị hội và rất nhiều quân phục sẵn ở phụ cận để phòng sự bất-kỳ.

Đảng dân-chủ thời phái người đi cổ-động và phát giấy ở các phố, lại dùng cả kèn loa để tuyên-truyền diễn-thuyết nữa.

Song cũng không xảy ra sự gì nhiễu-loạn, và Nghị-viện quyết-nghị luật trong đêm ngày 2 rạng 3 tháng 3.

Nguyên-lão-viện xưa nay vẫn có ác-cảm với Chúng-nghị-viện, thường gọi Chúng-nghị-viện là «cái chuồng thú dữ», vì ở đấy nghị-luận hay kịch-liệt, đối với luật này lấy làm không mãn-ý, khi đem ra bàn tìm cách giảm số người được quyền đầu-phiếu xuống 9 triệu. Nhưng các báo-quán phản-đối dữ quá, có báo hết sức đòi nên bãi ngay Nguyên lão-viện đi. Cực chẳng đã, trong đêm ngày 30 rạng

31 tháng 3, Nguyên-lão-viện cũng phải khả-quyết bản dự-án của chính-phủ.

Xem sự vận-động để chiếm quyền bầu-cử ở nước Nhật đó thì biết cái phong-trào dân-chủ ở Nhật ngày nay đã mạnh là dường nào.

Xét cái khuynh-hướng chính-trị trong thế-giới ngày nay thì tựa-hồ như những nước dân-chủ cũ ở Âu-châu bây giờ lại muốn quay về mặt bảo-thủ, mà một nước bảo-thủ ở Á-châu là nước Nhật lại nghiêng hẳn về đường tự-do cấp-tiến; đó cũng là một sự lạ, mà nghiệm ra có hứng-thú vô-cùng. Hay là những dân-tộc đã được hưởng tự do lâu, biết mùi tự-do rồi, muốn quay về giữ-gìn cẩn-thận, và những dân-tộc chưa biết tự-do bao giờ thời lại hăm-hở nông-nầy, muốn thu-hoạch lấy cho được? Âu cũng là lẽ tuần hoàn tự-nhiên vậy. Nhưng đã là lẽ tự-nhiên, thời có thuận mới có lợi, nếu nghịch thời tất hại; kẻ cầm quyền, há chẳng nên thuận chiều mà theo gió, lại cứ khăng-khăng mà câu-nệ dư? Dù thế nào mặc lòng, ông Hầu-tước Okuma là một nhà chính-trị trứ-danh nước Nhật đã tả cái phong-trào tự-do bình-đẳng ở Nhật-bản bây giờ bằng một câu tỉ-dụ rất có ý-vị như sau này: « Các dân-tộc đều có cái khuynh-hướng tự-nhiên về chính-thể dân-chủ, tức cũng như sông ngòi có cái khuynh-hướng tự nhiên chảy ra bể; sông chảy ra bể có khi gặp thác gặp ghềnh, gặp đá chắn ngang; nhưng thế nào cũng vượt qua được, vì càng ngăn-trở lắm thì sức nước lại càng mãnh-liệt nhiều vậy. »

. . .

Tình-hình chính-trị ở Ấn-độ — Trong các điện-tín hàng ngày, thỉnh-thoảng có nói qua đến việc Ấn-độ, nhưng mà xem những tin-tức vụn-vặt như thế, không thể sao biết cái tình-hình chính-trị ở Ấn-độ thế nào. Nhân tháng ba vừa rồi, có hai nhà thân-sĩ Ấn-độ — ông Roy và ông Luhani, — bị Chính-phủ Anh hiềm-nghi, sang ngụ ở Pháp để mong đem tình-cảnh nước mình tố-cáo cho quốc-dân Pháp biết; nhưng Chính-phủ Pháp chiều theo lời yêu-cầu của Chính-phủ Anh hạ-lệnh trục-xuất hai ông ấy ra cảnh-ngoại. Hội Nhân-quyền ở *Paris* bèn khai-hội diễn-thuyết để kháng-nghị cái lệnh đó và nhân thể bày tỏ sự nguyện-vọng của dân Ấn-độ cho dư-luận biết.

Dân Ấn-độ là một dân có danh-giá trong lịch-sử loài người, đã từng sản ra đạo Ba-la-môn và đạo Phật là hai tôn-giáo rất cao-thâm siêu-tuyệt; hiện nay dân-số 320 triệu người, bằng một phần bảy số người cả toàn-cầu, không phải là không nhiều vậy. Thế mà từ xưa đến nay chỉ phải chịu cái kiếp nô-lệ không biết mấy mươi lần. Tự thế-kỷ thứ 12 đã phải giống Hồi-hồi đến xâm-chiếm, làm vua mãi cho đến thế-kỷ thứ 16; tự bấy giờ lại phải giống Mông-cổ chinh-phục cầm quyền cai-trị cho đến năm 1857. Rồi kế đến người Bồ-đào, người Hòa-lan, người Pháp, người Anh, đến tranh nhau tài-sản của Ấn-độ. Từ năm 1857 thì người Anh chiếm-lĩnh hẳn làm thuộc-địa của mình.

Qua bấy nhiêu lần « dịch-chủ tái-nộ » mà người Ấn-độ vẫn nhẫn-nhục chịu được, có lẽ là bởi khí-hậu viêm-nhiệt, làm cho giảm cái khí-lực cương-cường của người ta đi; cũng bởi cái tôn-giáo tinh mệnh trong dân-gian, khiến cho người ta không chịu nỗ-lực để đối với cái số-phận của mình, cho là mệnh đã định, không sao cưỡng được; lại cũng bởi xã-hội chia ra giai-cấp, hầu như cách-biệt cừu-thù nhau. Tuy vậy cũng đã từng có mấy lần nổi loạn; như năm 1842, dân Ấn-độ giết tới 1 vạn 6 nghìn người Anh ở đường núi *Khaibor*; lại tháng 5 năm 1857, có

loạn gọi là loạn quân *Cipayes*, tướng là NANA SAHIB, cũng dữ-dội lắm, nhưng mà người Anh cũng dẹp được yên.

Từ bấy đến nay, Ấn-độ xem ra cũng cam-tâm chịu người Anh cai-trị; vả người Anh cũng khéo lấy cái bề mặt khoan-dung mà đãi người Ấn-độ, cho được tham-dự vào văn-hóa của mình.

Chợt có việc chiến-tranh, Ấn-độ mới tỉnh-ngộ từ đó. — Năm 1914, nước Anh cần đến thuộc-địa giúp người giúp của, hứa cho Ấn-độ có ngày được khai-phóng. Thủ-tướng Anh LLOYD GEORGE, diễn-thuyết ngày 2 tháng 3 năm 1918, khiến cho người Ấn-độ có cái hi-vọng sẽ được tự-trị độc-lập. — Nhưng chiến-tranh xong thời bao nhiêu những lời hứa đó ra mây ra khói cả. Trong khi chiến-tranh, Chính-phủ Anh có đặt luật riêng để hạn-chế quyền nghị-luận, quyền tập-hợp ở Ấn-độ, tưởng luật đó chiến-tranh xong tất bãi đi, ai ngờ tháng 2 năm 1919 tuyên-bố luật mới vẫn giữ các điều hạn-chế đó.

Bấy giờ lòng công-phẫn của người Ấn-độ nổi lên bời-bời. Một tay chí-sĩ khởi lên phản-đối Anh, tức là ông GANDHI. Cách ông phản-đối là « bất-bạo-động » và « bất-cộng-tác ». Một hồi ông đã có thế-lực lắm, làm cho người Anh phải lo. Nhưng tự khi ông phải tù mới được ra thời tinh-thần có kém trước, thế-lực có sút đi nhiều. Ông đã từng nói rằng: « Tôi không có sức chống lại nữa ». Ở ngục hai năm, người yếu đi nhiều. Lĩnh-tụ đảng quốc-dân ngày nay là ông DAS. Chủ-nghĩa của ông thế nào? Chủ-nghĩa của ông là gồm trong chữ: *swaraj* = tự-trị. Ông đã từng giải cái chương-trình của ông cho một nhà báo nọ như sau này: « Cái hiến-pháp của Ấn-độ sau này, phải là một cuộc liên-hiệp các hàng-tỉnh tự-trị, giữa có một chính-phủ trung-ương, quyền-lực có hạn mà thôi, Chính-phủ trung-ương ấy có quan Tổng-đốc Anh và một nghị-hội nửa người Anh, nửa người Ấn. Có người nói nếu nay để cho người Ấn-độ tự-trị thời tất sinh ra rối-loạn. Nhưng sự rối-loạn đó là cái công-lệ tự-nhiên. Xưa nay nước nào mới tập tự-trị mà không gặp nhiều sự nguy-hiểm khó-khăn? Người Ấn-độ xin cả-quyết chịu sự nguy-hiểm đó; v. v. »Ông DAS có thế-lực nhất ở tỉnh *Bengale*, nhưng đảng ông mỗi ngày một nhiều và một mạnh, kẻ thức-giả đoán rằng Chính-phủ Anh tất sẵn lòng châm-chước với ông DAS, để cho thiếp dân-vọng. Nếu như thế thì tình-hình chính-trị ở Ấn-độ có lẽ cũng khá dần lên được.

Việc Ấn-độ đã như vậy, việc Diến-điện (*Birmanie*) ở cạnh Ấn-độ cũng có điều mới lạ. Diến-điện cũng là thuộc-địa của Anh, mà cách cai-trị có thống-thuộc vào Ấn-độ. Mới rồi Chính-phủ Anh muốn thử xem dân-tình thế nào, có để cho Hội-nghị Lập-pháp (*conseil législatif*) bàn về vấn-đề tự-trị. Đảng quốc-gia (gọi là « đảng hai-mươi-mốt ») đề-xướng xin cho Diến-điện tự-trị, đem ra hội-nghị quyết-nghị thì 31 vé khả-quyết, 23 vé phủ-quyết. Tuy việc quyết-nghị này chưa có kết quả gì, vì là một cách thí-nghiệm mà thôi, nhưng cũng đu có ý-nghĩa rồi. Hiện nay chính-phủ còn họp một hội-đồng ở *Simla* (Ấn-độ) để khảo-sát về hiến-pháp cho Diến-điện; hội-đồng ấy quyết-nghị thế nào, rồi mới sẽ châm-chước thi-hành, chứ việc quyết-nghị của Hội Lập-pháp trên kia chẳng qua là để dò dân-ý mà thôi. Đảng quốc-gia ở Diến-điện cũng có kết-liên với đảng tự-trị ở Ấn-độ.

* *

Việc Phi-luật-tân — Ở Phi-luật-tân cũng như ở Ấn-độ, tình-hình chính-trị gần đây đã khá hơn trước. Nước Mĩ đối với Phi-luật-tân đã cho rất rộng

quyền tự-trị về hành-chính và tài-chính. Về đường chính-trị thì Phi-luật-tân hiện coi là một bộ-phận của nước Mĩ, tức cũng gần như một « liên-bang » vậy, nên cũng được đủ quyền-lợi như các liên-bang Mĩ. Hiện có một Thượng-nghị-viện, Hạ-nghị-viện. Quan-lại thời 95 phần trăm là người bản-xứ, chỉ có 5 phần trăm là người Mĩ mà thôi. Số người có quyền bầu-cử kỳ tổng-tuyển-cử ngày 2 tháng 6 năm 1922 là 850.000 người, đến kỳ 2 tháng 6 năm 1925 này thì được 900.000 người, tức là hơn trước 50.000 người. Cả Hạ-nghị-viện, một nửa Thượng-nghị-viện, cả các quan tổng-đốc và quan cai-trị các hàng tỉnh là chọn trong số 900.000 người có quyền bầu-cử đó cả.

Hiện nay chính-đảng có thế-lực nhất ở Phi-luật-tân là đảng « Bảo-quốc » (*Nacionalista Consolidado*), chiếm đa-số ở hai nghị viện. Đảng đối với đảng này, là đảng « Dân-chủ » (*Democrata*). Kỳ tuyển-cử ngày 2 tháng 6 năm 1925 này là hai đảng ấy tranh nhau đây. Song dù hai đảng ấy ý-kiến, chương-trình có khác nhau, nhưng cũng là không ngoài vòng quốc gia chủ-nghĩa, và cũng là đồng-ý nhau về sự yêu-cầu cho Phi-luật-tân được hoàn-toàn độc-lập.

Về cái chế-độ của Phi-luật-tân sau này thế nào thì báo *Philippine Herald* mới rồi có đăng một tin như sau:

« Nghe đâu ở hội Vạn-quốc *Genève* có người khởi ra cái nghị Phi-luật-tân sẽ thành một xứ ủy-nhiệm (*Pays à mandat*) ở dưới quyền giám-đốc của Hội Vạn-quốc. Nếu lĩnh-tụ các đảng chính-trị ở Phi-luật-tân mà thuận theo về đường ấy, thời cũng là một bước tiến-bộ to cho việc vận động độc-lập ở Phi-luật-tân. Thế là tỏ rằng các tay ấy đã biết sự lợi-ích nên tuyên-truyền cổ-động cho các liệt-cường Âu-châu biết đến nước mình. Xem những lời diễn-thuyết của ông « ủy-viên công-sứ » (*Commissaire résident*) GABALDON, của ông nghị-trưởng QUEZON và OSMEDA hồi ở Mĩ về thời biết ý các ông ấy muốn cho nước ta được hưởng sự lợi-ích của Hội Vạn-quốc mới này. Nhưng mà trước khi các lĩnh-tụ Phi-luật-tân đưa quốc-dân ta vào con đường đó thời phải nên xét xem chính-phủ Mĩ đối với sự đó thế nào.

« Từ khi ta vận-động để yêu-cầu độc-lập, ta đối với nước Mĩ vẫn giữ một thái-độ ôn-hòa thận-trọng, không hề sai cách lễ-độ bao giờ, nước Mĩ cũng từng biết và từng lượng cho ta như thế.

« Nếu lời bàn trên kia mà được nhận y như thế, thời quần-đảo ta tự bấy giờ là thuộc quyền Hội Vạn-quốc, không phải thuộc quyền nước Mĩ nữa. Các việc nội-chính của ta là do một nước khác giám-đốc, không phải nước Mĩ nữa. Nhưng mà quyền-lực của Hội Vạn-quốc ví nhất-dân bị đi nghị hay là cái quyền giám-đốc, — chẳng qua là giám-đốc về tinh-thần mà thôi, — đến ngày hết hạn, thời bấy giờ sẽ xử-trí ra làm sao ? Rút lại thời sự thay đổi chế-độ đó có là một điều hay cho Phi-luật-tân không ? Đó cũng là một vấn-đề nên chú-ý vậy. »

Nói tóm lại thời ở Phi-luật-tân bây giờ, chính đảng nào cũng yêu-cầu sự độc-lập cả, và hoặc có người bàn nên đem Phi-luật-tân làm một xứ ủy-nhiệm thuộc quyền hội Vạn quốc, thời người Phi đối với lời bàn ấy cũng còn hoài-nghi vậy.

. . .

Việc nước Tàu. — Nước Tàu trong khoảng một tháng nay lại mới sinh-xuất ra những việc tầy đình. Các điện-tín hằng ngày thường đầy những tin-tức về cuộc loạn mới ở bên Tàu, loạn đối với người ngoại quốc, thực là một cái phong-trào bài-ngoại rất kịch-liệt. Tuy vậy nhưng tin-tức còn phiền-tạp lắm, chưa rõ cái chân-tướng ra thế nào,

nên chưa thể tự-thuật cho tường được. Hiện nay thời mới biết rằng nhân có bọn học-sinh Tàu vào tô-giới Vạn-quốc ở Thượng-hải để phát giấy phát sách cổ-động cho chủ-nghĩa cộng-sản và chủ-nghĩa quá-khích, vì đó xung-đột với cảnh-binh người Anh người Nhật, cảnh-binh bắn lại, chết mất mấy người học-sinh, thành ra một cái phong-trào phản-đối người ngoại quốc, thứ nhất là người Anh và người Nhật, lan ra khắp các nơi, như Bắc-kinh, Quảng-đông, Hương-cảng, Trùn-khánh, v. v., chỗ nào người Tàu cũng đồng lòng để chế người ngoại-quốc và bãi-công không làm với người ngoại-quốc. Cái phong-trào bài-ngoại này xem ra kịch-liệt vô-cùng, không biết rồi sau kết quả thế nào. Chính-phủ Tàu cũng vô lực, không biết xử trí ra làm sao. Liệt-cường thời đã tập-hợp chiến-thuyền quân đội đem đến đóng ở các nơi phụ-đầu có tô giới ngoại-quốc. Chưa biết việc xoay ra thế nào, nên nghiệm sau này sẽ hay.

Thời-cục nước Tàu (dịch báo Tàu). — Đoàn Kỳ-Thụy thấy Thiện-hậu-hội-nghị chưa xong được công việc gì, mà quốc-dân-hội-nghị cũng chưa thành-lập được, nên lại lập ra Tham-chính-viện. Một là để thu-dung các hội-viên Thiện-hậu-hội-nghị cho bằng lòng mà theo về ý-kiến Chính phủ cả. Hai là lập ra nghị viện ấy chẳng qua phô bày ra cái cách dân trị để làm bung-sung cho Chính-phủ mà thôi. Trong điều-lệ Tham-chính-viện cho có quyền quyết nghị đến cả những việc: tuyên-chiến, giảng-hòa, định-ước và mộ quốc-trái, tăng thuế khóa; cái kỳ-hạn thì hẹn đến bao giờ chính-thức-chánh-phủ thành-lập thì mới bãi viện Tham-chính. Đó là Đoàn muốn lợi-dụng Tham-chính-viện để làm cho dài thêm cái thọ-mệnh lâm-thời-chánh-phủ ra mà thôi.

Hồ Cảnh-Dực. — Hồ Cảnh-Dực khi trước đem quân đến Hà-nam đánh dưới Hàm Ngọc-Côn, chẳng may hôm mồng 10 tháng 4 mới rồi bị bệnh đinh-sang mà chết. Vì Hồ chết mà cái chức kế-nhiệm tỉnh Hà-nam lại sinh ra tranh nhau. Phụng-phái thì muốn để cho Tôn Nhạc 孫岳 đem toàn quân đến Hà-nam để thống nhất cả toàn tỉnh Trực lệ. Quốc dân quân phái thì muốn theo lời di-chúc của Hồ mà để cho Nhạc Duy-Tuấn 岳維峻 giữ Hà nam để mở mang thế-lực về phía tây-bắc. Đoàn Kỳ-Thụy thì cho cả Tôn Nhạc và Nhạc Duy-Tuấn cùng chia giữ quân-chính dân-chính tỉnh Hà-nam, mà nhân dịp cho Lưu Trấn-Hoa trở về Thiểm-tây, để cho yên mặt Thiểm, Tấn đi. Nhưng chủ-ý phái quốc-dân-quân thì không muốn để cho Tôn Nhạc lưu ở Hà nam nữa. Ấy một chức Đốc-quân chết mà sinh ra ba phái tranh dành nhau chực muốn chiếm giữ lấy phần địa-bàn cho mình, thế thì nước Tàu không thực-hành cái nghị « phế-Đốc » đi thì không bao giờ yên được.

Mấy lời bàn về việc phế-đốc tài-binh. — Cứ như pháp luật văn-minh thì phái quân-nhân không được dự vào chính-trị. Nhưng cái tình-hình nước Tàu bây giờ thì phái quân-nhân với phái chính-trị, hình như là một vậy, nhân dân nước Tàu bấy lâu đã khổ về các Đốc-quân và binh-lính, vẫn có ý mong thực hành cái nghị «phế Đốc tài-binh». Lư Vĩnh-Tường vì cái nguyên-nhân về đường chính-trị mà xin phế-Đốc; bọn quân-nhân ở An huy cũng vì phản-đối việc giảm-binh mà xin phế-Đốc, nhưng mới rồi Tôn Truyền-Phương và Tiêu Diệu-Nam hai người lại bàn không nên phế-Đốc tài-binh. Ý Tôn bảo rằng các Đốc-quân với binh-lính có làm hại gì cho nước, nay chỉ đem các Đốc-biện và các sư, lữ, đoàn trưởng-quan thay đổi đi luôn, cứ 3 năm một lần đổi tỉnh này sang tỉnh khác, quân lính không phải là thuộc riêng về các sư, lữ, đoàn-

trưởng nữa, thì tài nào sinh ra họa-loạn được. Còn như quân-lính thì chuyên do bộ Lục-quân xét định lập ra binh-ngạch các tỉnh, và kiểm-xét các đồ khí-giới, phái các quân quan đem phân ra đóng các tỉnh, mà kiểm-xét cho nghiêm-mật, như thế thì binh bất-tất phải tài-giảm mà cũng không sinh ra họa-loạn gì cả. Ý Tiêu Diệu-Nam thì bảo rằng Đốc-binh có tội gì đâu, chỉ vì làm việt-pháp mới nên tội, nay lập ra hiến-pháp cho nghiêm, thì bất-tất phải phế-Đốc nữa; lại lập ra hiến-pháp giảm bớt binhngạch, như thế thì binh phải theo Đốc mà không có sự hành-động gì làm trái hiến-pháp cả, hà-tất phải nói đến tài-binh. Nhưng xét ra trong phái quân-nhân mà biết tỉnh-ngộ, phục-tòng hiến-pháp theo như cái thuyết của Tôn, Lưu hai người thì ít có lắm, mà các Đốc-quân cũng có nhiều kẻ thường tuyên-ngôn phế-Đốc, nhưng vẫn thấy ủng-binh tự-vệ, nào đã mấy kẻ chịu bỏ cái quyền-lợi đi đâu, thế thì cái nghị phế-Đốc cũng khó thực-hành được.

Thiện-hậu-hội-nghị. — Từ khi Thiện-hậu hội-nghị dài thêm kỳ-hạn ra được hơn 2 tháng phí-tổn hết một trăm và mười vạn bạc, mà chỉ giải-quyết được một vài cái vấn-đề như là lấy quốc-dân đại-biểu cho hội-nghị, và vấn-đề quân-sự, tài-chính thì giao cho ủy-hội-viện xét định. Còn những vấn-đề liên-tỉnh tự-trị và tổ-chức lại cái chế độ lâm-thời chính-phủ thì đều gạt bỏ đi cả. Thế là kết-quả qua-loa xong việc, nay đã giải-tán hội-nghị đi rồi. Còn như quốc-dân hội-nghị thì chưa biết đến ngày nào mới triệu-tập được.

Liên-bang-tự-trị. — Nước Tàu nay có một phái cổ-động về cái chính-sách liên-tỉnh-tự-trị, nhưng tựu-trung có phái tán-thành, cũng có phái phản-đối. 1) Phụng-phái và chính-phủ đều là phái có thực-quyền, muốn lấy võ-lực thống-nhất theo cái chủ-nghĩa trung-ương tập-quyền, thì phản-đối chính-sách liên-trị. 2) Phái quốc-dân-quân vì còn phải luyện-tập quân đội, chưa được chỗ căn-cứ vững-vàng, nên cái chính-sách liên-trị cũng không tán-thành chi lắm. 3) Phái dân-đảng tự Tôn Văn mất đi rồi, thì ý-kiến mỗi người một khác không đồng-nhất với nhau. Hồ Hán-Dân, Uông Tinh-Vệ thì giữ theo lời di-chúc của Tôn Văn, thế-tất phải giữ lấy đất Quảng-châu làm nơi căn-cứ, làm cho rộng thêm cái thế-lực dân-đảng ra, cái chủ-nghĩa khác hẳn với chủ-nghĩa liên-trị, nên cũng không tán-thành. 4) chính phái Tây Nam liên-trị đứng đầu là Đường Kế-Nghiêu. Đường mới rồi mượn cái tiếng phó-nguyên-súy để chống lại với Hồ Hán-Dân ở Quảng-châu, lại lợi-dụng được một bọn dân-đảng đồng-ý với mình, mới rồi vào Bắc-kinh cổ-động cái chủ-nghĩa liên-bang tự trị, tức như Trử Ph -Thành 褚輔成, Chang Tài-Hoằng 張才宏, hai người xướng-nghị ở hội-đồng Thiện-hậu thì biết. Lại còn Đường Thiệu-Nghi 唐紹儀, Chương Thái-Viêm 章太炎 cũng bày đặt giúp thêm cho mưu-kế nữa. Hùng Hi-Linh 熊希齡, Lương Sĩ Di 梁士詒 là phái chính trị cũ mà có thế-lực cũng truyền-bá giúp đỡ, thế cho nên cái thanh liên-bang tự-trị có phần ngày thêm bành-trướng mãi ra.

Trực-lệ — Trực Đốc Lý Cảnh-Lâm 李景林 sai tịch-ký lấy tài-sản của bọn tám người là Trương Chí-Đàm, 張志譚, Lưu Mộng-Canh 劉夢庚, Lục Cẩm 陸錦, Ngô Dục-Lân 吳毓麟, Vương Dục-Chi 王毓芝, Vương Thừa-Mân 王承斌, Triệu Ngọc-Kha 趙玉珂, Cao Lăng-Uất 高凌霨, là bọn Trực-phái, khi trước ăn hối-lộ vào đảng với Tào Côn. Nhưng bọn tám người ấy đã đem tài-sản chạy ra các tô-giới nhờ thế-lực người ngoài bảo-hộ. Chỉ còn một phần nhà-cửa đất-cát ở Thiên-tân, mà

còn tịch ký đáng giá được đến ba bốn trăm vạn.

Vân-nam. — Phủ Đại lý Vân-nam về hồi 16 tháng 3 và đầu tháng 4 có tin động đất hai lần, nhà cửa đổ đè chết mất hơn 1 vạn người, bị chết cháy, chết đói đến vài nghìn người, của-cải tổn-hại đến hàng mấy nghìn vạn, thực là một cái thiên-tai dữ-dội. Mới rồi báo *Thái-ngộ-si* ở Thượng-hải lại có tin rằng: ở Qui-châu hơn 60 huyện nhân-dân bị đói kém, chết đến hàng nghìn hàng vạn người. Nhân-dân nước Tàu mấy năm nay đã bị cái vạ binh-quo, nay lại phải cái thiên-tai cơ-hoang như thế thì rất là cực-khổ!

Việc trong nước

Điều-ước Pháp Xiêm. — Phái-bộ Xiêm sang Đông-Pháp. — Nước Pháp với nước Xiêm vừa mới ký điều-ước thông-thương giao-hiếu với nhau ngày 14 tháng 2 năm 1925, điều-ước ấy sẽ đệ ra Nghị-viện Pháp duyệt-y sau này.

Điều-ước có 29 điều và mấy thiên phụ-ước, một thiên nói riêng về việc Đông-Pháp với nước Xiêm. Thiên này lại chia ra mấy khoản như sau: 1°) Chế-độ thuộc về người Xiêm ở Đông-Pháp; 2°) Sự giao-thông trên sông Cửu-long, và chế-độ thuộc về sông này, trừ những điều đã định trong khoản thứ 1 điều-ước ngày 3 tháng 10 năm 1893 không kể; 3°) Tổ-chức một «Pháp Xiêm thường-trực Cao-đẳng ủy-viên hội» để xét các việc thuộc về sông Cửu-long; 4°) Định thể-lệ thông-thương và giá-ngạch quan-thuế theo như khoản thứ 15 trong điều-ước. — Lại một thiên phụ-ước thứ nhì thời nói về chế-độ thuộc về người dân Pháp và thuộc-dân Pháp ở Xiêm. Khoản thứ nhất trong phụ-ước này nói rằng: «Từ nay cho đến ngày các tân-luật nước Xiêm bắt đầu thi-hành, là Dân-luật, Thương-luật, Hình-luật, Dân-sự tố-tụng-luật, Hình-sự tố-tụng luật, Pháp-viện-biên-chế luật, thời phạm người dân Pháp ở Xiêm là thuộc quyền thẩm-phán những tòa-án riêng gọi là «quốc-tế pháp-viện» (*cours internationales*). — Kể từ khi các tân-luật ấy thi-hành rồi thời thuộc quyền thẩm-phán các tòa-án thường của nước Xiêm, trừ trong hạn 5 năm các lãnh-sự Pháp được quyền kháng-cáo các án ấy theo như điều thứ 5 trong phụ-ước».

Riêng về việc Đông-Pháp thì còn nhiều điều tiểu-tiết và thể-thức thi-hành cần phải trực-tiếp thương-thuyết với Chính-phủ Đông-Pháp đây. Bởi thế nên nước Xiêm mới sai một phái-bộ sang đây để thương-thuyết với phủ Toàn-quyền. Hiện phái-bộ đã tới Hà-nội rồi. Phái-bộ có mấy vị thân-vương và mấy bậc quan to Xiêm, lại có một người Pháp là ông René Guyon, luật-khoa-tiến-sĩ, làm quan cố-vấn pháp-luật cho Chính-phủ Xiêm. Phái-bộ này sẽ cùng với các quan phủ Toàn-quyền khảo-định thứ nhất về địa-giới Đông-Pháp với Xiêm và sự giao-thông trên sông Cửu-long (*Mékong*). Hai bên đính-định xong, sẽ đệ-trình Chính-phủ Đại-Pháp duyệt-y.

. . .

Hội ủy-viên Đông-Pháp ở *Paris*. — Những nhà buôn-bán công-nghệ, đồn-điền Pháp to cùng những công-ti lớn có lợi-quyền to ở Đông-Pháp, có lập lên ở *Paris* đã hơn 20 năm nay, một hội để bênh-vực cho quyền-lợi mình ở *Paris*, gọi là «Đông-Pháp Nông

Công Thương Ủy-viên Hội » (*Comité du commerce, de l'industrie et de l'agriculture de l'Indochine*). Hội này tuy là hội riêng mà thế-lực mạnh lắm; phàm việc gì quan-hệ đến Đông-Pháp cũng can-thiệp vào, nên thường nghe thấy nói khi thì tán-thành việc nọ, khi thì kháng-nghị việc kia, bộ Thuộc-địa nhiều khi cũng phải gián-tiếp chịu ảnh-hưởng. Một hội Tây buôn mà có quyền như thế, quốc-dân ta cũng phải nên chú-ý xem-xét vậy.—Hội này lập ra năm 1903, ông OGLIASTRO làm chủ; hiện nay hội-viên có 130 người, đại-biểu cho các hội nông công thương, tư-bản tổng-cộng có tới 3 ngàn triệu (3 *milliards*). Trong khi chiến-tranh Hội này yêu-cầu với Chính-phủ phải trợ-cấp cho các chủ đồn-điền cao-su và các hãng tàu buôn. Hiện nay các chân trị-sự Hội thời có : Danh-dự Hội-trưởng : ERNEST OUTREY, nghị-viên Nam-kỳ ; Hội-trưởng: LÉONARD FONTAINE, quản-lý Công-ti Rượu; trị-sự : SIMONI, VIGNE, LAUNAY, FREYNET, MARQUÉ, SAMBÚC, DE BARTHELEMY, DELIGNON, DENIS, DUPRÉ, GETTEN, JACQUE, DE LANSALUT, ZIÉGEL, toàn là những tay đại-biểu các công-ti lớn ở bên này cả. — Nói tóm lại là một đoàn-thể rất có thế-lực, và có mật thiết quan-hệ đến mọi đường kinh-tế chính-trị ở bên ta.

. .

« **Bố-y Hội** ». — Bản-chí tiếp được bài lai-cảo sau này của cụ Lương Ôn-như bàn về sự tiết-kiệm trong xã-hội ta và xướng ra một hội đặt tên là « Bố-y-hội » để cổ-động sự tiết-kiệm trong cách ăn-mặc ; ý-kiến hay, bản-chí vui lòng đăng như sau này :

— « Cổ-nhân có nói : « *Thực túc chi vi, bố bạch chi văn.* » nghĩa là : vị ăn thời có đậu thóc, vẻ mặc thời có vải lụa. Dân-sinh nhật-dụng không có một ngày nào thiếu được, cho nên sự cầy sự dệt đều là « thiên-hạ đại-bản » vậy. Tựu-trung vải với lụa đều là đồ cần-dùng mà vải dùng nhiều, lụa dùng ít, bởi vì nhà giàu thời mới dùng lụa, nhà nghèo thời thường dùng vải, thiên-hạ nhà giàu một phần mà nhà nghèo đến chín phần, tính xem dùng vải so với dùng lụa bội hơn nhiều lắm. Và những người đạt-nhân cũng thường nói : « *Bố-y chi giao, bố-y chi cực* », thế thời áo vải có phải là đồ rẻ-rúng hèn-hạ gì đâu. Nước ta khi xưa vải Canh, vải Kẻ, vải Bùi, vải Hồng, là vải tốt, cả xứ thường dùng, tiêu-thụ cũng rộng ; từ khi có vải Tây thâu-nhập, dệt làm bằng máy, tinh-khiết trắng-trẻo mà giá cũng không đắt, người nước ta đã có tính sùng-bái ngoại-nhân, hiếu-dụng ngoại-hóa, mà vải tây lại của tốt mà phải giá, nên người ta trừ-ngoại những nơi thôn-quê, còn các người phong-lưu với các thành-phố đều chán vải ta mà dùng vải tây, ưu-thắng liệt-bại, đó là thường-lệ, cũng không nên trách chi. Chỉ nghĩ rằng của mình xấu mà không lo làm tốt, để cho phải mua ngoại-hóa, mua ngoại-hóa bao nhiêu thời tiền-của ngoại-dật bấy nhiêu, quốc-dân sở-dĩ bần-nhược, nguyên-nhân dẫu nhiều, mà một sự dùng vải, này thực là cái sự quan-trọng lớn lắm vậy.

« Than ôi ! cả nước dùng vải mà cả nước chưa có một xưởng nào dùng máy dệt vải, cả nước chưa có một người nào biết làm máy dệt vải; chẳng là nên thẹn, nên tiếc, nên sợ, nên lo lắm ru ?

« Bây giờ có các hội lớn như hội Khai-trí, như hội Công-thương, tổ-chức đoàn-thể cả nước, thế-lực to-tát, có thể làm được việc to-tát, phỏng như tuyển trong học-sinh trung-học trở lên lấy vài mươi người xem người nào có tư-tưởng quốc-gia

xã-hội mà không tự-tư tự-lợi, bắt làm tờ cam-đoan, hễ đi học thành nghệ rồi về phải làm việc cho trong hội mấy năm, tuyển được người rồi, trình với Chính-phủ giúp cho học-phí, nhất là giúp cả càng hay, có thiếu thời trong hội trù thêm, cho sang Pháp, sang Nhật, sang Mĩ mà học máy dệt vải, tốt-nghiệp về rồi, trong hội tổ-chức một công-ti dệt vải, hợp cổ-phần, nghĩ chương-trình mua máy lập xưởng, lại trình với Chính-phủ vay thêm các nhà tư-bản người ngoại-quốc lấy mấy triệu nữa, giao cho các học-sinh tốt-nghiệp ấy quản-lý, mà trong hội đặt hội-đồng giám-sát, thực-tâm thực-sự làm cho được có thành-hiệu, lại khuyên-hóa cả nước đều dùng, để cho ngày càng tiêu-thụ rộng ra, cũng như lò đúc bát ở Thanh-trì, trước đã sắp tan, sau lại cố sức sửa-sang, bây giờ hiện đã thành-công, tiêu-thụ cũng khá, thế thời việc gì là chẳng làm được, chỉ sợ không đồng-tâm hết sức mà thôi... »

. . .

Cổ-học-viện ở Huế. — Vấn-đề chấn-hưng cổ-học là một vấn-đề quan-hệ đến văn-hóa nước nhà. Nhưng ngày nay tân-học còn khiếm-khuyết, đã nói đến bảo-tồn cổ-học, tựa-hồ như một lời bàn không thiết-thực. Song nếu cả trong nước không bảo-tồn được, thì một chốn kinh-đô cũng cần phải bảo-tồn lấy. Nay thấy báo *Trung-Bắc* nói về sự tổ-chức « Cổ-học-viện » ở Huế, cũng là một tin hay cho học-giới, vậy lục-đăng như sau này :

« Nước ta gọi là một nước văn-hiến, có văn-chương, có lễ-nhạc, đã từ mấy nghìn năm nay, đến bây giờ tuy đang buổi văn-minh bán-khai, quốc-dân phần nhiều khuynh-hướng theo phong-trào Âu-Mĩ, trong học-thuật có sự canh-cải mà quốc-triều lại tân-thiết một bộ Học để xem xét về việc giáo-hóa, lại có thiết thêm Thư-viện để bảo-tồn quốc-hồn quốc-túy, các nhà văn-sĩ nào là mẫn-thời thức-thế đều hô-hào, về sự học-thuật phong-hóa thì muốn cho được vĩnh-viễn bảo-tồn mà học-thức văn-minh lại càng muốn thêm mở-mang phát-đạt. Vậy thì Thư-viện sở-dĩ đặt ra tại Kinh-đô Huế là cốt để đối-đáp lòng quốc-dân hết thảy đều đã kể trên có cái quan-niệm rất thiết-thực ; thế mà lâu nay đã ai được trông thấy sự sắp-đặt cùng sự tu-chỉnh sở Thư-viện ra thế nào và đã mấy người được hiểu-rõ cái lịch-sử của viện ấy trước gọi là Tân-thư-viện nay gọi là Cổ-học-viện

Vậy ký-giả hãy lược-thuật ra đây để cung độc-giả chư-tôn nhân-lãm cho biết Cổ-học-viện ngày nay và Tân-thư-viện ngày trước là thế nào.

Năm đầu niên-hiệu Duy-tân (1906) giỡ điện Long-an đem về làm Tân thư-viện ở bên cạnh trường Quốc-tử-giám trong cửa Thượng-tứ (trong thành); năm thứ hai giao bộ Học đem sách trong Nội-các bài-trí tại viện ấy cho công-chúng đều được vào xem ; khi ấy cách bài-trí sách sổ thì chỉ để nằm trong tủ chưa chia số-hiệu, mà sổ sách thì mấy vạn quyển đem chồng chất lại ước độ 30 tủ, muốn tìm một quyển sách nào mà xem, thật lấy làm khốn-nạn. Sau nhờ có một vị sung chức Kiểm-khán cũng có bụng chăm lo việc công, lược phân-hiệu từng bộ sách mà làm nhan sách, từ ấy sách mới có số-hiệu từng bộ và hơi chỉnh-đốn một ít ; ông quan có công với Thư-viện đầu tiên ấy là ai ? tức là ông Nguyễn Tánh-Ngũ, nay ông đã tạ-thế rồi. Nghe người ta nói rằng khi ông sung chức ở Thư-viện, một mình ông ngày hai buổi cởi trần ra mà soạn sách, và làm sổ sách ước trong mấy năm mới xong, những người siêng-năng như

thế, tuy công việc làm có chất-phác mặc dầu, tưởng cũng đáng khen-ngợi ; sau ông Kiểm-khán siêng-năng ấy qua mấy đời Kiểm-khán nữa cũng y quang-cảnh hồi trước.

Đến khi cụ Hiệp-tá Thân Trọng-Huề về lãnh chức bộ Học, đổi sở Phiên-dịch trong bộ Học ra làm Cổ-học-viện, để nghiên-cứu các học-thuật cổ của nước ta, rồi sau cụ lại dâng sớ xin hợp Tân-thư-viện với Cổ-học-viện làm một, lấy quan-chức trong sở Phiên-dịch và Tân-thư-viện hợp lại mà tổ-chức ra quan-chế Cổ-học-viện, thành ra quan-chức mới của viện cổ-học, sáu quan Biên-tu, một viên Thư-chưởng và bốn viên Thừa-phái, còn đầu viện có đặt một quan Toản-tu (nguyên sung tá-lý Học-bộ là ông Nguyễn Bá-Trác) để trông nom coi-sóc mọi việc trong viện. Viện ấy chia làm hai bộ-phận . một phần thời chỉnh-đốn sách-vở ; một phần thời khảo-cứu cổ-học. Về phần khảo-cứu thì nghe đâu mới khảo-cứu được ba bộ sách, một bộ gọi là Nhân-vật-khảo, chia ra từng họ, khảo những tên người có xuất-hiện trong sử truyện từ triều Tự-đức trở về trước, một bộ gọi là Hình-luật-khảo, khảo về hình-quan, hình-danh và hình-luật của nước ta xưa nay duyên-cách ra thế nào ; một bộ gọi là Hán-văn văn-học-khảo, khảo về người nước mình học chữ nho từ xưa đến nay, cách học thế nào và đã xuất-hiện ra lối văn-chương chi. Ba bộ sách ấy nghe đã đem dâng ngự-lãm, Hoàng-thượng ban khen rằng có công khảo-cứu, chuẩn cho ấn-hành. Quan Toản-tu viện ấy nghe đâu cũng có làm riêng một bộ Niên-biểu-lược, biên những việc to-lớn trong nước và thế-giới ước hơn 40 trương, đem dâng ngự-lãm, được Hoàng-thượng ban khen, hiện nay đã sắp sửa ấn-hành.

Về bộ-phận sách-vở, thời cách sắp-đặt rất là chỉnh-đốn, không khác gì một nhà Thư-viện Thái-Tây. Ngày xưa sách chưa phân số-hiệu từng quyển, vì lối đóng sách ta, sách để nằm trong tủ, soạn-cứu rất là khốn-nạn.

Nhưng viện ấy bây giờ đã qua khỏi sự khốn-nạn ấy, tuy rằng sách ta nhưng họ đóng theo lối sách tây để dựng trong tủ và bìa sách có đề nhan và đề số hiệu riêng từng quyển, mà đề nhan sách bằng chữ nho, trông rất là ngoạn-mục. Chia ra từng phòng, phòng để sách ta, bìa sách đóng toàn dương-trang, phòng để sách tàu chia làm bốn phòng : kinh, sử, tử, và tập, cũng đóng như cách dương-trang sơ-lược theo như cách-thức môn-loại sách trong bộ Tứ-khố-toàn-thư của đời Càn-long mà bố-trí lại, còn mấy tủ sách Tây toàn là những sách đức Duy-tân mua về để viện Khâm-văn khi trước. Về phần sách ta thì nghe đâu đầu năm vừa rồi viện Cổ-học mua thêm và biên chép thêm rất nhiều, một năm ngoái khuếch-trương ra ước được 3 trăm bộ sách ta, mà phần nhiều là sách chữ nôm và tuồng hát. Tổng-cộng sách cũ và sách mới trong viện ấy ước có 50 tủ sách, mà số sách thời ước hơn 60 ngàn quyển ; có một điều đáng khen cái nội-dung của các bản thủ sách mới làm ra bây giờ, là ai muốn xem sách thì chỉ coi trong thủ sách thì biết được sách ấy ai làm, trong nói việc gì, làm ra đời nào và văn-thể là văn gì, như thi-phú luận-thuyết hay là ký-sự, vân-vân.

Các thủ cách ấy làm xong dâng lên Hoàng-thượng cũng có châu-phê là có công.

Viện Cổ-học vẫn để sách ở nhà Tân-thư-viện, nhưng vì gần đây hội Hiếu-cổ ở Huế lập lên, thấy cái nhà Tân-thư-viện có vẻ mĩ-thuật về lối cổ, xin để làm Tàng-cổ-viện mà đặt tên là Khải-định tàng-cổ-viện, phụng Hoàng-thượng chuẩn-y, Cổ-học-viện lại được phụng-

chỉ dời ra trảng Uyên-bác ở ngoài thành. Chỗ này tuy là nhà cửa lối mới, nhưng mà để làm viện Cổ-học thì tiện hơn trước lắm, vì có chỗ để sách, có chỗ làm việc và có phòng xem sách rất rộng-rãi.

(Trung-Bắc Tân-Văn)

. . .

Giới-thiệu sách mới. — E. VAYRAC Le Parfum des Humanités (*Sử-ký Thanh-hoa*). *Avec traduction annamite de Nguyễn Văn-Vĩnh.* — *Hanoi*, 1925. *Edition du* Trung-Bắc-Tân-Văn ; XXII-560 *pages.* (*Collection des* Lectures tonkinoises, *publiée sous les auspices de M. le Résident Supérieur Monguillot*) *Prix* : 2 *piastres*

Cổ-học Hi-lạp La-mã là cái nguồn của văn-hóa Tây-phương và thứ nhất là nước Pháp. Bọn ta muốn biết văn-hóa nước Pháp cho đến nơi đến chốn, không thể không biết đến cổ-học Hi-lạp La-mã. Nhưng mấy người thuộc cổ-văn Hi-La mà đọc được các sách cổ của Tây-phương. Vả lại thiên-kinh vạn-quyển, phi chuyên-trị cổ-văn một cách thâm-thúy thời cũng khó biết đường nào mà dò. Vậy vẫn ước-ao giá có được một quyển trích-dịch ra chữ Pháp những đoạn hay trong các sách cổ La-Hi mà lại chọn-lọc khéo cho thích-hợp với tư-tưởng và trình-độ người Việt-Nam mình, khiến cho dễ đọc, dễ hiểu, dễ cảm được cái tinh-hoa của văn-hóa Tây-phương, thì hay biết đường nào. Sách ấy quan cai-trị VAYRAC *là một tay văn-sĩ Pháp thâm-thúy và lọc-lõi ở đây, mới làm quà cho chúng ta. Sách đề là* Le Parfum des Humanités, *ông Nguyễn Văn-Vĩnh, chủ báo* Trung-Bắc *dịch ra quốc-ngữ. Như vậy! thời từ nay, không những các người biết chữ Pháp có thể thưởng-thức một tập văn-chương khoái-trá, ý cổ mà lời tân, nghĩa xưa mà giọng mới, mà những người chỉ biết quốc-ngữ thôi cũng có thể nhờ đó mà thiệp-liệp được cái văn-hóa cổ của Tây-phương. Qui-hóa thay!*

. . .

— Tái-sinh duyên diễn nghĩa. — Tú-tài NGUYỄN THÚC-KHIÊM soạn. BÙI THIỆU-CẦN đứng in. Sách vận-văn, thể lục-bát dầy 145 trang. Bán tại Tân-dân Thư-cục ở Hanoi và Văn-bình Thư-điếm ở Thái-Bình. — Giá 4 hào rưỡi.

. . .

— Chinh-phụ dạ tình ngâm-khúc. — Trúc-khê NGÔ VĂN-TRIỆN soạn. In tại Thực-nghiệp Ấn-quán, Hanoi.